

PHÁT KHỞI BỒ TÁT THÙ THẮNG CHÍ NHẠO

KINH LƯỢC GIẢNG

(Nguyên văn: Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh Giảng Ký)

Chủ giảng: Hoà Thượng Thích Tịnh Không

Cư Sĩ Truyền Tịnh *Chỉnh Lý*

Chuyển Ngữ: Bửu Quang Tự đệ tử Như Hoà

I. GIẢNG KINH DUYÊN KHỞI

Chư vị đại đức đồng tu! Ngày hôm nay nhân duyên thù thắng phi thường: Nghi thức xuất gia của nhà Phật đều cử hành vào giờ Ngọ. Sau khi nghi thức hoàn tất, theo thông lệ là cúng Phật. Nghi thức chúng ta cử hành hôm nay vào thời khắc này có ý nghĩa chẳng kém tầm thường, thật sự có quan hệ mật thiết phi thường với bản kinh này. Đức Thế Tôn đã giảng cho chúng ta một bộ kinh, nói theo ngôn ngữ hiện đại, là từ ba ngàn năm trước Ngài đã biết trước thời hiện tại, hàng tại gia, xuất gia dù tu học theo một pháp môn nào: Hiền giáo, Mật giáo, Tông môn, Giáo hạ, cho đến Tịnh Độ đều chẳng thể thành tựu.

Nguyên nhân rốt cuộc là do đâu?

Đức Di Lặc Bồ Tát từ bi phi thường, thay mặt chúng ta khai thính, mong Thế Tôn vì chúng ta chỉ dạy tường tận. Nếu như chúng ta thật sự có thể y chiếu theo lời răn dạy trong kinh này, chú tâm thể hội, phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới, quay đầu về bờ, được như thế thì pháp mình tu, hạnh mình hành trong một đời quyết định được thành tựu. Đây chính là nhân duyên giảng kinh lần này của chúng tôi. Do thời gian hữu hạn, nên trong lần này, chúng tôi chỉ chọn lấy những điểm trọng yếu trong kinh văn để giới thiệu, xem nhiều lần sẽ hiểu được, còn như những danh từ, thuật ngữ thường được giảng tại giảng đường, chúng tôi đều tinh lược cả.

II. BẢO TÍCH - PHÁP BẢO TÍCH TẬP

Trước khi giảng kinh, trước hết sẽ giới thiệu đơn giản về bộ kinh này. Bản kinh này là một hội trong kinh Đại Bảo Tích; vì thế, trước hết, tôi sẽ giới thiệu sơ lược kinh Đại Bảo Tích.

Ngẫu Ích đại sư nói: “*Bắt đầu từ Hoa Nghiêm, kết thúc tại Đại Niết Bàn*”. Câu nói này bao quát toàn bộ bốn mươi chín năm giảng kinh thuyết pháp của đức Thích Ca Mâu Ni Phật. “*Hết thầy pháp tạng Bồ Tát đều gọi là Phương Đăng*”. Thế nên phạm vi của Phương Đăng rộng phi thường.

“Phương” là phương tiện. Trong nhà Phật thường nói: “*Từ bi là gốc, phương tiện là cửa*”. Hết thầy kinh pháp đức Phật nói đều là pháp phương tiện, chứ chân thật thuyết pháp chẳng thể nói ra. Luận về chân thật, thường nói: “*Ngôn ngữ đạo đoạn, tâm hành xứ diệt*”. Bởi thế pháp gì nói ra được đều là pháp phương tiện cả.

“Đăng” là bình đăng, ý nghĩa giống với chữ “Bình Đăng Giác” trong đề mục kinh Vô Lượng Thọ. Sở dĩ Phương Đăng đại biểu toàn bộ Phật pháp là vì xưa kia, Tổ Sư đại đức đem giáo pháp cả một đời của đức Thế Tôn chia thành năm thời kỳ. Phương Đăng thuộc thời kỳ thứ ba, điều này có ý nghĩa đặc biệt.

“*Nay trong pháp Đại Thừa, chọn riêng những pháp thích hợp với đại cơ gọi là Hoa Nghiêm bộ*”. Vì thế, đối tượng của kinh Hoa Nghiêm là người căn tánh thượng thượng thừa, bốn mươi một địa vị Pháp Thân Đại Sĩ nói trong kinh đó chính là đương cơ của Hoa Nghiêm. Còn thì “*dung thông Không - Hữu*”, Không - Hữu bất nhị, tánh tướng như một, những pháp nói như thế thuộc về Bát Nhã bộ. Ấy là do trí tuệ chân thật mới có thể thấu rõ chân tướng sự thật. “*Khai Quyền hiển Tích*” là Pháp Hoa. “*Hiện diệt bản Thường, gọi là Niết Bàn bộ*”. Duyên

giáo hóa của Phật Thích Ca Mâu Ni đã hết, thị hiện nhập Niết Bàn, di giáo tối hậu cảnh tỉnh chúng ta tu học phải hạ thủ chỗ nào. Những lời răn dạy ấy xếp vào bộ Niết Bàn. Đó là bốn giai đoạn của pháp Đại Thừa.

“*Kỳ dư, dù Hiền hay Mật, hoặc đối Tiểu hiển Đại*” (trái với Tiểu Thừa gọi là Đại Thừa) “*hoặc dạy khắp nhân quả, sự lý, hạnh vị, trí đoạn của chư Phật, Bồ Tát*” (Hạnh là tu hành, Vị là quả vị chứng đắc. Ví như năm mươi một địa vị Bồ Tát: Thập Tín, Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng... đều thuộc vào Vị. “Trí đoạn”: Trí là trí huệ, Đoạn là đoạn phiền não, đoạn vô minh. Nói đến đoạn phiền não thì nhất định phải khai trí huệ; Định chỉ có công năng khuất phục phiền não, chẳng thể đoạn nổi phiền não) “*đầy đều là bộ Phương Đẳng*” (do đó, có thể biết là nội dung của Phương Đẳng rộng lớn phi thường), “*chẳng giống như lời ngoa truyền trong đời, nói [thời Phương Đẳng] chỉ gồm tám năm*”. Đây là lời giảng thông thường về năm thời thuyết giáo, ý nghĩa hạn hẹp phi thường.

Chữ Phương Đẳng được giảng ở đây so ra chẳng giống với ý nghĩa được giảng trong tông Thiên Thai, [tôi giảng] chữ “Phương Đẳng” này bao quát hết thầy kinh giáo đức Thế Tôn đã nói trong bốn mươi chín năm. Nhân vì kinh Đại Bảo Tích thuộc bộ Phương Đẳng nên trước hết, tôi giới thiệu sơ lược qua ý nghĩa của Phương Đẳng.

Kinh Đại Bảo Tích có bốn mươi chín hội, gồm bảy mươi bảy phẩm. Mỗi một hội là một bộ kinh. Do đó có thể biết là bộ kinh Đại Bảo Tích này giống hệt như tụ tập các kinh tạo thành một bản hợp tuyển vậy. Nội dung kinh rất phong phú, người phiên dịch bộ kinh này cũng chẳng phải là một người, mà do nhiều người phiên dịch. Vì thế, các sư có vị phiên dịch một hội, cũng có vị phiên dịch hai hội, ba hội. Trước đời Đường, chưa có ai tập hợp các kinh này lại, nên chúng được lưu hành từng bộ riêng rẽ. Kinh Vô Lượng Thọ của Tịnh tông chúng ta cũng nằm trong kinh Đại Bảo Tích, bản được phiên dịch vào thời Đường là hội thứ năm của kinh Đại Bảo Tích [mang tên] “Vô Lượng Thọ Hội”.

Ngài Bồ Đề Lưu Chí đến Trung Quốc vào thời Võ Tắc Thiên nhà Đường. Ngài thấy đại bộ phận kinh Đại Bảo Tích gần như đã được phiên dịch ra nhưng chưa hoàn chỉnh. Vì thế, một lần nữa Ngài lại đem những chỗ người khác chú thích nhưng chưa phiên dịch, dịch toàn bộ ra, cho nên Ngài dịch được ba mươi sáu hội, gồm ba mươi chín quyển. Sau đó, đem các bản dịch của những vị pháp sư khác (gồm hai mươi ba hội, tám mươi một quyển) gộp vào gạn lọc, tạo thành một bộ kinh Đại Bảo Tích hoàn chỉnh. Tổng cộng bốn mươi chín hội, một trăm hai mươi quyển, hiện tại chúng ta có thể xem trong Đại Tạng Kinh, hình như ở Đài Loan kinh này cũng có bản lưu hành riêng. Đây là toàn bộ kinh Đại Bảo Tích.

* Vì sao gọi là Bảo Tích?

Có cách giải thích như sau:

“*Pháp bảo tích tập. Là pháp Đại Thừa thâm diệu nên gọi là Bảo*”. Bốn mươi hội trong kinh này là bốn mươi chín bộ kinh, mỗi một bộ đều thâm diệu chẳng thể nghĩ bàn, vì thế sánh ví với “Bảo”. “*Vô lượng pháp môn gồm thấu trong đây*” cho nên gọi là “Tích”, Tích nghĩa là tụ tập. “*Bảo Tích Kinh Luận quyển một chép:*”. Bảo Tích Kinh Luận là sách chú giải kinh này, nhưng không còn toàn vẹn, chỉ có bốn quyển, ai chú giải cũng không biết, đã thất truyền, nhưng lời luận được lưu trong Đại Tạng Kinh, sách này giải thích đơn giản đề mục kinh. Sách ấy viết: “*Hết thấy các pháp sai biệt trong pháp bảo Đại Thừa, kinh này gom sạch, nên gọi là Bảo Tích*”. Từ một câu này, chúng ta có thể hiểu được đại khái ý nghĩa của đề mục kinh này. Giới thiệu giản lược về Phương Đẳng và kinh Đại Bảo Tích thuộc Phương Đẳng Bộ như thế.

III. GIỚI THIỆU SƠ LƯỢC DỊCH GIẢ: NGÀI BỒ ĐỀ LƯU CHÍ

Vừa rồi giới thiệu người phiên dịch kinh rất nhiều, chúng tôi bắt tất giới thiệu từng vị một, chúng tôi chỉ giới thiệu riêng mình vị tập đại thành là ngài Bồ Đề Lưu Chí. “*Bồ Đề Lưu Chí*” là dịch âm tiếng Phạn, “ở đây nói là *Giác Ái*”: phiên dịch thành tiếng Trung Quốc là Giác Ái. Bồ-Đề là Giác, Lưu Chí là Ái. “*Người Nam Thiên Trúc*”: lúc ấy, Ấn Độ được gọi là Thiên Trúc, Ngài là người Nam Ấn Độ. “*Đến vào thời Đường Võ Hậu*”: Ngài đến Trung Quốc vào thời đại Võ Tắc Thiên. “*Dịch Tam Tạng kinh*”: Ngài là pháp sư dịch kinh.

“*Sách Khai Nguyên Thích Giáo Lục quyển 9 ghi*”: Thích Giáo Lục là mục lục kinh điển Phật giáo, trong mục lục có lời giới thiệu đơn giản cho mỗi kinh. “*Sa-môn Bồ Đề Lưu Chí, vốn tên là Đạt Ma Lưu Chí*”: Tên Ngài vốn là Đạt Ma Lưu Chí, Đạt-Ma là pháp, Lưu Chí nghĩa là “hy hữu”. Vì thế, Ngài vốn có tên là Pháp Hy Hữu. “*Thiên Hậu đổi tên Ngài thành Bồ Đề Lưu Chí*”: Thiên Hậu là Võ Tắc Thiên. Đại khái, bà Võ Tắc Thiên cho rằng ý nghĩa cái tên của Ngài không hay, nên dốc tâm huyết ra đổi tên cho Ngài, đổi thành Giác Ái. “*Tiếng Đường là Giác Ái, người Nam Ấn Độ*”. Tổng Cao Tăng Lục quyển 3 ghi: “*Thích Bồ Đề Lưu Chí, người xứ Nam Thiên Trúc, thuộc dòng tịnh hạnh bà-la-môn, họ Ca-Diếp*”. Nếu các vị muốn biết rõ chi tiết, hãy xem Tổng Cao Tăng Truyện. Trong quyển 3 bộ Tổng Cao Tăng Truyện có chép truyện Ngài.

IV. GIỚI THIỆU ĐẠI LƯỢC BẢN KINH NÀY

Tiếp đây, tôi sẽ giảng về nội dung bản kinh, cũng chỉ giới thiệu đại lược.

Kinh này thuộc quyển chín mươi một và chín mươi hai của kinh Đại Bảo Tích. Vì thế, kinh vẫn có hai quyển Thượng và Hạ, quyển Thượng là quyển chín mươi một, quyển Hạ là quyển chín mươi hai. [Trong kinh Đại Bảo Tích ghi là] “*Phát Thắng Chí Nhạo Hội đệ nhị thập ngũ, Tam Tạng Pháp Sư Bồ Đề Lưu Chí phụng chiếu dịch*”. Trong đó, chữ “*chiếu*” chỉ thánh chỉ của Võ Tắc Thiên, Sư tuân mạng lệnh của Hoàng Đế mà phiên dịch. “*Sách Duyệt Tạng Tri Tân đem nội dung toàn kinh chia ra làm mười lăm đoạn*”: Duyệt Tạng Tri Tân là tác phẩm của đại sư Ngẫu Ích. Ngẫu Ích đại sư đem toàn bộ kinh này chia thành 15 đoạn, nội dung mỗi đoạn được giới thiệu như dưới đây.

Đoạn thứ nhất, “*Phật ở tại Lộc Uyển, cùng một ngàn tỷ kheo, năm trăm Bồ Tát cùng nhóm*”. Đoạn trên đây thuộc về Tự Phần đi trước Chánh Tông Phần. Phần này trong Duyệt Tạng Tri Tân không nhắc đến, ở đây nhân vì giảng bộ kinh này, để tiện theo dõi, chúng tôi thêm vào, lại chia kinh thành ba phần lớn. Đoạn thứ nhất và đoạn thứ hai thuộc Tự Phần.

Đoạn thứ nhất là Thông Tự, đoạn thứ hai là Phát Khởi Tự. Trong đoạn thứ hai: “*Có các Bồ Tát nghiệp chướng sâu nặng, nghi hoặc thoái chuyển. Di Lặc Bồ Tát an ủi khiến họ vui mừng*”. Vì thế, đây là đầu mối để hiểu được bộ kinh này sẽ nói những gì, đoạn này đối với người học Phật hiện thời của chúng ta trọng yếu phi thường. Chúng ta đích thực là các Bồ Tát ngu si nghiệp chướng sâu nặng đấy! Tất cả mọi người đã thọ Bồ Tát giới đều là Bồ Tát, đâu đã thọ Bồ Tát giới nhưng vẫn rất ngu si! Đó chính là điều kinh này nhắc đến.

Đoạn thứ ba thuộc về Chánh Tông Phần. “*Có mười sáu người theo lời khuyên đến chỗ Phật*”: thuận theo lời khuyên bảo của Bồ Tát Di Lặc, mười sáu người theo chân Di Lặc Bồ Tát đến gặp đức Phật Thích Ca Mâu Ni, sau khi thấy được Phật họ rất hổ thẹn, thiện căn phát khởi, “*gieo mình xuống đất buồn khóc*”. Phật an ủi họ, bảo họ đứng dậy, thuật lại ác nghiệp phỉ báng pháp sư xưa kia của họ nên họ nhiều đời nhiều kiếp chịu khổ, tương lai khi nghiệp báo đó tận, nhất định sẽ sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới. Do đây có thể biết là bọn họ trong nhiều đời nhiều kiếp trước đã từng học qua pháp môn Tịnh Độ, đều niệm đức Phật A Di Đà, chỉ vì nghiệp chướng quá nặng nên chẳng thể vãng sanh, ở trong lục đạo chịu hết nỗi khổ.

Đoạn thứ tư: “*Khi ấy, các Bồ Tát liền phát mười ba hồng thệ, Phật khen ngợi ân khả*”: Mười sáu vị Bồ Tát ấy thật là hy hữu, ít người được vậy, bọn họ nghe Phật chỉ dạy bèn chân chánh sám hối, hồi đầu sửa lỗi đổi mới, phát mười ba hồng thệ. Đức Phật nghe xong rất khen ngợi họ.

Đoạn thứ năm: “*Nhân đây, Di Lặc Bồ Tát bèn hỏi trong đời mạt, Bồ Tát thành tựu mấy pháp thì được an ổn độ thoát*”. Vấn đề này rất trọng yếu. Thời kỳ Mạt Pháp chính là thời đại của chúng ta. Hiện tại chúng ta nên thành tựu bao nhiêu pháp thì mới có thể an ổn thoát ly lục đạo luân hồi, thoát ly biển khổ sanh tử.

Đoạn thứ sáu, “*Phật đáp dùng hai loại bốn pháp*”. Hai loại “bốn pháp” này từ đoạn thứ sáu đến đoạn thứ bảy. Trong loại thứ nhất, “*chẳng tìm lỗi người khác*” là điều thứ nhất; “*cũng chẳng cứ tội người*” là điều thứ hai; “*lià lời thô, keo kiệt, người ấy sẽ giải thoát*”. Trong thời kỳ Mạt Pháp, bốn điều này tối trọng yếu, nhất định phải tuân thủ, phải làm cho được. Phật nói bốn pháp ấy xong, lại nói ra bốn pháp khác, đó là đoạn thứ bảy. “*Hãy bỏ sự biếng nhác*” là điều thứ nhất; “*xa lià các ôn não*” là điều thứ hai; ưa thích chỗ nào nhiệt là điều chướng ngại rất lớn. “*Tịch tĩnh, thường tri túc*”, vâng giữ bốn pháp này “*người ấy sẽ giải thoát*”. Đoạn này dạy chúng ta tu hành trong thời kỳ Mạt Pháp phải có đủ hai loại “bốn pháp” này, tức là đủ tám pháp mới có thể yên ổn tu học đạt hiệu quả, đạt được mục tiêu tu học.

Đoạn thứ tám, “*tiếp đó, kinh dạy lúc hành pháp thí, tâm không mong cầu sẽ thành hai mươi điều lợi, lại thành hai mươi điều lợi nữa*”. Hai thứ “hai mươi điều lợi” này cộng thành bốn mươi thứ lợi ích, phải dùng tâm không mong cầu để tu hành pháp bố thí mới có thể đạt được!

Đoạn thứ chín thuyết minh các lỗi lầm, ác nghiệp trong thời kỳ Mạt Pháp, hoàn toàn là nói về những hiện trạng xã hội cũng như tình trạng của bọn người tu hành chúng ta. Đọc xong đúng là rét buốt tận xương! Đức Thế Tôn cách xa chúng ta ba ngàn năm, ba ngàn năm trước Ngài đã thấy rõ ràng tình trạng tu hành hiện tại của chúng ta, thật có thể nói là nhân duyên quả báo chẳng sai sót mảy may!

Đoạn thứ mười nói về “*tướng trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ Tát và sơ nghiệp Bồ Tát*”. Chữ “huệ hạnh Bồ Tát” này chúng ta phải hiểu rõ, nếu không hiểu được nhất định sẽ không học gì khác được! Thế nào là “huệ hạnh?”

Khai mở trí huệ, trong nhà Thiền gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, trong pháp Đại Thừa ta thường gọi là Pháp Thân Đại Sĩ. Pháp Thân Đại Sĩ mới là huệ hạnh Bồ Tát. Cũng như những bậc thường được xưng tụng là “*phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân*”, người như vậy mới là huệ hạnh Bồ Tát, chưa đạt đến địa vị ấy thì chẳng phải là huệ hạnh Bồ Tát. Nhân vì những hành vi, biểu hiện của huệ hạnh Bồ Tát rất đặc thù, chúng ta chẳng học đòi nổi. Nếu học theo, họ sanh lên trời, ta bị đọa địa ngục. Đối với điểm này, đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch.

Đoạn thứ mười hai thuyết minh “*sơ nghiệp Bồ Tát phải nên quán sát cái họa lợi dưỡng*”. Sơ Nghiệp là sơ học Bồ Tát, chúng ta hiện đang thuộc giai đoạn này, nhất định phải hiểu rõ họa hại của lợi dưỡng, chỉ cần vướng chút lợi dưỡng thì chẳng những đạo nghiệp chẳng thể thành tựu mà nhất định còn bị nó lôi vào A Tỳ địa ngục! Học Phật chẳng thành Phật, ngược lại bị đọa vào A Tỳ địa ngục, đấy chẳng phải là điều Phật, Bồ Tát mong trông thấy. Nhưng trong thời kỳ Mạt Pháp, người như vậy nhiều lắm lắm. Bởi vậy, đoạn kinh văn thuyết minh họa hại của lợi dưỡng này rất dài.

Đoạn thứ hai là “*cũng nên quán sát ôn não có hai mươi lỗi, lời lẽ thế gian có hai mươi lỗi*”. Đến phần sau tôi sẽ nói chi tiết cho quý vị. “*Ngủ nghề có hai mươi lỗi, các việc có hai mươi lỗi*”. Chữ “các việc” ở đây chỉ các thứ sự việc chẳng liên quan đến việc tu hành, hiện tại rất phổ biến vậy!

Mọi người quên hết cả rồi! Bách Trượng đại sư đã từng nói: “*Phật môn do vô sự mà hưng vượng*”. Đạo tràng thế nào là hưng vượng? Vô sự gọi là hưng vượng. Sự việc quá nhiều, hương hỏa tung bùng, tín đồ quá đông, đấy là tướng suy sụp của Phật môn chứ chẳng phải là tướng hưng thịnh. Vì sao vậy? Chẳng có ai thành

tự hết. Người tuy đông nhưng không có một người nào khai ngộ, không ai chứng quả, thậm chí không một ai có thể vãng sanh thì thành vượng ở đâu? Chúng ta phải nhận thức rõ ràng điều này!

Trong đoạn thứ mười ba, Phật dạy “*chẳng tu các hạnh, chẳng đoạn phiền não, chẳng tập thiền tụng, chẳng cầu đa văn thì chẳng phải là người xuất gia!*” Đây là xuất gia chỉ có hình thức, chứ thật sự ra chư Phật Như Lai chẳng thừa nhận kẻ ấy là đệ tử xuất gia.

Đoạn thứ mười bốn thuyết minh hý luận có hai mươi lỗi họa.

Cuối phần Chánh Tông, thuyết minh phát mười thứ tâm có thể sanh về thế giới Cực Lạc. Vì thế, tối hậu bộ kinh này cũng dẫn dắt về Cực Lạc. Chúng ta mong quyết định được sanh về Tịnh Độ của đức Di Đà trong một đời này nên đối với chúng ta, bộ kinh này cũng trọng yếu phi thường!

Cuối cùng, đoạn thứ mười sáu là Lưu Thông Phần. Trong sách Duyệt Tạng Tri Tân của Ngẫu Ích đại sư chỉ giảng đến đoạn thứ mười lăm, sau đây lại có một đoạn là phần Lưu Thông của kinh này. Trên đây tôi đã nói cho quý vị biết sơ lược đại ý kinh này.

---o0o---

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

A. TỰ PHẦN

1. Phật tại Lộc Uyển, năm trăm tỳ-kheo, năm trăm Bồ Tát cùng nhóm

Chánh kinh:

Như thị ngã văn: Nhất thời Phật tại Ba Ly Nại thành, tiên nhân trụ xứ, thi Lộc Uyển trung.

(Tôi nghe như thế này, một thời Phật ở tại thành Ba Ly Nại, ngự trong Lộc Uyển là chỗ trụ của tiên nhân).

Đây là năm thứ thành tựu đầu trong Lục Chúng Thành Tựu; tôi nghĩ chúng ta có thể tinh lược. Ở đây, xứ sở là Lộc Dã Uyển, một nơi thường được nhắc đến. Tôi nghĩ trong số các vị đồng tu chúng ta cũng có một vài vị đã đến thăm Ấn Độ, đến Ấn Độ triều thánh. Nếu vậy, đã đến thăm các danh thắng cổ tích Phật giáo. Vườn Lộc Dã là một địa điểm trọng yếu, ban sơ đức Thích Ca Mâu Ni Phật độ năm vị tỳ-kheo ngay tại ấy. Sau này, chỗ ấy kiến lập thành tinh xá, Phật cũng giảng khá nhiều kinh điển tại nơi ấy.

Chánh kinh:

Đĩ đại tỳ kheo chúng, mãn túc thiên nhân. Phục hữu ngũ bách chư Bồ Tát chúng.

(Cùng chúng đại tỳ kheo đủ cả một ngàn vị, lại có năm trăm vị Bồ Tát).

Đây là Chúng Thành Tựu. Lúc ấy, tham gia pháp hội có một ngàn năm trăm người.

2. Có các Bồ Tát nghiệp chướng sâu nặng, đầy đầy hạnh bất thiện, nghi hoặc thoái chuyển, Di Lạc Bồ Tát an ủi khiến họ vui mừng

Đây là đoạn thứ hai, chính là Phát Khởi Tựu của kinh này.

Chánh kinh:

Thị thời chúng trung, đa hữu Bồ Tát.

(Lúc ấy trong chúng có nhiều vị Bồ Tát).

Câu này nói về đa số trong năm trăm vị Bồ Tát. Do vậy biết rằng, những vị Bồ Tát ấy chẳng phải là tầm thường, họ đa phần là cổ Phật tái lai, cố ý thị hiện như thế nhằm tạo cơ hội cho Di Lạc Bồ Tát đến thỉnh pháp để Thích Ca Mâu Ni Phật răn dạy chúng ta. Những lỗi các ngài phạm chính là những lỗi bọn người hiện tại chúng ta đang phạm, các vị chỉ đến biểu diễn, lòng từ bi đến mức cùng cực vậy! Bọn họ mắc những lầm lỗi gì?

Chánh kinh:

Nghiệp chướng thâm trọng, chư căn ám độn.

(Nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn).

Câu này là lời thuật tổng quát. Nói gọn một câu là nghiệp chướng nặng nề! Nghiệp là gì? Nói theo ngôn ngữ hiện đại, Nghiệp là hoạt động, tạo tác. Hoạt động ấy chướng ngại trí huệ đức năng sẵn có của tự tánh nên gọi là “nghiệp chướng”. Nghiệp chướng ấy rất sâu, rất nặng, cho nên trí huệ đức năng của chúng ta chẳng hiện ra được.

[Trong câu] “*các căn ám độn*”, chữ “*các căn*” chỉ sáu căn. Sáu căn chẳng thông minh, mắt tuy vẫn có thể thấy nhưng lăm việc nhìn lăm, tai tuy vẫn có thể nghe nhưng ý nghĩa đúng đắn chẳng nghe ra. Nhóm chữ này chỉ căn tánh chẳng lanh lợi. Tiếp theo đây kinh nói mười hai câu, mười hai câu này là nội dung của bản kinh này. Ở phần sau, với mỗi một điều Phật sẽ giảng tường tận cho chúng ta. Điều thứ nhất là:

Chánh kinh:

Thiện pháp vi thiếu

(Thiện pháp ít ỏi).

Thế nào là “*thiện căn*”? Thiện căn pháp thế gian, không tham, không sân, không si. Chúng ta hãy nghĩ xem là mình có hay không có [thiện căn]. Nếu như chúng ta tham sân si đều đầy đủ cả thì căn bản là chúng ta không có thiện căn. Bọn họ vẫn có thiện căn, nhưng thiện căn ít ỏi; chúng ta không có thiện căn; làm sao biết vậy? Thiện căn của Bồ Tát là tinh tấn, còn chúng ta mỗi ngày càng giải đãi, biếng nhác, tán loạn.

Chánh kinh:

Háo u hội náo

(Ưa nơi náo nhiệt)

Ở đây, “*hội*” là “*hôn hội*” chúng ta thường nói là hò đồ. “*Hội náo*” nghĩa là ồn náo lộn xộn. Các vị có biết nơi nào là ồn náo lộn xộn chẳng? Chính là những chốn ăn chơi có khá nhiều trong xã hội hiện tại: ca xướng, khiêu vũ, đấy là những chỗ ồn náo lộn xộn. Bọn họ ưa thích những chỗ ấy.

Chánh kinh:

Đàm thuyết thế sự.

(Bàn nói thế sự).

Đây là câu thứ ba. Phạm vi bao quát của “thế sự” rất rộng. Trong thế sự có cả tà lẫn chánh. Thế nào là chánh? Những điều Không Tử, Mạnh Tử nói là chánh, đều là thế sự cả! Thế sự bất hảo ư? Thế sự chẳng thể thoát tam giới. Quý vị phải hiểu rằng: Mục tiêu của Phật pháp là dạy chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới. Vì thế, sự giáo dục của Nho giáo đâu tốt, có thể giúp chúng ta đạt được thân người, thậm chí giúp chúng ta sanh thiên, nhưng chẳng thể giúp chúng ta liễu sanh tử, thoát tam giới.

“*Thế sự*” là gì? Là mọi việc trong lục đạo. Vui vẻ bàn nói những chuyện ấy. Ngày nay người ngoại quốc bàn đến khoa học, kỹ thuật cũng là thế sự. Họ luận đến chuyện vượt ngoài hư không, nhưng ngoài hư không vẫn là trong luân hồi lục đạo, vẫn chưa vượt thoát luân hồi lục đạo. Thế sự có chánh, có tà. Tà là đọa ba ác đạo, Chánh là ba thiện đạo.

Điều thứ tư là ưa thích ngủ nghỉ, ham ngủ. Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Đa chur hý luận

(Lắm điều hý luận)

Phạm vi của “*hý luận*” cũng rộng rãi phi thường; như thông thường chúng ta nói giỡn chơi, đều gọi là hý luận.

Chánh kinh:

Quảng doanh chúng vụ.

(Rộng lo liệu các việc).

Trong xã hội hiện tại, hiện tượng này rất nhiều. “Doanh” là kinh doanh, “vụ” là sự vụ. “Quảng” là nhiều. Tôi vừa mới nhắc qua, Bách Trượng thiền sư từng nói: “*Phật môn lấy vô sự làm hưng vượng*”; há nên đa sự? Thế nào là đa sự? Nêu một thí dụ phổ biến để nói, pháp hội là đa sự, hướng gì những chuyện khác! Điều này trong phần sau đức Phật sẽ giảng rộng, quý vị nhất định phải hiểu sâu xa ý Phật.

Tu học Phật pháp là gì? Đề mục kinh Vô Lượng Thọ đã cho chúng ta biết: “*Thanh tịnh, bình đẳng, giác*”. Làm nhiều việc quá thì tâm sao thanh tịnh được? Thù tạc quá nhiều, chẳng thể thanh tịnh được! Sự vụ quá nhiều chẳng thể bình đẳng được. Mỗi ngày từ sáng đến tối mê hoặc điên đảo, làm sao có thể giác ngộ cho được? Đây chính là lỗi hại của việc “*quảng doanh chúng vụ*”. Đây là câu thứ bảy.

Chánh kinh:

Chũng chũng tham trước.

(Tham chấp các thứ)

Câu này phạm vi rất lớn. Tiếng tăm, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần, buông xuống chẳng được! Đây là câu thứ tám.

Chánh kinh:

Vi sở bất ưng.

(Làm điều chẳng nên làm)

Những điều họ làm đều là điều chẳng nên làm, đều là điều Phật chẳng cho phép, họ cứ nhiều phen tạo tác. Đây là câu thứ chín.

Chánh kinh:

Vọng thất chánh niệm.

(Hur vọng mất chánh niệm)

Vọng là hư vọng. Suốt ngày hư vọng nên chánh niệm bị mất. Đây là câu thứ mười.

Chánh kinh:

Tu tập tà huệ.

“*Tà huệ*” như trong nhà Phật thường bảo là thế trí biện thông, chẳng phải là chân trí huệ. Đây là câu thứ mười một.

Chánh kinh:

Hạ liệt tinh cần.

(Siêng gắng hèn kém).

Bọn họ cũng rất nỗ lực, một ngày từ sáng đến tối chẳng nghỉ ngơi, dù bận vẫn vui. Bận bịu những gì? Bận bịu với sự nghiệp tam đồ. Chữ “*hạ*” chỉ ba ác đạo, chẳng phải ba thiện đạo! “*Hạ liệt*” nghĩa là gì? Vương tham sân si, tranh danh đoạt lợi, bọn họ dững mảnh tinh tấn làm những việc như thế. Câu cuối cùng là:

Chánh kinh:

Hành mê hoặc hạnh.

(Làm hạnh mê hoặc)

Đây là hiện tượng bao gồm cả tại gia lẫn xuất gia trong cửa Phật vào thời Mạt Pháp này. Nếu như chúng ta thật sự chăm chú phản tỉnh, [sẽ thấy là] nếu mắc căn bệnh này thì bất luận đang tu học pháp môn nào cũng đều chẳng thể thành tựu, niệם Phật cũng chẳng thể vãng sanh. Điều kiện để vãng sanh là tâm phải thanh tịnh - “*tâm tịnh thì cõi nước tịnh*”. Tây Phương thế giới là Tịnh Độ, chẳng phải là uế độ! Vì thế tâm chẳng thanh tịnh, làm sao vãng sanh được? Mê hoặc là chẳng thanh tịnh, chẳng ứng hợp Tịnh Độ. Tụng kinh cho nhiều, niệם Phật cho lắm thì cũng như lời cổ nhân nói: “*Long hầu rách họng vẫn uống công!*”, chỉ có thể kết duyên lành với Tịnh Độ chứ chẳng thể vãng sanh ngay trong một đời!

Sự việc như vậy có gì là lạ, chẳng biết là trong đời quá khứ chúng ta đã làm như thế bao nhiêu lần. Chúng ta có nhân duyên rất sâu xa với Tây Phương Tịnh Độ, vì sao chẳng thành tựu? Nói chung là vì phạm phải những lầm lỗi ấy. Đời đời kiếp kiếp quá khứ phạm phải những lầm lỗi ấy nên niệם Phật mà chẳng thể vãng sanh. Đời này gặp được bản kinh này, đây là nhân duyên hy hữu. Thử nghĩ nếu lại phạm những lỗi ấy thì một đời này ắt

phải luống uổng. Nếu quả thật có thể thường tích cực phản tỉnh, sửa lỗi đổi mới, quay đầu là bờ thì trong một đời này chúng ta quyết định sẽ thành tựu.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát tại u hội trung, kiến chư Bồ Tát cụ túc như thị bất thiện chư hạnh.

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ở trong hội thấy các Bồ Tát đầy đủ các hạnh bất thiện như thế).

“Cụ túc”: mười hai điều vừa nhắc đến ở phần trên đều phạm đủ cả, phạm toàn bộ. Ngài Di Lặc thấy các Bồ Tát ấy có nhiều lầm lỗi như thế.

Chánh kinh:

Tác thị niệm ngôn.

(Nghĩ như thế này)

Trong tâm Ngài suy nghĩ.

Chánh kinh:

Thử chư Bồ Tát u vô thượng Bồ Đề, viên mãn đạo phần, giai dĩ thoái chuyển.

(Các vị Bồ Tát này đối với vô thượng Bồ Đề, viên mãn đạo phần, đều đã lui sụt).

Cổ nhân thường nói: “Người sơ phát tâm thành Phật có dư”. Sơ Phát Tâm đều là phát thiện tâm, hảo tâm, do nghiệp chướng sâu nặng, các căn ám độn nên rất dễ bị thoái chuyển, rất dễ bị mê hoặc, đặc biệt là [mê hoặc] bởi danh tiếng, lợi dưỡng! Người sơ phát tâm xuất gia không có ai cúng dường họ, cuộc sống rất thanh bần, khổ sở, đạo tâm rất kiên định. Tu hành được mấy năm, có chút ít thành tựu, danh tiếng, lợi dưỡng đưa tới, kẻ ấy lại bị đọa lạc. Trong có phiền não, ngoài có dụ hoặc, làm sao không đọa lạc cho được? Vì thế đối với Vô Thượng Bồ Đề bèn thoái chuyển. Di Lặc Bồ Tát thấy xong bèn khởi tâm từ bi.

Chánh kinh:

Ngã kim đương linh thị chư Bồ Tát giác ngộ khai hiểu, sanh hoan hỷ tâm.

(Nay ta nên làm cho các Bồ Tát này giác ngộ, hiểu biết, sanh lòng hoan hỷ).

Di Lặc Bồ Tát đến giúp đỡ các Bồ Tát ngu si ấy. Ở đây, chúng ta phải chú ý: Thế nào là đại từ đại bi? Thế nào gọi là cứu tế bần khổ? Người tu hành không có đạo, ấy là “bần”. Người tu hành vẫn phạm những lầm lỗi y như cũ, thật là “khô”! Ở đây Di Lặc Bồ Tát hành từ bi cứu tế. Ngài cứu tế các Bồ Tát điên đảo mê hoặc đó, bảo họ “giác ngộ khai hiểu”, nghĩa là phá mê khai ngộ. Giúp đỡ hết thảy chúng sanh phá mê khai ngộ là đại từ đại bi, là chân chánh cứu tế.

Chánh kinh:

Tác thị niệm dĩ.

(Nghĩ như vậy xong).

Di Lạc Bồ Tát khởi lên ý niệm ấy xong.

Chánh kinh:

Tức u bồ thời, tùng thiên định khởi.

(Liên sau giờ Ngọ, từ thiên-định dậy).

“Bồ thời” là sau Ngọ, sau khi dùng Ngọ trai xong, Ngài từ thiên định xuất.

Chánh kinh:

Vãng đáo kỳ sở, cộng tương úy vấn, phục dĩ chứng chủng nhu nhuễn ngôn từ, vị thuyết pháp yếu, linh kỳ hoan hỷ.

(Đến chỗ bọn họ cùng nhau an ủi, thăm hỏi, lại dùng các lời lẽ mềm mỏng nói pháp yếu khiến họ hoan hỷ).

Đích thực là Di Lạc Bồ Tát rất có trí huệ, nói theo cách chúng ta ngày nay là trí huệ cao độ! Ngài chẳng trách móc bọn họ, mà đến an ủi họ, lời lẽ nhu hòa, dịu dàng an ủi họ khiến họ sanh lòng vui mừng, sanh hảo cảm đối với Bồ Tát. Phải dùng cách khéo như vậy để họ tiếp thọ lời dẫn dụ của Ngài.

Chánh kinh:

Nhân cáo chi viết: “Chư nhân giả!”

(Nhân đó bảo rằng: “Này các nhân giả!”)

“Chư nhân giả” là tiếng tôn xưng bọn họ.

Chánh kinh:

Vân hà nhữ đẳng u vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần nhi đắc tăng trưởng, bất thoái chuyển da?

(Các vị làm thế nào để đối với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần được tăng trưởng, chẳng thoái chuyển vậy?)

Lời hỏi rất khéo! Chẳng trách móc họ phạm lỗi lầm, chẳng trách họ thoái chuyển, trái lại Ngài hỏi: Đối với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần, các vị có phương pháp nào làm cho nó tăng trưởng, chẳng thoái chuyển hay chẳng? Chúng ta phải học tập điểm này: bình thường đối người, đối sự, đối vật phải nói năng thế nào để thật sự giúp người giác ngộ, giúp người sửa lỗi đổi mới, chẳng dùng lời lẽ trách móc, mà phải dùng những lời quan hoài, thương yêu, che chở, dùng phương pháp dẫn dụ khơi gợi. Ở đây ta mới thấy chỗ cao minh của Di Lạc Bồ Tát. Vì thế, lúc bọn họ nghe Ngài nói đều rất hoan hỷ, vui vẻ trò chuyện với Ngài.

Các vị xem nhé!

Chánh kinh:

Thị chư Bồ Tát đồng thanh bạch ngôn:

- Tôn giả! Ngã đẳng kim u vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần vô phục tăng trưởng, duy hữu thoái chuyển.

(Các vị Bồ Tát ấy đồng thanh thưa rằng:

- Thưa tôn giả! Chúng tôi nay với vô thượng Bồ Đề viên mãn đạo phần chẳng còn tăng trưởng, chỉ có thoái chuyển).

Những người ấy đều thưa thật: Đối với vô thượng Bồ Đề chúng tôi không tăng trưởng, ngày càng lui sụt!

Chánh kinh:

Hà dĩ cố?

(Vì sao vậy?)

Vì sao chúng tôi ngày càng lui sụt?

Chánh kinh:

Ngã tâm thường bị nghi hoặc sở phủ.

(Tâm tôi thường bị nghi hoặc che phủ)

Tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi là phiền não trọng đại đối với Bồ Tát, là chướng ngại nghiêm trọng đối với tu học. Bọn họ có nghi, có Hoặc. Hoặc là mê hoặc.

Chánh kinh:

Ư vô thượng Bồ Đề bất năng giải liễu.

(Đối với vô thượng Bồ Đề chẳng thể hiểu rõ).

Câu này ý nói bọn họ nghiệp chướng sâu nặng, tuy thường nghe Thế Tôn giảng kinh thuyết pháp, nghe xong chẳng hiểu rõ chi mấy, chẳng những không thể liễu giải, còn lảm phen nghe lầm lời Phật dạy, hiểu lầm ý nghĩa. Lúc chúng ta khai kinh kệ, niệm “*nguyện giải Như Lai chân thực nghĩa*”. Bọn họ hiểu lầm ý nghĩa chân thật của Như Lai, hiểu cong queo ý nghĩa lý chân thật của đức Như Lai. Ấy là tướng nghiệp chướng sâu nặng, tiếp theo đây các vị nói rất rõ.

Chánh kinh:

Vân hà ngã đẳng đương tác Phật da? Bất tác Phật da?

(Vậy thì chúng tôi sẽ thành Phật ư? Chẳng thành Phật ư?)

Đây là nêu lên một thí dụ cụ thể để minh họa. Bọn họ thường hoài nghi: Học Phật là tốt hay chẳng học Phật là tốt? Thành Phật là tốt hay chẳng thành Phật là tốt? Thường có vấn đề như thế, đó là hoài nghi thiện pháp.

Chánh kinh:

Ư đọa lạc pháp diệc bất năng liễu!

(Với pháp đọa lạc cũng chẳng rõ được).

Tam đồ lục đạo, gieo thiện nhân được thiện quả, tạo ác nghiệp nhất định phải thọ ác báo. Phật cũng đã giảng rất rõ ràng, nhưng họ đối với điều ấy vẫn nghi hoặc!

Chánh kinh:

Vân hà ngã đẳng đương đọa lạc da? Bất đọa lạc da?

(Vây thì chúng tôi sẽ đọa lạc ư? Chẳng đọa lạc ư?)

Chúng tôi có bị đọa lạc hay chẳng? Đọa lạc thật sự hay là chỉ đọa lạc giả? Những nghi vấn ấy thường xuyên hiện hữu.

Chánh kinh:

Dĩ thị nhân duyên, thiện pháp dục sanh thường vị nghi hoặc chi sở triền phú.

(Bởi nhân duyên ấy, thiện pháp sắp sanh thường bị nghi hoặc ràng buộc, che phủ)

Lẽ đương nhiên là trong bất cứ thời đại nào, bất cứ cá nhân nào chẳng thể không có lấy một thiện niệm. Hết thầy chúng sanh đều là thiện ác hỗn tạp, có lúc thiện nhiều, ác ít, lại có lúc ác nhiều, thiện ít nên mới hình thành lục đạo và mười pháp giới. Bọn họ sanh thiện niệm, nhưng chỉ vì nghi hoặc nên lúc hoài nghi thì thiện chẳng thể hình thành, lúc đó rất dễ thoái chuyển. Những vị Bồ Tát này đều rất thành thật, rất khó có. Nói theo ngôn ngữ hiện nay là bọn họ còn tự biết rõ mình, vẫn kê là chưa lắm lạc! Dù có phạm lầm lỗi, vẫn còn có thể cứu, vì thế Di Lạc Bồ Tát đến cứu bọn họ.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát nhi cáo chi viết:

- Chư nhân giả! Khả cộng vãng nghệ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri sở. Nhi bỉ Như Lai nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả, cụ túc thành tựu vô chướng ngại trí, giải thoát tri kiến, dĩ phương tiện lực thiện tri nhất thiết chúng sanh sở hạnh, đương vị nhữ đẳng tùy kỳ căn tánh chúng chung thuyết pháp.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bảo họ rằng:

- Các nhân giả! Nên cùng đến chỗ Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri. Đức Như Lai là bậc biết hết thấy, bậc thấy hết thấy, thành tựu đầy đủ trí vô chướng ngại, giải thoát tri kiến, dùng sức phương tiện khéo biết sở hạnh của hết thấy chúng sanh, Ngài sẽ vì các ông thuyết pháp các thứ tùy theo căn tánh).

Đây cũng là điểm cao minh của Di Lạc Bồ Tát. Di Lạc Bồ Tát chẳng thể thuyết kinh giảng pháp cho họ ư? Đương nhiên là có thể.

Vì sao Di Lạc Bồ Tát chẳng thuyết pháp? Bởi vì họ thuộc vào địa vị Bồ Tát, chưa chắc bọn họ đã tin tưởng vào lời giảng kinh thuyết pháp của Ngài. Vì thế, Di Lạc Bồ Tát giới thiệu: “Chúng ta đi gặp Phật”. Mọi người nghe đến Phật đương nhiên chẳng dị nghị, chúng ta cùng nhau đi đến chỗ Phật.

“*Như Lai, Ứng Cúng, Chánh Biến Tri*” là ba thứ trong mười danh hiệu của đức Như Lai, chúng tôi cũng không giải thích chi tiết. Câu “*nhi bỉ Như Lai, nhất thiết tri giả, nhất thiết kiến giả*” là lời tán thán trí huệ đức năng của Phật: không chi chẳng biết, không gì chẳng thể! Ý nói: quả vị Phật là thành tựu đầy đủ, chẳng có một mảy gì thiếu khuyết. Trí huệ Phật đầy đủ viên mãn, Phật tự tại viên mãn, hơn nữa phương pháp của Phật hay khéo phi thường. “*Dùng sức phương tiện*” dạy dỗ chúng sanh khế cơ, khế lý.

Trước hết nói “*thành tựu đầy đủ trí vô chướng ngại, giải thoát tri kiến*”, đó là Lý. Phật thuyết pháp khế lý! Lại nói “*khéo biết sở hạnh của hết thầy chúng sanh*”: hết thầy chúng sanh đời đời kiếp kiếp đã tạo nhân gì, thọ quả báo gì, Phật đều biết cả, vì thế thuyết pháp bèn khế cơ. Bọn họ đến gặp Phật, nhất định đức Phật sẽ tùy theo căn tánh của mỗi người mà thuyết pháp các thứ. Ấy là khế cơ, khế lý.

Kinh văn chia làm ba phần: Phần Phát Khởi đến đây là hết. Đó là một đoạn lớn. Dưới đây là phần mở đầu phần Chánh Tông của kinh, phải nên đơn khởi một hạnh. Bản kinh hiện thời tôi bảo thầy Ngô Quảng sao từ bản Tần Già Tạng ra, rồi lại dựa theo Đại Chánh Tạng phân thành đoạn. Tiêu chuẩn phân đoạn trong Đại Chánh Tạng có rất nhiều vấn đề, quý vị cứ xem kinh văn thì thấy ngay, quý vị xem kỹ thì thấy bốn chữ (1) là một câu, cho nên đọc tụng chẳng khó.

---o0o---

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

1. Có mười sáu vị Bồ Tát nghe theo lời khuyên đến chỗ Phật, gieo mình xuống đất buồn khóc, Phật an ủi bảo họ đứng dậy, lại nói lỗi xưa: ác nghiệp phỉ báng pháp sư, thọ nhiều nỗi khổ, về sau cũng sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc

Chánh kinh:

Thị thời, ngũ bách chúng trung, hữu thập lục Bồ Tát dữ Di Lạc Bồ Tát vãng nghê Phật sở, ngũ thể đầu địa, đảnh lễ Phật túc, bi cảm lưu lệ, bất năng tự khởi. Di Lạc Bồ Tát tu kính dĩ tất, thoái tọa nhất diện.

(Lúc ấy, trong số năm trăm người có mười sáu Bồ Tát cùng Di Lạc Bồ Tát đi đến chỗ Phật, năm vóc gieo xuống đất, đảnh lễ dưới chân Phật, bi cảm ứa lệ, chẳng thể tự đứng lên. Di Lạc Bồ Tát kính lễ xong xuôi, lui ra ngồi một phía).

Đương thời, trong hội có năm trăm vị Bồ Tát, trong năm trăm người chỉ có mười sáu vị nghe Di Lạc Bồ Tát bảo xong, theo Di Lạc Bồ Tát đi gặp Thích Ca Mâu Ni Phật. Những vị Bồ Tát vừa thuật lỗi mình ấy đều là đại quyền thị hiện. Khi Di Lạc Bồ Tát đem những vị ấy đến trước đức Thế Tôn, sau khi hành lễ hoàn tất, bèn lui ra ngồi.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn:

- Chư thiện nam tử! Nhữ ưng đương khởi, vật phục bi hiều, sanh đại nhiệt não.

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng:

- Các thiện nam tử! Các ông hãy đứng lên, đừng có buồn khóc, sanh nhiệt não lớn)

Sau khi chí tâm lễ kính, Di Lạc Bồ Tát ngồi lui qua một bên, mười sáu vị Bồ Tát ấy quỳ mọp dưới đất chẳng đứng lên, sám hối như vậy rất khó ai hơn! Vì thế, đức Phật thấy tình trạng họ như thế bèn an ủi họ, bảo bọn họ chớ nên bi thương, cũng đừng có buồn khổ.

Ở đây có một điểm thường thức, nhân tiện bảo cho các vị luôn. Nếu như trong phần Chánh Tông bắt đầu bằng câu “*Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát...*” thì trong tựa kinh có thể thêm chữ “Phật thuyết” thành ra “*Phật thuyết Phát Khởi Bồ Tát Thủ Thắng Chí Nhạo Kinh*”; cũng như nếu câu thứ nhất của phần Chánh Tông là ‘Phật nói’ thì thông thường trên tựa đề kinh đề thêm chữ “Phật thuyết”. Nếu câu thứ nhất chẳng phải là “Phật thuyết” thì tựa đề chẳng thêm chữ “Phật thuyết”. Bởi thế, quả thật ở đây phần Chánh Tông bắt đầu bằng “*Nhĩ thời, ngũ bách chúng trung hữu thập lục Bồ Tát*” nên không thêm chữ “Phật thuyết”. Đây là một điểm thường thức, từ rày các vị xem kinh điển, thấy kinh thì đề Phật thuyết, có kinh chẳng đề. Tựa kinh không thêm chữ “Phật Thuyết” bèn gạn là không phải là do Phật nói sao? Vẫn là do Phật nói, thêm chữ “Phật thuyết” hay không là do câu thứ nhất của phần Chánh Tông có hay không có chữ “Phật thuyết”.

Phần khai thị của Phật ở đoạn sau trọng yếu phi thường, chúng ta phải nên cảnh tỉnh, kinh sợ.

Chánh kinh:

Nhữ u vãng tích, tạo tác ác nghiệp.

(Ông trong xưa kia, gây tạo nghiệp ác).

Câu này là lời nói chung: Trong đời quá khứ, các vị tạo ác nghiệp rất nặng. Ác nghiệp gì vậy?

Chánh kinh:

U' chư chúng sanh, dĩ sướng duyệt tâm.

(Đối với các chúng sanh, dùng lòng vui sướng).

“*Sướng duyệt tâm*” là rất thống khoái, rất sung sướng. Làm chuyện gì vậy?

Chánh kinh:

Sân mạ hủy nhục, chướng não tổn hại.

(Nóng chửi hủy nhục, gây chướng ngại, phiền não, tổn hại).

Làm đến tám việc. Đối với chúng sanh, bọn họ chửi người, chửi người thật khoái trá, gây tạo ác nghiệp như thế đó!

Chánh kinh:

Tùy tự phân biệt.

(Theo ý mình phân biệt).

Chấp theo tri kiến phân biệt của chính mình, nói theo tiếng bây giờ là “làm việc theo cảm tình, làm chuyện càn bướng, chẳng đếm xỉa đạo lý!”

Chánh kinh:

Bất năng liễu tri nghiệp báo sai biệt.

(Chẳng thể biết rõ nghiệp báo sai khác)

Lúc tạo những ác nghiệp ấy, bọn họ chẳng biết những nghiệp ấy ắt có quả báo.

Chánh kinh:

Thị cố nữ đặng kim vị nghiệp chướng chi sở triền phú.

(Vì thế các ông nay bị nghiệp chướng ràng buộc, che ngăn).

Hiện tại dù bọn họ nghe Phật giảng kinh thuyết pháp nhưng chẳng hiểu được nghĩa chân thật của Như Lai. Đó là vì bị nghiệp chướng ràng buộc, che lấp.

Chánh kinh:

Thời chư Bồ Tát văn thị ngữ dĩ, tùng địa nhi khởi, thiên dẫn hữu kiên, hữu tất trước địa, hiệp chướng cung kính, nhi bạch Phật ngôn: “Thiện tai Thế Tôn! Nguyên vị ngã đặng thuyết thử nghiệp chướng. Ngã đặng tri tội, đương tự điều phục, ngã từng kim nhật, cánh bất cảm tác”.

(Khi ấy, các Bồ Tát nghe lời ấy xong, từ dưới đất đứng lên, trật áo vai phải, gối phải đặt sát đất, chắp tay cung kính, bèn bạch Phật rằng: “Lành thay, thưa Thế Tôn! Xin vì chúng con nói nghiệp chướng ấy. Chúng con biết tội sẽ tự điều phục, con từ hôm nay chẳng dám làm nữa!”)

Những điều nói trong đoạn này thật là khó có phi thường, hy hữu. Chịu sửa lỗi, chịu đổi mới, người như vậy cứu được. Có tâm, có quý, cầu Phật chỉ dạy rành rẽ những ác nghiệp mình đã tạo trong quá khứ khiến ngày nay gặp phải những chướng nạn như thế. Biết tội lỗi ấy, bọn họ còn có thể sửa lỗi đổi mới, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ nói “tẩy tâm dịch hạnh” (rửa lòng đổi hạnh), từ nay trở đi chẳng dám tái phạm.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Phật cáo chư Bồ Tát ngôn:

(Lúc bấy giờ, đức Phật bảo các Bồ Tát rằng)

Phật giảng cho mười sáu vị Bồ Tát nghe.

Chánh kinh:

Thiện nam tử! Nhữ tăng vãng tích, ư Câu Lưu Tôn Phật Như Lai pháp trung, xuất gia vi đạo.

(Thiện nam tử! Các ông từng trong xưa kia, ở trong pháp của đức Câu Lưu Tôn Phật Như Lai, xuất gia tu đạo)

Thời gian ấy rất lâu. Câu Lưu Tôn Phật vị Phật thứ nhất của Hiền kiếp; Thích Ca Mâu Ni Phật là vị Phật thứ bốn. Thời gian ấy rất dài lâu. Trong thời đức Phật Câu Lưu Tôn, bọn họ xuất gia, tu hành. Câu Lưu Tôn là tiếng Phạn, dịch nghĩa sang tiếng Trung Quốc là Sở Ứng Đoạn (cái đáng nên đoạn). Phiền não là cái đáng nên đoạn, vô minh là cái đáng nên đoạn, những gì đáng đoạn Ngài đều đoạn sạch, ý nghĩa của danh hiệu Ngài là vậy.

Chánh kinh:

Tự thị đa văn, tu trì tịnh giới.

(Tự cậy đa văn, tu trì tịnh giới)

Có thể thấy là hạng người này thông minh và rất có trí huệ, nghe kinh rất nhiều. Bọn họ cậy mình đã nghe nhiều kinh, lại tự cho là mình giới luật rất thanh tịnh. Như vậy cũng chẳng làm, tu hành cũng tốt, nghiệp chướng là do đâu? Phần kế tiếp nói:

Chánh kinh:

Thường hoài kiêu mạn, ngạo dật chi tâm.

(Thường ôm lòng kiêu mạn, ngạo nghễ, phóng dật).

Bệnh phát từ đây. Đối với người tỏ vẻ kiêu ngạo, nói theo ngôn ngữ bây giờ là “đáng nên kiêu ngạo!”. Bệnh của Bồ Tát là ở chỗ này. Các vị xem: họ đa văn, đa văn vốn là rất tốt, đáng nên kiêu ngạo. Giới luật thanh tịnh rất hay, đáng nên kiêu ngạo! Đáng nên kiêu ngạo là xong rồi! Bây giờ quý vị có điểm sở trường nào, người khác chẳng bằng được mình, quý vị có thấy đáng nên kiêu ngạo hay không? Nếu như quý vị cũng thấy đáng nên kiêu ngạo thì hãy nhớ kỹ đoạn kinh văn này để coi quý vị có còn nên kiêu ngạo hay là không? “Mạn” là ngạo mạn, “dật” là phóng dật, tức là rất tùy tiện.

Chánh kinh:

Hựu hành đầu-đà, thiếu dục tri túc.

(Lại hành đầu đà, ít ham, biết đủ).

Điều này lại càng khó được! Đầu-đà là khổ hạnh, lúc bọn họ tu hành từng đã tu khổ hạnh. “Thiếu dục tri túc” khó được phi thường!

Chánh kinh:

U' thị công đức, phục sanh chấp trước.

(Với công đức này, lại sanh chấp trước).

Bệnh họ nổi lên rồi: Chấp tướng! Chấp tướng cũng là vương phải kiêu ngạo. Người khác tu hành đều chẳng bằng họ, bọn họ được tín đồ tại gia cung kính, cúng dường như thế. Ý nghĩa đoạn này rất sâu, rất rộng, quý vị phải rất lắng lòng, rất chú tâm thể hội, chẳng nên đọc sơ sài lướt qua đoạn kinh này. Đoạn dưới, đức Phật nói cụ thể về sự tướng gây tạo ác nghiệp.

Chánh kinh:

Nhĩ thời hữu nhị thuyết pháp tỳ kheo.

(Lúc bấy giờ có hai vị tỳ kheo thuyết pháp).

Có hai vị xuất gia, đại khái là thường giảng kinh thuyết pháp ở bên ngoài. Giảng kinh thuyết pháp đương nhiên thỉnh chúng đông, cúng dường cũng nhiều.

Chánh kinh:

Đa chư thân hữu, danh văn, lợi dưỡng.

(Có nhiều bè bạn, tiếng tăm, lợi lộc).

Pháp sư thuyết pháp nhất định được như vậy, nhất định có hiện tượng như thế.

Chánh kinh:

Nhữ u thị nhân dĩ xan tật tâm.

(Với hai người ấy, các ông do lòng ghen ghét)

Họ ghen ghét hai vị pháp sư giảng kinh.

Chánh kinh:

Vọng ngôn phi báng.

(Bịa đặt phi báng).

Các ông muốn phá hoại, ghen ghét họ, phá hoại họ thì phi báng điều gì? Đồn đãi, đặt chuyện, nói hai tỳ kheo ấy là:

Chánh kinh:

Hành dâm dục sự. Thị thời pháp sư thân hữu quyền thuộc do nhữ ly gián, thuyết kỳ trọng quá, giai linh nghi hoặc, bất sanh tín thọ.

(Làm chuyện dâm dục. Khi ấy, thân hữu, quyền thuộc của pháp sư do ông ly gián nói họ phạm lỗi nặng nên đều ngờ vực, chẳng sanh lòng tin nhận [pháp của hai pháp sư ấy giảng nữa])

Đây là phá hoại tín tâm của thính chúng đối với pháp sư giảng kinh thuyết pháp, khiến cho đại chúng chẳng còn tin tưởng vị pháp sư ấy nữa.

Chánh kinh:

Bĩ chư chúng sanh u thị pháp sư vô tùy thuận tâm, đoạn chư thiện căn.

(Các chúng sanh ấy đối với pháp sư đó không tâm tùy thuận, dứt các thiện căn)

Cần hiểu là đối với hết thầy pháp, công đức nghe pháp không có gì sánh được nổi, bởi nghe pháp phát sanh trí huệ. Đặc biệt là tâm cung kính. Trong kinh Phật thường dạy, cổ đức cũng thường nói. Ấn Quang đại sư nói rất hay: “*Một phần cung kính được một phần lợi ích; mười phần cung kính được mười phần lợi ích*”. Nếu lòng cung kính bị phá hoại toàn bộ, bất cứ công đức nào cũng chẳng đạt được. Đó gọi là gì? Đoạn pháp thân huệ mạng của hết thầy chúng sanh. Bọn họ tạo tội nghiệp như thế này: tung tin đồn, đặt chuyện phá hoại đạo tràng.

Chánh kinh:

Thị cố nhữ đặng do tư ác nghiệp.

(Vì thế các ông do ác nghiệp ấy).

Do tạo ác nghiệp ấy, các ông đã từng...

Chánh kinh:

U' lục thập bách thiên tuế trung, sanh A Tỳ địa ngục.

(Trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục A Tỳ).

“*Lục thập bách thiên tuế*” là sáu trăm vạn. Tạo tội nghiệp đó, bọn họ đã phải sống trong địa ngục A Tỳ sáu trăm vạn năm. Sáu trăm vạn năm là chỉ thời gian trong loài người, tính theo thời gian của chúng ta. Các vị xem: tạo tội rất dễ dàng, đã từng sống trong địa ngục A Tỳ sáu trăm vạn năm. Các vị đọc trong kinh Địa Tạng Bồ Tát Bản Nguyện có giải thích tường tận về địa ngục A Tỳ. Trong kinh Lăng Nghiêm cũng nói rất tường tận.

Chánh kinh:

Dư nghiệp vị tận.

(Nghiệp thừa chưa hết).

Vẫn còn thừa tội: trọng tội đã trả rồi, trả xong vẫn còn dư tội. Lúc đó, chuyển sang một địa ngục so ra nhẹ hơn.

Chánh kinh:

Phục u tứ thập bách thiên tuế trung, sanh Đẳng Hoạt địa ngục.

(Lại trong bốn mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Đẳng Hoạt).

“*Tứ thập bách thiên*” là bốn trăm vạn. Lại trải qua bốn trăm vạn năm trong Đẳng Hoạt địa ngục. Đẳng Hoạt là một trong tám đại địa ngục, tức là trong tám địa ngục nóng, địa ngục thứ nhất là Đẳng Hoạt.

Chánh kinh:

Dư nghiệp vị tận.

(Nghiệp thừa chưa hết).

Đến đây nghiệp thừa vẫn cứ còn.

Chánh kinh:

Phục u nhị thập bách thiên tuế trung, sanh Hắc Thằng địa ngục.

(Lại trong hai mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Hắc Thằng).

Phía dưới Đẳng Hoạt là Hắc Thằng. Địa ngục này thọ tội so với địa ngục trên nhẹ hơn một chút, nhưng vẫn thuộc trong tám đại địa ngục.

Chánh kinh:

Phục u lục thập bách thiên tuế trung, sanh Thiêu Nhiệt địa ngục.

(Lại trong sáu mươi trăm ngàn năm, sanh trong địa ngục Thiêu Nhiệt).

Địa ngục Thiêu Nhiệt là địa ngục thứ sáu trong tám đại địa ngục. Địa ngục thứ bảy tôi không nói chi tiết, Phật Học Đại Từ Điển, kinh Địa Tạng, kinh Lăng Nghiêm, sách Pháp Uyển Châu Lâm đều có nói, tài liệu tham khảo rất nhiều. Thọ báo trong các địa ngục lớn nhỏ kể trên, tính theo thời gian trong nhân gian tổng cộng là một ngàn tám trăm vạn năm. Đây là tạo tội rất dễ dàng, thọ khổ thật dài lâu, có mấy ai biết chăng?

Chánh kinh:

Tùng bĩ một dĩ, hoàn đắc vi nhân.

(Từ đó chết đi, lại được làm người).

Từ địa ngục thoát ra, lại được làm thân người. Được thân người như thế nào?

Chánh kinh:

Ngũ bách thể trung, sanh manh vô mục.

(Trong năm trăm đời, mù từ lúc vừa sanh, không có mắt).

Tức là mới vừa sanh ra mắt đã mù, cả năm trăm đời! Đó là dư báo.

Chánh kinh:

Dĩ tàn nghiệp cố!

(Do tàn nghiệp vậy)

Đương nhiên người như vậy cuộc sống rất khốn khổ.

Chánh kinh:

Tại tại sở sanh, thường đa mộng độn.

(Sanh ở chỗ nào thường hay tối tăm, chậm lụt).

“Độn” là căn tánh chẳng lanh lợi. “Mông” là mờ mờ, mịt mịt, chẳng có trí huệ.

Chánh kinh:

Vong thất chánh niệm, chướng phú thiện căn, phước đức vi thiếu, hình dung xấu khuyết, nhân bất hỷ kiến, phỉ báng khinh tiện, hý lộng khi hiềm, thường sanh biên địa.

(Quên mất chánh niệm, che ngăn thiện căn, phước đức ít ỏi, hình dáng xấu xa, thiếu sút, người khác chẳng ưa trông thấy, phỉ báng, khinh rẻ, chọc gheo, coi thường, ghét bỏ, thường sanh nơi biên địa).

Đây là quả báo họ phải gánh chịu. Trong quá khứ họ từng chọc gheo người khác, nay được làm thân người bèn thuộc vào địa vị hèn hạ, cũng bị người khác phỉ báng, khinh rẻ, chọc gheo, khinh thường. “*Thường sanh biên địa*”: biên địa là nơi văn hóa lạc hậu phi thường, nói theo ngôn ngữ hiện tại, là nơi không có giáo dục, sống ở những nơi ấy không có cơ hội được hưởng sự giáo dục.

Chánh kinh:

Bần cùng hạ liệt, táng thất tài bảo, tư sanh gian nan, bất vị chúng nhân tôn trọng kính ái.

(Nghèo túng kém hèn, của cải tan mất, cuộc sống khốn khó, chẳng được mọi người tôn trọng, yêu kính).

Trong năm trăm đời tuy được thân người, nhưng chẳng qua chỉ là những năm tháng gian khổ.

Chánh kinh:

Tùng thử một dĩ, ư mạng hậu thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, hoàn ư biên địa, hạ liệt gia sanh.

(Từ đây chết đi, vào đời Mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, vẫn sanh trong nhà hèn kém ở nơi biên địa).

Lúc bọn họ lại được làm người nhằm lúc thời kỳ Mạt Pháp hiện tại của chúng ta. “Mạt ngũ bách niên” là năm trăm năm đầu tiên trong thời kỳ Mạt Pháp, cũng trong năm trăm năm thường được nói trong kinh này, trong thời gian ấy, họ vẫn sanh ra nơi biên địa, chẳng có Phật pháp. Do vì quá khứ báng pháp, nên chẳng có cơ hội nghe Phật pháp.

Chánh kinh:

Quý pháp cơ đồng, vị nhân phi báng, vong thất chánh niệm, bất tu thiện pháp. Thiết ư tu hành, đa chur lưu nạn. Tuy tạm phát khởi trí huệ quang minh, dĩ nghiệp chướng cố, tầm phục hoàn một.

(Tùng thiếu đời rét, bị người phi báng, quên mất chánh niệm, chẳng tu pháp lành. Cho dù tu hành, gặp nhiều tai nạn. Dù trí huệ quang minh có tạm phát khởi, do vì nghiệp chướng, bèn lại mất ngay)

Đây là nghiệp chướng sâu nặng, dù trí huệ vừa mới xuất hiện một chút, lập tức liền lại mê mờ quên mất, hoặc là bị người khác gây chướng ngại. Chướng duyên rất nhiều!

Chánh kinh:

Nhữ đẳng tùng bỉ ngũ bách tuế hậu, thị chur nghiệp chướng nhĩ nãi tiêu diệt.

(Các ông sau năm trăm năm ấy, các nghiệp chướng đó mới bèn tiêu diệt).

Có hiện tượng này là do họ thật sự giữ được sự giác ngộ. Bởi thế, giác mà chẳng mê, chánh chứ không tà, tịnh chẳng còn nhiễm, nghiệp chướng của họ tiêu diệt. Sau khi tiêu diệt lại y giáo tu hành, chắc thật niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, mới hòng thoát khỏi tam giới, mới hòng liễu sanh tử vĩnh viễn thoát luân hồi!

Chánh kinh:

Ư hậu đắc sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới. Thị thời bỉ Phật đương vị nhữ đẳng thọ A Nậu Đa La Tam Miệu Tam Bồ Đề ký.

(Sau đây được sanh về thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà. Lúc đó, đức Phật ấy sẽ thọ ký quả Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác cho các ông).

Câu này nói về sự thành tựu khi đã sanh về thế giới Cực Lạc.

2. Khi ấy các Bồ Tát liền phát mười ba hồng thệ, Phật tán thán ẩn khả

Chánh kinh:

Nhĩ thời, chư Bồ Tát đẳng văn Phật sở thuyết, cử thân mao thụ, thâm sanh ưu hối, tiệp tự vấn lệ, tiền bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Ngã kim phát lộ, hối kỳ quá cũu, ngã đẳng thường u Bồ Tát thừa nhân khinh mạn tạt nhuế, cập dư nghiệp chướng. Kim u Phật tiền, như tội sám hối, ngã đẳng kim nhật u Thế Tôn tiền, phát hồng thệ nguyện.

(Lúc bấy giờ, các vị Bồ Tát nghe lời Phật dạy, lông trên toàn thân dựng cả lên, sanh lòng buồn tủi, hối hận sâu xa, liền lau nước mắt, bạch trước Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Con nay bày tỏ, hối tội lỗi xưa. Chúng con thường đối với người hành hạnh Bồ Tát khinh mạn, ghét ganh, giận dữ, và [gây tạo] các nghiệp chướng khác. Nay đối trước Phật, đúng như tội mà sám hối, từ ngày hôm nay chúng con đối trước đức Phật phát lời thề rộng lớn)

Như trong phần trên đã nói: các vị Bồ Tát ngu si, nghiệp chướng sâu nặng ấy hữu ý hay vô ý gây tạo các thứ ác nghiệp. Thời gian họ tạo ác nghiệp tuy không lâu nhưng quả báo thật là kinh khủng quá! Trong kinh điển, thấy rất nhiều những lời chỉ dạy giống như ở đây, có sao người học Phật vẫn y như cũ chẳng biết kính sợ, thức tỉnh, vẫn cứ hủy phạm? Trong kinh này, đức Phật đã giảng tường tận sự việc này cho chúng ta, ta phải chú tâm quán sát: gây tạo ác nghiệp tựa hồ chẳng nghiêm trọng, vì sao quả báo lại nặng nề đến thế? Nếu chẳng thể thấu triệt hiểu rõ sự lý của việc này sẽ chẳng thể khiến chúng ta đoạn nghi sanh tín.

Chúng ta xem trong đoạn kinh văn trên đây, các vị Bồ Tát ấy nghe đức Phật nói xong, “lông trên toàn thân dựng đứng lên cả”; chúng ta thường nói là nghe xong “lạnh rợn da gà”. Hôm nay chúng ta nghe [lời Phật dạy] xong tình hình có giống như vậy hay không? Không cảm giác gì hết! Không có cảm giác thì gọi là chai lì bất nhân. Chúng ta phải hiểu đây là tội nghiệp, đừng có làm lần. Vì vậy biết là: Mười sáu vị Bồ Tát đó nghiệp chướng tuy bảo là nặng, nhưng so với chúng ta còn nhẹ hơn nhiều lắm lắm! Bọn họ nghe xong liền có cảm xúc như thế, chúng ta nghe xong dừng dừng, bọn họ còn có cách cứu, chúng ta hết cách cứu rồi!

Ở phần trước, đức Phật đã nói việc “kết tội” rất rõ ràng, kết tội với chẳng phải chỉ một người! Vì người gây tạo tội nghiệp là do ghen ghét, nóng giận, nên mới ác ý phỉ báng, đồn rao đặt chuyện, phá hoại đạo tràng, phá hoại tín tâm của đại chúng. Nhà Phật thường nói: “Giết mạng người tội còn nhẹ”. Bạn giết người là giết một người, giết một trăm người, cho đến giết một vạn người, một ngàn vạn người, tội nghiệp ấy vẫn chưa nặng lắm. Chứ cái tội đoạn Pháp Thân Huệ Mạng của một người rất nặng đấy!

Vì sao vậy? Nếu như người ấy có cơ hội ngay trong đời này được sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, một người sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới, người ấy sẽ làm Phật, làm Bồ Tát. Bạn phải biết là người ấy làm Phật, làm Bồ Tát sẽ trong hư không pháp giới độ không ít chúng sanh, chẳng phải chỉ ngàn vạn, ức vạn đâu nhé! Vì thế, nếu bạn chướng ngại Pháp Thân Huệ Mạng của một người, so với cái tội giết một ngàn người, một vạn người chẳng biết là nặng hơn đến thế nào. Điều này rất khó lãnh hội nổi. Phải nên quán sát tư duy cẩn thận mới hòng lãnh hội được đôi phần.

Cổ nhân thường nói: “Người không phải là hiền thánh, ai không làm lỗi?” Dù pháp sư có làm lỗi thì ông ta là người phạm, chưa phải là thánh nhân, huống hồ là pháp sư thật sự có lỗi làm hay là ông ta cố ý thị hiện như thế, ta đâu có biết? Phạm phu chúng ta đâu có hiểu rõ nổi!

Xưa kia, Thiên Thai Trí Giả đại sư đã nói rất hay, Ngài từng bảo: “Người làm pháp sư, người giảng kinh thuyết pháp, nói được nhưng chưa thể làm được, là quốc sư”. Ông ta nói được, nói rồi thì sao? Bản thân ông ta làm chưa được; dạy mọi người đoạn tham, sân, si, nhưng ông ta chưa đoạn tham, sân, si. Ta có nên tôn kính ông

ta hay chẳng? Phải tôn kính. Ông ta là quốc sư, là thầy của mọi người trong một nước. Vì lời dạy của ông ta đích thực là chánh pháp, lời dạy không sai lầm, chẳng phải là tà pháp. Nếu như chúng ta chịu học hỏi lời dạy ấy, quyết định được lợi ích. Đây là: “*Thanh xuất ư lam, nhi thăng ư lam*” (Màu xanh phát xuất từ màu lam, nhưng hơn hẳn màu lam). Học sinh thành tựu vượt hẳn ông thầy, chỉ cần lời ông ta dạy không phải là tà pháp thì ông là quốc sư vậy.

“*Nói được và làm được thì là quốc bảo*”: Quốc bảo ít, quốc sư nhiều. Cho nên đều phải tôn trọng, đừng thấy có chút tỳ vết bèn chẳng chấp nhận những lời dạy của ông ta. Ấy là đoạn pháp thân huệ mạng của chúng sanh, bởi thế mới gặp phải quả báo tàn khốc. Kinh nói hạng người như thế đọa địa ngục, từ địa ngục A Tỳ, Đẳng Hoạt cho đến Thiêu Nhiệt, tính theo thời gian trong cõi người là một ngàn tám trăm vạn năm, nhưng thật ra bọn họ thọ khổ, cảm thấy đúng là vô lượng kiếp, như ngạn ngữ nói là “*một ngày dài như cả năm*”. Vì thế họ cảm nhận thời gian trong địa ngục so với thời gian thật sự chẳng biết nhiều gấp bao lần.

Thời pháp là pháp bất định, mỗi cá nhân cảm nhận khác nhau, có người cảm thấy một năm khác nào vài ngày; trôi qua rất nhanh! Có người đang trong lúc khổ sở, hoạn nạn, thấy một năm dài dằng dặc. Phật dạy Thời chẳng phải là pháp bất định, hoàn toàn phụ thuộc vào nghiệp cảm của từng cá nhân. Tính ra, thiện căn của các Bồ Tát ấy sâu dày, nghe Phật dạy qua nhân quả báo ứng, toàn thân bèn rờn ớn.

“*Thâm sanh ư hối*” là sanh tâm hối hận.

“*Tiên tự vấn lộ, tiền bạch Phật ngôn: - Thế Tôn! Ngã kim phát lộ, hối kỳ quá cũu*”: “*Vấn lộ*” là dùng tay áo lau nước mắt. Bọn họ đối trước Phật phát lộ sám hối. “*Lộ*” là những tội nghiệp đã tạo trong quá khứ, hiện tại, chẳng giấu diếm mây may, đều nói ra hết. Sám hối tối khẩn yếu là từ nay trở đi, chẳng còn làm những việc lầm lạc như vậy nữa, chân chánh triệt để sửa lỗi đổi mới. Sám hối như vậy mới có công dụng. Quyết định chẳng làm điều lầm lỗi, đối trước đức Phật khẩn cầu sám hối. Nếu ngày mai vẫn làm như cũ, rồi lại sám hối thì chẳng có ích gì hết, tội lại càng thêm nặng; khác chi ngày ngày khinh dối Phật, Bồ Tát, đối trước Phật, Bồ Tát vọng ngữ. Vì thế, sám hối tối khẩn yếu là “*về sau chẳng làm nữa*”.

“*Ngã đẳng thường ư Bồ Tát thừa nhân*”: “*Bồ Tát thừa nhân*” là người hoằng pháp lợi sanh, trong đó có Bồ Tát xuất gia và Bồ Tát tại gia. Chẳng cần biết là xuất gia hay tại gia, người hoằng dương chánh pháp đều gọi là “*Bồ Tát thừa nhân*”, còn gọi là Đại Thừa Bồ Tát.

“*Khinh mạn tật nhuế, cập dư nghiệp chướng*”: Khinh là coi rẻ, khinh thị. Mạn là ngạo mạn. Tật là ghen ghét. Nhuế là nóng giận. Tật và Nhuế là giữ trong tâm, Khinh và Mạn là biểu hiện ra ngoài. Trong lòng ganh ghét, giận dữ, biểu hiện ra ngoài thành khinh rẻ, lảo xược, và các nghiệp chướng khác.

“*Kim ư Phật tiền, như tội sám hối*”: Tội lỗi đã tạo trong quá khứ, nay đối trước Phật phát lộ sám hối. Thế nào là pháp sám hối? Sửa lỗi đổi mới. Tiếp theo, các vị phát ra mười ba điều đại nguyện, đây là “*sửa lỗi*” một cách cụ thể. Xin hãy xem kinh văn, chúng ta phải hiểu đúng để học tập theo những điều này.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế.

(Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay đến đời vị lai).

Câu “*chí vị lai tế*” này rất khẩn yếu, bởi lẽ kinh này là kinh Đại Thừa, là pháp Bồ Tát, pháp Tiểu Thừa chỉ là “*tận hình thọ*” (đến hết một đời), pháp Đại Thừa chẳng thể nói là “*tận hình thọ*”, phạm vi của “*tận hình thọ*” quá nhỏ. “*Tận vị lai tế*” là đời đời kiếp kiếp ta đều tuân thủ, chứ chẳng phải chỉ một đời này! Đây mới là chân thật sám hối, triệt để sửa lỗi.

Chánh kinh:

Nhược w Bồ Tát thừa nhân, kiến hữu vi phạm, cử lộ kỳ quá.

(Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa, thấy có vi phạm mà nêu bày lỗi họ).

Điều tôi làm trước đây là thấy những Bồ Tát hoằng pháp lợi sanh chẳng cần biết là tại gia hay xuất gia, hễ họ phạm giới, làm điều lầm lỗi, tôi bèn “*cử lộ kỳ quá*” tức là phô bày lỗi lầm của họ, tuyên bố cho đại chúng biết khiến mọi người xa lánh vị Đại Thừa Bồ Tát ấy, chẳng muốn đến nghe nhận pháp người ấy nói, chẳng muốn học hỏi với người ấy nữa. Việc làm khi trước là do tâm ganh ghét gây chướng ngại, hiện tại từ nay trở đi chẳng dám làm chuyện sai lầm nữa. Nếu vẫn làm như vậy thì....

Chánh kinh:

Ngã đẳng tác vi khi cuồng Như Lai.

(Chính là chúng con khinh dối Như Lai)

Vẫn làm những chuyện ấy chính là chúng con khinh dối đức Thế Tôn. Điều này nêu đầu tiên vì đây chính là thí dụ về tạo nghiệp mà đức Thế Tôn đã nói trong phần trước. Đây là điều đầu tiên; điều này rất quan trọng. Hãy xem điều thứ hai.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật chí vị lai tế.

(Bạch Thế Tôn! Con từ hôm nay đến đời vị lai).

Mười ba đại nguyện, trước mỗi một điều đều là “*từng kim nhật chí vị lai tế*”.

Chánh kinh:

Nhược w Bồ Tát thừa nhân, hý lộng, cơ hiềm, khủng cụ, khinh tiện.

(Nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà bỡn cợt, chê ghét, đe dọa, khinh rẻ).

Câu này rất dễ hiểu, chúng tôi chỉ nói đôi chút. “*Khủng cụ*” ta thường nói là uy hiếp, lấn lướt.

Chánh kinh:

Ngã đẳng tác vi khi cuồng Như Lai.

(Tức là chúng con khi đối Như Lai).

Quá khứ thường phạm cái bệnh này, hoặc hữu ý hoặc vô ý. Vô ý làm sao phạm? Vô ý là từ vô thi kiếp đến nay, do ác tập khí, tự mình chẳng thể khống chế được, thường phạm những lỗi ấy. Câu thứ ba là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật chí vị lai tế, nhược kiến tại gia, xuất gia Bồ Tát thừa nhân, dĩ ngữ dục lạc du hý, hoan ngu, kiến thọ dụng thời, chung bất w bỉ ty cầu kỳ quá.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến tận vị lai, nếu thấy người thuộc Bồ Tát thừa dù là tại gia, hay là xuất gia, lúc thấy họ dùng thú vui ngũ dục để chơi bời, vui sướng hưởng thọ, con trọn chẳng bởi tìm lỗi họ).

Điều này rất khó được. “Ngũ dục” là tài, sắc, danh, ăn uống, ngủ nghỉ; người đời coi là sung sướng. Họ thấy Đại Thừa Bồ Tát xuất gia hay tại gia hưởng thọ ngũ dục thế gian, thú vui lục trần, trong quá khứ nếu thấy tình hình như vậy ắt bèn gây phiền phức, liền bói lỗi họ, liền trách lỗi họ, nắm lấy đó để phỉ báng họ, giày xéo họ. Từ nay trở đi hồi cải, chẳng những không tạo tội nghiệp như trong quá khứ, mà trái lại còn....

Chánh kinh:

Thường sanh tín kính, khởi giáo sư tưởng.

(Thường sanh lòng tin kính, tưởng như thầy dạy).

Dẫu cho họ có hưởng thọ ngũ dục, thú vui lục trần, chúng con vẫn cứ tin tưởng họ, vẫn cứ tôn kính họ, vẫn cứ thờ họ làm thầy để học theo, đây là cách sửa lỗi đổi mới cụ thể vậy.

Chánh kinh:

Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Nếu chẳng như vậy chính là chúng con khi đối Như Lai)

Trong điều này đặc biệt nêu ra xuất gia và tại gia. Người tại gia thị hiện thọ hưởng ngũ dục du hí vui chơi nhiều, người xuất gia so ra ít hơn. Với những chỗ hoan lạc trong thế gian, người xuất gia ít đi đến đó, nhưng tại gia Bồ Tát có thể đến được. Vì thế, đặc biệt nêu ra xuất gia và tại gia. Chúng ta học Phật thường thấy trong các kinh luật nói là hết thầy chúng sanh căn tánh chẳng giống nhau, chư Phật Bồ Tát độ chúng sanh, tức là tiếp dẫn chúng sanh, cũng phải dùng những thủ đoạn, phương pháp khác nhau. Ta là phàm phu mắt thịt không trí huệ, nhìn chẳng ra, lắm phen ta thấy dường như có những vị không tuân thủ giới luật, phá hoại thanh quy, chứ thật ra, [họ làm vậy] để độ một loại chúng sanh nào đó.

Trong lịch sử Trung Quốc, ai nấy đều biết thời cổ xuất hiện vị Tể Công Hoạ Phật. Cận đại, năm Dân Quốc thứ nhất (1911), pháp sư Diệu Thiện ở chùa Kim Sơn tỉnh Giang Tô được mọi người xưng là “Kim Sơn Hoạ Phật”. Hành vi của pháp sư Diệu Thiện chẳng khác Tể Công chi mấy, Ngài cũng thị hiện khùng khùng điên điên. Cảnh giới của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, bọn người bình thường ta trọn chẳng thể tưởng tượng, suy lường được nổi. Người như vậy nhất định phải tôn kính, nhất định phải thâm tín chẳng nghi. Quán sát kỹ ngôn hạnh của họ đều là Chánh Pháp, đều là dạy dỗ người liễu sanh thoát tử, thoát tam giới, chẳng hề chống trái với kinh giáo của Phật, chỉ là thủ đoạn của các Ngài chẳng tương đồng. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật chí vị lai tế, nhược ư Bồ Tát thừa nhân, xan thân hữu gia cập chư lợi dưỡng, nã bỉ thân tâm, linh kỳ bức bách, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến tận vị lai, nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa mà xén tiếc kẻ thân hữu và các lợi dưỡng, nã loạn thân tâm họ, bức bách họ, tức là chúng con khi đối Như Lai).

Đoạn này ý nói: vị đại đức hoàng pháp (chữ “Bồ Tát thừa nhân” bao gồm tại gia, xuất gia) nhất định có rất nhiều người tôn kính, cúng dường. “Thân hữu gia” là người thân cận, cúng dường, trong đó có thân thích, bạn bè của quý vị, có rất nhiều người quen biết. Quý vị thấy những người ấy cúng dường, tôn kính vị hoàng pháp,

trong tâm rất khó chịu. Sự việc này có thật, chẳng giả đâu, chúng tôi cũng từng thấy qua, rõ rệt nhất là ở những vị làm cha mẹ.

Mỗi khi pháp sư đến nhà tín đồ, con cái họ là tín đồ của pháp sư, thấy pháp sư đến liền quỳ lạy, cung kính, cúng dường, cha mẹ ở bên cạnh thấy vậy rất khó chịu! Con cái chẳng thèm lễ bái mình, cũng chẳng cúng dường mình, hằng ngày còn cộc cằn đối với mình khác chi người dung, ông là cái thá gì mà nó ngày ngày đến quỳ lạy, tiền bạc chẳng dễ kiếm gì lại đem cúng dường ông luôn, trong tâm bất phục! Vì vậy, trong lòng nghĩ cách gây chướng ngại.

“*Não bỉ thân tâm*” là khiến người đó sanh phiền não, bức bách kẻ đó, chuyện này rất thường thấy! Kinh này được đức Phật giảng vào ba ngàn năm trước đây, vào lúc đó còn có những chuyện như thế, huông hồ bây giờ? Nói thật ra, pháp sư dạy dỗ tín đồ thì trước hết phải dạy họ hiếu dưỡng phụ mẫu. Nếu quý vị đối với cha mẹ chẳng kính hiếu, đối với pháp sư lại kính hiếu, thì lòng hiếu kính ấy là giả, chẳng thật vậy. Lễ đâu đối với thân nhân của mình chẳng hiếu kính, lại đi hiếu kính người chỉ có quan hệ sơ sài, xa xôi đối với mình ư? Như vậy, xét về mặt Lý chẳng thông, trái nghịch luân lý. Vì thế, Phật dạy chúng ta điều thứ nhất là “hiếu dưỡng phụ mẫu”, điều thứ hai là “phụng sự sư trưởng”.

Đạo thầy trò kiến lập trên cơ sở hiếu đạo; pháp sư nhất định phải dạy bảo điều này. Nếu quả thật kẻ ấy ở nhà hiếu thuận cha mẹ thì khi pháp sư đến nhà kẻ ấy, cha mẹ kẻ ấy sẽ hoan hỷ. Chuyện đó, đạo lý đó chúng ta đều phải suy nghĩ kỹ, đều phải nỗ lực phản tỉnh, chẳng khiến chúng sanh gây tạo tội nghiệp. Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược u Bồ Tát thừa nhân dĩ nhất thô ngôn linh kỳ bất duyệt, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ nay trở đi đến đời vị lai, nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa dùng một câu thô lỗ khiến người ấy chẳng vui thì chính là chúng con khinh dối Như Lai).

“*Thô ngôn*” tức là lời lẽ thô lỗ, lời nói chẳng dễ nghe, khiến tâm người nghe khó chịu. Khẩu nghiệp này rất dễ phạm. Trong việc thanh tịnh ba nghiệp, kinh Vô Lượng Thọ xác lập điều thứ nhất của cương lĩnh tu hành là: “*Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê bai lỗi người khác*”. Trong ba điều tương đương với thân - ngữ - ý thì thân nghiệp lẽ ra đứng đầu, vì sao lại đặt ngữ nghiệp làm đầu? Đó là để chỉ rõ khẩu nghiệp dễ phạm nhất, cho nên đặt khẩu nghiệp làm điều thứ nhất.

Điều thứ sáu [trong mười ba hoàng thế nguyện] là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược u Bồ Tát thừa nhân trú dạ lục thời bất cần lễ sự, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai nếu đối với người thuộc Bồ Tát thừa, đêm ngày sáu thời chẳng siêng kính thờ, chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Năm điều trên là những điều thường vi phạm trong quá khứ và trong đời này. Đối với Đại Thừa Bồ Tát chẳng biết cung kính, chẳng biết thừa sự, lại còn dùng những tâm tư ghen ghét, ngạo mạn để đối xử với những người thuộc Bồ Tát thừa ấy. Từ điều thứ sáu trở đi, kể từ hôm nay chẳng những các tâm thái xấu xa, hèn kém ấy phải thay đổi, mà còn phải nhận thức đúng đắn, siêng năng cung kính, thừa sự. Bởi thế, họ mới phát nguyện “*đêm ngày sáu thời*” nghĩa là tâm cung kính ấy chẳng gián đoạn, chẳng lui sụt.

Siêng năng thừa sự. “Sự” là hầu hạ. Điều thứ bảy là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật chí vị lai tế, vị dục hộ trì thử hoàng thệ cố, bất tích thân mạng. Nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, vì muốn hộ trì hoàng thệ này cho nên chẳng tiếc thân mạng. Nếu chẳng như thế, chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Phần này nói đến “*hộ trì hoàng thệ*”, nghĩa rộng là cả mười ba điều, nghĩa hẹp là sáu điều trước. Phát thệ tôi nhất định phải làm được, chẳng những hiện tại phải làm được mà đời đời kiếp kiếp vĩnh viễn làm được. “*Chẳng tiếc thân mạng*” là nếu gặp phải chướng ngại, dầu có phải bỏ thân mạng cũng chẳng tiếc, tuyệt chẳng trái nghịch thệ nguyện của mình. Tiếp theo đây là một điều nữa:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật, chí vị lai tế, nhược ư Thanh Văn, cập Bích Chi Phật, dĩ khinh mạn tâm vị ư bỉ đẳng bất thắng ư ngã, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu đối với Thanh Văn và Bích Chi Phật, do tâm khinh mạn nói họ chẳng hơn được mình, chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Những điều ở phần trên là đối với Bồ Tát Đại Thừa, còn điều này là đối với Tiểu Thừa. Người tu học Đại Thừa hay khinh mạn Tiểu Thừa, thấy các pháp sư Tiểu Thừa đều hạ xuống một bậc, coi thường họ, khinh dễ họ, như vậy là sai lầm.

Đại Thừa Phổ Hiền Bồ Tát dạy chúng ta “*lễ kính chư Phật*”. Phạm vi của chữ “*chư Phật*” rộng lớn phi thường, trừ mình ra đều là chư Phật. Chư Phật bao gồm Phật quá khứ, Phật hiện tại, Phật tương lai. Hết thấy chúng sanh đều là Phật tương lai, há nào có đạo lý chẳng cung kính! Thanh Văn, Duyên Giác cũng là vị lai Phật, tuy hiện tại tu Tiểu Thừa, tương lai nhất định hồi tiểu hướng đại. Trong kinh Phật đã dạy: Người tu Tiểu Thừa sau khi chứng được quả A La Hán, sau hai vạn kiếp sẽ hồi tiểu hướng đại, còn Bích Chi Phật thì một vạn kiếp bèn hồi tiểu hướng đại, cho nên đều là vị lai Phật, há nên dùng tâm khinh mạn bảo họ chẳng phải là Như Lai ư? Chữ “*bỉ đẳng*” chỉ những người Tiểu Thừa ấy.

“*Bất thắng ư ngã*” (chẳng hơn được mình) nghĩa là coi họ chẳng bằng được mình vì mình tu Đại Thừa, họ tu Tiểu Thừa. Chẳng được sanh lòng ngạo nghễ, ngã mạn như thế. Sanh tâm như vậy là sanh phiền não, tâm chẳng thanh tịnh, chẳng bình đẳng, tạo thành chướng ngại nghiêm trọng cho việc tu hành của chính mình. Lại xem tiếp điều sau đây:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất thiện năng tồ phục kỳ thân, sanh hạ liệt tướng như Chiên-đà-la, cập ư câu khuyển, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu chẳng thể khéo dẹp yên cái thân, sanh ý tưởng hèn kém giống Chiên-đà-la và như chó má, chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Điều này rất trọng yếu mà cũng rất khó được. Phật pháp bảo căn bản phiền não, ngoài tham, sân, si là ngạo mạn. Ngạo mạn là phiền não lớn, là căn bản phiền não, thánh nhân thế gian và xuất thế gian đều thừa nhận loại

phiền não này có từ lúc ta mới sanh ra. Chúng sanh nào mà chẳng kiêu ngạo. Quý vị cứ thử xét kỹ trong cả đời mình, quý vị có làm nổi được chuyện là chẳng hề khởi lên ý niệm kiêu ngạo hay không?

Nho học biết kiêu ngạo là xấu nên Nho gia dạy người “*ngạo bất khả trường*”, tức là chẳng nên tăng trưởng ngạo mạn, nhưng không dạy ta đoạn ngạo mạn. Phật pháp dạy ta siêu việt thế gian, vì thế nhất định phải đoạn phiền não. Phiền não chẳng đoạn chẳng thể siêu thoát lục đạo luân hồi. Vì vậy, nếu quý vị muốn thoát khỏi luân hồi, cái tâm ngạo mạn này nhất định phải đoạn. Điều phát thế này chính là phương pháp để đoạn. Nho gia dạy người ty khiêm -- khiêm hư ty hạ (khiêm tốn, nhún nhường). Còn Phật dạy những vị ấy sám hối cũng là dạy dỗ chúng ta.

“*Khéo có thể dẹp yên cái thân*” tức là dẹp yên phiền não nơi tự thân, phải “*sanh ý tưởng hèn kém*”, “hèn kém” nghĩa là ta chẳng bằng người khác. Đối với chư Phật, Bồ Tát, đương nhiên ta chẳng bằng được; đối với Thanh Văn, Duyên Giác, ta cũng chẳng bằng. Địa vị thấp nhất trong Tiểu thừa là quả Tu Đà Hoàn (Sơ Quả), đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc của tam giới, sao ta so sánh được! Ta một phẩm phiền não còn chưa đoạn nổi! Ngay cả với hết thảy những người trong thế gian, mỗi một cá nhân đều có ưu điểm, đều có chỗ vượt trội hơn ta, lẽ nào khinh mạn người khác? Vì thế ta phải thường sanh ý tưởng kém hèn để hàng phục lòng cống cao ngã mạn của ta. Tiếp đó, kinh nêu lên hai tỷ dụ:

“*Chiên-đà-la*”: Xã hội Ấn Độ thời cổ, giai cấp bất bình đẳng, Chiên-đà-la là địa vị thấp hèn nhất trong bốn chủng tánh, thậm chí “*giống như chó má*”. Dùng phương pháp này để hàng phục tập khí phiền não cống cao, ngã mạn. Điều thứ mười là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật, chí vị lai tế, nhược tự tán thán, ư tha hủy thư, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(*Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu khen ngợi mình, chê bai người khác, chính là chúng con khinh dối Như Lai.*)

Đây là chứng bệnh chúng ta thường phạm: Tự khen mình, chê người. Học Phật cũng chẳng phải là ngoại lệ. Hiện tại chúng ta học pháp môn Tịnh Độ, biết là pháp môn Tịnh Độ thù thắng bậc nhất, các pháp môn khác chẳng sánh bằng. Nói như vậy là phạm vào lỗi khen mình, chê người. Tuy lời lẽ ấy, trong kinh điển ta thấy có lúc Phật cũng nói, tổ sư đại đức cũng thường giảng, nhưng các Ngài có ý riêng: khuyến khích, cổ vũ những người cùng tu pháp môn này, chứ chẳng phải là lời nói quyết định đối với bên ngoài, đặc biệt là ở những đạo tràng tông phái, pháp môn khác càng chẳng nên nói.

Bởi lẽ, chúng sanh căn tánh bất đồng, bọn họ là căn tánh học Thiên, họ tham Thiên cũng được thành tựu, họ niệm Phật cũng thành tựu. Giống như bệnh nhân, mắc bệnh mỗi người mỗi khác, cho nên dùng thuốc khác nhau, chỉ cần họ uống thuốc nào bèn lành bệnh, uống vô là hết bệnh thì thuốc ấy có lợi ích chân thật, hiệu quả chân thật. Đây là kiến thức thông thường người học Phật chúng ta phải hiểu rõ. Chúng ta gặp người học Thiên, nhất định phải khen ngợi tham thiên, gặp người học Giáo, nhất định phải khen ngợi học Giáo; khuyến khích họ, giúp đỡ họ mới là đúng. Trọn chẳng được phi báng, phi báng là sai lầm. Các vị nói Thiên chẳng tốt, Thiên là do Phật Thích Ca Mâu Ni truyền, chẳng phải là quý vị báng Phật sao?

Đã báng Phật ắt sẽ báng Pháp, cũng phi báng luôn người tham thiên, vậy là quý vị báng Phật, báng Pháp, báng Tăng! Quý vị phi báng Tam Bảo, dù có niệm Phật giỏi đến đâu cũng chẳng được vãng sanh. Điều này chúng ta nhất định phải hiểu cho rõ, cho thật minh bạch, trọn chẳng phạm lỗi khen mình chê người. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược bất bỏ úy, đầu tránh chi xứ, khứ bách do tuần, như tật phong xuy, ngã đẳng tặc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu chẳng đi khỏi chỗ đáng sợ, chỗ tranh chấp một trăm do tuần, như gió thổi nhanh, chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Đoạn kinh này dạy chúng ta nhất định phải biết tránh khỏi chỗ tranh đấu. Phạm chỗ nào có tranh chấp, chúng ta phải tránh xa. “*Trăm do tuần*” là lời thí dụ, chứ chẳng phải nhất định phải bỏ đi xa chừng đó, chủ yếu là ta phải tránh xa những nơi chôn ậy. “*Như gió thổi nhanh*” nghĩa là rất nhanh, xa lìa thật nhanh.

Học Phật tối khẩn yếu là tu tâm thanh tịnh, những chôn ậy nhất định gây trở ngại cho việc tu tâm thanh tịnh. Vì thế, Phật dạy chúng ta phải xa lìa, tránh đi. Cương lĩnh tu hành của Phật pháp là Giác, Chánh, Tịnh. Tông môn (Thiền) là từ cửa Giác mà vào, giác nhưng chẳng mê. Giáo là từ cửa Chánh mà vào, chánh tri chánh kiến. Tịnh Độ là từ tâm thanh tịnh mà vào, tịnh nhưng chẳng nhiễm. Tuy nói là Giác, Chánh, Tịnh, nhưng tuy một mà ba, tuy ba mà một. Có ai giác ngộ mà tà tri, tà kiến, có ai giác ngộ mà tâm chẳng thanh tịnh; bởi thế hễ đạt một sẽ đạt cả ba. Đây chính là “*pháp môn vô lượng, khác đường nhưng cùng về một chỗ*”.

Kinh Kim Cang dạy: “*Pháp môn bình đẳng, chẳng có cao thấp*” là nhằm ý này. Hễ quý vị đạt được một thì sẽ đạt tất cả. Vì thế, chúng ta đối với các pháp môn khác nhau đều phải khen ngợi thì mới đúng đắn, chúng ta phải nhớ kỹ điều này. Trong xã hội hiện tại, có rất nhiều chỗ tranh chấp, hễ gặp những chỗ như vậy chúng ta phải biết tránh né. Người ta thì đến tận đời vị lai, còn chúng ta mong mỏi trong một đời này tự mình thật sự “*cùng người không tranh, với sự chẳng cầu*”, tâm quý vị bèn thanh tịnh, đạo nghiệp mới có thể thành tựu, đạo nghiệp chính là tâm thanh tịnh. Điều thứ mười hai là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã tùng kim nhật, chí vị lai tế, nhược u trì giới, đa văn, đầu-đà, thiểu dục tri túc, nhất thiết công đức thân tự huyễn diệu, ngã đẳng tặc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, nếu với trì giới, đa văn, đầu-đà, ít dục biết đủ, hết thấy công đức mà tự mình vênh vào thì chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Trong điều phát thệ này, nếu tự nói ra sự thành tựu của chính mình, như là trì giới (giữ giới luật rất nghiêm), hoặc là đa văn (học rộng nghe nhiều), hoặc là tu khổ hạnh, Đầu Đà là khổ hạnh, “*thiểu dục tri túc, hết thấy công đức*” là ý nói tuy quý vị tu hành thành thực, có thành tựu, dầu có thành tựu trọn chẳng được ngạo mạn.

“*Thân tự huyễn diệu*” nói theo ngôn ngữ hiện thời là “đáng nên kiêu ngạo”. “Đáng nên kiêu ngạo” là xấu, tu dù có giỏi cũng chẳng nên kiêu ngạo. Vì sao chẳng nên? So với Bồ Tát, so với chư Phật Như Lai, còn thua xa lắm, quý vị có gì đáng để kiêu ngạo đâu? Những ai muốn thành Phật đều chẳng nên kiêu ngạo. Quý vị có chút thành tựu liền nghĩ là mình ghê gớm lắm, liền nghĩ mình đáng nên kiêu ngạo, vì thế quý vị chẳng thể tiến thêm nổi. Chẳng những không thể tiến bộ, trái lại ngày càng lui sụt, “*chẳng tiến ất lùi*”!

Bởi thế, câu nói “đáng nên kiêu ngạo” phổ biến trong đời là một câu nói tội tệ, cái quan niệm ấy khiến nhiều người tu hành bị đổ nhào. Bởi lẽ, dù quý vị có thành tựu, cứ hễ khởi kiêu ngạo bèn bị lôi vào trong tam ác đạo. Điều thứ mười ba là:

Chánh kinh:

Thế Tôn! Ngã từng kim nhật chí vị lai tế, sở tu thiện bản bất tự căng phạt, sở hành tội nghiệp tầm quý phát lộ, nhược bất nhĩ giả, ngã đẳng tắc vi khi cuồng Như Lai.

(Bạch đức Thế Tôn! Con từ ngày nay đến đời vị lai, gốc lành đã làm chẳng dám khoe khoang, tội nghiệp trót làm hổ thẹn bày tỏ. Nếu chẳng như thế, chính là chúng con khinh dối Như Lai).

Đoạn này là tổng kết, mà cũng là nói tổng quát. Hết thấy điều lành đã tu phải gìn giữ, giữ cho lâu dài, chẳng được tự hủy hoại. Gìn giữ như thế nào? Nhẫn nhục. Nhẫn nhục gìn giữ được hết thấy điều thiện.

Với tội nghiệp đã tạo phải hổ thẹn, phải biết phơi bày sám hối. Điều thệ nguyện này được biểu hiện trong sanh hoạt thường ngày qua khóa tụng sớm, tối. Mục đích của khóa sáng là nhắc nhở chính mình: Ngày hôm nay mình chiếu theo đúng lời Phật dạy để sống trọn một ngày, Phật dạy ta làm gì, ta phải nghiêm túc nỗ lực thực hiện, Phật bảo điều gì chẳng được làm, ngày hôm nay ta quyết định chẳng nên làm. Khóa tối là tự phản tỉnh, kiểm điểm, cả ngày hôm nay mình đối với người, đối với sự, đối với vật có điều gì chẳng tuân đúng lời Phật dạy. Điều gì làm đúng thì ngày mai mình phải tiếp tục gìn giữ. Nếu có chi làm lỗi, mình phải nhanh chóng sửa lỗi, đấy gọi là thực hành khóa tối. Thực hiện công khóa sớm tối như vậy là có công đức, đúng là người học Phật, chân chánh tu hành.

Khóa tối, khóa sáng chẳng phải là cầm quyển kinh đọc cho Phật, Bồ Tát nghe. Phật, Bồ Tát chẳng hoan hỷ nghe những điều ấy đâu! Kinh do Ngài giảng, cần gì quý vị phải niệm cho Ngài nghe. Rất nhiều người hiểu lầm ý nghĩa công khóa sáng tối, cứ tưởng sáng niệm một lượt cho Phật nghe, tối lại niệm nữa. Ngày ngày đều chẳng thiếu thì ta là học trò ngoan của Phật, Phật nhất định bảo hộ ta. Kỳ thật, quý vị đã tạo tội nghiệp mà tự mình chẳng biết. Tội nghiệp gì vậy?

Buổi sáng đối Phật, Bồ Tát một lần, buổi tối lại đối một lần nữa. Một năm là ba trăm sáu mươi lăm ngày, mỗi ngày chẳng khuyết, tội quý vị lớn lắm đó nghe! Phật, Bồ Tát thật sự chẳng ngồi đó, tượng đất đắp, gỗ khắc mà quý vị còn nhẫn tâm lừa dối, quý vị thử nghĩ coi tội lỗi mình nặng quá chừng! Quý vị chẳng học Phật, chẳng thực hành công khóa sáng tối thì chẳng mắc tội lỗi ấy, nay học Phật, thực hiện công khóa rồi cuộc lại đọa địa ngục A Tỳ mà vẫn chẳng hiểu vì đâu! Học Phật chẳng thể không rõ lý, chẳng thể cứ hồ đồ mê lý mà học, hồ đồ mê lý mà tu. Đây là mười ba hoàng thệ.

Trong đoạn kinh văn tiếp theo, đức Phật khen ngợi các vị Bồ Tát ấy, Phật thấy bọn họ thực sự có thể sửa lỗi đổi mới, quay đầu là bờ, đáng được khen thưởng.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn thân chư Bồ Tát: - Thiện tai! Thiện tai!

(Khi ấy, đức Thế Tôn khen ngợi các Bồ Tát: - Lành thay! Lành thay!)

Phật khen ngợi mười sáu vị Bồ Tát đã nói ở trên.

Chánh kinh:

Thiện nam tử! Thiện thuyết như thị giác ngộ chi pháp.

(Thiện nam tử! Ông khéo nói pháp giác ngộ như thế).

Biết lỗi lầm của mình chính là giác ngộ; trong nhà Phật thường gọi là “*khai ngộ*”. Mọi người nghe nói đến “*khai ngộ*” thường nghĩ là rất u huyền. Thế nào là khai ngộ? Biết cái bệnh, biết lỗi lầm của mình (tức là

những hành vi sai trái), sửa đổi cho đúng, người như vậy gọi là “*tu hành*”. Bởi vậy, quý vị phải biết là mỗi ngày ta đọc kinh, niệm Phật, lễ Phật có phải là tu hành hay không?

Không nhất định! Nếu như quý vị đối với mỗi hành vi sanh hoạt chẳng hề cải biến tí ti nào, vẫn hệt như cũ, dù mỗi ngày quý vị tụng kinh, niệm Phật, lễ Phật vẫn chẳng phải là tu hành, chẳng dính dáng gì đến tu hành cả! Quan niệm lầm lẫn, lời lẽ, hành vi sai trái của quý vị chẳng được sửa đổi cho đúng thì quý vị chẳng hề tu hành.

Ngàn vạn phần chẳng được nghĩ rằng mỗi ngày niệm mấy bộ kinh chính là tu hành, phải hiểu mới tu chẳng lầm. Khi chẳng niệm kinh thì tâm không kiêu ngạo, niệm kinh rồi bèn tưởng mình là ghê gớm lắm, tưởng mình lãnh hội được kinh Vô Lượng Thọ rồi là quý vị hiểu lầm rất xa. Sở dĩ quý vị không niệm kinh thì không có phiền não đó, chẳng tạo tội nghiệp; sau khi quý vị thuộc kinh rồi, ngày càng sanh phiền não, đến nỗi tạo tội nghiệp, đều là do hiểu lầm nghĩa chân thật của Như Lai. Ý Phật dạy quý vị đọc thuộc là để thường nhớ kỹ trong lòng, mỗi khi khởi tâm động niệm bèn nhớ đến lời Phật dạy răn: Ta có nên suy nghĩ như thế hay chẳng? Ta có nên nói lời như vậy hay chẳng? Ta có nên làm những việc đó hay chẳng? Mục đích của niệm kinh là như vậy.

Cho nên biết lỗi lầm của mình đây chính là thật sự giác ngộ. “*Khéo nói pháp giác ngộ như thế*”, giác ngộ rồi bèn quay đầu.

Chánh kinh:

Thiện phát như thị quảng đại thệ nguyện.

(Khéo phát thệ nguyện rộng lớn như thế).

Câu này chỉ mười ba thệ nguyện ở phần. Phát mười ba thệ nguyện là vì họ đã chân chánh hồi đầu, sửa lỗi đổi mới.

Chánh kinh:

Năng dĩ như thị quyết định chí tâm an trụ kỳ trung, nhất thiết nghiệp chương giai tất tiêu diệt, vô lượng thiện căn diệt đương tăng trưởng.

(Có thể dùng tâm quyết định như thế an trụ trong những thệ nguyện ấy, thì hết thảy nghiệp chương thảy đều tiêu diệt, vô lượng thiện căn cũng sẽ tăng trưởng).

Hai câu cuối này chúng ta rất thích nghe. Chúng ta biết nghiệp chương của mình rất nặng, làm sao tiêu nghiệp chương? Nay quý vị có “*tiêu nghiệp chương*” được hay chẳng? Quý vị phải học theo mười sáu vị Bồ Tát này, chẳng cần phải bươi móc thói tật của người khác, chỉ tìm tòi lỗi lầm của chính mình, tìm được lỗi rồi phải sửa đổi, nghiệp chương của quý vị bèn tiêu diệt, thiện căn của quý vị cũng tăng trưởng. Đó gọi là công phu.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn:

- Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát vị dục thanh tịnh chư nghiệp chương giả, đương phát như thị quảng đại thệ nguyện.

(Phật bảo Di Lặc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:

- Nay Di Lặc! Nếu có Bồ Tát nào muốn thanh tịnh các nghiệp chương thì nên phát thệ nguyện rộng lớn như thế)

Phật bảo Di Lạc Bồ Tát, ngụ ý bảo cùng mọi người chúng ta. Trong pháp hội ấy, Di Lạc Bồ Tát đại biểu cho đại chúng chúng ta, thay mặt ta thỉnh pháp, Ngài cũng thay cho đức Như Lai tuyên nói, chỉ dạy những lời dạy răn ấy.

Chúng ta muốn thanh tịnh thân tâm, tiêu diệt nghiệp chướng thì phải làm giống như các Bồ Tát đó, phải phát thệ nguyện rộng lớn. Do đấy biết rằng: Chúng ta đọc xong mười ba thệ nguyện, chẳng được nghĩ mười ba thệ nguyện ấy là của riêng mười sáu vị Bồ Tát kia, chẳng dính dáng gì đến mình, mà phải nghĩ đấy chính là điều mình suy niệm. Chúng ta phải chú tâm lãnh hội mười ba thệ nguyện ấy, biến các nguyện ấy thành nguyện của chính mình thì chúng ta bền thọ dụng được. Xem thấy những lỗi lầm của họ, nghĩ mình cũng phạm những lỗi lầm giống hết như thế. Họ giác ngộ, sao mình chẳng giác ngộ? Họ sửa lỗi, sao mình chẳng thể sửa lỗi? Phải đọc kinh như vậy mới được lợi ích chân thật!

Chánh kinh:

Nhĩ thời Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Phả hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng hộ trì thử nguyện, đương đắc viên mãn, bất thoái chuyển da?

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch cùng Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Nếu có kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân nào hộ trì những nguyện này, họ có sẽ được viên mãn, chẳng thoái chuyển chăng?)

Thật ra, Di Lạc Bồ Tát hỏi thay cho chúng ta. “*Thiện nam tử, thiện nữ nhân*” chỉ đại chúng hiện tiền chúng ta. Nếu như chúng ta cũng phát những thệ nguyện ấy, cũng làm theo những phương pháp ấy, chúng ta sẽ có được viên mãn hay chăng? Có được bất thoái chuyển hay chăng? Đấy là điều chúng ta rất quan tâm.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Nhược hữu thiện nam tử, thiện nữ nhân đẳng hành Bồ Tát đạo, hộ trì thử nguyện, ninh xả thân mạng, chung bất khuyết giảm linh kỳ thoái chuyển.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- Nếu có những kẻ thiện nam tử, thiện nữ nhân hành Bồ Tát đạo, hộ trì nguyện này, thà bỏ thân mạng, trọn chẳng khuyết giảm khiến bị thoái chuyển)

Trong đoạn này, đức Phật khẳng định rõ hành Bồ Tát đạo là tự hành, dạy người. Chính mình hành theo đúng lời Phật dạy dỗ. Chữ “hành” ấy phải nói cho rõ ràng cho mình bạch: theo đúng lời Phật dạy dỗ mà sanh hoạt, theo đúng lời Phật dạy mà sống hằng ngày, đó gọi là “*hành Bồ Tát đạo*”. Phật pháp gắn liền với sanh hoạt, tuyệt đối chẳng phải Phật pháp là Phật pháp, sanh hoạt là sanh hoạt, hai việc chẳng liên quan chi với nhau. Nếu thế thì chúng ta học theo làm chi? Sai lầm rồi!

Bởi lẽ, Bồ Tát đạo thuộc trong cuộc sống thường nhật, lìa khỏi sanh hoạt thì còn chỗ nào để tu hành nữa đây? Phải tu hành ngay trong cuộc sống thường nhật! Cuộc sống thường nhật gom lại chẳng ngoài ba phương diện đối người, đối sự, đối vật. Phàm trên ba phương diện ấy, do chính mình mê hoặc, không có trí huệ, tri kiến chẳng chánh, nên cách nghĩ, cách thấy, cách nói, cách làm đều sai lầm. Lời Phật răn dạy chính là để chúng ta

sửa đổi những lầm lạc ấy, đó gọi là “tu hành”. Bởi vậy, quý vị phải hiểu rằng mình sửa đổi cho đúng quan niệm đối với vật, đối với sự, sửa đúng cách nghĩ, cách thấy thì cuộc sống của quý vị sẽ đạt đến hạnh phúc mỹ mãn.

Học Phật thực tế phi thường: Cứ hề công phu đặc lực thì lập tức đạt được lợi ích thù thắng nơi Phật pháp. Có nhiều đồng tu học Phật, tôi thấy rất khó nhần. Mỗi phen gặp mặt, thấy tướng mạo người ấy mỗi năm một suy. Có người một năm không gặp, gặp lại thấy hom hem hơn so với năm ngoái. Những người như vậy đều là học Phật công phu chẳng đặc lực. Nếu quý vị học Phật công phu đặc lực thì quý vị phải thực sự thọ dụng được. Mỗi năm quý vị càng phải khỏe hơn, tướng mạo quý vị phải tươi tốt, vẻ mặt rạng rỡ, thân thể khỏe mạnh, đây là đạo lý nhất định đấy!

Đạo lý này luận trên phương diện thực tế chẳng khó hiểu chi. Trong kinh Phật thường dạy “*tướng tùy tâm chuyển*”. Tướng mạo chẳng tốt là quý vị dụng tâm chẳng khéo. Tâm quý vị phải chân thành, thanh tịnh, từ bi, thì nhất định tướng mạo quý vị nhất định ngày càng giống Phật, chẳng khác với Phật mấy (quý vị thấy tướng mạo Phật, Bồ Tát rất viên mãn!) Thể chất quý vị nhất định mỗi ngày phải khỏe mạnh hơn, mỗi ngày một tốt đẹp hơn là quý vị học Phật công phu đặc lực, quý vị thật sự thọ dụng được.

Tâm thanh tịnh chuyên được nghiệp, chuyên nghiệp biểu hiện cụ thể nơi thân thể, thân thể mình có chuyên biến hay không? Nay thường nói là biến đổi thể chất; thể chất có thể chuyên biến. Thể chất ấy biến đổi theo tâm.

Hết Phần 1

(1) Khi phiên âm chúng tôi chấm câu theo mạch văn, chứ không bốn chữ chấm câu theo bốn chữ một như trong bản Hoa văn.

Tần Già tạng là Đại Tạng kinh được khắc in bởi tinh xá Tần Già ở Thượng Hải vào năm 1911 đời Thanh, mãi đến năm 1920 mới hoàn thành. Bản này lấy bản của Hoàng Giáo Viện ở Nhật Bản làm chính, tham chiếu các bản Kinh Sơn, Càn Long Đại Tạng kinh. Tạng này gồm 414 tập, 1.916 bộ, 8.416 quyển.

Đại Chánh Tạng là gọi tắt của Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng kinh do hiệp hội Đông Kinh Đại Chánh Nhất Thiết Kinh San Hành Hội biên tập và ấn hành từ năm 1924 đến năm 1934. Tạng này gồm 100 tập, khoảng 3.493 bộ, 13.520 quyển. Bản này đối chiếu các tạng trước đó như Thục Bản, Càn Long Tạng... và các kinh điển bằng nguyên gốc tiếng Phạn và Pali nên được coi là tạng tốt nhất, tiêu chuẩn nhất để tham cứu kinh điển. So với Tần Già Tạng, bản này còn có ưu điểm là đã thu thập cả những trước tác của chư cổ đức Nhật Bản, Đại Hàn và một số bản nghi quỹ, tán vịnh của Phật giáo Tây Tạng.

Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo Kinh Lược Giảng, phần 2

3. Di Lạc Bồ Tát nhân đó hỏi Bồ Tát đời mạt thành tựu mấy pháp để được an ổn độ thoát

Tiếp theo đây là đoạn thứ năm, kinh văn không dài, chỉ có một hàng rưỡi.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Nhược hữu Bồ Tát u hựu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu kỹ pháp, an ổn vô nã, nhi đắc giải thoát.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- *Bạch đức Thế Tôn! Nếu có Bồ Tát trong đời mạt sau, trong năm trăm năm, khi pháp sắp diệt, phải thành tựu mấy pháp để an ổn, không phiền não hồng được giải thoát).*

Tôi nghĩ đây cũng là vấn đề chúng ta quan tâm phi thường. “*U mạt hậu thế, ngũ bách tuế trung*” là nói đến năm trăm năm đầu tiên trong thời kỳ Mạt Pháp gọi là “*ngũ bách tuế trung*”. Trong pháp vận của Phật Thích Ca Mâu Ni, Chánh Pháp tồn tại một ngàn năm, Tượng Pháp một ngàn năm, Mạt Pháp là một vạn năm. Năm trăm năm đầu của thời kỳ Mạt Pháp, nói chính xác là hai ngàn năm trăm năm sau khi đức Phật diệt độ. Bởi thế, câu này chính là đề giảng cho thời đại hiện tại của chúng ta.

“*Pháp dục diệt thời*”: Diệt ở đây không phải là thật diệt, mà là Phật pháp ngày càng suy thoái. Chúng ta xem thấy Phật pháp trong xã hội hiện đại, đúng là “*pháp sắp diệt*” như đức Phật đã nói. Đừng tưởng Phật pháp tại Đài Loan hưng thịnh phi thường, tướng hưng thịnh ấy là giả, chẳng thật đâu, chỉ có thể nói là Phật pháp tại Đài Loan náo nhiệt mà thôi! Xưa kia, lão cư sĩ Hoàng Niệm Tô (cụ chưa từng đến Đài Loan) giảng kinh thuyết pháp ở Bắc Kinh đã công khai bảo mọi người: “*Phật pháp tại Đài Loan là giả, chẳng phải thật. Phật pháp chân chánh nằm ở Hoa Lục*”. Tôi đến Bắc Kinh, thỉnh chúng đem câu nói ấy hỏi tôi: “Phật pháp tại Đài Loan có phải là giả hay không?”

Chư vị hãy để tâm quan sát một phen: Phật pháp ở Đài Loan rốt cuộc là thật hay chỉ là giả? Phật pháp chân chánh dạy người liễu sanh tử, thoát tam giới, còn Phật pháp giả dạy người tiếp tục gây tạo lục đạo luân hồi. Người Đài Loan tu phước rất nhiều, người tu đạo rất ít. Người tu phước nhiều thì phước báo tu được ấy sẽ hưởng cách nào? Vấn đề này lớn lắm nghe!

Đời sau có lại được làm người nữa hay không là một vấn đề lớn. Đời sau nếu chẳng được làm thân người thì vẫn có phước báo. Trong đường súc sanh có rất nhiều phước báo đó chứ! Chúng ta chẳng cần phải tự hào mình phước báo rất lớn; thật ra, nghĩ lại, bọn ta phước báo không bằng súc sanh đó nghe! Quý vị có thấy người ngoại quốc nuôi các con thú cưng chưa? Không ít người phục dịch, chăm sóc chúng. Chúng ta đến những chỗ đó, có ai chiếu cố mình chẳng? Nghĩ ra, mình phước báo chẳng bằng chúng! Quý vị thấy những con mèo nhỏ, con chó nhỏ đó được chăm sóc chu đáo thì phước báo của chúng do đâu mà có? Là do đời trước tu đầy. Quan sát nhiều sẽ hiểu rõ, quý vị phải nên thức tỉnh.

Đoạn kinh này nói trong thời đại Mạt Pháp, chúng ta cần phải thành tựu mấy pháp mới hồng đạt được “*an ổn, không phiền não, đạt được giải thoát*”. Ở đây, “*giải thoát*” là siêu thoát luân hồi lục đạo. Điều thứ hai là gì? Lại còn phải tiến lên, vượt khỏi mười pháp giới thì mới là giải thoát rốt ráo. Bởi lẽ siêu thoát lục đạo luân hồi vẫn chưa rốt ráo, nhất định phải siêu việt mười pháp giới. Pháp môn Tịnh Độ vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới chính là siêu thoát mười pháp giới, Tây Phương Tịnh Độ chẳng thuộc trong mười pháp giới.

4. Phật đáp: Dùng hai loại “bốn pháp” để được giải thoát

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lặc Bồ Tát ngôn:

- *Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát w hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.*

(Đức Phật bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

- *Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, nên thành tựu bốn pháp sẽ được an ổn, không phiền não, được giải thoát).*

Trong đoạn này, Phật dạy chúng ta bốn nguyên tắc trọng yếu phi thường, ta cần phải tuân thủ. Chẳng cần biết là tu học pháp môn nào, nếu trái nghịch, vi phạm bốn nguyên tắc này thì quý vị đều chẳng thể tu học thành tựu.

Chánh kinh:

Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Ư chư chúng sanh, bất cầu kỳ quá.

(Những gì là bốn? Chính là: Với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ).

Chẳng những chỉ đối với các vị Đại Thừa Bồ Tát, mà đối với hết thảy chúng sanh đều chẳng nên bới tìm điều đáng bực, đều chẳng nên tìm lỗi lầm của họ. Câu này giống như câu Lục Tổ đã nói trong Đàn Kinh: “*Nếu là người thật sự tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Người chân chánh tu đạo, trong mỗi một niệm chỉ quan tâm đến chánh niệm của chính mình, có thời gian đâu để thấy lỗi người khác cơ chứ! Chúng ta phải nhận rõ điểm này, thấy lỗi người khác tức là mình có lỗi sờ sờ. Nếu tâm quý vị thanh tịnh không có phiền não, làm sao quý vị thấy lỗi người khác được? Nếu một phen tiếp xúc với cảnh giới bên ngoài mà trong tâm phiền não bèn hiện hành, thì đây là do “*thấy lỗi người khác*”.

Bởi thế, Phật thấy hết thảy chúng sanh đều là Phật, Bồ Tát thấy hết thảy chúng sanh đều là Bồ Tát. Bọn ta là hạng nghiệp chướng sâu nặng, thấy chư Phật, Bồ Tát nghiệp chướng cũng sâu nặng luôn! Đây chính là điều Phật dạy “*tướng tùy tâm chuyển*”. Bởi thế, quý vị thấy cảnh giới bên ngoài tướng trạng ra sao sẽ biết rõ tâm mình như thế nào. Quý vị thấy ai cũng có lỗi lầm nghĩa là chính mình lầm lỗi vô lượng vô biên. Khi nào thấy hết thảy chúng sanh đều chẳng có lầm lỗi thì xin chúc mừng quý vị, quý vị đã thành Phật rồi! Điều này rất khẩn yếu đây! Vì thế mới nói “*với các chúng sanh, chẳng tìm lỗi họ*” chính là điều thứ nhất người tu hành phải tuân thủ. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Kiến chư Bồ Tát hữu sở vi phạm, chung bất cử lộ.

(Thấy các Bồ Tát có vi phạm gì, trọn chẳng nêu bày)

“*Bồ Tát*” ở đây là người hoằng dương chánh pháp. Bất luận là tại gia Bồ Tát hay xuất gia Bồ Tát, cũng chẳng cần biết người ấy là Bồ Tát thật hay Bồ Tát giả, chỉ cốt những điều người ấy giảng là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp, dầu cho người ấy có lầm lỗi chi, cũng chẳng nghe, chẳng hỏi đến, vẫn cứ sanh tín tâm thanh tịnh, tâm cung kính đối với người ấy. Điều này rất trọng yếu. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Ư chư thân hữu, cập thí chủ gia, bất sanh chấp trước.

(Với các thân hữu, và hàng thí chủ, chẳng sanh chấp trước).

Đối với thân hữu, thí chủ cúng dường pháp sư, nếu chẳng chấp trước thì chẳng tạo thành chướng ngại. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Vĩnh đoạn nhất thiết thô quán chi ngôn.

(Vĩnh viễn dứt trừ hết thảy lời lẽ thô lỗ, hung tợn).

“Thô” là lời lẽ thô lỗ. “Quánh” là lời lẽ hung ác. Chẳng được có thái độ như thế.

Chánh kinh:

***Di Lạc! Thị vi Bồ Tát u hựu mạng thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp an ổn vô
nãi, nhi đắc giải thoát.***

*(Này Di Lạc! Đây là Bồ Tát vào đời mạng sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp an
ổn không phiền não mà được giải thoát).*

Chỉ cần giữ đúng bốn pháp này mà hành theo thì đạo nghiệp của quý vị có thể thành tựu.

Chánh kinh:

Nhĩ thời Thế Tôn, dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng)

Thê lệ Phật dùng để thuyết kinh chẳng giống với cách mọi người chúng ta trước tác văn chương. Trong kinh Phật, có Trường Hàng (văn xuôi), có Kệ tụng, có lúc còn có cả Chú Ngữ. Dụng ý Ngài rất sâu. Kệ tụng gần giống như thi ca Trung Quốc, cũng có gieo vần, nhưng không câu nệ bằng trắc, mục đích là thuận tiện nhớ tụng. Nhân vì Phật khai thị điều gì rất trọng yếu xong, sợ bọn ta quên tuốt, kinh văn cũng có lúc chẳng nhớ kỹ hết, Ngài bèn dùng Kệ tụng cho dễ thuộc, cho thường nhớ mãi trong tâm, để hết thầy lúc, hết thầy nơi đâu y giáo phụng hành. Vì thế, Phật bèn nói bốn câu sau đây:

Chánh kinh:

Bất cầu tha quá thất,

Diệc bất cử nhân tội,

Ly thô ngữ, xan lận,

Thị nhân đương giải thoát.

***Di Lạc! Phục hữu Bồ Tát u hựu mạng thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, đương thành tựu tứ
pháp an ổn vô nãi, nhi đắc giải thoát.***

(Chớ tìm cầu lỗi người,

Cũng đừng cử tội người,

Lìa lời thô, keo bẩn,

Người ấy sẽ giải thoát.

*Này Di Lạc! Lại có Bồ Tát vào đời mạng sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, nên thành tựu bốn pháp
sẽ an ổn, không phiền não, mà được giải thoát).*

Tiếp theo đây, đức Phật nói bổ sung bốn câu kinh cũng trọng yếu phi thường. Trong phần trên, đức Phật nói bốn pháp, trong phần này lại nói bốn pháp nữa, tổng cộng là tám câu. Trong thời hiện tại chúng ta phải giữ gìn được tám điều này thì học Phật mới có thể thành tựu, chẳng lui sụt.

Chánh kinh:

Hà đẳng vi tứ? Sở vị: Bất ưng thân cận giải đãi chi nhân.

(Những gì là bốn? Chính là: Chẳng nên thân cận người biếng nhác).

Chúng ta thường thân cận hạng người ấy, họ sẽ ảnh hưởng đến sự tu học của ta. Chúng ta là phàm phu sơ học, chẳng có định lực, chẳng có trí tuệ, vì thế giao du phải chọn lựa người. Có khá nhiều bạn đồng tu đối với điều này chẳng hề để tâm cảnh giác, bị hoàn cảnh xoay chuyển, đáng tiếc vô cùng! Đây chính là điều ta thường gọi là “nhân tình Phật sự”, nó có ảnh hưởng rất lớn đối với phàm phu sơ học. Học Phật ắt cần phải có lý tánh, thói tình phải buông xuống được thì mới có thể thành tựu. Pháp thứ nhất đây nhắm vào ý đó. Phạm vi của chữ “giải đãi” rộng phi thường, quý vị có nhận ra chưa? Giải đãi, lười biếng có phải là mỗi ngày ngủ dậy thật trễ hay chẳng? Đối với hạng người ấy, đương nhiên quý vị chẳng thể thân cận: Họ còn bận ngủ, họ cũng chẳng kể cận quý vị được.

Vậy thì ai mới là kẻ giải đãi? Trước đây, Ấn Quang đại sư từng giảng là kẻ nào ưa đến đạo tràng, ngày ngày la cà đạo tràng, ngày ngày tìm náo nhiệt. Vì sao họ là kẻ giải đãi? Họ giải đãi đối với việc tu đạo, biếng nhác tu định. Kẻ chẳng tu định, tu huệ, cứ ngày ngày đuổi theo náo nhiệt thì gọi là “kẻ giải đãi”. Bởi thế, chẳng được hiểu lầm ý nghĩa đoạn kinh này. Quý vị xem trong Văn Sao, trong Vĩnh Tu Lục sẽ thấy mỗi khi lão hòa thượng vừa thấy đệ tử quy y đến thăm, Ngài liền quở mắng:

- Ngươi đến đây làm chi?

- Con đến gặp sư phụ.

- Trước kia ngươi gặp sư phụ rồi, còn đến đây làm chi nữa? (Ngài quát quay về). Đến chỗ bon chen, tâm cũng loạn động theo, bảo ngươi ở nhà chắc thật niệm Phật, ngươi chẳng chịu niệm, ngươi còn muốn đến chùa miếu gặp sư phụ, có gì hay mà xem! Đó gọi là “giải đãi”.

Sở dĩ Ấn Quang đại sư nói ra điều gì, ai nấy đều rất tôn kính là vì pháp giáo hóa của Ngài chưa có ai đề xướng cả. Hiện thời, các đạo tràng mong mỗi tín đồ đông đảo, tín đồ không đến làm sao duy trì được đạo tràng. Bởi thế, con người hiện tại đều chuộng náo nhiệt. “*Náo nhiệt*” chính là giải đãi; đối với tu định, tu huệ, tu tâm thanh tịnh mà giải đãi. Ở đây, Phật dạy chúng ta chớ nên thân cận những kẻ như thế, đừng ngày ngày bắt chước họ khiến cho tâm bị loạn động. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Xã ly nhất thiết hội náo chi chúng.

(Rời bỏ hết thảy các chúng ồn náo).

Không nên “*ưa thích náo nhiệt*” không chỉ có nghĩa là không ưa thích những nơi ăn chơi vui vẻ trong thế gian mà đối với ngay cả những chỗ hoan hỷ náo nhiệt nơi cửa Phật cũng chẳng nên ham mến. Nói chung, điều gì trái nghịch với Giới, Định, Huệ; trái nghịch với Giác, Chánh, Thanh Tịnh đều là giải đãi, ồn náo. Bởi thế, đoạn văn này dung hàm ý nghĩa rất sâu, rất rộng.

Mục đích của chúng ta là cầu giải thoát, cho nên phải hiểu rõ hai chữ “*giải thoát*” này. “Giải” là cởi mở. Cởi mở cái gì? Cởi bỏ phiền não. “Thoát” là thoát ly lực đạo luân hồi. Mục đích của việc học Phật là đây. Nếu quý vị chẳng nghĩ đến giải thoát thì chẳng sao, cứ việc ngày ngày lặn vào nơi náo nhiệt. Còn ai là kẻ thật sự mong liễu sanh tử, thật sự niệm Phật cầu vãng sanh Cực Lạc thế giới thì nhất định phải tuân thủ lời dạy này.

Trước đây, trong kỳ Phật thất, Đàm Hư đại sư đã từng kể cho chúng tôi nghe đôi ba chuyện cũ, đều là chuyện thật. Ngài kể một đồ đệ niệm Phật của lão pháp sư Đê Nhân, xuất thân là thợ đóng đai thùng, niệm Phật ba năm bèn đứng mà vãng sanh. Người ấy chưa từng đọc sách, chẳng hề biết chữ, chỉ là một người rất chân thật. Sau khi xuất gia, lão hòa thượng chỉ dạy ông ta sáu chữ “nam mô A Di Đà Phật”, chứ chẳng dạy điều gì khác, chỉ dặn dò: “*Ngươi cứ niệm một câu Phật hiệu này, niệm mệt thì nghỉ, nghỉ ngơi xong lại niệm tiếp*”. Quả nhiên, người ấy ở trong một tòa miếu hư nát, không ra khỏi cửa lớn, niệm một câu Phật hiệu suốt ba năm, chẳng bệnh tật gì, biết trước lúc mất, bèn đứng vãng sanh. Vãng sanh rồi vẫn đứng suốt ba ngày để đợi lão hòa thượng Đê Nhân thay mình lo việc hậu sự.

Ông ta dựa vào đâu để thành tựu? Chính là chẳng thân cận kẻ giải đãi, rời bỏ hết thầy các chúng ồn náo; bởi thế nói giải thoát chẳng khó, nhưng sao ngày nay chúng ta học Phật khó khăn đến thế? Đó là vì chúng ta đã phạm phải lỗi lầm sau đây: hằng ngày đua theo nhiệt náo, coi chuyện đua chen nhiệt náo là làm Phật sự. Quý vị nói coi: đó có phải là vớ vẩn hay chẳng? Quan niệm sai lầm rồi!

Chánh kinh:

Độc xử nhàn tịnh, thường cần tinh tấn.

(Ở riêng chốn thanh vắng, thường siêng tinh tấn).

Ấy là thật sự mong liễu sanh tử, xuất tam giới, thật sự mong giải quyết xong vấn đề ngay trong một đời. Quý vị phải nhận biết niềm vui tịch tĩnh; hoàn cảnh thanh tịnh chính là sự hưởng thọ tối cao của nhân sanh, trong ấy có niềm vui chân thật. Thế nào là tinh tấn? “Tinh” là tinh thuần, chuyên nhất. “Tấn” là chẳng lùi. Hiện tại người học Phật chúng ta thấy cũng rất siêng gắng, nhưng chẳng phải là tinh tấn, mà chỉ là tạp tấn, loạn tấn, nên chẳng được thành tựu. Muốn thành tựu thì phải thâm nhập một môn. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Dĩ thiện phương tiện, điều phục kỳ thân.

(Dùng phương tiện khéo điều phục cái thân).

Phương tiện khéo léo điều phục cái thân, trong phần kệ tụng ở sau, ta sẽ thấy ý nghĩa này rõ hơn nữa. Câu kệ “*tịch tĩnh, thường tri túc*” ý nói điều phục cái thân, biết đủ thường vui, cuộc sống rất dễ chịu. Có áo để mặc, có cơm ăn no ba bữa, có căn phòng nhỏ để đậy nắng che mưa, là đủ quá rồi, chẳng cần chi hơn nữa. Có cầu thêm thì chỉ là cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, cầu thấy A Di Đà Phật, ngoài ra chẳng cầu cái gì khác nữa. Tâm quý vị định rồi, quý vị sẽ thật sự hưởng thọ an lạc.

Dùng phương pháp ấy để điều phục cái thân, những chuyện người đời tranh giành đều là giả, đều chẳng mang theo được, đều tranh chẳng được, đều là ngu si tạo tác tội nghiệp. Người thật sự hiểu thấu, người giác ngộ sẽ chẳng thèm tranh nữa, đều buông xuống hết, nhất tâm hướng về đạo. Hướng về đạo là hướng về cái tâm thanh tịnh, hướng đến nguyện vọng cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới của chính mình.

Trên đây là đức Phật vì chúng ta lại nói thêm bốn pháp vậy.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị vi Bồ Tát u hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, pháp dục diệt thời, thành tựu tứ pháp, an ổn vô não, nhi đắc giải thoát.

Nhĩ thời, Thế Tôn dục trùng tuyên thử nghĩa, nhi thuyết kệ ngôn:

- Đương xả u giải đãi,

Viễn ly chư hội não,

Tịch tĩnh, thường tri túc.

Thị nhân đương giải thoát.

(Này Di Lạc! Đây là Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, lúc pháp sắp diệt, thành tựu bốn pháp, an ổn, không phiền não, bèn được giải thoát.

Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn muốn nhắc lại nghĩa này, bèn nói kệ rằng:

- Hãy bỏ rời giải đãi,

Xa lìa các ồn não,

Tịch tĩnh, thường biết đủ,

Người ấy sẽ giải thoát)

Phật dùng kệ tụng nhắc lại lần nữa những pháp nghĩa ở trên.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn thuyết thử kệ dĩ, cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Thị cố Bồ Tát u hậu mạt thế, ngũ bách tuế thời, dục tự vô não, nhi đắc giải thoát, trừ diệt nhất thiết chư nghiệp chướng giả.

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn nói bài kệ ấy xong, bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lạc! Vì thế các Bồ Tát vào đời Mạt sau, trong năm trăm năm, muốn tự không phiền não, lại được giải thoát, trừ diệt hết thảy nghiệp chướng thì...)

Đoạn kinh văn này dùng để tổng kết các đoạn kinh văn trên. Di Lạc Bồ Tát thay chúng ta thỉnh giáo đức Thế Tôn: trong thời kỳ Mạt Pháp (tức là trong xã hội hiện đại đây), chúng ta học Phật phải nên tu bao nhiêu pháp mới hồng gìn giữ an ổn, được độ thoát? Đức Thế Tôn dạy chúng ta tu bốn pháp, nói xong lại dạy thêm bốn pháp nữa; tổng cộng là tám pháp. Ngài nói xong lại phó chúc Di Lạc Bồ Tát, chứ thật ra là phó chúc mọi người chúng ta, Di Lạc Bồ Tát là người thay mặt cho chúng ta. Đoạn kinh này trọng yếu phi thường.

Nói “*trong đời mạt sau, lúc năm trăm năm*” là nói đến xã hội hiện tại. Nếu chúng ta muốn được không phiền não, mong đạt giải thoát - hai chữ “*giải thoát*” này rất trọng yếu - chúng ta đọc [chữ Giải theo âm Quan Thoại] là xiề thì sẽ thành động từ, còn nếu đọc là jiè sẽ thành danh từ; tháo gỡ, dứt bỏ phiền não nên gọi là “*giải trừ*”. “*Thoát*” là liễu thoát lục đạo sanh tử luân hồi mới kể là thành tựu. Nếu chẳng đoạn phiền não, chẳng thể liễu thoát sanh tử luân hồi, chẳng được kể là thành tựu, bất luận tu pháp môn gì, tu giỏi đến đâu cũng chẳng thành tựu, quý vị vẫn cứ phải sanh tử luân hồi y như cũ. Bởi thế, hai chữ “*giải thoát*” trọng yếu phi thường, có thể nói nó chính là mục tiêu tu học hiện tiền của chúng ta.

Điều thứ hai là “*trừ diệt hết thảy nghiệp chướng*”. Tôi tin là người có nguyện vọng đạt mục tiêu thứ nhất “*liễu sanh tử*” chẳng có mấy, dường như mục tiêu thấp nhất là “*tiêu nghiệp chướng*” thì mọi người đều mong. Ít người mong mỗi liễu sanh tử, nhưng mong tiêu nghiệp chướng lại rất phổ biến. Nếu như quý vị mong tiêu trừ hết thảy nghiệp chướng thì có tám pháp như vậy, đủ thấy tám pháp ấy trọng yếu phi thường. Tiếp theo đây, Phật nói:

Chánh kinh:

Ứng dương xả ly hội não chi xứ.

(Phải nên lìa bỏ những nơi ồn náo).

Phải lìa bỏ những nơi ồn náo. Chúng ta là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân tái lai. Các vị Phật, Bồ Tát tái lai tu hành chẳng giống chúng ta, mà là: “*Trong pháp Đại Thừa, ở trong chỗ nhiệt náo mà lìa nhiệt náo*”, chẳng phải là điểu người bình thường [làm được]. Nếu ta học đòi các Ngài, xa lìa ồn náo trong chỗ ồn náo, ta nhất định đọa địa ngục A Tỳ; bởi thế, chắc chắn là chẳng học được.

Cuối bản kinh này có nói: Sơ nghiệp Bồ Tát chẳng giống như huệ hạnh Bồ Tát. Huệ hạnh Bồ Tát phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Hạnh của các vị Pháp Thân đại sĩ nói trong kinh Hoa Nghiêm đích thực là “*phiền não chính là Bồ Đề, sanh tử chính là Niết Bàn*”. Chúng ta là sơ học Bồ Tát, sanh tử là sanh tử, phiền não là phiền não, tuyệt đối chẳng thể “*phiền não chính là Bồ Đề*”, chúng ta làm không được!

Chúng ta nhất định phải hiểu rõ thân phận mình như thế nào, trình độ mình ra sao, phải nên tu học những gì; hoàn cảnh nhất định ảnh hưởng đến tâm tình chúng ta. Bất cứ hoàn cảnh bất hảo nào cũng sẽ khiến cho thân tâm ta chẳng đạt được hoàn cảnh thanh tịnh nên nhất định phải xa lìa. Vì thế, đức Phật mới dạy chúng ta xa lìa những nơi náo nhiệt, xô bồ.

Chánh kinh:

Trụ A-lan-nhã, tịch tĩnh lâm trung.

(Ở A-lan-nhã, trong rừng vắng lặng)

Tuy câu này tựa hồ để dạy người xuất gia, nhưng người tại gia cũng phải nên thực hiện, cũng như chẳng được thoái thác. Bây giờ ta phải hiểu câu kinh này như thế nào đây? Chính là quý vị phải chọn lựa địa phương để cư ngụ. Ở chỗ nào an tịnh mới tốt! Người Trung Quốc chúng ta, đặc biệt những ai sanh sống ở Đài Loan, náo nhiệt đã biến thành thói quen, đột nhiên thanh tịnh tựa hồ chẳng chịu đựng nổi. Chúng tôi ở ngoại quốc thấy người quen ở Đài Loan, đến Mỹ quốc chẳng chịu đựng nổi.

Nước Mỹ rất thanh tịnh, hoàn cảnh cư trú rất êm đềm. Họ quy hoạch rất phân minh, khu vực buôn bán nhất định không thể ở được, ai sống trong khu vực ấy không sống được. Họ nói muốn tìm hoàn cảnh yên vắng, tuy khoảng cách giữa các nhà lân cận chẳng xa, nhưng nhất định quý vị chẳng nghe thấy âm thanh nhà hàng xóm. Đây chính là hoàn cảnh cư trú hiện tại của Mỹ quốc, yêu cầu của họ phù hợp với điều được dạy trong kinh này đây. Có những người già Trung Quốc về hưu đến Mỹ, sống trong hoàn cảnh ấy cảm thấy rất tịch mịch, rất quanh quẽ nên sống ở đấy chẳng được lâu. Đó đều là vì quen thói ưa chỗ náo nhiệt, đột nhiên an tịnh bèn chẳng chịu đựng nổi.

Thế nhưng đức Phật dạy chúng ta: người tu hành nhất định phải sống nơi thanh tịnh. “A-lan-nhã” là tiếng Phạn, có nghĩa là chỗ tịch tĩnh. Thời cổ, tiêu chuẩn an tịnh là chẳng nghe thấy tiếng trâu rống. Chỗ nào chẳng nghe thấy tiếng trâu rống, chỗ đấy gọi là A Lan Nhã. Chúng ta phải thể hội ý nghĩa, cảnh giới ấy. “Tịch tĩnh lâm” là tiêu chuẩn để chọn lựa chỗ tu học, chọn lựa chỗ cư trú. Câu thứ ba là:

Chánh kinh:

U bất ưng tu, nhi tu hành giả, cập chư lãn nọa, giải đãi chi thuộc, giai đương viễn ly.

(Với những kẻ tu hành những pháp chẳng nên tu, và những hạng lười nhác, biếng trễ, đều nên xa lìa).

Câu này dạy chúng ta phải xa lìa ác tri thức. Hạng người ấy gây trở ngại cho sự tu học của chúng ta, ta cần phải xa lìa. “U bất ưng tu, nhi tu hành giả”, quý vị thử nghĩ xem, những gì là “bất ưng tu” (chẳng nên tu)? Bọn họ hằng ngày tu những gì? Tu tham, sân, si đấy! Tu tham, sân, si thì quả báo là tam đồ ác đạo. Chúng ta tu hành mong thành Phật, bọn họ tu hành mong thành ngựa quý, súc sanh, địa ngục, là những điều chẳng nên tu.

Nhưng người thế gian tu tam ác đạo rất nhiều, trong số đó có cả chúng ta nữa! Bởi vậy, chúng ta phải tự phản tỉnh, phải tự kiểm điểm xem mình có tham, sân, si hay không? Tập khí tham, sân, si của mình có nghiêm trọng hay không? Nếu đã có mà lại nghiêm trọng nữa thì phải dùng phương cách đối trị. Dùng phương cách nào? Đức Phật dạy chúng ta dùng Giới, Định, Huệ để phá Tham, Sân, Si “và những hạng lười nhác, biếng trễ”.

Đấy mới chỉ là một loại, nếu muốn kể ra thì kể chẳng hết được nổi. Đó đều là những hạng trái nghịch lời Phật dạy, chúng ta đều phải xa lìa!

Chánh kinh:

Đản tự thân quán, bất cầu tha quá.

(Chỉ tự xét mình, chẳng cầu lỗi người).

Đây chính là điều kinh Vô Lượng Thọ dạy “*tỷ tâm dịch hạnh*” (rửa lòng đổi hạnh). Người tu đạo chân chánh thường phải phản tỉnh, kiểm điểm lỗi lầm của chính mình, chẳng chuyên chú tìm lỗi người khác. Thấy lỗi người khác là một chướng ngại rất lớn, quý vị tu học Phật pháp công phu chẳng đắc lực, chẳng thể thành tựu. Niệm Phật chẳng những không đạt được Sự Nhất Tâm, mà công phu thành một khối cũng chẳng đạt được, nguyên nhân là vì đâu? Hằng ngày lo ngó lỗi người khác, hằng ngày kể tội người khác, tạo nghiệp đầy nhé! Dù miệng niệm Phật, nhưng tâm hạnh đều là tạo nghiệp, quý vị làm sao thành tựu cho được! Vì thế, phải nhớ kỹ: “*Chỉ tự xét mình, đừng cầu lỗi người*”.

Chánh kinh:

Nhạo u điềm mặc.

(Ưa thích lặng lẽ).

Câu này dạy chúng ta phải an trụ tịnh tu, phải biết thân tâm tịch tĩnh chính là chân lạc.

Chánh kinh:

Cần hành Bát Nhã Ba La Mật Đa tương ưng chi hạnh.

(Siêng hành hạnh tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa).

Trong sanh hoạt thường ngày, đối người, đối sự, đối vật, khởi tâm động niệm, ngôn ngữ, hành vi đều phải có trí huệ cao độ. Bát Nhã Ba La Mật Đa nói theo ngôn ngữ bây giờ là trí huệ cao độ. Chư Phật, Bồ Tát biểu hiện trí huệ cao độ trong từng sanh hoạt, phàm phu sanh hoạt chẳng có trí huệ, chỉ có phiền não. Ở đây, Phật dạy chúng ta phải tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa.

Bát Nhã Ba La Mật Đa là gì? Phật nói kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, bản dịch chữ Hán kinh Đại Bát Nhã gồm sáu trăm quyển. Chúng ta phải tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật, nói nghe dễ dàng sao! Chỉ là cái gì chẳng tương ứng thì chẳng hành, nhất định phải tương ứng. Bởi vậy, chúng ta phải nắm được cương yếu, tổng cương lĩnh của Bát Nhã. Điều này, cổ nhân đã làm thay cho chúng ta rồi; đó chính là phương tiện dựa theo kinh Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật Đa. Giản tiện, tinh yếu hơn nữa thì có lẽ mỗi vị đồng tu hằng ngày đều niệm Bát Nhã Ba La Mật Đa Tâm Kinh, hai trăm sáu mươi chữ. Chúng ta lấy đó làm tiêu chuẩn tu hành, sửa đổi cách nghĩ, cách nhìn, cách nói, cách làm của mình.

Về phương diện ứng dụng Bát Nhã, cổ đức bảo rằng chỉ cần quý vị nắm được hai câu cuối trong bài kệ kinh Kim Cang ắt quý vị sẽ tương ứng với Bát Nhã Ba La Mật Đa. Hai câu ấy là: “*Bất thủ u tướng, như như bất động*”. Chúng tôi giảng sơ lược hai câu này như sau: ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động. Bất luận thời gian nào, hoàn cảnh nào, đối nhân, đối sự, đối vật dù là pháp thế gian hay Phật pháp đều chẳng có ngoại lệ. Đối

với pháp thể gian dùng thái độ đó, đối với Phật pháp vẫn dùng đúng thái độ đó: chẳng chấp tướng, chẳng khởi tâm động niệm. Thật sự làm được “*bất thủ u tướng, như như bất động*” thì quý vị chẳng khác gì Phật, Bồ Tát rồi!

Hai câu này chúng tôi thường diễn tả là “buông xuống” (phóng hạ), buông xuống được. Tổng cương lãnh của buông xuống là Chỉ Quán. Ngài Thiên Thai giảng Ma Ha Chỉ Quán, hai câu trên chính là Chỉ, mà cũng là nói đến buông xuống. Bài kệ cuối cùng trong kinh Kim Cang là:

Nhất thiết hữu vi pháp,

Như mộng huyễn bào ảnh,

Như lộ, diệc như điện.

Ứng tác như thị quán.

(Hết thấy pháp hữu vi,

Như mộng, huyễn, bọt, bóng,

Như ánh chớp, như giọt sương,

Nên thường quán như vậy)

Bốn câu kệ này “thấy rộng toang” (khán phá). Dùng bốn câu kệ này để thấy thủng hết thấy pháp thể gian, xuất thế gian. Hết thấy pháp là hữu vi, pháp xuất thế gian cũng vẫn là pháp hữu vi. Đức Thích Ca Mâu Ni Phật vì chúng ta giảng kinh thuyết pháp bốn mươi chín năm, thậm chí hết thấy chư Phật vì chúng sanh giảng kinh thuyết pháp, toàn bộ là pháp hữu vi!

Pháp hữu vi là mộng, huyễn, bọt nước, ảnh. Vì thế, đức Phật mới bảo “*pháp còn phải bỏ, hướng chi là phi pháp!*” Pháp là Phật pháp. Phật pháp còn chẳng được chấp trước, huống hồ chẳng phải là Phật pháp, đều phải nên bỏ hết! Đây là lời dạy quý vị phải thấy trần trụi [bản chất các pháp] vậy! Mộng, huyễn, bọt nước, ảnh chẳng phải thật, là giả đó! Điều này chúng tôi đã giảng rất tường tận, rất thấu đáo trong kinh Kim Cang.

Câu “*như lộ, diệc như điện*” nói đến huyễn tướng, giả tướng ấy tồn tại trong thời gian rất ngắn. “*Lộ*” là giọt sương đọng, tỉ dụ cái tướng tương tục của hiện tượng ấy chỉ tồn tại trong một thời gian, nhưng thời gian ấy chẳng dài lâu. “*Như điện*” ý nói sanh diệt trong sát-na, nói cách khác là về căn bản chẳng hề tồn tại! Trong Phật pháp có nói “*bất sanh bất diệt*”. Bất sanh bất diệt ngụ ý sanh diệt đồng thời; lúc sanh cũng chính là lúc diệt. Đó chính là chân tướng của hết thấy hiện tượng, chẳng khó hiểu lắm. Các nhà khoa học hiện đại đã chứng minh cho chúng ta thấy rồi, điều xác thực là tất cả hiện tượng đều tồn tại trong một thời gian ngắn ngủi phi thường, gần như chúng ta không có cách nào tưởng tượng được, không cách gì hiểu được nổi. Bài kệ này thuyết minh chân tướng thế gian, xuất thế gian, hễ quý vị thể hội được, quý vị sẽ thấy rộng toang được. Bởi thế, hai câu kệ trước và bài kệ này là nói đến thấy rộng toang, buông xuống!

Thấy rộng toang, buông xuống thì chẳng cần biết là tu học theo tông phái nào, pháp môn nào, quý vị đều có “*nhập xứ*” cả! Nhập xứ là gì? Là quý vị đều có thể chứng quả. Chữ “*nhập*” này là nhập vào Nhất Chân Pháp Giới, nhập Bất Nhị pháp môn. Nhập được Nhất Chân Pháp Giới, Bất Nhị pháp môn thì chẳng những quý vị vượt khỏi lục đạo, mà còn siêu việt mười pháp giới nữa kia, đây mới kể là thành tựu viên mãn rốt ráo. Bởi thế, câu này trọng yếu phi thường.

Trong sanh hoạt, chúng ta phải tu những gì? Tu những điều trên. Nếu nói như vậy, cần chi phải cầu sanh Tịnh Độ cơ chứ? Nếu nói là chẳng cầu sanh Tịnh Độ, quý vị cứ y chiếu theo phương pháp này tu hành vượt thoát lục đạo, vượt thoát mười pháp giới xong; sau khi vượt thoát, quý vị muốn chứng được viên mãn Bồ Đề thì lại phải tu trọn ba đại a-tăng-kỳ kiếp. Thời gian ấy rất dài! Con số ấy là con số dùng trong thiên văn học đấy!

Chúng ta thường nói thành Phật phải mất ba a-tăng-kỳ kiếp, nhưng chẳng phải là tính từ thời gian hiện tại đâu nhé. Lúc quý vị chưa nhập Nhất Chân Pháp Giới không tính, lúc còn trong lục đạo không tính, lúc còn trong mười pháp giới, đầu là Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát đều chẳng tính, phải là vượt thoát mười pháp giới, chứng được Nhất Chân Pháp Giới rồi thì kể từ ngày ấy mới tính, phải qua ba đại a-tăng-kỳ kiếp mới viên mãn Bồ Đề. Đây là điều kinh điển Đại Thừa thường giảng, quý vị phải lưu ý một chút mới hiểu rõ được.

Trong ba đại a-tăng-kỳ kiếp, a-tăng-kỳ kiếp thứ nhất chứng được ba mươi địa vị: Thập Trụ, Thập Hạnh, Thập Hồi Hướng; a-tăng-kỳ thứ hai chứng được bảy địa vị từ Sơ Địa đến Thất Địa; a-tăng-kỳ thứ ba chứng được Bát Địa, Cửu Địa, Thập Địa. Tu trọn ba a-tăng-kỳ rồi, quý vị đạt đến địa vị nào? Pháp Vân Địa Bồ Tát, vẫn chưa đạt tới địa vị Đẳng Giác; còn phải đạt tới Đẳng Giác mới là thành Phật. Chúng ta thấy lại phải tốn thêm một a-tăng-kỳ nữa mới thành công. Đó là nói trong trường hợp quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ.

Nếu cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ thì sao?

Ài chà! Quý vị chiếm tiện nghi lớn lắm nghe! Quý vị vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thân phận chúng ta là phàm phu nghiệp chướng, hạ hạ phẩm vãng sanh một phẩm phiền não còn chưa đoạn được, đến thế giới Cực Lạc rồi muốn chứng được Phật quả viên mãn rốt ráo thì phải mất bao lâu? Trong quá khứ, khi giảng kinh chúng tôi đã nói nhiều lần rồi, chúng tôi dựa theo kinh Vô Lượng Thọ, kinh A Di Đà tính toán tỉ mỉ thì khoảng ba bốn kiếp là thành công! Ba kiếp, bốn kiếp thôi nhé! Nếu quý vị chẳng cầu sanh Tây Phương Tịnh Độ, phải mất ba đại a-tăng-kỳ kiếp, chẳng so sánh được nổi!

Chúng tôi nói rút gọn ý nghĩa này lại cho quý vị nghe: Chẳng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, quý vị tu hành chứng quả thì phải cần ba vạn năm mới có thể thành công; đến Tây Phương Cực Lạc thế giới thì cần bao nhiêu thời gian? Ba ngày là thành công! Quý vị cứ tính đi. Đó là lý do vì sao chúng ta y chiếu Bát Nhã Ba La Mật Đa tu hành, nhưng vẫn phải vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị càng nhận thức rõ đạo lý ấy thì chân tướng sự thực càng rõ rệt, bởi vậy quý vị mới từ tâm (1) khẳng khái niệm Phật cầu sanh, mà cũng chẳng hoài nghi, chẳng còn do dự. Đây là nói về tự hạnh.

---o0o---

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

Chánh kinh:

Nhược dục v dĩ chư chúng sanh đẳng, thâm sanh lân mẫn, đa sở nhiều ích, ưng dĩ vô hy vọng tâm thanh tịnh thuyết pháp.

(Nếu đối với những chúng sanh ấy, sanh lòng thương xót sâu xa, muốn làm nhiều điều lợi ích cho họ thì phải dùng tâm không mong cầu mà thanh tịnh thuyết pháp).

Câu này nói về “lợi tha”. Bồ Tát đều có tâm từ bi, thấy chúng sanh rất khổ, rất đáng thương, nói chung là muốn giúp đỡ họ, nhưng rất đáng tiếc là chính mình không có trí huệ thì rốt cuộc phải giúp đỡ bằng cách nào đây? Càng giúp càng rối thêm, chúng ta thấy rất nhiều. Giúp đỡ như thế nào mà càng rối thêm? Giúp họ đọa tam đồ, đẩy họ đọa vào địa ngục, còn bảo là mình tạo công đức rất lớn. Oan uổng quá!

Ở chỗ này, quý vị phải đọc kỹ bộ kinh này, mới hiểu rằng ta thường nói mình độ chúng sanh, cứu tế những người khổ nạn, nhưng rốt cuộc là chúng ta đã làm những việc gì? Chúng ta tạo nhân quả như thế nào? Ta cần phải làm những gì thì mới đúng lý, đúng pháp, mới có thể thành tựu chính mình, giúp đỡ người khác? Kinh này dạy “*sanh thâm lân mãn, đa sở nhiều ích*”. “Nhiều” là phong phú, phong nhiêu, cũng hàm ý lợi ích tối cao, lợi ích tối thù thắng: giúp cho người khác giác ngộ, chứ chẳng phải chi khác. Giúp họ nhận biết Phật giáo Đại Thừa, giúp họ nhận hiểu Tịnh Độ, lợi ích ấy vô lượng vô biên.

Nên dùng thái độ như thế nào? Dùng “*tâm không mong cầu*” để giới thiệu Phật pháp cho họ. Nếu như thuyết pháp cho họ mà có tâm mong mỏi nơi họ thì là làm lạc rồi!

5. Lúc dùng tâm không mong cầu để hành pháp thí, sẽ thành hai mươi điều lợi, và lại thêm hai mươi điều lợi nữa

Theo cách đại sư Ngẫu Ích phán định, chia kinh này thành tất cả mười lăm đoạn, đoạn chúng tôi sẽ giảng dưới đây là đoạn thứ tám.

Chánh kinh:

Phục thứ Di Lạc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, dĩ nhiều ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp.

(Lại này nữa Di Lạc! Nếu Bồ Tát dùng tâm không mong cầu, lúc hành pháp thí, chẳng chấp vào danh tiếng, lợi dưỡng, quả báo, lấy sự nhiều ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp).

“*Vô hy vọng*” nói cụ thể là ta chẳng hy vọng cái gì?

Điều thứ nhất là danh, chẳng vì cái danh, mà cũng chẳng vì “văn”. “Văn” nói theo ngôn ngữ ngày nay là mức độ được người ta biết đến. Chúng ta chẳng vì những thứ đó. Hiện tại có những vị đồng tu in những cuốn sách nhỏ, có một lần ở phi trường, tôi thấy một vị đồng tu cầm cuốn sách nhỏ để niệm, đại khái là Vô Lượng Thọ Kinh. Trang đầu cuốn sách ấy in một tấm hình của tôi, tôi thấy là do Phật Đà Giáo Dục Cơ Kim Hội ấn tống, thật là hồ đồ, phiền toái quá. Không nên như vậy! Quý vị làm vậy tương chừng như tôn trọng tôi, chứ thật sự ra là gì? Chỉ là đề xướng danh văn, lợi dưỡng, đề xướng bất tịnh thuyết pháp. Đầu kinh in hình Phật, hình Bồ Tát thì được, chứ quyết định chẳng thể in hình ai, tuyệt đối chẳng được!

Pháp thế gian có chỗ đáng học theo, có chỗ chẳng nên học theo vậy! Minh tinh điện ảnh gây chú ý, họ đăng ảnh quảng cáo rất nhiều. Lúc chúng tôi thuyết pháp, quyết định chẳng được làm như thế. Lúc phát thiếp thông

báo [thuyết giảng], nếu cứ phải in hình pháp sư lên trên ấy thì có khác gì quảng cáo minh tinh đâu! Người thật sự có đức xem thấy, họ không trách quý vị nhưng cũng chẳng đến dự. Trên thiệp thông báo in hình Phật, hình hoa sen thì được, ngàn vạn phần chẳng nên in hình ai. Điều này quý vị phải nhớ lấy, tuyệt đối đừng tạo danh văn!

“Lợi” là lợi ích, “dưỡng” là cung dưỡng. Chẳng vì những thứ này [mà thuyết pháp]. Nếu chẳng vì những thứ này, lại có người vì những thứ gì? Vì quả báo. Tôi làm như thế tương lai sẽ thành Phật, thành Bồ Tát. Ý niệm thành Phật, thành Bồ Tát cũng phải bỏ sạch đi, cái gì cũng chẳng cầu thì quý vị mới thật sự thành tựu. Quý vị nghĩ tôi muốn chứng A La Hán, thành Bích Chi Phật, thành Bồ Tát thì gọi là khởi vọng tưởng, là mục tiêu của phàm phu. Họ mong mỏi thì nhất định họ sẽ chẳng đạt được.

Vì sao vậy? Chư Phật, Bồ Tát tâm địa thanh tịnh, một niệm chẳng sanh, làm sao còn có vọng niệm cơ chứ? Thành Phật, thành Bồ Tát là chúng ta nói, chứ các Ngài chẳng hề nói mình thành Phật, thành Bồ Tát. Kinh nói các Ngài thành Phật, thành Bồ Tát là tùy thuận chúng sanh mà nói. Chúng sanh hiểu như vậy cho nên Phật nói thuận theo chúng sanh, chứ trong tâm Ngài tuyệt chẳng có ý niệm ấy.

Chẳng những chư Phật, Bồ Tát không có ý niệm ấy, chúng ta xem trong kinh Kim Cang, Tu Đà Hoàn cũng đều chẳng có ý niệm ấy; ta mới nhận thức rõ ràng là Tiểu Thừa Sơ Quả còn chẳng có ý niệm ấy nên các Ngài mới chứng được Sơ Quả! Nếu có ý niệm ấy, các Ngài chẳng thể chứng Sơ Quả! Vì sao vậy? Còn có vọng tưởng, có phân biệt, có chấp trước. Có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước là lục đạo phàm phu, chẳng phải là thánh nhân! Bởi thế, những lời Phật răn dạy ở đây gọi là lời răn dạy chân thật, chúng ta chẳng nên có những ý niệm như thế.

Đối với chúng sanh phải lấy việc “nhiều ích” làm đầu. Nói theo ngôn ngữ hiện thời, “nhiều ích” là lợi ích lớn nhất, thù thắng nhất, là giúp đỡ hết thảy chúng sanh, lấy đó làm điều ưu tiên. Tôi thù thắng, thù thắng khôn sánh là dạy chúng sanh niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Pháp môn ấy gọi là pháp khó tin, làm sao họ tin tưởng được? Điều này rất trọng yếu! Bởi thế, tự mình phải nhận thức tu hành. Nếu chính mình chẳng tu hành, làm sao kêu người khác tin tưởng được? Nhất định phải lấy chính mình làm gương tốt để chúng sanh trông vào, họ không tin cũng không được!

Chính tôi khi học Phật, gặp thầy Lý Bình Nam chừng một năm, đại khái thầy Lý bảy mươi một tuổi, so với tôi tuổi tác chênh lệch rất nhiều! Thế mà tôi thấy cụ Lý nhiều lắm là bốn mươi tuổi, mà sao cũng chẳng thấy cụ đã ngoài bảy mươi à nghe! Là vì tinh thần cụ sung mãn, thanh âm vang rõ, mắt nhìn cũng chưa quáng. Chúng tôi thường ở một góc đọc sách tra tự điển. Thầy bảo tôi tra, lúc tra xong, thầy nói: “Cầm đến đây tôi đọc cho các anh nghe để coi thị lực tôi ra sao?” Cụ đọc không sai một chữ! Chữ trong tự điển so với chữ in trong báo còn nhỏ hơn nữa, cụ chẳng cần phải đeo kính lão vì sao? Là để biểu diễn cho chúng tôi thấy, chúng tôi không thể không tin.

Nếu nói người tu hành vừa khô héo, vừa còm cõi, vừa chẳng có tinh thần, người như vậy chúng ta trông thấy có tin tâm chẳng? Quý vị học Phật phải làm gương tốt cho người khác thấy, người ta mới tin tưởng chứ! Thấy quý vị học Phật mấy năm, khô cằn héo hon, còm cõi, quý vị nói cách nào, nói nghe hay đến đâu đi nữa, người khác cũng chẳng dễ gì tiếp nhận, cũng chẳng tin tưởng. Bởi vậy, quý vị phải triển khai cho người ta thấy, họ thấy xong nếu rất hâm mộ, thì quý vị mới bảo họ: Các ngài làm như vậy đó thì các ngài sẽ giống như tôi, so ra còn tốt hơn tôi nữa đó!

Tướng tùy tâm chuyển, cảnh tùy tâm chuyển. Cảnh là hoàn cảnh sanh hoạt của chúng ta. Quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này, quý vị có thấy hiện thời không ít người hô hào cải biến thể chất. Cải biến thể chất là một khẩu hiệu không ít người bị mắc lừa! Những ai bị lừa? Là do những người ấy có ham muốn như thế, người ta bèn tạo ra các thứ dược vật. Ôi! những dược vật ấy có ích chi, những dược vật tưởng là hữu ích, kỳ thật là độc dược. Quý vị dùng những dược vật ấy có ai biến cải được thể chất chẳng? Tôi chẳng thấy ai đạt hiệu quả cả, đủ thấy là bị lừa, bị gạt gẫm rồi!

Phật dạy chúng ta phương pháp hữu hiệu nhất: tâm địa thanh tịnh, chân thành, từ bi thì thể chất quý vị sẽ biến cải. Tâm thanh tịnh khiến cho những gì tệ hại trên thân thể quý vị biến mất, thân thể quý vị bèn thanh tịnh, chẳng có ô nhiễm. Hiện thời ăn bất cứ gì, ăn uống vào đều có chất độc cả. Dùng gì để tiêu độc đây? Dùng tâm từ bi để tiêu độc. Bởi lẽ, nếu tâm địa quý vị thanh tịnh, từ bi, lẽ nào chẳng được khỏe mạnh?

Quý vị bảo thân mình đau bệnh thì nói cách khác là quý vị thiếu tâm từ bi, tâm quý vị chẳng thanh tịnh. Quý vị nói mình thanh tịnh, từ bi đều là giả, chẳng phải thật. Phật chẳng dối người, đức Phật chẳng có thuốc gì để cho ta cả. Phật dạy ta tự điều chỉnh thân tâm mình, chẳng vì danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo, những thứ ấy phải bỏ sạch hết cả đi.

Chánh kinh:

Thường vì chúng sanh, quảng tuyên chánh pháp, đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi.

(Thường vì chúng sanh rộng nói chánh pháp, sẽ được thành tựu hai mươi điều lợi)

Hai mươi điều lợi này tự nhiên có, chẳng cần phải cầu. Chẳng cầu mà có, trái lại nếu cầu sẽ chẳng được đâu! Vì sao vậy? Bởi ý niệm mong cầu ấy là nhiễm ô, là chẳng thanh tịnh, cho nên quý vị chẳng đạt được. Quý vị đừng cầu, chẳng cầu sẽ được!

Chánh kinh:

Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi?

(Thế nào là hai mươi điều lợi?)

Tiếp đây, kinh nói cho chúng ta biết.

Chánh kinh:

Sở vị: chánh niệm thành tựu.

(Chính là: chánh niệm thành tựu)

Đây là điều lợi thứ nhất. Chánh niệm là vô niệm. Lại sợ quý vị niệm gì cũng chẳng có, bèn biến thành Vô Tướng Định thì hỏng mất. Quả báo của Vô Tướng Định là ở tại trời Vô Tướng trong Tứ Thiên, thế là học Phật lại thành học ngoại đạo rồi; bởi thế Phật mới dạy chúng ta vô niệm là “*không có tà niệm thì mới gọi là Chánh Niệm*”. Chánh niệm là niệm của Phật, Bồ Tát, tương ứng với Phật pháp. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Trí huệ cụ túc.

(Đầy đủ trí huệ).

Trí huệ là tác dụng do tâm thanh tịnh phát khởi, phiền não là tác dụng do tâm nhiễm ô phát khởi. Thân tâm thanh tịnh thì trí huệ tăng trưởng. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Hữu kiên trì lực.

(Có sức kiên trì).

Sức kiên trì từ đâu sanh? Từ trí huệ sanh. Người ấy thông đạt, hiểu rõ hết thấy sự lý, chẳng mê hoặc mảy may, bởi thế người ấy làm gì cũng thông suốt từ đầu đến đuôi. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Trụ thanh tịnh hạnh.

(Trụ hạnh thanh tịnh)

Tâm thanh tịnh, khẩu thanh tịnh, ý thanh tịnh, hành vi thanh tịnh. Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Sanh giác ngộ tâm.

(Sanh tâm giác ngộ)

Niệm niệm giác chẳng mê. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Đắc xuất thế trí.

(đắc xuất thế trí)

Làm thế nào để vượt thoát lục đạo luân hồi? Làm sao để vượt thoát mười pháp giới? Người ấy hiểu rất rõ ràng, rất minh bạch.

Chánh kinh:

Bất vị chúng ma chi sở đắc tiện.

(Chẳng bị các ma thừa dịp làm hại).

Nói theo ngôn ngữ bây giờ là quyết định chẳng để cho yêu ma, quỷ quái nắm đằng chuôi. “*Đắc sở tiện*” nghĩa là có nhược điểm bị người khác nắm được. Yêu ma, quỷ quái định khống chế quý vị mà quý vị đã hiểu đạo lý này, tâm địa thanh tịnh, nhất trần bất nhiễm, yêu ma quỷ quái chẳng còn cách nào làm gì được quý vị cả! Những gì là nhược điểm để yêu ma quỷ quái lợi dụng? Chính là danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo. Hễ quý vị có những ý niệm ấy thì sẽ bị chúng thao túng, bị chúng khống chế.

Các vị đồng tu chúng ta đã từng coi qua Tây Du Ký chưa? Trong Tây Du Ký có gã Tôn Ngộ Không thần thông quảng đại, nhưng gã bị Quán Thế Âm Bồ Tát nắm chuôi, suốt đời bị Ngài khống chế, chẳng ra khỏi lòng bàn tay Ngài được. Những gì là nhược điểm của gã? Thích đội cái mũ cao. Tôn Ngộ Không thích được người khác săn đón, thích được khao thưởng, đây chính là chỗ yếu của gã. Bởi thế đức Quán Thế Âm Bồ Tát mới tặng cho gã cái mũ cao để đội, đội vào rồi Ngài bèn niệm chú Kim Cô, gã bèn bị khống chế!

Vì thế, quý vị háo danh, háo lợi, thích được cúng dường, ham quả báo, sẽ bị người ta nắm thóp ngay, bị người khác khống chế dễ dàng. Nếu quý vị chẳng ham thích chi hết, họ chẳng có cách nào hết, đối với quý vị họ không biết làm cách nào! Chỉ cần quý vị có chút vọng tưởng, có chút ý niệm, có chút dục vọng, quý vị bèn bị ma khống chế ngay! Suy nghĩ cặn kẽ, sẽ thấy ý nghĩa của câu kinh này rất sâu rộng. Điều thứ tám, thứ chín, thứ mười là:

Chánh kinh:

Thiểu u tham dục, vô hữu sân nhuế, diệc bất ngu si.

(Ít tham dục, chẳng nóng giận, cũng chẳng ngu si).

Ba câu này ý nói thành tựu ba thiện căn. Ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Có thể thấy là nếu tham chấp danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo sẽ chẳng có ba thiện căn; sao quý vị ngày ngày cứ tăng trưởng tham, sân, si? Đoạn kinh trên đây nói về ba thiện căn hiện tiền vậy. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:

Chư Phật Thế Tôn chi sở ức niệm.

(Được chư Phật Thế Tôn nghĩ nhớ)

Đây là được chư Phật hộ niệm, vì sao vậy? Tâm tâm tương ứng chư Phật, cho nên cảm được chư Phật hộ niệm.

Chánh kinh:

Phi nhân thủ hộ.

(Được phi nhân bảo vệ, gìn giữ)

Chữ “phi nhân” chỉ quý thần; quý thần cũng bảo vệ, giúp đỡ quý vị.

Chánh kinh:

Vô lượng chư thiên gia kỳ oai đức.

(Vô lượng chư thiên tăng thêm oai đức).

Câu này ý nói thiên long bát bộ, hộ pháp thần. Hộ pháp thần bảo vệ, giúp đỡ quý vị đấy!

Chánh kinh:

Quyển thuộc thân hữu vô năng trở hoại.

(Quyển thuộc, thân hữu chẳng thể ngăn trở, phá hoại).

Một người tu cho tốt, cả nhà cũng được hưởng lây, người nhà, quyền thuộc đều được hưởng lợi ích như quý vị, đều hưởng nhờ phước báo của quý vị.

Chánh kinh:

Hữu sở ngôn thuyết, nhân tất tín thọ, bất vị oan gia ty cầu kỳ tiện.

(Nói ra điều gì, người khác đều tin nhận, chẳng bị oan gia bởi tìm khuyết điểm).

Từ vô thi kiếp đến nay, đã kết oán rất nhiều đối với hết thầy chúng sanh, bởi thế gặp rất nhiều chướng ngại trên đường đạo Bồ Đề, ấy là ma chướng đó! Chẳng phải là oan gia, chủ nợ dung tha quý vị đâu nhé, chỉ vì quý vị chẳng hề chấp vào danh, văn, lợi, dưỡng, quả, báo nên oan gia chủ nợ cũng chẳng biết làm sao. Họ cũng chẳng có biện pháp nào để trở ngại, quấy nhiễu quý vị. Điều thứ mười bảy là:

Chánh kinh:

Đắc vô sở úy.

(Được không sợ hãi).

Điều thứ mười tám là:

Chánh kinh:

Đa chư khoái lạc.

(Được nhiều điều vui sướng)

Đây là điều ta thường bảo là “*pháp hỷ sung mãn*”. Điều thứ mười chín là:

Chánh kinh:

Vị chư trí nhân chi sở xưng thán.

(Được những người trí khen ngợi).

Người có trí huệ thật sự trông thấy quý vị sẽ khen ngợi. Điều thứ hai mươi là:

Chánh kinh:

Thiện năng thuyết pháp, chúng nhân kính ngưỡng.

(Khéo có thể thuyết pháp, mọi người kính ngưỡng).

Lời quý vị nói ra, tuy là mượn lời chư Phật, Bồ Tát hoặc lời của các vị tổ sư đại đức, nhưng vì tâm quý vị chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, dù mượn lời kinh sách của người khác, nhưng lời ấy từ tự tánh lưu lộ ra ngoài, đó gọi là “*khéo có thể thuyết pháp*” khiến người nghe rất cảm động, tạo ấn tượng sâu đậm, chứ chẳng phải là chiếu theo kinh văn mà phân khoa; thuyết pháp như thế chẳng thể làm cho người khác được lợi ích chân thật.

Phật giảng cho ta nghe hai mươi điều, đều là những lợi ích tự nhiên đạt được, tuyệt đối chẳng phải là do mong cầu mà có.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiều ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.

(Này Di Lặc! Đây là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiều ích làm đầu, thường vì chúng sanh dùng tâm chẳng mong cầu thanh tịnh thuyết pháp).

Câu này là đức Phật lại phó chúc, lại dặn dò một lần nữa. Phật nói hai mươi điều lợi, tiếp đây Ngài lại nói hai mươi điều lợi khác, đủ thấy tâm không mong cầu thanh tịnh thuyết pháp cho chúng sanh thì công đức lợi ích vô lượng vô biên. Chúng ta xem tiếp đoạn sau đây:

Chánh kinh:

Phục thứ Di Lặc! Nhược Bồ Tát dĩ vô hy vọng tâm, hành pháp thí thời, bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, dĩ nhiều ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh quảng tuyên chánh pháp, hựu năng thành tựu nhị thập chủng lợi.

(Lại này Di Lặc! Nếu Bồ Tát lúc hành pháp thí, do tâm không hy vọng, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiều ích làm đầu, thường vì chúng sanh rộng tuyên chánh pháp, sẽ lại thành tựu hai mươi điều lợi).

Hai mươi điều lợi này, quá nửa là những điều người thuyết pháp thường mong mỏi: Cầu hiểu rõ lý luận, phương pháp, đây gọi là “*như lý như pháp*”. Trong nhà Phật hữu cầu tất ứng. Thế nào là “*như lý như pháp*?” Chẳng câu danh văn, lợi dưỡng, quả báo là “*như lý, như pháp*”. Dùng tâm thanh tịnh vì chúng sanh thuyết pháp chính là tâm không mong cầu thanh tịnh thuyết pháp vậy.

Chánh kinh:

Vân hà danh vi nhị thập chủng lợi? Sở vị: Vị sanh biện tài, nhi năng đắc sanh.

(Thế nào là hai mươi điều lợi? Chính là: Biện tài chưa sanh sẽ được sanh khởi).

Đây là điều lợi ích thứ nhất. Rất nhiều người mong được biện tài vô ngại. Biện tài vô ngại do đâu mà có? Ở đây Phật dạy cho chúng ta biết: Vô ngại biện tài là tánh đức của chính ta, trong bản tánh vốn đã sẵn có. Vì sao hiện tại chưa có được biện tài này? Chưa có là do còn có chướng ngại, nghiệp chướng đó mà! Quá khứ, hiện tại tạo tác khẩu nghiệp quá nhiều nên chẳng có biện tài; tâm chẳng thanh tịnh! Tâm thanh tịnh, biện tài bèn khôi phục. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Dĩ sanh biện tài, chung bất vong thất.

(Biện tài đã sanh, trọn chẳng quên mất).

Quý vị đã đắc biện tài ấy thì sẽ chẳng bị mất đi. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Thường cần tu tập, đắc đà-ra-ni.

(Thường siêng tu tập, đắc đà-ra-ni).

“*Đà-ra-ni*” là tiếng Phạn, nói theo ngôn ngữ hiện thời là “*cương lĩnh*”. Chẳng cần biết quý vị tu học pháp môn nào, hễ quý vị nắm được cương lĩnh, nắm được đại cương của pháp ấy thì lúc quý vị tu học rất dễ được thành tựu. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Dĩ thiểu công dụng, thiện năng lợi ích vô lượng chúng sanh.

(Dùng ít công sức mà khéo có thể lợi ích vô lượng chúng sanh).

Chẳng cần phải mất nhiều thời gian, cũng chẳng cần phải đổ nhiều tinh thần, vẫn có thể lợi ích rất nhiều chúng sanh. Có thể thấy đó là biểu hiện của trí huệ cao độ, thiện xảo vậy! Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Dĩ thiểu công dụng, linh chú chúng sanh khởi tăng thượng tâm, cung kính tôn trọng.

(Dùng công sức ít mà khiến cho chúng sanh khởi lòng tăng thượng, cung kính, tôn trọng).

“*Cung kính, tôn trọng*” là đối với Tam Bảo mà nói. Một phần cung kính được một phần lợi ích, một phần tôn trọng được một phần lợi ích. Nếu chẳng cung kính, tôn trọng, dù chư Phật, Bồ Tát có thuyết pháp hay khéo đến đâu, người nghe cũng chẳng được lợi ích. Vì thế, điều này rất là trọng yếu. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Đắc thân khẩu ý thanh tịnh luật nghi.

(Thân, miệng, ý phù hợp luật nghi thanh tịnh).

Đây chính là tam nghiệp thanh tịnh. Điều thứ bảy là:

Chánh kinh:

Siêu quá nhất thiết ác đạo bố úy.

(Vượt qua khỏi hết thảy những đường ác, những sự sợ hãi).

Đây là chuyện đương nhiên. Dù tự mình có chủng tử ác nghiệp, nhưng trong đời này vì mình đã đoạn hết ác duyên nên chủng tử ác chẳng có duyên để kết quả. Chẳng những đoạn sạch duyên tam ác đạo, mà duyên trong lục đạo cũng đoạn sạch. Chẳng những đoạn sạch các duyên lục đạo mà duyên mười pháp giới cũng bỏ sạch. Người ấy trong một đời nhất định chứng Nhất Chân Pháp Giới. Muốn vậy thì phải làm cách nào? Chắc thật niệm Phật! Tây Phương Cực Lạc thế giới chẳng thuộc trong mười pháp giới, người vãng sanh đã siêu thoát mười pháp giới. Điều thứ tám là:

Chánh kinh:

Ư mạng chung thời, tâm đắc hoan hỷ.

(Lúc lâm chung, tâm được hoan hỷ).

Người bình thường lúc lâm chung rất thống khổ, rất ưu sầu, thật chẳng biết làm cách nào; nhưng người tu đạo hiểu được mạng đã đến lúc chấm dứt nên họ rất hoan hỷ, rất sung sướng, đúng là lúc thoát ly biển khổ! Người ấy muốn sang sống nơi thanh tịnh tối cực, nơi thù thắng tối cực vậy. Điều thứ chín là:

Chánh kinh:

Hiển dương chánh pháp, tòi phục dị luận.

(Hiển dương chánh pháp, đập tan dị luận)

Năng lực thuyết pháp của người ấy phảng phất giống với chư Phật, Bồ Tát. Điều thứ mười là:

Chánh kinh:

Nhất thiết hào quý, oai đức, tôn nghiêm, do tự bất năng sở hữu khuy vọng, hà huống hạ liệt thiểu phước chúng sanh.

(Hết thầy kẻ giàu sang, oai đức, tôn nghiêm còn chẳng thể đánh giá người ấy chút phần, huống là những chúng sanh hèn kém, ít phước).

Câu này tán thán những thành tựu của người ấy. Phần đầu nói đến những kẻ phú quý, “*hạ liệt thiểu phước*” là kẻ bần tiện. Người phú quý hay bần tiện trong thế gian chẳng thể suy lường được người ấy cao thâm đến đâu. Đây là nói đến cảnh giới của người ấy. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:

Chư căn thành tựu.

(Các căn thành tựu).

Điều thứ mười hai là:

Chánh kinh:

Vô năng ánh tế.

(Không chi che lấp được)

Biểu hiện năng lực trí huệ của người ấy rất rạng rỡ, không thừa sót, không ai có thể chướng ngại nổi người ấy. Điều thứ mười ba là:

Chánh kinh:

Cụ túc nhiếp thọ thù thắng ý lạc.

(Nhiếp thọ đầy đủ niềm vui xứng ý thù thắng).

Câu này nói đến sự hưởng thọ trong cuộc sống của người ấy: đạt được hạnh phúc khoái lạc viên mãn. Niềm hạnh phúc khoái lạc đó từ trong tâm tỏa lộ ra bên ngoài, chứ chẳng phải từ bên ngoài mà có. Đây gọi là “*thù thắng ý lạc*”. Hạnh phúc xứng ý của phàm phu do từ bên ngoài kích phát: hưởng thọ ngũ dục, lục trần, cho đó là khoái lạc. Chư Phật, Bồ Tát chẳng vậy, khoái lạc phát xuất từ nội tâm. Khoái lạc phát khởi từ vô lượng trí huệ, vô lượng tài nghệ, vô lượng đức năng trong tâm tánh. Đây mới là khoái lạc chân thật. Điều thứ mười bốn, mười lăm là:

Chánh kinh:

Đắc xa-ma-tha, tỳ-bà-xá-na.

(Chúng đắc Chỉ, Quán).

Hai câu này là tiếng Phạn. Xa-ma-tha là Chỉ, là Định. Tỳ-bà-xá-na là Quán. Chúng tôi nói một cách thông tục cho quý vị dễ hiểu. Xa-ma-tha là từ buông bỏ hết thấy mà đắc Định. Quý vị buông xuống được vạn duyên thì sẽ đắc Định, đó gọi là Xa-ma-tha. Tỳ-bà-xá-na là từ “khán phá” (thấy thấu suốt bản chất các pháp) mà đắc Định. Đều là đắc định, nhưng từ buông xuống mà đắc định thì gọi là Xa-ma-tha. Từ khán phá mà đắc định thì gọi là Tỳ-bà-xá-na. Điều thứ mười sáu là:

Chánh kinh:

Nan hành chi hạnh giai đắc viên mãn.

(Các hạnh khó hành đều được viên mãn).

Thế pháp có pháp khó hành, xuất thế pháp cũng có pháp khó hành, nhưng các vị đều làm được rất thuận lợi, rất viên mãn. Vì sao thế? Là vì quý vị có trí huệ, bèn có cách thức thiện xảo. Điều thứ mười bảy, mười tám là:

Chánh kinh:

Phát khởi tinh tấn, phổ hộ chánh pháp.

(Phát khởi tinh tấn, hộ trì hết thảy chánh pháp).

Tinh tấn khó đạt phi thường. “Tấn” là tấn bộ, vĩnh viễn không lùi sụt. Tấn bộ cần phải tinh, tinh thuần chuyên nhất, chẳng xen tạp. Đó gọi là “tinh tấn”. “*Phổ hộ chánh pháp*” cũng lại trọng yếu phi thường, bất cứ hết thảy pháp nào do chư Phật, Bồ Tát nói ra, ta đều dùng tâm lòng chân thành để ủng hộ, trọn chẳng vì mình tu Tịnh Độ bèn chỉ hộ trì pháp Tịnh Độ, ai tham thiền mình bèn chê bai thì là lầm mất rồi. Như thế là quý vị chẳng ủng hộ người ấy rồi! Với hết thảy các pháp đức Phật Như Lai đã nói đều phải dùng tâm bình đẳng, tâm chân thành để hộ trì, như vậy mới là đúng. Đúng như trong kinh Hoa Nghiêm, Thiện Tài Đồng Tử tham học năm mươi ba lần, quý vị xem: Năm mươi ba vị thiện tri thức, mỗi người chỉ tu có một pháp môn, nhưng đối với tất cả các pháp môn bọn họ đều tán thán, quyết định chẳng hề phỉ báng. Đây là “*phổ hộ chánh pháp*”, chúng ta phải học theo. Điều thứ mười chín là:

Chánh kinh:

Tốc tạt năng siêu Bất Thoái Chuyển địa.

(Có thể nhanh chóng vượt lên địa vị Bất Thoái Chuyển).

“*Tốc tạt*” là nhanh chóng. Quý vị có thể nhanh chóng vượt lên chứng đắc địa vị Bất Thoái Chuyển. Câu này chuyên chỉ niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Nếu chẳng cầu sanh Tịnh Độ, mong chứng đắc địa vị Bất Thoái Chuyển cực khó! Cực kỳ khó! Chỉ có vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới mới có thể lập tức đạt được ba thứ Bất Thoái Chuyển. Điều thứ hai mươi là:

Chánh kinh:

Nhất thiết hạnh trung, tùy thuận nhi trụ.

(Tùy thuận trụ trong hết thảy các hạnh).

Đây là đặc đại tự tại. Bất luận là thuận cảnh, nghịch cảnh, bất luận là thiện đạo hay ác đạo, đều có thể tùy thuận, mà cũng đều có thể tùy duyên, đều có thể hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức. Do hằng thuận, tùy hỷ thành tựu vô lượng công đức. Đây là hai mươi điều lợi thứ hai.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị vi Bồ Tát đương đắc thành tựu nhị thập chủng lợi. Bất trước danh văn, lợi dưỡng, quả báo, hành nhiều ích sự nhi vi thượng thủ, thường vị chúng sanh dĩ vô hy vọng tâm, thanh tịnh thuyết pháp.

(Này Di Lạc! Đây là hai mươi điều lợi mà Bồ Tát sẽ được thành tựu, chẳng chấp vào danh văn, lợi dưỡng, quả báo, lấy việc nhiều ích làm đầu, thường vì chúng sanh dùng tâm chẳng mong cầu thanh tịnh thuyết pháp).

Câu trùng lặp như thế này rất nhiều, câu này rất trọng yếu. Hy vọng chúng ta nghe nhiều lần sẽ nhớ kỹ càng, trong sanh hoạt thường ngày thường phải nương theo đây mà tu hành.

6. Những lỗi xấu ác trong đời Mạt Pháp:

6.1. Tham cầu lợi dưỡng

Trong đoạn kinh sau đây, đức Phật thuyết minh về những lỗi lầm, các thứ ác hạnh trong thế gian hiện thời. Chúng ta đọc xong phải tinh ngộ sâu xa, trong bất cứ hoàn cảnh nào cũng đều phải lưu tâm đề phòng vi phạm. Xin hãy xem kinh văn:

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc: “Nhữ quán vị lai hậu ngũ bách tuế”.

(Phật bảo Di Lạc: “Ông xem trong đời tương lai, năm trăm năm sau).

Câu này chỉ thời đại hiện tại của chúng ta.

Chánh kinh:

Hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí.

(Có những Bồ Tát rất là vô tri).

Bồ Tát ở đây đều là Sơ Phát Tâm Bồ Tát, chúng ta ngày nay gặp được Phật pháp, ai nấy đã thọ Tam Quy, Ngũ Giới, Bồ Tát Giới, nên đều là những Bồ Tát được nói đến trong đoạn kinh này. Là Bồ Tát gì? Bồ Tát ngu si, chẳng có trí huệ chi cả!

Chánh kinh:

Hành pháp thí thời.

(Lúc hành pháp thí).

Trong các loại bố thí, đặc biệt nhắc đến Pháp Bố Thí. Pháp Bố Thí bậc nhất là giảng kinh thuyết pháp. Chẳng luận là tại gia Bồ Tát hay xuất gia Bồ Tát đều có thể làm được. Đây là một hiện tượng rõ rệt phi thường, người giảng kinh thuyết pháp ở Đài Loan rất nhiều.

Chánh kinh:

Nhược hữu lợi dưỡng, sanh hoan hỷ tâm.

(Nếu có lợi dưỡng, sanh tâm hoan hỷ).

Giảng kinh thuyết pháp mà được người cúng dường rất nhiều, được người cung kính, khen ngợi rất nhiều, bèn rất cao hứng, rất hoan hỷ vậy!

Chánh kinh:

Nhược vô lợi dưỡng, bất sanh hoan hỷ.

(Nếu không lợi dưỡng, chẳng sanh hoan hỷ).

Nếu không ai cung kính, cúng dường thì ý nguyện giảng kinh bèn suy giảm, thậm chí chẳng còn có ý nguyện giảng kinh nữa.

Chánh kinh:

Bỉ chư Bồ Tát vị nhân thuyết pháp, tác như thị tâm.

(Các Bồ Tát đó thuyết pháp cho người, sanh tâm như thế này)

Khởi tâm động niệm như thế đó. Khởi tâm gì? Động niệm gì?

Chánh kinh:

Vân hà đương linh thân hữu, đàn việt phải quy thuộc u ngã?

(Phải làm thế nào khiến cho thân hữu, đàn việt phải quy thuộc mình?)

Nói theo cách bây giờ là “lôi kéo tín đồ”. Nghĩ đủ mọi phương cách, dùng mọi phương tiện (hay nói theo cách bây giờ là “dùng mọi thủ đoạn”) để lôi kéo tín đồ, chẳng để cho họ đi đâu khác, cúng dường ai khác. Quý vị có muốn cúng dường thì chỉ nên cúng dường tôi, chẳng được cúng dường người khác. Quý vị muốn đến đạo tràng, chỉ nên đến đạo tràng của tôi, chẳng được đến đạo tràng bên cạnh. Mang lòng như thế, khởi lên ý niệm như thế.

Chánh kinh:

Phục cánh niệm ngôn: Vân hà đương linh tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, nhi u ngã sở, sanh tịnh tín tâm, cung kính, cúng dường, y phục, ẩm thực, ngọa cụ, thang dược?

(Lại còn nghĩ rằng: Phải làm thế nào để các hàng Bồ Tát tại gia, xuất gia, đối với ta sanh lòng tin trong sạch, cung kính, cúng dường quần áo, thức ăn, đồ nằm, thuốc men?)

Hiện nay cái gì cũng quy thành tiền cả! Hoằng pháp lợi sanh mà khởi lên ý niệm ấy thì làm sao tương ứng cho được? Đây là hiện trạng của xã hội hiện tại.

Chánh kinh:

Như thị Bồ Tát, dĩ tài lợi cố, vị nhân thuyết pháp!

(Hàng Bồ Tát như thế vì tài lợi mà thuyết pháp cho người)

Mục đích thuyết pháp là vì tài, vì lợi.

Chánh kinh:

Nhuộc vô lợi dưỡng, tâm sanh bì yếm.

(Nếu không lợi dưỡng, sanh tâm mệt chán)

[Không lợi dưỡng] họ sẽ chán chường, không chịu làm nữa!

Chánh kinh:

Di Lạc! Thí như hữu nhân chí nhạo thanh tịnh, hoặc vị tử xà, tử cầu, tử nhân đặng thi, nùng huyết lạn hoại, hệ trước kỳ cảnh, thị nhân phiền não, thâm sanh yếm hoạn. Dĩ vi nghịch cố, mê muộn bất an.

(Này Di Lạc! Ví như có người tánh ưa thanh tịnh, nếu bị xác rắn chết, chó chết, người chết v.v... máu mũi rửa nát, buộc chặt nơi cổ, người ấy sẽ phiền não, sanh chán sợ sâu xa. Do vì trái ý, họ sẽ buồn bực chẳng yên)

Ở đây Phật nêu lên một thí dụ để giảng: Ví như có một người, tâm chí ưa thích thanh tịnh, chẳng chút gì ô nhiễm, chợt gặp phải tình cảnh như sau: rắn chết, chó chết, người chết. Những thứ ấy để ví với gì? Để ví với danh văn, lợi dưỡng, quả báo đã nói ở phần trên. Nếu những thứ ấy buộc ràng vào thân, sẽ giống như bị xác chết đã tươm máu mũi, thổi rửa, buộc chặt vào cổ, chẳng khác chút nào! Người tâm chí ưa thích thanh tịnh coi đó là khổ, còn ai lấy đó làm vui? Bồ Tát ngu si không trí huệ coi đó là vui thì có phải là rồ dại hay không rồ dại đây? Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh văn tiếp theo:

Chánh kinh:

Di Lạc! Đương tri u mạt thế hậu, ngũ bách tuế trung, thuyết pháp chi nhân diệc phục như thị. U chư nhất thiết vô lợi dưỡng xứ, bất thuận kỳ tâm, vô hữu tư vị, tiện sanh yếm quyện, khí xả nhi khứ.

(Này Di Lạc! Ông nên biết rằng người thuyết pháp vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, cũng giống như thế. Đối với hết thảy những chỗ không lợi dưỡng, họ chẳng vui lòng. Với chỗ không có mùi vị, bèn sanh mệt chán, bèn buông bỏ đi)

Những vị Bồ Tát ấy, chúng ta cứ xem qua liền hiểu là chí ý họ chẳng ưa thích thanh tịnh. Họ bị ngũ dục, lục trần, danh văn, lợi dưỡng buộc ràng. Vì thế nếu chẳng được danh lợi, họ sẽ chẳng làm; chỗ nào danh lợi nhiều, họ liền hiện vẻ dưng mãnh, tinh tấn, sẽ làm rất nhanh nhẹn, siêng năng. Toàn là vì danh lợi. Cần phải hiểu là danh văn, lợi dưỡng có quả báo quyết định là tam đồ. Bởi thế họ đang tu điều gì vậy? Tu tam ác đạo đây! Họ đâu có tu đạo Bồ Đề.

Chánh kinh:

Bỉ chư pháp sư tác như thị niệm: Ngã u thử trung, thuyết pháp vô ích. Hà dĩ cố? Thị chư nhân đẳng, u ngã sở tu y phục, ẩm thực, ngoạ cụ, y dược, bất sanh ưu niệm, hà duyên u thử, đồ tự bì lao?

(Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, họ chẳng lo nghĩ đến, có gì mình phải uống công nhọc nhằn nơi đây?)

Khởi tâm ấy, động niệm ấy, hoàn toàn trái nghịch lời đức Như Lai răn dạy. Phật dạy ta dùng tâm không hy vọng để thanh tịnh thuyết pháp, mà họ thuyết pháp là để thỏa mãn những điều mong cầu, nhưng điều họ mong cầu vĩnh viễn không bao giờ ngơi. Điều này rất phiền toái, chẳng thể giảng tường tận cho quý vị đồng tu bộ kinh này, chỉ có thể điểm tới là thôi (2). Mọi người về nhà dốc lòng thể hội. Nếu giảng tỉ mỉ sẽ đắc tội với rất nhiều người, cho nên tôi mới nói là rất phiền toái. Ba mươi năm trước tôi giảng Thiên Lâm Bảo Huấn, có người gọi điện thoại, gửi thơ sửa lưng tôi: “Su nói những điều này nọ đắc tội với rất nhiều người”. Bộ kinh này nếu giảng kỹ ắt sẽ lời xương, bởi thế tôi hy vọng quý vị sẽ dốc tâm thể hội.

Điều tối trọng yếu là ta chẳng thấy lỗi người khác, mà phải phản tỉnh coi chính mình có phạm phải những căn bệnh ấy hay không. Có như vậy ta mới đạt được lợi ích chân thật. Người khác làm gì là chuyện của họ, chẳng liên can gì đến ta. Họ thành Phật chẳng liên can gì đến ta, họ đọa địa ngục cũng chẳng liên can gì đến ta. Việc gì ta phải bận tâm đến họ! Tối khẩn yếu là phải quan tâm giữ mình cho tốt; giữ mình chẳng dễ đâu! Gặp được bộ kinh này là nhân duyên thù thắng khôn sánh, y chiếu lời dạy răn chân thật của Phật Đà, tích cực phản tỉnh, kiểm điểm, sửa lỗi, đổi mới, hy vọng được giải thoát ngay trong một đời này, được vãng sanh Phật quốc, nhanh chóng được viên mãn Bồ Đề mới là mục tiêu chân chánh của chúng ta.

Chúng ta đọc đoạn kinh này một lượt nữa: “*Các pháp sư đó nghĩ như thế này: Ta ở nơi đây, thuyết pháp vô ích. Vì sao vậy? Những người này đây, đối với y phục, đồ ăn, đồ nằm, thuốc men ta cần, chẳng lo nghĩ đến, có gì mình phải uống công nhọc nhằn nơi đây?*”

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị chư pháp sư tự cầu cúng dường, cấp thị, tôn trọng, nhiếp thọ đồng trụ, cập u cận trụ.

(Này Di Lạc! Các pháp sư ấy do tự cầu [được] cúng dường, cung cấp, hầu hạ, tôn trọng [nên bèn] nhiếp thọ kẻ đồng trụ và kẻ cận trụ)

Câu này cần lại phải nói lướt qua. “*Đồng trụ*” là những người ở trong cùng một đạo tràng với mình, đa phần chỉ người xuất gia. “*Cận trụ*” là tín đồ thường vắng lai đạo tràng mình. Đồng trụ và cận trụ là hết thầy đại chúng và hết thầy tín đồ trong đạo tràng của các pháp sư ấy. Nói chung là pháp sư nghĩ cách lung lạc, nghĩ cách khống chế để mọi người phải nghe theo lệnh mình. Đây chính là ý nghĩa của câu này.

Chánh kinh:

Bất vị u pháp, cập lợi ích sự, nhi nhiếp thọ chi.

(Chẳng vì pháp và sự lợi ích mà nhiếp thọ)

Họ nhiếp thọ chúng sanh chẳng phải là để chân chánh dạy người học Phật pháp, dạy người giác ngộ, dạy người liễu sanh tử, xuất tam giới. Họ chẳng nói đến những sự ấy.

Chánh kinh:

Thị chư pháp sư, tự cầu ẩm thực, y phục, ngọa cụ, trá hiện dị tướng.

(Các pháp sư ấy vì mong cầu thức ăn, quần áo, đồ nằm nên dối hiện tướng lạ).

Chữ “trá” hàm nghĩa dối làm. Đối với câu này, trong nhà Phật cũng có một câu ngạn ngữ: “*Hòa thượng bắt tác quái, cư sĩ bắt lai bài*” (Thầy chùa chẳng bày vẽ, cư sĩ chẳng đến lễ). “*Trá hiện dị tướng*” tức là bày vẽ những trò lạ, để kêu gọi tín đồ ngày ngày đến lễ bái. Tình trạng này xảy ra rất nhiều! Hiện tại có rất nhiều người đặc biệt cường điệu chuyện thần thông cảm ứng. “*Thần thông cảm ứng*” chính là “*dị tướng*”. Những chuyện thần thông cảm ứng như vậy có khi cũng có, nhưng nhất định chẳng nên tuyên truyền.

Trong đạo tràng chúng ta đã từng thấy chuyện này: Lúc mọi người đến chụp ảnh, trong ảnh có quang minh, có dị tướng, chúng tôi đem hủy hết những ảnh ấy, vì đó là điều chẳng hay. Nếu mọi người tham chấp vào việc ấy rất dễ bị ma dựa đó nghe! Vì thế, nếu chẳng quan tâm đến: Họ là Phật cũng hay, là ma cũng chẳng đếm xỉa tới, thì đạo tràng ấy bình yên vô sự, có thể duy trì, bảo vệ chánh pháp.

Chánh kinh:

Nhập vương thành, quốc ấp, tụ lạc.

(Họ vào trong vương thành, quốc ấp, tụ lạc).

“*Vương thành*” gọi theo cách bây giờ là thủ đô, chỗ đặt văn phòng chánh phủ trung ương. “*Quốc ấp*” là đô thị lớn. “*Tụ lạc*” là thôn trấn, xóm làng, hương trấn.

Chánh kinh:

Nhi thực bất vị lợi ích, thành thực u chư chúng sanh, nhi hành pháp thí. Sở dĩ giả hà?

(nhưng thật sự chẳng vì nhằm lợi ích, thành thực cho chúng sanh mà hành pháp thí. Vì sao vậy?)

Bọn họ hoằng pháp lợi sanh tại các địa phương ấy, nhưng thật ra chỉ vì mục đích tư lợi, toàn là vì danh văn, lợi dưỡng, chứ chẳng thật sự nhằm làm lợi, thành thực chúng sanh. “*Lợi ích*” khác với “*thành thực*” một chút. “*Lợi ích*” là dạy dỗ cho họ được tiếp xúc với chánh pháp, đem chánh pháp của đức Phật giới thiệu cho họ. “*Thành thực*” là giúp cho ngay trong một đời này được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, thật sự thoát ly luân hồi; bởi lẽ chẳng vãng sanh thì chẳng thể ly khai lục đạo luân hồi. Quý vị được lợi ích, chưa kể là thành thực. Thành thực là lợi ích viên mãn. Kiểu hành pháp thí như thế, nói theo cách bây giờ là “hoằng pháp lợi sanh” là vì cái gì? Ở đây, Phật nêu câu hỏi để chúng ta tự phản tỉnh.

6.2. Mười lăm thứ tà pháp đức Phật chẳng hề nói đến

Dưới đây, đức Phật nói đến mười lăm điều mà đức Phật chẳng bao giờ đề cập. Thật ra, trong đoạn kinh này, đức Phật chỉ nêu lên một số điều làm thí dụ, chứ chẳng phải chỉ có mười lăm điều mà thôi! Ngài hy vọng từ những điều này, chúng ta sẽ tự có thể lãnh hội, tự minh bạch đâu là chánh pháp? Đâu là tà pháp? Chúng ta hãy đọc kinh văn:

Chánh kinh:

Di Lạc! Ngã bất thuyết ngôn:

(Di Lạc! Ta chẳng hề nói:)

“Ngã” là đức Thích Ca Mâu Ni Phật tự xưng. Đức Phật chẳng hề nói những điều như sau:

Chánh kinh:

Hữu hy cầu giả vi pháp thí thanh tịnh. Hà dĩ cố? Nhược tâm hữu hy cầu, tắc pháp vô bình đẳng.

([Tâm] có mong cầu là thực hành pháp thí thanh tịnh. Vì sao vậy? Nếu tâm có mong cầu thì pháp sẽ không bình đẳng).

Đây là điều thứ nhất. Bởi lẽ Phật pháp rất dễ bị người khác mạo danh lợi dụng, bắt chước giả mạo. Yêu ma, quỷ quái rất thông minh, những danh từ hay ho trong Phật pháp chúng đều lấy sử dụng hết, những chúng sanh nào mê hoặc điên đảo đều bị xí gạt cả. Chiêu bài Phật pháp rất hay, nghe rất kêu đó mà! Chứ thật sự bên trong chẳng phải là như vậy. Vì thế, thanh tịnh thí pháp thí sẽ thanh tịnh. Nếu như quý vị đối với chúng sanh mà có tâm mong cầu, thì pháp thí ấy chẳng phải là thật, chỉ là mạo nhận chiêu bài, là giả dối, đức Phật chẳng thuyết pháp như thế. Chư Phật, Bồ Tát đối với hết thấy pháp thế gian, xuất thế gian, hết thấy người, hết thấy sự, tuyệt đối chẳng có mảy may ý niệm cầu mong gì. Phiên lăm nghe!

Có lần tôi trở về đây, có những đồng tu thưa với tôi là muốn in kinh, rồi lại hỏi tôi in tác phẩm này có được chăng, in tác phẩm kia có được chăng? Tôi chẳng quan tâm đến những điều đó! Quý vị thích in thì cứ tự mình in. Những tác phẩm của tôi chẳng hề giữ bản quyền; quý vị thích làm sao thì cứ làm vậy, chỉ cần quý vị suy nghĩ xem mình làm như thế này là đúng hay chẳng? Nếu việc ấy có lợi cho xã hội, cho chúng sanh thì cứ dốc sức mà làm, chẳng cần phải hỏi ý tôi. Tôi ngại phiền rộn lắm! Ta đều sợ phiền, nhưng chư Phật, Bồ Tát chẳng thấy phiền. Có phiền hay không các Ngài chẳng bận tâm đến những chuyện ấy! Bởi vậy, tâm địa thanh tịnh là điều trọng yếu phi thường. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Ngã bất thuyết ngôn: tham ô tâm giả năng thành chúng sanh.

(Ta chẳng nói rằng: tâm tham ô có thể thành thực chúng sanh)

[Tâm tham ô là] trong tâm có những phiền não như tham, sân, si, mạn đây! Câu này ý nói chưa đoạn phiền não; nếu chính mình chưa đoạn phiền não thì quý vị thành thực người khác sao được? Làm sao giúp đỡ người khác được?

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Tự vị thành thực, năng thành thực tha, vô hữu thị xứ!

(Vì sao cố? Chính mình chưa thành thực mà lại thành thực được người khác, quyết không có lẽ đó).

“Vô hữu thị xứ” nghĩa là chẳng có đạo lý ấy!

Chánh kinh:

Di Lạc! Ngã bất thuyết ngôn: tôn trọng, cúng dường, an lạc kỳ thân, tham trước nhiếp thọ bất tịnh vật giả, vi lợi ích sự.

(Này Di Lạc! Ta chẳng hề nói: tôn trọng, cúng dường, yên vui cái thân, tham đắm thân góp các vật bất tịnh là làm chuyện lợi ích).

Rất nhiều đồng tu xuất gia, tại gia nghĩ đến việc tu tập tích lũy công đức. Trong kinh Phật nói đến việc tích tập công đức, mọi người xem đến rất hoan hỷ, chúng ta phải tích cực thực hiện. Nên làm như thế nào? Nếu có những sự như sau, khởi lên những ý niệm như sau thì đều sai rồi:

- Quý vị có ý niệm tham muốn được tôn trọng, cúng dường hay chẳng?

- Quý vị có tham muốn hưởng thọ chăng?
- Quý vị có ham muốn thâu góp những vật bất tịnh chăng?

Thế nào gọi là “*vật bất tịnh?*” Quý vị phải tự hiểu rõ, phải hiểu minh bạch điều này. Phạm vi bao quát của từ ngữ này rất rộng. Chúng tôi xin nêu một thí dụ: Ví như lúc bố thí cúng dường, nếu dùng thủ đoạn để buộc hết thầy đại chúng dù chẳng cam tâm tình nguyện cũng phải cúng dường, bức bách họ cúng dường, thì gọi là cúng dường chẳng thanh tịnh. Bức bách như thế nào? Nói trước với những người khá thân cận với kẻ ấy: “Quý vị phải cúng dường nhiều hơn một chút chớ!” Người kia thấy có ý bất hảo, nhưng gặp lúc chẳng thể không cúng dường, không cúng dường thì mất mặt, chứ trong lòng chẳng cam tâm, chẳng tình nguyện, nhưng chẳng thể không làm, đó gọi là “*vật bất tịnh*”.

Tôi chỉ nêu một thí dụ đây nhé! Những sự việc như vậy rất nhiều. Vì thế người học Phật học rất khổ sở, áp lực rất nặng đó nghe! Phật, Bồ Tát dạy chúng ta học Phật được đại tự tại, ngày ngày học được hoan hỷ, chúng ta thấy phần đông người học Phật mặt nhăn, mày nhíu, nguyên nhân bên trong rất là phức tạp! Tiếp theo đây, Phật giảng:

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Vị cầu tự thân an ổn, phong lạc, nhiếp thọ chúng hội, bất năng linh kỳ an trụ chánh tín.

(Vì sao vậy? Nếu vì muốn cho thân mình được an ổn, dư dật yên vui mà nhiếp thọ chúng hội, sẽ chẳng thể khiến cho họ an trụ trong chánh tín).

Chẳng thể khiến cho hết thầy chúng sanh an trụ trong chánh tín, tín nguyện của họ đều chẳng thật.

Trong đoạn kinh văn tiếp theo đây, đức Phật cũng nói đến điều Ngài sẽ chẳng đề cập. Dụng ý của Ngài là đề phòng trong thời kỳ mạt pháp, có hạng Bồ Tát ngu si. Nhưng thật sự ra, đoạn kinh văn sau đây hàm ý: Trong thời đại ấy, có con cháu của ma vương đi xuất gia, cũng mặc ca-sa để phá hoại chánh pháp, giả mượn danh Phật pháp ngõ hầu phá hoại Phật pháp. Trong số đó, có kẻ cố ý phá hoại, có kẻ vô ý. Vô ý phá hoại Phật pháp là sao? Bị ma khống chế, tự mình chẳng hiểu làm thế đó là phá hoại Phật pháp, cứ tưởng là đang tích tập công đức. Đây chính là điều chúng ta phải suy xét, phải giác ngộ. Chúng ta hãy xem đoạn thứ tư:

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: kiêu trá chi nhân trụ a-lan-nhã.

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói là người giả dối, man trá trụ nơi tịch tĩnh)

Câu này nói theo cách bây giờ là “bế quan, ở nhà tranh”. “Bế quan, ở nhà tranh” nhằm mục đích gì? Dùng cách thức này để lừa dối tín đồ. Mọi người nếu gặp cá nhân nào đã từng bế quan như thế, ắt nhất định chẳng lầm. Bởi lẽ, mục đích của kẻ ấy là chiêu tập danh văn, lợi dưỡng, chẳng thật sự tu hành, cũng chẳng vì hoằng

pháp lợi sanh, là kẻ giả dối, man trá! Đích xác là có chuyện như thế. Nếu quý vị chú ý quan sát, sẽ nhận thấy chẳng khó khăn gì!

Dù phát giác cũng chẳng cần phải nói ra, chỉ cốt mình chẳng bị lừa là được. Người khác mắc lừa là do nhân duyên. Trong phần trên, đức Thế Tôn đã dạy chúng ta phải tu hành trong thời đại này như thế nào mới chẳng sanh phiền não, mới được an ổn giải thoát. Phật dạy chúng ta bốn phương pháp, lại nói thêm bốn phương pháp nữa, tổng cộng là tám phương pháp, các vị còn nhớ chẳng? Phải nhớ cho chắc nghe! Nếu chưa nhớ thì quý vị phải nghe kỹ, nghe qua phải nghĩ cho kỹ, vô cùng trọng yếu phi thường!

Điều thứ nhất Phật dạy chúng ta là “*chẳng tìm lỗi người khác*”. Người khác có lỗi, trong tâm mình biết rõ, nhưng ta chẳng lấy đó làm phiền, tiếp xúc một lần rồi thôi. “*Chẳng nêu tội người*”: họ có phạm giới, tạo tác tội nghiệp, ta cũng chẳng chỉ trích. Mỗi người tự có nhân quả, tự có báo ứng mà! Cớ chi chúng ta phải xen vào? Trong tám điều, hai điều đầu tiên vừa nói trên trọng yếu cực kỳ phi thường, chúng ta phải hiểu rõ.

Chánh kinh:

Bạc phước đức giả, nhi vi thiếu dục.

(Kẻ kém phước đức làm ra vẻ thiếu dục).

Kẻ đó làm ra vẻ thiếu dục, làm ra vẻ tri túc, là vì sao? Là vì kẻ ấy chẳng có phước đức. Không có phước đức sao lại nói là thiếu dục được? Lúc không có phước đức bèn làm ra vẻ thiếu dục. Thiếu dục là một hạnh pháp rất cao siêu trong Phật pháp đã bị kẻ đó giả mạo.

Chánh kinh:

Tham thắng vị giả, danh dị mãn túc.

(Kẻ tham mùi vị thù thắng, xưng là “dễ thỏa mãn”).

“Thắng” là thù thắng. “Vị” là ngũ dục, lục trần. Tham muốn hưởng thọ ngũ dục, lục trần, bèn khoác lên cái tên đẹp đẽ là “*dị mãn túc*”. “*Dị mãn túc*” nghĩa là tri túc.

Chánh kinh:

Đa cầu mỹ thiện, dĩ vi khát thực.

(Vị thích được đồ ăn ngon mà đi khát thực).

Trong thời đức Phật tại thế, phương thức sanh hoạt của người xuất gia là “thác bát” (ôm bát đi khát thực). Những kẻ khát thực [được nhắc đến trong đoạn kinh này] đi đến nơi nào? Họ chuyên môn đến khát thực nhà phú quý vì tham luyện đồ ăn ngon; chẳng đến khát thực nhà bần cùng là vì sao? Đồ cúng của kẻ nghèo không ngon! Cơm, thức ăn chẳng ngon lành chi! Đó gọi là “khát thực”. Từ ý này các vị suy ra thì thấy: cứ hễ tham muốn hưởng thọ danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục sẽ chẳng thành người xuất gia.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: khát cầu chủng chủng thượng diệu y phục, vị như thị đẳng trì phần tảo y.

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Xin tìm các thứ y phục tốt đẹp cũng giống như mặc y phần tảo).

Đức Thế Tôn dạy các đệ tử dùng “*phần tảo y*” là với dụng ý phải thời thời khắc khắc thường tự cảnh tỉnh: Thế gian này khổ lắm! Luân hồi càng đáng sợ hơn! Vì thế phải sanh sống đơn giản, mặc áo rất thô. Thời cổ khoa học, kỹ thuật chưa phát triển, một bộ quần áo rất khó có được, chẳng phải rất dễ có như thời hiện tại. Y phục của người xuất gia toàn là nhặt lại từ quần áo cũ của người tại gia đã vứt bỏ đi, chẳng ai muốn nữa. Nhặt lấy những thứ đó, xem phần nào còn có thể dùng được thì cắt ra, sau đó chằm từng miếng một lại thành bức. Đó chính là “ca-sa”.

Ca-sa là do may chằm lại như thế, toàn là do quần áo cũ chằm lại, màu sắc, chất liệu không đồng nhất, đức Phật dạy nhuộm thành màu tro hay màu cà phê, gọi là “*phần tảo y*”. Y phục này người thế gian chẳng mặc được, mặc y phục này sẽ thời thời khắc khắc cảnh tỉnh chính mình, tuyệt chẳng tham muốn hưởng thọ. Ngày nay chúng ta nghĩ đến lời giáo huấn của đức Thích Ca Mâu Ni, khi chúng ta may y ca-sa, đem cả nguyên cuộn vải, cắt vụn ra, rồi may chằm lại, nhưng đây chẳng phải là ý Phật. Vì thế, phải thường nghĩ đến cuộc sống của Tăng đoàn khi đức Thế Tôn còn tại thế, đức Thế Tôn khổ tâm răn dạy, không gì là chẳng nhằm khiến chúng ta bất cứ nơi đâu, bất cứ thời khắc nào tâm luôn cảnh tỉnh, trọn chẳng bị mê hoặc bởi ngũ dục, lục trần thế gian. Thế nên đức Phật tuyệt đối chẳng nói là xin tìm các thứ y phục quý tốt để mặc trên thân mà vẫn giống hệt như mặc y phần tảo.

Hiện tại, người xuất gia cũng nghiên cứu cách ăn mặc tương đương [với thế gian], chất liệu toàn tuyền loại thượng hạng. Phương thức sanh hoạt như vậy rất dễ tăng trưởng tâm tham, khiến cho quý vị lưu luyện thế gian này, lia bỏ chẳng nổi. Nếu là kẻ niệm Phật cầu vãng sanh, đến lúc A Di Đà Phật đến tiếp dẫn, quý vị lại nhớ mình còn có nhiều thứ tốt đẹp quá, bỏ đi chẳng đành thì phiền quá, những thứ đó đâu có mang theo được! Bởi vậy lúc bình thường phải buông bỏ. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: tại gia, xuất gia, vô thức tri giả, vi ly hội náo.

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: kẻ tại gia, xuất gia không ai biết đến bèn là xa lìa chốn ồn náo)

Bồ Tát tại gia hay xuất gia, nếu mức độ tên mình được biết đến chưa nhiều, không ai biết đến mình, quý vị bèn làm ra về mình là người xa lìa chốn ồn náo. Quý vị xem, cái tiếng tốt ấy hay bị người ta mạo nhận lắm.

Chánh kinh:

Di Lạc! Ngã bất thuyết ngôn: siểm khúc chi nhân, trị Phật hưng thế.

(Này Di Lạc! Ta chẳng nói rằng người dua dối sẽ gặp Phật xuất hiện trong đời).

Tâm chẳng chánh trực, chẳng thành thật, người như vậy sẽ gặp hay chẳng gặp được Phật xuất thế? Dù đức Phật xuất thế, kẻ ấy cũng chẳng gặp. Vì sao chẳng gặp? Kẻ ấy có chướng ngại: Siểm khúc là chướng ngại. Người như thế nào mới gặp được Phật? Chân thành! “*Trong cửa nhà Phật chẳng bỏ một ai*”. Tâm địa quý vị chân thành sẽ cảm ứng đạo giao chư Phật, Bồ Tát, nên có thể gặp được các Ngài, người tâm dua dối chẳng thể gặp được. Chẳng phải là Phật không từ bi, chỉ là do thân người ấy có chướng ngại.

Trong xã hội hiện tại hay có chuyện này: “Ở Trung Quốc hay ở ngoại quốc, ta thường nghe nói ông nọ là Bồ Tát chi đó tái lai, là Phật nào đó tái lai; một số người thân cận kẻ đó thấy mình rạng rỡ, sáng suốt phi thường! Kẻ đó thấy Phật, thấy được Phật sống”. Nếu quý vị chú tâm quan sát kỹ sẽ thấy kẻ đó là “siểm khúc”, làm sao thấy Phật sống cho được? Thấy Bồ Tát cho được? Nếu là Phật tái lai, Bồ Tát tái lai, sao nói xong không thì tịch? Trong lịch sử Trung Quốc đã từng có chuyện như vậy: Các vị hé lộ thân phận xong bèn tịch diệt, đó mới là thật. Nói ra thân phận vẫn sống nhăn, thì thật là kỳ quái! Bởi vậy, nếu quý vị hiểu rõ sự lý này rồi sẽ chẳng bị mắc lừa nữa!

Chánh kinh:

Câu tha đoãn giả, vi như lý tu hành

(Tìm chỗ dở của người khác là tu hành đúng lý).

Phải nhớ kỹ điều này. Vì sao ở phần trước đức Phật dạy chúng ta điều thứ nhất là “*đừng tìm lỗi người*”. Tìm lỗi người chính là chuyên môn tìm chỗ dở của người khác, người như vậy tự cho mình là tu hành đúng lý, chứ thật ra là trật rồi! Phật chẳng hề thuyết pháp như vậy!

Chánh kinh:

Đa tổn hại giả, danh giới uẩn thanh tịnh.

(Người gây tổn hại nhiều được gọi là giới uẩn thanh tịnh)

Đây là nói về trì giới thanh tịnh. Người trì giới thanh tịnh làm sao có chuyện tổn hại người khác được? Phàm là ai ôm lòng tổn hại chúng sanh khác thì giới của người ấy đã bị phá, sao có thể nói là “*giới uẩn thanh tịnh*” được nữa?

Chánh kinh:

Tăng thượng mạn tâm, vi đa văn đệ nhất.

(Tâm tăng thượng mạn là đa văn bậc nhất).

Thế nào là “tăng thượng mạn?” Nói theo ngôn ngữ bây giờ là “đáng nên kiêu ngạo”. Kẻ ấy học rộng nghe nhiều, so ra người khác chẳng hơn được, bèn sanh khởi tâm ngạo mạn, tức là thấy mình đáng nên kiêu ngạo! Chắc chắn Phật, Bồ Tát chẳng hề thuyết pháp như thế. Chẳng riêng gì thánh nhân xuất thế (Phật, Bồ Tát), thánh nhân thế gian cũng nói: “*Học vấn càng sâu càng khiêm hư, càng cung kính*”, há có người học vấn sâu nào mà ngạo mạn? Chẳng hề có đạo lý ấy!

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Háo bằng đẳng giả, danh trụ luật nghi.

(Này Di Lặc! Ta chẳng hề nói kẻ thích kết bè lũ đáng gọi là người giữ luật nghi)

“*Bằng đẳng*” nói theo cách bây giờ là “bè phái”. Trong Tăng đoàn mà lập ra những tổ chức nhỏ thì gọi là phá hoại luật nghi, tuyệt đối chẳng phải là “*trụ luật nghi*”.

Chánh kinh:

Tâm công cao giả, danh tôn kính pháp sư.

(Kẻ tâm ngạo nghề gọi là tôn kính pháp sư).

Mặt ngoài lễ tiết rất chu đáo, trong tâm ngạo nghề, ngã mạn thì chẳng phải là chân chánh tôn kính pháp sư.

Chánh kinh:

Ỗ ngữ khinh lộng, vi thiện thuyết pháp.

(Nói thêu dệt, bõn cợt là khéo thuyết pháp)

Căn bệnh này quý vị phải chú tâm quan sát, quý vị đều thấy ngay. “Ý ngữ” là hoa ngôn xảo ngữ. “Khinh lộng” là thường dùng những môi miệng giỡn hớt đùa bỡn để giảng kinh thuyết pháp, khiến đại chúng cười vỡ cả nhà! Ôi! Kẻ ấy nói rất giỏi, nhưng Phật chẳng bảo kẻ ấy chẳng phải là người giỏi thuyết pháp đâu!

Chánh kinh:

Dữ tục giao tạp, năng ư tăng chúng, ly chư quá thất.

(Giao du hỗn tạp với người đời mà có thể lià các lầm lỗi đối với tăng chúng)

Điều này đức Phật cũng chẳng hứa khả. Ưa thích qua lại cùng kẻ tục gia, ưa thích kết giao với tục nhân, mà chẳng hề có lầm lỗi trong tăng đoàn là điều rất khó. Vì sao vậy? Nhiệm trước tập khí thế tục, trở ngại tăng chúng tu hành thì sao có thể nói là “lià các lầm lỗi” được?

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Giản thắng phước điền, vi thí bất vọng báo!

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói là: Ngạo mạn đối với phước điền thù thắng là bố thí mà chẳng mong được báo)

“Bố thí chẳng mong được báo” là điều đức Phật thường dạy chúng ta, giống như ở phần trước nói là dùng tâm không mong cầu để hành pháp bố thí. “Tâm không mong cầu” chính là “bố thí chẳng mong được báo”. Nếu có kẻ “ngạo mạn đối với phước điền thù thắng” mà cho là mình làm như vậy chính là bố thí chẳng mong cầu quả báo thì là lầm lẫn rồi, đã hiểu lầm ý nghĩa của danh từ, thuật ngữ Phật đã giảng mất rồi.

Thế nào là “giản thắng phước điền?” Thắng là tốt đẹp thù thắng. *Giản* là giản mạn (đổi đãi với người khác một cách qua loa, nhạt nhẽo), sơ mạn (coi thường, khinh dễ), khinh mạn. Kẻ ấy bố thí tu phước với thái độ ngạo nghễ, ngã mạn. Chẳng hạn như kẻ ấy có rất nhiều tiền, tùy tiện xả thí một ít cho chùa miếu, tâm khinh rẻ, chẳng có lấy một chút lòng tôn trọng, cung kính chi, cứ tưởng như thế là bố thí chẳng mong được báo. Hiểu ý nghĩa “bố thí chẳng mong được báo” như vậy là lầm mất rồi!

Chánh kinh:

Cầu ân báo giả, vi thiện nhiếp chư sự.

(Mong được đền ơn là khéo nhiếp các sự)

“Nhiếp” nói theo cách bây giờ là “quản chế” (trông coi); giống như trong đạo tràng chúng ta ngày nay gọi là làm nghĩa công (volunteer). Đây là “thiện nhiếp chư sự”. Lúc bọn họ đến làm nghĩa công thì mục đích là gì?

Cầu được báo ân, cầu quả báo, đó chính là “*chẳng khéo nhiếp các sự*”. Nghĩa công, tốt lắm! Nhưng phải “tâm không mong cầu” mới là “*khéo nhiếp các sự*”. Có tâm mong mỏi là chẳng trúng. Vì thế, chúng ta phải hiểu rõ ràng, minh bạch ý nghĩa này.

Chánh kinh:

Cầu cung kính, lợi dưỡng, vi chí nhạo thanh tịnh.

(Cầu cung kính, lợi dưỡng là chí ưa thanh tịnh).

Người tâm chí thích thanh tịnh quyết định chẳng có ý niệm cầu cung kính, lợi dưỡng. Có ý niệm ấy mà tự cho là mình rất thanh tịnh thì lầm to rồi.

Chánh kinh:

Đa vọng kế giả, dĩ vi xuất gia.

(Lắm tính toán xằng bậy mà cho là mình xuất gia)

“Vọng” là hư vọng, “kế” là tính toán. Đây là điều người xuất gia chẳng nên làm. Phạm vi của “vọng kế” rất rộng lớn.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Phân biệt bỉ ngã, danh nhạo trì giới.

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói kẻ phân biệt ta - người gọi là thích trì giới)

Người trì giới quyết định chẳng phân biệt ta - người. Nếu như có ý niệm phân biệt ta - người thì người như vậy trì giới chẳng đặc định, nên chẳng phải là người trì giới chân chánh. Quý vị phải hiểu là đối với Giới Học, do Giới mà đặc Định, nhân Định khai Huệ. Người chân chánh trì giới giống như Lục Tổ nói: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”. Quý vị vẫn còn có chấp trước, phân biệt đây - kia, ta - người thì là lầm rồi!

Chánh kinh:

Bất tôn kính giả, danh vi thánh pháp.

(Chẳng tôn kính mà gọi là nghe pháp)

Nơi giảng kinh thuyết pháp, người đến nghe pháp rất nhiều. Có hạng người tuy cũng đến nghe, nhưng Phật nói hạng người ấy chẳng nghe pháp. Vì sao vậy? Họ chẳng hiểu được ý nghĩa của Phật pháp. Họ đến đây làm gì? Họ muốn nhờ nơi đó để biết coi rốt cuộc Phật giáo giảng dạy những gì, thậm chí đến để gây rắc rối nữa đây. Rất nhiều đạo tràng gặp tình cảnh này. Vì thế giảng kinh thuyết pháp chẳng phải là chuyện dễ, đặc biệt là ở đạo tràng [có kẻ] sanh lòng khinh dễ.

Năm 1977, tôi đến Hương Cảng giảng kinh lần thứ nhất, ngay chiều hôm đó, pháp sư Sướng Hoài bảo tôi: “Pháp sư! Ở đây Ngài phải chú ý cẩn thận, địa phương này có những kẻ chuyên gây rắc rối cho pháp sư. Họ nghe xong, liền nêu ngay câu hỏi tại chỗ để bắt bí pháp sư đó nghe!” Sư nói: “Ngài phải chú ý. Rất nhiều pháp sư đều bị cứng họng tại Hương Cảng đây!” Đó là hạng chuyên gây rối, là “*kẻ chẳng tôn kính*”. Họ chẳng đến để nghe pháp mà chỉ đến để gây rối thôi.

Chánh kinh:

Nhạo trước thế điển, chú trớ, ngôn luận, dĩ vi thọ pháp.

(Ưa đắm sách vở thế tục, bùa chú, lý luận, cho đó là thọ pháp)

“*Thọ pháp*” là truyền pháp. Ưa thích sách vở thế gian, những sách ấy không phải là kinh điển Phật. Ưa thích chú ngữ, các ngôn luận như thế, cho là mình “thọ pháp”, tiếp thọ đại pháp của Như Lai. Đây cũng là làm lạc, chẳng phải là điều đức Phật nói.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Ư chư không tánh, vô thắng giải giả, năng xuất ly sanh tử.

(Này Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: Đối với các tánh Không, không có thắng giải mà có thể thoát lìa sanh tử)

Nhờ vào đâu để liễu sanh tử, xuất tam giới? Ở đây, Phật nói rất hay, thật là đơn giản dễ hiểu. Đối với đạo lý Nhân Không Tánh, Ngã Không Tánh, sự tướng chân thật ấy, nếu quý vị chẳng thể lý giải sâu xa sẽ chẳng có biện pháp nào để liễu sanh tử, thoát tam giới. Vì thế, chúng ta tu học pháp môn, nhất định phải biết căn cứ vào lý luận nào. Nếu quý vị chẳng hiểu rõ lý luận ấy thì ai nói đến pháp môn nào có thể liễu thoát sanh tử, pháp môn nào có thể thành Phật ngay trong thân này, quý vị nghe xong liền tin ngay. Đây gọi là “mê tín”. Đó là giả, chẳng phải chân.

Lý luận căn bản của xuất ly sanh tử là như thế này: đối với các tánh Không, nhất định phải sanh thắng giải (giải ngộ thù thắng). Đây cũng là điều chúng tôi đã nói ở phần trước: Quý vị phải thật sự “khán phá” (thấy thấu suốt bản chất các pháp), phải thật sự buông xuống, hành như vậy quý vị mới có thể xuất ly sanh tử. Nếu quý vị có thể buông xuống được, triệt để buông xuống được bèn sẽ có thể siêu thoát lìa đạo luân hồi. Khán phá được

cả thể pháp lẫn Phật pháp thì quý vị sẽ có thể vượt thoát mười pháp giới. Khán phá, buông xuống như vậy chính là sanh thẳng giải rất sâu đối với các tánh Không.

Chánh kinh:

Đa chấp trước giả, vi ly chư hạnh.

(Có nhiều chấp trước mà cho là là các hạnh)

“Ly chư hạnh” là buông xuống. Người nhiều chấp trước làm sao buông xuống được?

Chánh kinh:

Di Lạc! Ngã bất thuyết ngôn: u Bồ Đề phần, trụ hữu sở đắc, danh vi chứng tri.

(Này Di Lạc! Ta chẳng nói rằng: với Bồ Đề phần còn trụ vào sở đắc mà gọi là chứng tri)

Câu này nói đến “*chứng quả*” (tu hành chứng quả). Nếu quý vị chú tâm quan sát thì thấy kẻ ấy đối với Bồ Đề phần vẫn thấy có sở đắc. Chúng ta đọc kinh Kim Cang sẽ hiểu là người ấy chẳng hề chứng quả! Chẳng những không chứng được quả Đại Thừa, ngay cả Sơ Quả Tu Đà Hoàn của Tiểu Thừa cũng chẳng chứng. Người chứng đắc quả Tu Đà Hoàn chẳng thấy mình chứng đắc quả Tu Đà Hoàn, thì mới là chứng đắc thật sự. Nghĩ mình chứng đắc bèn là giả, chẳng phải chân đâu! Vì sao vậy? Cho là mình chứng đắc tức là có trụ. Trong tâm còn vương vào địa vị tức là nổi vọng tưởng đấy! Phật bảo chúng ta “*không nên trụ vào đâu mà sanh tâm*”! Thế nào là “*năng trụ*”? Trụ có nghĩa là trong tâm thấy có. Trong tâm có một quả vị nào thì chưa phải là chứng quả. Kinh Kim Cang có dạy chúng ta một câu rất trọng yếu: “*Hết thấy thánh hiền đều do vô vi pháp mà có sai biệt*”. Từ Tiểu Quả Tu Đà Hoàn cho đến quả vị Như Lai viên mãn, chúng ta hay nói đại khái là Tiểu Thừa có Tứ Quả, Tứ Hướng là tám giai đoạn, Đại Thừa từ Sơ Tín Vị cho đến Đẳng Giác Vị gồm năm mươi một địa vị.

Những đẳng cấp này căn cứ vào đâu mà luận? Là từ pháp Vô Vi mà nói. Pháp Vô Vi là không có chấp trước. Đối với pháp Vô Vi công phu có sâu cạn chẳng đồng nên đức Phật mới nói ra nhiều địa vị như vậy. Trong mỗi một quả vị đều chẳng có chấp trước. Hễ ai có chấp trước bèn là phàm phu, chẳng phải là thánh nhân. Sơ Tín vị Bồ Tát bèn chẳng có chấp trước, kinh Kim Cang giảng về tiêu chuẩn không chấp trước ấy rất khéo: không tướng Ta, không tướng Người, không có tướng Chúng Sanh, không có tướng Thọ Giả. Nếu quý vị làm được như vậy thì quý vị là Nhập Lưu - nhập vào dòng thánh.

Do công phu phá tứ tướng, tứ kiến sâu hay cạn mà quả vị Bồ Tát cao hay thấp bất đồng. “*Đều do vô vi pháp mà có sai biệt*” đều là không trụ vào đâu mà sanh tâm đấy thôi! Có trụ thì sao? Tâm có trụ là hông rồi! Trụ tức là như tất cả chúng ta, trong tâm quý vị thật sự là có. Việc này rất phiền toái đấy nhé! Tâm là không, trong tâm không có vật chi, có pháp thế gian là sai, mà có Phật pháp cũng sai luôn! Phật pháp cũng chẳng để trong tâm thì mới là chân chánh chứng tri.

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: Vô thế lực giả, nhĩn nhục thành tựu.

(Này Di Lặc! Ta không nói rằng: không thế lực là thành tựu nhĩn nhục)

Người ta khinh khi quý vị mà quý vị không có sức phản kháng thì có phải là thành tựu nhĩn nhục hay chẳng? Chẳng phải là nhĩn nhục! Có năng lực phản kháng mà chẳng phản kháng, có năng lực để trả đũa mà chẳng trả đũa thì mới gọi là nhĩn nhục chứ! Không có năng lực, sao nói là thành tựu nhĩn nhục cho được?

Chánh kinh:

Vô nhiều xúc giả, bị nhĩn nhục giáp.

(Không bị quấy rầy [mà gọi là] mặc giáp nhĩn nhục)

“*Nhiều xúc*” nói theo bây giờ là bị quấy rầy, mê hoặc. Người nào chống lại được sự mê hoặc, Phật mới dùng thí dụ sau: mặc áo giáp nhĩn nhục, nghĩa là người ấy chống cự lại được mê hoặc, quấy rầy. Đối với hết thảy mê hoặc, quấy rầy, người ấy như như bất động thì mới gọi là “*mặc giáp nhĩn nhục*”. Nếu chẳng bị quấy rầy mà bảo là “*mặc giáp nhĩn nhục*” thì chẳng có đạo lý ấy!

Chánh kinh:

Thiểu phiến não giả, danh luật nghi thanh tịnh.

(Người ít phiến não gọi là luật nghi thanh tịnh)

Phiến não ít nhẹ ư? Thế mà gọi là luật nghi thanh tịnh thì đều là giả, chẳng phải chân vậy.

Chánh kinh:

Tà phương tiện giả, vi như thuyết tu hành.

(Tà phương tiện mà coi là tu hành đúng như lời dạy)

Ý nghĩa câu này cũng rộng lớn phi thường. Với mười lăm điều trong đoạn này, nếu nói tỉ mỉ thì giảng mỗi điều cả buổi chiều cũng không xong. Trong thời đại này, thực tại mà nói, cũng chẳng thể giảng chi tiết được.

Giảng tỉ mỉ rất phiền phức; bởi vậy tôi mới nói là đối với bộ kinh này “chỉ điếm tới rồi thôi”. Quý vị cứ đọc tụng kỹ, cứ suy nghĩ kỹ càng, rồi lại tỉ mỉ quan sát tâm hạnh của chính mình, quan sát khắp các hoàn cảnh, quý vị sẽ hiểu được phải tu hành như thế nào mới là “như lý, như pháp”, chẳng đi vào tà đạo! Trong bộ kinh này, đức Phật đã giảng cho chúng ta vô cùng tường tận vậy!

Chánh kinh:

Di Lạc! Ngã bất thuyết ngôn: ái ngôn thuyết giả, vi nhất tâm trụ.

(Này Di Lạc! Ta chẳng nói rằng: thích nói năng là trụ vào nhất tâm)

Đặc biệt là đối với người niệm Phật chúng ta, mục đích của người niệm Phật là “nhất tâm bất loạn”. Người ham nói làm sao đạt nhất tâm cho được? Đây là điều chẳng thể có.

Chánh kinh:

Háo doanh thế vụ, u pháp vô tổn.

(Thích lo việc đời mà đối với pháp chẳng hề tổn hoại)

Điều này Phật chẳng nói. “Doanh” là kinh doanh, “vụ” là sự vụ. Ưa thích kinh doanh sự vụ thế gian mà nói là chẳng hề trở ngại gì đến tu hành lần đạo nghiệp, đức Phật chẳng dạy như thế. Nói cách khác là quyết định có trở ngại đấy! Chẳng cần nói là phải lo liệu việc đời, chỉ phải quản lý nhân sự đã có chương ngại rồi. Đại sư Trí Giả nói như thế đấy!

Trước lúc Trí Giả đại sư vãng sanh, có môn đệ hỏi Ngài: “Lão nhân gia vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới phẩm vị ra sao?” Ngài đáp: “*Ta do làm trụ trì chùa miếu, phải trông nom mọi sự, nên đối với việc tu hành của chính mình có trở ngại. Bởi thế, phẩm vị vãng sanh chẳng cao, chỉ đạt địa vị Ngũ Phẩm*”. Địa vị Ngũ Phẩm là Phạm Thánh Đồng Cư độ, là đời nghiệp vãng sanh. “*Nếu như chẳng lãnh chúng, chẳng làm trụ trì, chẳng trông coi nhân sự, thì phẩm vị sẽ cao*”. Do đây biết là việc quản trị đại chúng trong chùa miếu đối với phẩm vị và việc tu hành của chính mình đều có chương ngại; huống chi là lo liệu việc đời!

Thế nào là việc đời? Những gì chẳng thể liễu sanh tử, thoát tam giới đều gọi là “việc đời” (thế vụ). Chữ “thế” chỉ lục đạo luân hồi, còn thuộc trong tam giới. Ưa thích làm những việc như thế là sai lầm. Nói dễ nghe hơn là làm những việc cốt để tu phước. Phước thì tu được, nhưng với việc liễu sanh tử, xuất tam giới, với Giới, với Định, Huệ, quyết định có chương ngại.

Chánh kinh:

Chí nhạo thanh tịnh, đọa chư ác thú.

(Người tâm chí ưa thích thanh tịnh mà đọa trong các đường ác)

Vì sao đức Phật lại nói lời này? Thật sự mà nói, xem trong thời đại này, chúng ta thấy câu này nghiệm ra rất có lý. Có những người bảo kẻ chắc thật niệm Phật: “Các người chỉ là kẻ lo giải thoát cho riêng mình, tâm lượng hẹp hòi quá đi! Các người đang tu hạnh Tiểu thừa, là pháp bị chư Phật, Bồ Tát quở trách đó!” Chúng ta nghe nói thế bèn chẳng dám tu nữa, bèn tu theo cách của họ. Tu theo cách của họ là sao? “Ưa lo việc đời”, “ham thích nói nhiều”, bắt chước họ làm những chuyện đó. Phật nói ra một câu, chúng ta thấy rõ ngay. “Người chỉ ưa thích thanh tịnh, quyết định chẳng đọa địa ngục”, làm sao có đạo lý đọa địa ngục cho được?

Chánh kinh:

Tu tập trí huệ, vi hội não hạnh.

(Tu tập trí huệ là hạnh ôn não)

Trí huệ do đâu có? Trí huệ từ thiền định mà ra. Nói cách khác, trí huệ xuất phát từ tâm thanh tịnh. Tâm thanh tịnh khởi ra tác dụng là trí huệ chân thật. Người tu tâm thanh tịnh sao có thể ôn não, rồi ren được? “Hội não” nói theo cách bây giờ là nhiệt não, rồi ren. Cuối cùng là điều thứ mười lăm:

Chánh kinh:

Di Lặc! Ngã bất thuyết ngôn: phương tiện tương ưng, danh vi siểm khúc.

(Đây Di Lặc! Ta chẳng nói rằng: phương tiện tương ứng mà gọi là siểm khúc)

“Phương tiện tương ưng” là điều Đại Thừa Bồ Tát thường dùng, chính là “hằng thuận chúng sanh, tùy hỷ công đức”. Nhìn biểu hiện bên ngoài có phần tương tự như “siểm khúc”, nhưng bên trong hoàn toàn bất đồng. Bồ Tát thật sự một dạ từ bi, dùng phương tiện khéo léo để tiếp dẫn chúng sanh.

Chánh kinh:

Bất cầu lợi dưỡng, nhi vi vọng ngữ.

(Chẳng cầu lợi dưỡng mà bảo là vọng ngữ).

Điều này Phật tuyệt đối chẳng nói. Chẳng phải là Phật thì kẻ nào nói đây? Ma nói đây! Ma đồn nhảm đặt chuyện nhằm phá hoại chánh pháp đó mà!

Chánh kinh:

Vô chấp trước giả, phi báng chánh pháp, hộ chánh pháp giả, nhi tích thân mạng.

(Không chấp trước là phi báng chánh pháp, hộ trì chánh pháp mà còn tiếc thân mạng)

Đấy đều chẳng phải là điều Phật nói.

Chánh kinh:

Sở hành hạ liệt, vi vô thắng mạn.

(Việc làm hèn kém mà chẳng phải là thắng mạn).

Câu này phải giải thích sơ lược một chút. Trong câu “sở hành hạ liệt”, chữ “hạ” chỉ lục đạo, trong mười pháp giới lục đạo là “hạ”. Đã “hạ” còn “liệt”. Liệt là chỉ ba ác đạo. Nói cách khác, câu này ý nói: hành vi, tư tưởng người ấy thể hiện tham, sân, si, mạn mà làm ra vẻ mình chẳng ngạo mạn. Thứ ngạo mạn ấy vì sao gọi là “thắng mạn”? Trong kinh, đức Phật xếp ngã mạn thành ba loại lớn.

Loại thứ nhất là “thắng mạn”, thắng mạn nghĩa là so với người khác mình luôn ngon lành hơn! Người khác không ai bằng được mình. Luôn nghĩ mình trội hơn người khác. “Vô thắng mạn” là chẳng có dư nghiệp ngạo mạn ấy.

Ngoài ra, còn một loại khác là “Đẳng Mạn”. Đẳng Mạn là dù tôi chẳng vượt trội anh, tôi cũng chẳng kém anh mấy tí; so với tôi, anh cũng chẳng cao hơn mấy tí. Loại mạn này gọi là Đẳng Mạn.

Loại thứ ba là Ty Mạn, Ty Mạn là tự mình cảm giác không bằng người khác, không bằng người khác cũng đành chịu, đó gọi là Ty Mạn. Tất cả các Mạn quy về ba loại lớn này. Ở đây kinh chỉ nói đến Thắng Mạn, nhưng thực tế gồm cả ba loại Mạn.

Đức Thế Tôn nêu lên nhiều thí dụ, nhưng thật sự mà nói, những sự tương ấy nói hoài chẳng hết được, từ khá nhiều thí dụ ấy, chúng ta phải hiểu rõ đâu là chân - vọng, tà - chánh, thị - phi. Nếu từ những thí dụ được nêu lên đó, chúng ta đọc xong, nghe xong vẫn chẳng thể phân biệt tà chánh, thị phi thì chúng ta khá ngu si đó. Ngu si thì phải làm sao? Đọc nhiều lần, nghe nhiều lần. Chỉ cần đọc nhiều lần, nghe nhiều lần dần dần cũng sẽ thông minh thôi à!

Chánh kinh:

Như thị Di Lạc! Ư mạt hậu thế, ngũ bách tuế trung, đương hữu Bồ Tát độn căn, tiểu trí, siểm khúc, hư cuồng, trụ u tặc hạnh, như ưng hộ chi.

(Như thế đó, Di Lạc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, sẽ có Bồ Tát độn căn trí nhỏ, dua vạy, hư dối, giữ lấy hạnh giặc, ông nên gìn giữ)

Nói thật ra, những điều này đều là nói về chúng ta cả. Chúng ta chẳng phải là lợi căn, chẳng thông minh, nghe rồi cũng chẳng hiểu, nghe xong cũng chẳng nhớ gì! “*Tiểu trí*” là không có chân trí huệ, kém thông minh đây! “*Siểm khức, hư cuồng*”: hư cuồng là tự mình lừa dối chính mình, dối mình khinh người. Xử thế, đối đãi với người, tiếp vật, dụng tâm chẳng chánh trực, cong queo, vạy vò, đích xác chúng ta là hạng Bồ Tát như thế đó! “*Trụ u tặc hạnh*” là đức Thế Tôn nói cho chúng ta biết: hiện tại chúng ta đang tu hạnh gì? Tặc hạnh đây!

Tặc hạnh nghĩa là gì? Công đức pháp tài của chính mình đều bị hao tổn cả! “*Tặc hạnh*” là phiền não hạnh. Phiền não gây chướng ngại cho trí huệ, công đức, pháp tài của chúng ta nên phiền não được ví với giặc. Trí huệ Bát Nhã, công đức pháp tài nơi bốn tánh chúng ta bị phiền não trộm mất, chúng ta chẳng thọ dụng được. Vì thế, tặc hạnh là phiền não hạnh, khởi tâm động niệm, hết thảy những gì tu trì đều thuộc trong phiền não. Tuy vậy, Phật, Bồ Tát vẫn đại từ đại bi, chẳng hề vứt bỏ chúng ta. Quý vị xem “*các ông nên gìn giữ*”, nghĩa là đức Thế Tôn phó chúc Di Lạc Bồ Tát: “*Ông phải hộ trì những người như thế đó!*” Vì sao?

Dù chúng ta lắm bệnh, lòng chúng ta đối với Phật vẫn có mấy phần cung kính, vẫn muốn học theo, vẫn có một hai phần cung kính, vẫn có ý niệm học theo, đáng quý phi thường! Quý vị coi trong thế gian này, nhan nhản chúng sanh, có mấy kẻ muốn học Phật? Chúng tôi giảng kinh ở nơi này, tầng trên, tầng dưới tòa lầu lớn này bao nhiêu là người; những kẻ ở sát bên đều chẳng đến nghe, quý vị mới hiểu là dù “*trụ trong tặc hạnh*” cũng rất đáng quý đây nghe! Chẳng dễ gì đâu! Vì thế, Phật, Bồ Tát rất trân quý, chẳng buông bỏ chúng ta, phó chúc Di Lạc Bồ Tát bảo hộ chúng ta, phải hộ niệm chúng ta!

6.3. Chúng sanh đời mạt phỉ báng, ô nhục, chán nhàm người có sư trưởng lẫn Bồ Tát trì chánh pháp

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, duy thử lục thập chư Bồ Tát đẳng, nghiệp chương sở triền, vi phục tiện hữu dư Bồ Tát da?

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau cùng, trong năm trăm năm, chỉ có sáu mươi Bồ Tát này bị nghiệp chương trôi buộc, hay là còn các Bồ Tát khác chăng?)

Di Lạc Bồ Tát hỏi câu này rất hay. Ý Ngài hỏi như sau: Vào thời Mạt Pháp, những Bồ Tát ngu si như thế thật sự chỉ có con số ít ỏi là sáu mươi người ấy? Hay là còn nhiều hơn nữa?

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! U hựu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát đa vị nghiệp chướng chi sở triển phú. Thị chư nghiệp chướng hoặc hữu tiêu diệt, hoặc phục tăng trưởng.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- Nay Di Lạc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát bị nhiều nghiệp chướng trôi buộc, che lấp. Các nghiệp chướng ấy có trường hợp sẽ tiêu diệt, có trường hợp càng tăng trưởng)

Ý của Phật là: Trong thời kỳ Mạt Pháp có nhiều Bồ Tát nghiệp chướng. Rất nhiều! Họ đều bị nghiệp chướng che phủ, trôi buộc. Có những vị Bồ Tát ngu si nhưng nghiệp duyên thù thắng, gặp được chân thiện tri thức, nghe xong hiểu được minh bạch rồi bèn y giáo phụng hành, nghiệp chướng của họ cũng dần dần tiêu diệt.

Có tiêu diệt được chăng? Được chứ! Xác thực là được. Do đâu mà biết? Trước khi học Phật, tham - sân - si rất nặng, tu hành mấy năm tham - sân - si không còn nữa; đây là nghiệp chướng tiêu diệt. Nếu vẫn còn tham - sân - si - nghi - mạn thì nghiệp chướng chưa tiêu diệt. Hoặc có khi còn tăng trưởng, tăng trưởng những gì? Tức là như ở phần trước đã nói là vì hiểu lầm ý Phật, tu trì Phật pháp, hoặc là trì giới thanh tịnh, giới luật tinh nghiêm mà nghiệp chướng bèn tăng trưởng. Vì sao người giới luật tinh nghiêm mà nghiệp chướng lại tăng trưởng? Thấy người khác chẳng trì giới, vậy là bọn họ chẳng bằng mình, ta vượt trội họ nhiều quá, bọn họ chẳng đáng để ta qua lại, chẳng đáng chuyện trò cùng ta! Phiền não tăng trưởng đấy!

Nói theo người thế gian là bọn họ rất đáng nên kiêu ngạo! Có kẻ cậy mình tu hành so ra giỏi hơn người khác bèn khởi tâm ngạo mạn; có kẻ giảng kinh thuyết pháp giỏi bèn khởi tâm ngạo mạn; có kẻ phước báo lớn bèn khởi tâm ngạo mạn. Tăng trưởng nghiệp đấy! Như vậy chẳng gọi là tiêu nghiệp. Tướng nghiệp chướng tiêu trừ là càng ngày càng khiêm tốn, càng ngày càng nhún nhường, càng ngày càng chẳng khác gì kẻ khác. Đây là hiện tượng nghiệp chướng tiêu diệt.

Chánh kinh:

Di Lạc! U thứ ngũ bách chư Bồ Tát trung, hữu nhị thập Bồ Tát, nghiệp chướng vi thiểu, hựu ngũ bách tuế, hoàn lai sanh thử thành ấp, tị lạc, thị hãn, sơn dã.

(Nay Di Lạc! Trong số năm trăm Bồ Tát đây, có hai mươi Bồ Tát, nghiệp chướng nhỏ ít, sau năm trăm năm, lại sanh vào trong thành ấp, tị lạc, phố thị, đồng núi này)

Chúng ta phải chú tâm thể hội đoạn kinh này. Đức Phật dạy chúng ta: Vào năm trăm năm sau trong thời đại này, các Bồ Tát trong thời đức Phật còn tại thế sẽ có những vị tái lai, đây là vì lòng từ bi chân thật đến cùng cực. Có bao nhiêu vị? Hai mươi vị, không nhiều nhận gì! Hai mươi vị Bồ Tát ấy nghiệp chướng ít, nghiệp chướng nhẹ mỏng, năm trăm năm sau họ trở vào thế gian này hóa độ chúng sanh. Họ sẽ ở tại những địa phương nào? “Thành ấp” là đô thị, “tị lạc” là xóm làng, làng mạc, “thị hãn” nói theo bây giờ là những phố thị, “sơn dã” là những khu vực nằm ngoài phố thị.

Chánh kinh:

Chủng tánh tôn hào, hữu đại oai đức.

(Giòng họ tôn quý, giàu mạnh, có oai đức lớn)

Câu này nói về thân thị hiện của các Ngài.

Chánh kinh:

Thông minh, trí huệ, thiện xảo phương tiện, tâm ý điều nhu, thường hoà từ mẫn, đa sở nhiều ích, nhan mạo đoan nghiêm, biện tài thanh diệu.

(Thông minh, trí huệ, phương tiện hay khéo, tâm ý nhu hòa, thường ôm lòng từ mẫn, làm nhiều điều lợi ích, vẻ mặt đoan nghiêm, biện tài trong trẻo, hay khéo)

Câu này diễn tả đức hạnh của các Ngài.

Chánh kinh:

Số thuật, công xảo, giai năng thiện tri.

(Số thuật, nghề khéo thấy đều biết rõ).

Hai câu này nói về tài nghệ của các Ngài. Có thể nói là các Ngài thông minh, trí huệ, chân thành, từ bi, đa tài, lắm nghề. Các vị Bồ Tát này có vị thị hiện tại gia, có vị xuất gia. Những điều các Ngài biểu hiện trong ba câu tiếp theo đây rất là trọng yếu.

Chánh kinh:

Thân ẩn kỳ đức, an trụ đầu-đà, công đức chi hạnh.

(Các vị tự giấu đức mình, an trụ hạnh đầu-đà công đức).

Các Ngài chẳng tự phô trương, tuyệt đối chẳng tự tuyên truyền, các Ngài biết “*tự giấu đức mình, an trụ đầu-đà*”, nói theo cách bây giờ là sanh hoạt rất bình phàm, cũng có khả năng là các ngài sanh sống rất thanh bản, cũng chẳng tỏ vẻ là rất giàu có, các Ngài tu học công đức chân thật.

Chánh kinh:

Tại tại sở sanh, xả gia vi đạo, dĩ u vô lượng a-tăng-kỳ câu-chi kiếp trung, tích tập A-nậu-đa-la tam-miệu tam-bồ-đề.

(Sanh ở nơi đâu đều bỏ nhà tu đạo, trong vô lượng a-tăng-kỳ câu chi kiếp, tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác).

Do đây ta biết là họ thiện căn thâm hậu phi thường. Câu “*tại tại sở sanh*” trong đoạn này nghĩa là đời đời kiếp kiếp, các Ngài thị hiện xuất gia tu đạo, “*xả gia*” nghĩa là xuất gia.

Mọi người phải hiểu rõ chữ “*xuất gia*”; xuất gia chẳng nhất định là quý vị phải lìa bỏ gia đình, đến chùa viện làm hòa thượng, nếu hiểu như vậy là lầm mất rồi! “*Xả gia*” ở đây là tâm trọn chẳng vướng vấn việc nhà, như thường nói: “*Tâm xuất gia, thân chẳng xuất*” đây mới là chân xuất gia. Thân xuất gia mà tâm vẫn mơ tưởng thì có khác gì người thế gian, đây là “*thân xuất, tâm chẳng xuất*”, nào phải là xuất gia, chỉ là dối người đó thôi! Bởi thế, Phật pháp chú trọng vào tâm xuất gia, chẳng đặt nặng thân xuất gia. Vì thế, những Bồ Tát tại gia ấy đều là tâm xuất, thân chẳng xuất. Các ngài thị hiện như thế, nhưng thật sự ra tâm các Ngài tại đạo, chẳng tại gia nghiệp. Ý nghĩa này rất rõ ràng, rất minh bạch.

Chánh kinh:

Hộ trì chánh pháp, bất tích thân mạng.

(hộ trì chánh pháp, chẳng tiếc thân mạng)

Khởi tâm động niệm, làm gì cũng nhất định tương ứng với pháp, trọn chẳng trái nghịch lời răn dạy của Phật Đà.

Chánh kinh:

Trụ a-lan-nhã, không nhàn lâm trung, thường cần tinh tấn, bất cầu lợi dưỡng.

(Ở chốn a-lan-nhã, trong rừng trống vắng, thường siêng tinh tấn, chẳng cầu lợi dưỡng)

Hoàn cảnh sanh sống và tu học của các Ngài rất thanh tịnh. “*A-lan-nhã*” và “*không nhàn lâm trung*” ý nói hoàn cảnh cư trú của các Ngài rất u tịnh. Dù ở ngay chốn thành thị, trong khu vực ồn ào, náo nhiệt, chẳng khác nào ta đang ở trong căn nhà rộng lớn này, dù bên ngoài rất náo nhiệt, hoàn cảnh cư trú riêng của họ cũng vẫn thanh tịnh, vẫn là nhất trần bất nhiễm! Đó gọi là “*trong chốn ồn náo giữ được thanh tịnh*”. Các Ngài an trụ trong thanh tịnh, nhàn hạ.

Chánh kinh:

Thiện nhập nhất thiết chúng sanh tâm hạnh.

(Khéo vào trong tâm hạnh của hết thầy chúng sanh).

Đây là giáo hóa chúng sanh nhất định phải khéo cơ. Phải hiểu thật rõ, thật minh bạch ý tưởng, kiến giải, điều ưa thích của hết thầy chúng sanh thì pháp nói ra mới được đại chúng tin tưởng, ngưỡng mộ, mới tạo lợi ích chân thật cho đại chúng được. Đây là cũng giảng pháp khéo cơ.

Chánh kinh:

Chú thuật ngôn luận, tất năng liễu tri. Ư chư nghĩa lý, thiếu văn đa giải.

(Chú thuật, ngôn luận thầy đều hiểu trọn. Với các nghĩa lý, nghe ít hiểu nhiều)

Đây là trí huệ rộng mở. Chú thuật, ngôn luận đều hiểu trọn vẹn, ý nói: kiến thức thông thường rất phong phú, những gì người thế gian biết, các Ngài đều hiểu cả, không gì là không biết. Nghĩa lý, thể pháp, xuất thế pháp, vừa tiếp xúc một lần liền có thể hiểu rành, đó gọi là trí huệ khai mở.

Chánh kinh:

Biện tài trí huệ, giai tất cụ túc, bỉ chư Bồ Tát ư thị pháp trung, tinh cần tu tập, đắc đà-ra-ni, vô ngại biện tài.

(Biện tài trí huệ thầy đều đầy đủ, các vị Bồ Tát ấy ở trong pháp đó, siêng năng chuyên ròng tu tập, đắc đà-ra-ni, biện tài vô ngại).

Nếu các Ngài chẳng đầy đủ những điều kiện vừa nêu trên, các Ngài làm sao đạt đại thành tựu trong Phật pháp cho được? “Đà-ra-ni” là nắm được tổng cương lĩnh của Phật pháp. Đã thế lại còn có trí huệ biện tài nên mới có thể thuyết pháp.

Chánh kinh:

Ư tứ chúng trung, tuyên thuyết chánh pháp.

(Ở trong tứ chúng, tuyên nói chánh pháp)

Bản thân các Ngài có đầy đủ những điều kiện như thế. Bản thân có đủ những điều kiện ấy vẫn chưa đủ, nhất định phải được Phật lực gia trì. Nếu chẳng được Phật lực gia trì, những điều kiện bản thân chẳng thể chống cự nổi phiền não, tà kiến của chúng sanh. Vì vậy ta mới biết là hoàng dương chánh pháp nào phải là chuyện dễ dàng. Bởi thế, đoạn kinh văn tiếp theo nói:

Chánh kinh:

Dĩ Phật oai đức gia bị lực cố.

(Do sức gia bị của Phật oai đức).

Đây chính là được Phật lực gia trì. Chúng ta nên hỏi: “Nhờ đâu các Ngài được Phật lực gia trì?” Nhờ vào những điều kiện đã nói ở trên. Những điều kiện đó lấy thiện căn trong vô lượng kiếp làm nhân, lấy đức hạnh trong một đời này làm duyên. Đã có nhân lành lại có duyên lành nên mới được Phật, Bồ Tát gia trì; được Phật lực gia trì thì trong đạo tràng Phật quang sẽ chiếu rọi vậy.

Vì sao mọi người vào đạo tràng đó bèn sanh tâm hoan hỷ? Là vì họ được Phật quang tưới gội vậy. Điều ấy chẳng phải do tôi nói. Con người có năng lực gì? Không có chi cả! Quý vị ở nơi đó sanh tâm hoan hỷ là do Phật quang chiếu rọi, được chư Phật gia trì đó thôi. Người giảng được Phật lực gia trì, người nghe cũng được Phật lực gia trì. Chẳng có Phật lực gia trì thì chúng tôi nói không nổi, chẳng có Phật lực gia trì thì quý vị nghe cũng chẳng hiểu nổi ý nghĩa. Người giảng, người nghe đều được Phật gia trì.

Chánh kinh:

Ư Phật sở thuyết tu-đa-la,

(Với những tu-đa-la do đức Phật nói)

Tu-đa-la là Khế Kinh.

Chánh kinh:

Kỳ-dạ.

Kỳ-dạ là kệ tụng.

Chánh kinh:

Thọ ký, già-đà.

Già-đà là phúng tụng, ta còn gọi là Cô Khởi Tụng.

Chánh kinh:

Ưu-đà-na.

Ưu-đà-na là vô vấn tự thuyết (không ai hỏi tự nói). Như kinh A Di Đà là thuộc về thể loại Ưu-đà-na.

Bởi lẽ mười hai câu trong đoạn này đều là dịch âm tiếng Phạn nên tôi thuật ý nghĩa của chúng.

Chánh kinh:

Ni-đà-na.

Ni-đà-na là Nhân Duyên.

Chánh kinh:

A-ba-đà-na

A-ba-đà-na là Thí Dụ.

Chánh kinh:

Y-đế-việt-đa-già.

Là Bồn Sự.

Chánh kinh:

Xà-đa-già.

Là Bốn Sanh.

Chánh kinh:

Tỳ-phật-lược.

Là Phương Quảng.

Chánh kinh:

A-phù-đà-đạt-ma.

Là Vị Tăng Hữu (chưa từng có).

Chánh kinh:

Ưu-ba-đề-xá.

Là Luận Nghị. Mười hai loại này thường gọi là “mười hai phần giáo”, cũng như nếu gộp chung hết thầy Phật pháp đức Thích Ca Mâu Ni đã tuyên thuyết trong cả một đời thì xét ra chẳng ngoài mười hai loại này, chẳng ngoài mười hai phương cách này.

Chánh kinh:

Giai đắc biện tài, vô ngại tự tại.

(Đều được biện tài vô ngại tự tại).

Do được Phật lực gia trì nên đối với hết thầy pháp đức Thế Tôn đã giảng trong suốt bốn mươi chín năm, các Ngài chẳng có chướng ngại, các Ngài được tự tại, tiếp xúc một lần liền có thể thông đạt. Đây là do thiện căn của chính mình là nhân, được Phật lực gia trì là duyên, nên mới có thành tựu như thế. Đối với những ai phát tâm theo đuổi công tác hoằng pháp lợi sanh, đoạn kinh văn này trọng yếu phi thường. Nếu chẳng đầy đủ những điều kiện đã nói trong phần này mà quý vị đeo đuổi công tác hoằng pháp lợi sanh, nhất định sẽ bị chướng ngại trùng trùng. Bởi thế, nhất định phải nhận hiểu đúng đắn để tu tập.

Chắc cũng có vị nói: Xem đến những điều được thuật trong đoạn kinh này, ta thấy các vị Bồ Tát ấy “*đã trong vô lượng a-tăng-kỳ kiếp*” tích tập Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, sợ rằng mình chẳng có phần đâu! Quý vị bất tất phải buồn lo. Nếu quý vị chẳng có thiện căn thâm hậu như thế, nói trắng ra là trong đời này quý vị chẳng được nghe đến pháp môn này, trong đời này quý vị chẳng đọc được bộ kinh này đâu! Quý vị có duyên phận tiếp xúc pháp môn này, đọc đến kinh điển này, thì nói cách khác là: thiện căn quá khứ của quý vị cũng rất thâm hậu đó nghe! Điều này trong khi giảng những kinh Vô Lượng Thọ, kinh Kim Cang, chúng tôi đã nhắc đến.

Vì thế, quý vị ai nấy đều có thiện căn thâm hậu phi thường, nhưng vấn đề là trong đời hiện tại chẳng có thiện duyên. Nếu gặp được thiện duyên, chắc cũng có vị sẽ là một người trong số hai mươi vị Bồ Tát mà đức Thế Tôn đã nhắc đến. Điều này với xuất gia hay tại gia chẳng quan hệ chi. Tại gia Bồ Tát cũng gánh vác công tác hoằng pháp lợi sanh hết như vậy. Chúng ta hãy xem tiếp đoạn sau:

Chánh kinh:

Di Lạc! Bĩ chư nhị thập thiện xảo Bồ Tát, tùng u hòa thượng, a-xà-lê sở, đắc văn vô lượng bách thiên Khế Kinh, giai năng thọ trì, đương thuyết thị ngôn: “Ngã thử pháp môn tùng mỗ hòa thượng a-xà-lê sở, thân tự thính thọ, vô hữu nghi hoặc”.

(Này Di Lạc! Hai mươi vị Bồ Tát thiện xảo ấy từ nơi hòa thượng a-xà-lê được nghe vô lượng trăm ngàn Khế Kinh, đều có thể thọ trì, sẽ nói như thế này: “Pháp môn này từ vị hòa thượng a-xà-lê X. đích thân ta được nghe nhận, chẳng có ngờ vực”).

Hai hàng kinh văn này, nói theo lối cổ là “sư thừa”. Rất trọng yếu đây! Pháp của quý vị là do đâu mà có? Ai truyền cho quý vị? Điều này rất trọng yếu. Không có thầy mà tự thông đạt thì chẳng hề có đạo lý ấy. Đoạn kinh này nói đến việc cầu sư thừa. Trong thời hiện tại đây, việc này rất khó khăn. Trong thời hiện tại đây, sư đạo còn chẳng có; còn sư thừa thì đừng nói là chưa thấy qua, ngay cả còn chưa hề nghe qua nữa đây. Nếu như chẳng có được sư thừa, dù có thiên tánh, quý vị chẳng được chư Phật Như Lai gia trì. Điều này là thật đây.

Nếu như quý vị cũng có thể thuyết pháp, thuyết pháp đến mức hoa trời rơi là tả, cũng hấp dẫn được đại chúng, nói thật ra là phải có người gia trì, nếu không phải là Phật thì là ma gia trì quý vị. Năng lực của ma cũng rất lớn, vì thế đồ chúng ma rất đông đấy nhé! Đạo tràng xây dựng to lớn chừng ấy, đủ thấy thế lực của ma cũng chẳng nhỏ. Ma có tà trí huệ nên nó cũng có tà thiện xảo, phương tiện, cũng có thể nhiếp thọ quảng đại quần chúng, chỉ có điều đấy chẳng phải là chánh pháp.

Như vậy, chúng ta học Phật nhất định phải có thầy, ta phải học theo một vị thầy nào đó. Hai danh xưng “hòa thượng”, “a-xà-lê” dùng để chỉ thầy. Hòa Thượng là Thân Giáo Sư, có quan hệ mật thiết đối với mình, cũng là vị thầy truyền thừa. “A-xà-lê” là vị thầy để chúng ta mô phỏng, bắt chước theo. Ngôn hạnh của Ngài có thể làm khuôn mẫu cho đại chúng.

“Nghe kinh, thọ trì” là nói đến năng lực của các Bồ Tát ấy. Năng lực này cũng phải cầu cảm ứng, cũng phải cầu Phật gia trì. “Đương thuyết thị ngôn” nghĩa là các vị Bồ Tát ấy thường nói như vậy. Câu “Pháp môn này từ vị hòa thượng a-xà-lê X. đích thân ta được nghe, chẳng có ngờ vực” là lời thuyết minh về sự thừa.

Chánh kinh:

Di Lạc! Ư bỉ thời trung, đương hữu tại gia, xuất gia chư Bồ Tát đẳng, vô hữu trí huệ, thiện xảo, phương tiện.

(Này Di Lạc! Trong thời kỳ đó, sẽ có những hàng Bồ Tát tại gia hay xuất gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện).

Câu này ý nói: Có rất nhiều Bồ Tát tại gia hay xuất gia, trông thấy thiếu số Bồ Tát vừa nói ở trên có sự thừa để y giáo tu hành bèn chẳng khỏi khỏi lòng ganh ghét, gây chướng ngại. Bởi thế mới có những hàng Bồ Tát xuất gia, tại gia chẳng có trí huệ, thiện xảo, phương tiện.

Chánh kinh:

Ư thử thọ trì chánh pháp Bồ Tát sở thuyết chi pháp, khước sanh cơ tiểu, khinh hủy.

(Bèn đối với những pháp đã nói của vị Bồ Tát thọ trì chánh pháp mà sanh chê cười, khinh hủy).

Khinh là khinh thị, hủy là hủy báng.

Chánh kinh:

Báng ngôn: “Nhu thị chi pháp giai do nhữ đẳng thiện xảo ngôn từ, tùy ý chế tạo, thật phi Như Lai chi sở tuyên thuyết. Ngã đẳng ư trung, bất năng tín nhận, phát hy hữu tâm”.

(Báng rằng: “Những pháp như thế là do các người [dùng] lời lẽ hay khéo tùy ý đặt ra, thật chẳng phải do đức Như Lai tuyên thuyết. Bọn ta đối với những pháp ấy chẳng thể tin ưa, sanh tâm hy hữu”)

Trong hiện tại có việc như thế xuất hiện hay chẳng? Có! Chúng tôi ở trong nước hay ở ngoại quốc cũng thường nghe nói đến. Có người còn viết thư bảo là người này kẻ nọ (đều là những người rất có địa vị, rất có danh vọng) phủ định kinh Phật, cho rằng kinh Phật toàn là do cổ nhân bịa ra, đều chẳng phải là thật. Kinh nào mới là thật? Kinh A Hàm mới là thật. Ngay cả Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm Kinh họ cũng cho là do Bồ Tát Long Thọ giả mạo ra để dối người. Điều này trong kinh Phật nói rất rõ: bọn họ cậy mình là kẻ có trí huệ, cho chúng ta là hạng mê hoặc điên đảo, không có trí huệ. Sự việc này càng ngày càng rõ rệt trong tương lai,

càng ngày càng rành rành, khiến cho hết thảy những người tu học Đại Thừa tín tâm chao đảo. Đây là ma nạn đó!

Chánh kinh:

Di Lạc! Đương nhĩ chi thời, vô lượng chúng sanh u thị pháp sư, giai sanh phỉ báng.

(Này Di Lạc! Ngay trong lúc ấy, vô lượng chúng sanh đối với pháp sư đó đều sanh phỉ báng).

Nghe những kẻ đó nói như vậy đều khởi tâm nghi.

Chánh kinh:

Xả chi nhi khứ.

(Bèn bỏ đi)

Đều chẳng tu học nữa!

Chánh kinh:

Hỗ tương vị ngôn: “Thị chư tỳ-kheo, vô hữu quy phạm, đa chư tà thuyết, bất y Khế Kinh, bất y giới luật, do như xướng kỹ hý lộng chi pháp. Nhữ đẳng u trung mặc sanh tín nhạo, phát hy hữu tâm, phỉ chánh pháp dã.

(Bảo với nhau rằng: “Các tỳ-kheo này chẳng có khuôn phép, có lắm tà thuyết, chẳng nương vào Khế Kinh, chẳng nương theo giới luật, hết như cách đào hát bõn cợt. Các người đối với các pháp ấy chớ sanh tin ưa, phát tâm hy hữu, bởi đó chẳng phải là chánh pháp vậy”).

Đây là ma nạn trong đời vị lai, ma đến chướng đạo đây! Càng thật sự tu hành, càng gặp phải những ma nạn như thế. Vì thế, ở phần trên, đức Phật đã dạy người thật sự tu hành phải “*ẩn giấu đức mình*”, “*trụ hạnh đầu-đà*” mới hòng tránh khỏi những phiền phức ấy. Dưới đây, Phật lại càng nói rõ ràng hơn.

Chánh kinh:

Di Lạc! Bĩ chư ngu nhân vị ma sở trì.

(Những kẻ ngu đó bị ma nắm giữ)

Bị ma nhiếp trì tức là bị ma khống chế, bị ma làm cho tâm mê, họ chẳng thể làm chủ lấy mình được. Vì sao bị ma khống chế? Tuyệt đại đa số là do ưa thích thần thông, ham thích cảm ứng. Như phần trước đã nói là để ma nắm đằng chuôi! Quý vị có tham, sân, si, mạn, hoài nghi, thì ma bèn nắm đằng chuôi, rất dễ bị ma khống chế mà chẳng hay chẳng biết chi!

Có một số ít người giác ngộ, hồi đầu, nhưng thoát ly chẳng phải là việc đơn giản, phải trải qua những vật lộn rất thống khổ mới thoát được bàn tay của ma! Có những kẻ bé gan, chẳng có trí huệ, biết rõ là mình bị khống chế, nhưng vẫn chẳng biết làm sao, cả một đời chẳng thoát nổi bàn tay ma, hạng người này đáng thương vô cùng. Trong câu “*bỉ chư ngu nhân vị ma sở trì*”, chữ “trì” là khống chế.

Chánh kinh:

Ư thị pháp trung, bất năng giải liễu, vị: phi Như Lai chi sở diễn thuyết.

(Đối với pháp này chẳng thể hiểu rõ, cho là chẳng phải pháp do đức Như Lai diễn nói).

Ở đây đặc biệt chỉ pháp Đại Thừa.

Chánh kinh:

Ư thị trì pháp chư tỳ-kheo sở, sanh ư phi báng, tác hoại pháp nghiệp.

(Đối với các vị tỳ-kheo trì pháp bèn sanh phi báng, gây nghiệp hoại pháp).

Chuyên môn làm chuyện phá hoại chánh pháp như thế.

Chánh kinh:

Đĩ thị nhân duyên, đương đọa ác đạo. Thị cố Di Lạc! Nhược chư trí huệ, thiện xảo Bồ Tát, dục hộ chánh pháp, đương ẩn kỳ đức.

(Do nhân duyên đó, sẽ đọa ác đạo. Vì thế Di Lạc! Nếu các Bồ Tát trí huệ, thiện xảo muốn hộ trì chánh pháp thì phải nên ẩn giấu đức mình).

Quý vị xem, trong đoạn này, lần thứ hai đức Phật dặn dò, đủ thấy là việc này trọng yếu phi thường vậy!

Chánh kinh:

Ư đa phân biệt chư chúng sanh sở, ung tu hộ niệm, mạc linh ư nhữ sanh bất thiện tâm.

(Với những chúng sanh nhiều phân biệt, phải nên hộ niệm, đừng làm cho họ sanh tâm chướng lành đối với mình).

Tự mình phải hộ trì lấy mình, mà cũng phải hộ trì cho đối phương nữa! Chẳng khiến cho người khác hoài nghi, chẳng làm cho người khác ghen ghét, chẳng để cho người khác tạo ác nghiệp. Vì thế bản thân phải tận sức hạ thấp mình để khỏi gặp phải ma nạn đó! Địa vị càng cao, càng dễ mắc thị phi; phải hiểu rõ điều này. Từ ba ngàn năm trước, đức Phật đã đau lòng rất miệng dạy răn chúng ta, chúng ta phải hiểu được ý ấy, phải biết nên làm thế nào!

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Ư hậu mạng thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư Bồ Tát thậm vi vô trí. Ư đại chúng trung, phỉ báng chánh pháp, cập trì pháp giả.

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

-Hy hữu thay, bạch Thế Tôn! Vào đời mạng sau, trong năm trăm năm, có các Bồ Tát thật là vô trí, ở trong đại chúng phỉ báng chánh pháp và người trì pháp).

“Trì pháp” là người tu hành đúng pháp. Kẻ đáng gọi là báng Phật, báng Pháp, báng Tăng ngu si vô trí Bồ Tát mới làm những việc [phỉ báng] như thế.

Chánh kinh:

Phục ư kỳ trung, đáng ư biện tài, cập đà-ra-ni, nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ.

(Trong số ấy lại sẽ có kẻ ngăn trở biện tài, đà-ra-ni, bèn đối với những pháp chướng thể tin nhận).

Chữ “đương” ở đây nên đọc lên giọng, đọc thành “đáng”, có nghĩa là “trở đáng” (ngăn trở). Nghĩ cách chướng phá khiến người khác không được biện tài, chướng ngại người khác đắc đà-ra-ni. “Đà-ra-ni” là cương lĩnh Phật pháp, là nguyên tắc tu hành. Dùng các phương pháp để chướng ngại, phá hoại, cản trở. “Nhi ư thị pháp, bất năng tín thọ” là đối với pháp môn Đại Thừa thâm diệu chẳng tiếp nhận nổi. Tiếp theo đây, Di Lặc Bồ Tát nêu một tỷ dụ tuyệt hay. Chúng ta hãy đọc qua một lượt.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Thí như hữu nhân, khát phạp tu thủy.

(Bạch Thế Tôn! Ví như có người khát muốn uống nước).

Có một người khát, muốn được uống nước.

Chánh kinh:

Vãng nghệ tuyên trì, nhi dục ẩm chi.

(Đến bên suối ao, toan uống nước đó).

Kẻ ấy đến bên dòng suối, hoặc bên bờ ao, tính uống nước trong đó cho hết khát.

Chánh kinh:

Thị nhân tiên lai, đầu chư phần uế ư thử thủy trung, hậu bất giác tri, dục ẩm kỳ thủy, tiện thử xú chi, ký văn xú dĩ, bất ẩm kỳ thủy.

(Người này trước đó, ném các thứ phân dơ vào trong nước ấy. Sau chẳng biết hay, muốn uống nước ấy, thấy nước hôi thối. Đã nghe mùi hôi, chẳng uống nước nữa)

Quý vị hãy chú tâm xem kỹ thí dụ này. Cái ao ấy nước trong veo, kẻ kia nhằm lúc chẳng khát nước, cũng chẳng nghĩ đến uống nước đó, bèn làm bẩn nước ao. Sau khi ao bị ô nhiễm, bản thân khát nước, muốn uống nước ao, lại thấy nước ao bẩn thỉu quá đỗi, chẳng thể uống nổi. Ai phá hoại vậy? Chính mình phá hoại chứ ai! Đoạn kinh văn này tỷ dụ kẻ ấy trước đã phá hoại Phật pháp, sau nghĩ muốn tu học Phật pháp, nhưng Phật pháp đã bị kẻ ấy phá hoại rồi.

Chánh kinh:

Bĩ chi tự ô, cánh thuyết kỳ quá, nãi chí thán ngôn: “Kỳ tai! Thử thủy thậm đại xú uế”. Thị nhân quá thât, đô bất giác tri.

(Kẻ ấy tự làm bẩn nước, lại còn chê trách, thậm chí than thở: “Lạ thay! Nước này hôi thối quá sức”. Người ấy chẳng hề hay biết lỗi lầm của mình).

Tự mình phạm lầm lỗi, tự mình phỉ báng Tam Bảo, chẳng hề hiểu biết.

Chánh kinh:

Nhi u thị thủy, phân sanh oán cũu.

(Ngược lại đem lòng oán hờn nước ấy).

Kẻ ấy tưởng là học Phật pháp, hóa ra là chê trách Tam Bảo.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Như tuyên trì giả, đương tri tức thị trì pháp tỳ-kheo, do Phật thần lực, u thử pháp nhĩn, thiện năng giải thuyết.

(Bạch Thế Tôn! Như suối, ao kia, nên biết đấy chính là tỳ-kheo trì pháp, do thần lực Phật, khéo có thể giải nói pháp nhĩn này).

Đây là tỷ dụ. “Nước ao” tỷ dụ những người phụng giáo tu hành, thân tâm thanh tịnh.

Chánh kinh:

Hựu phục như bỉ ngu si chi nhĩn, nhược u tuyên trì, tự đầu phản uế, hậu bất giác tri, dục ẩm kỳ thủy.

(Lại như những kẻ ngu si kia, đã tự quăng phẫn nhơ vào trong ao suối, sau chẳng biết hay, muốn uống nước ấy).

Đây là nói đến những Bồ Tát ngu si, tỷ dụ bọn họ muốn học Phật pháp, hóa ra là có chướng ngại.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Tối hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung, hữu chư vô trí chư Bồ Tát đẳng, diệc phục như thị.

(Bạch Thế Tôn! Đòi mạt thế tối hậu, trong năm trăm năm, có các hàng Bồ Tát vô trí cũng giống như thế).

Đây là nói thuận theo thí dụ trên: Tự mình làm bản nước, đến lúc sau cùng, khát nước chẳng thể uống được. Chúng ta hãy xem đoạn kinh vẫn tiếp theo đây, kinh nhắc lại sự việc ấy một lần nữa: những người ấy...

Chánh kinh:

Uỷ chánh pháp, cập trì pháp giả, sanh phi báng dĩ, phục w thị nhân, thính thọ pháp vị.

(Đối với chánh pháp và người trì pháp, sanh phi báng rồi, lại ở nơi người ấy, nghe nhận pháp vị).

Họ phi báng. Phi báng như thế nào? Họ vẫn học trộm, vẫn nghĩ cách để nghe được kinh pháp này. Họ nghe có thật sự hiểu nổi chăng? Nghe chẳng hiểu! Vì sao nghe chẳng hiểu được? Tâm họ dua vạy, trong tâm có phiền não, tâm chẳng thanh tịnh. Nói cách khác, giống như chúng tôi vừa mới nói, họ chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì. Chẳng được Phật, Bồ Tát gia trì thì chẳng những càng nghe càng chẳng hiểu, mà còn hiểu lầm ý nghĩa nữa, có mặt ngay nơi đó nghe cũng chẳng hiểu. Vì thế, chúng ta nghe pháp mà có thể lý giải, sanh tâm hoan hỷ đều là được Phật lực gia trì đấy nhé! Hy hữu khó được phi thường đấy! Phải biết quý trọng, tiếc nuối nhân duyên của chính mình.

Chánh kinh:

Bĩ nhân tự thất, đô bất giác tri.

(Kẻ ấy tự để lỡ mất mà đều chẳng biết hay)

“Tự thất” là hiểu lệch lạc ý nghĩa, nghe lầm.

Chánh kinh:

Dĩ nghi hoặc quá, ô nhiễm ý căn.

(Do lỗi nghi hoặc ô nhiễm ý căn)

Đoạn kinh này nói rõ vì sao kẻ ấy đọc kinh, nghe pháp bèn hiểu lầm ý nghĩa. Ấy là vì kẻ đó có chướng hoặc, đối với Phật pháp đã có thành kiến; là vì trong quá khứ nghe người khác nói bèn cho pháp đó chẳng phải do đức Phật nói. Cái thành kiến ấy đã có rất sớm, tức là quan niệm Đại Thừa chẳng phải do đức Phật nói. Đặc biệt là tại Trung Quốc, như kinh Lăng Nghiêm chẳng hạn, rất nhiều người chẳng tin tưởng kinh Lăng Nghiêm, cho kinh Lăng Nghiêm là ngụy tạo, Đại Thừa Khởi Tín Luận cũng là ngụy tạo! Hai bộ kinh luận này gây tranh luận rất

hiều. Chẳng những tranh cãi xuông, một số người còn viết thành sách, phán quyết hai bộ ấy là giả, chẳng phải là thật.

Những chuyện như vậy, lúc chúng tôi đọc đến mỗi bộ kinh, đều thấy đức Phật giảng rất rõ ràng, rất minh bạch: Đây là những hiện tượng kỳ quái trong thời kỳ Mạt Pháp. Nguyên nhân là do những kẻ ấy có chướng ngại. Trong quá khứ họ đã có thành kiến ấy, ý căn đã bị ô nhiễm; bởi thế đọc kinh, nghe pháp bèn sanh ra lầm tri kiến lầm lạc, chẳng hiểu nổi ý nghĩa chân thật của đức Như Lai!

Chánh kinh:

Bỉ trì pháp giả, đương bị hý lộng, hoặc thọ cơ tiếu.

(Những người trì pháp kia sẽ bị bỡn cợt, hoặc bị chê cười)

Trái lại, những người tu hành như pháp bị những kẻ đó chê cười, bỡn cợt, lãng nhục.

Chánh kinh:

Nãi chí thán ngôn: “Kỳ tai, thử pháp vị chư quá thất chi sở nhiễm ô”. Bỉ vô trí nhân ư thử chánh pháp, cập thị pháp sư, bất năng thính thọ, ty câu kỳ đoãn, báng ngôn ô nhục, sanh yểm ly tâm, xả chi nhi khứ.

(Đến nỗi than rằng: “Lạ thay! Pháp này bị các làm lỗi ấy nhiễm ô”. Những kẻ vô trí kia đối với chánh pháp và pháp sư này, chẳng thể nghe nhận, bởi tìm khuyết điểm, báng bô ô nhục, sanh tâm nhàm chán, bèn bỏ mà đi)

Đây là điều chúng ta thường gặp trong xã hội hiện tại, nghe nói đến rất nhiều. Bộ kinh này đã được lưu truyền rất lâu, trọn chẳng phải do người hiện tại ngụy tạo đâu! Kinh này sao từ trong Đại Tạng Kinh ra: Kinh Đại Bảo Tích hội thứ hai mươi lăm, người phiên dịch cũng thật rõ rệt: Ngài Bồ Đề Lưu Chí đời Đường phiên dịch, sao còn lầm được? Ngài Bồ Đề Lưu Chí cách thời chúng ta, nói chẳng sai mấy là gần một ngàn bốn trăm năm. Niệm đại Phật giảng kinh còn xa hơn nữa; ngay từ đầu, đối với những hiện tượng như vậy phát sanh trong xã hội hiện tại của chúng ta, đức Phật đều đề cập rất rõ ràng, rất minh bạch. Tôi nghĩ: Đối với những điều đức Thế Tôn đã nói, những người đầu óc sáng suốt chẳng thể chẳng bội phục vậy.

6.4. Có bốn loại biện tài, hết thầy chư Phật đều tuyên nói

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn tán Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Thiện tai! Thiện tai! Di Lạc! Thiện năng diễn thuyết như thị thí dụ, vô năng ty câu thuyết kỳ đoãn giả.

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn khen Di Lặc Bồ Tát rằng:

- Lành thay! Lành thay! Di Lặc! Khéo có thể diễn nói thí dụ như thế, chẳng có thể tìm bởi chỗ dở được!)

Mấy câu này dùng để tổng kết đoạn kinh văn ở phần trước. Đức Thế Tôn tán thán Di Lặc Bồ Tát nói rất hay. Tiếp đó, đức Thế Tôn lại bảo Di Lặc Bồ Tát rằng:

Chánh kinh:

Di Lặc! Dĩ thị nhân duyên, như ưng đương tri: hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết. Hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ.

(Này Di Lặc! Do nhân duyên đó, ông nên biết rằng: có bốn biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói. Có bốn biện tài bị hết thảy chư Phật ngăn cấm)

Đoạn này khai thị trọng yếu phi thường, khiến cho chúng ta biết rõ cách phân biệt đâu là Phật pháp, đâu chẳng phải là Phật pháp. “*Biện tài*”: Phật có biện tài, ma cũng có biện tài. Nếu ma chẳng có biện tài, làm sao nó có thể khiến nhiều người tin tưởng, sùng phụng đến thế? Ma cũng có vô ngại biện tài. Vì thế, ở đây đức Phật nói rõ có bốn loại biện tài được hết thảy chư Phật khen ngợi, đó là Phật pháp. Ngoài ra có bốn thứ biện tài, cũng là vô ngại biện tài, nhưng bị hết thảy chư Phật cấm chỉ, quyết định chẳng chấp nhận. Nếu thật sự là đệ tử Phật - là tỳ-kheo hoặc là Bồ Tát - mà thuyết pháp chẳng tương ứng với lời đức Phật dạy, ta liền biết rõ kẻ ấy chẳng như pháp.

Chánh kinh:

Vân hà danh vi, hữu tứ biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết?

(Thế nào gọi là có bốn biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói?)

Đây là những biện tài được hết thảy chư Phật khen ngợi, được chư Phật Như Lai tuyên nói. Thứ nhất là:

Chánh kinh:

Sở vi: lợi ích tương ưng, phi bất lợi ích tương ưng.

(Chính là: ứng với lợi ích, chẳng ứng với không lợi ích).

Phật, Bồ Tát vì hết thấy chúng sanh thuyết pháp, mục đích là khiến cho hết thấy chúng sanh được lợi ích chân thật. Nếu nói hiện tại Phật cho ta được lợi ích, đời sau chẳng được lợi ích, hậu thế chẳng được lợi ích, đó chẳng phải là lời Phật nói vậy. Lợi ích chân thật của lời Phật dạy là khiến cho chúng ta đời sau, hậu thế, đời đời kiếp kiếp đều được lợi ích; cho nên “*chẳng ứng với không lợi ích*” - chẳng tương ứng với bất cứ điều gì không có lợi ích.

Ý Phật nói rất sâu, rất rộng. Người đời tầm nhìn thường rất thiên cận, chỉ thấy được những mối lợi nhỏ nhất trước mắt, chẳng hề chú tâm quan sát kỹ: được một điều lợi nhỏ mà phải đổ ra biết bao công sức. Nếu như lắng lòng quan sát sẽ biết rõ: mỗi lợi nhỏ nhất ấy thật sự chẳng bỏ công. Nếu tâm địa chẳng thanh tịnh, đời sau nhân đó sẽ đọa tam đồ, tổn hại rất lớn! Đấy nhất định chẳng phải là điều Phật nói.

Về cái lợi trước mắt, chúng tôi nói đến một chuyện đơn giản nhất: Phật pháp khiến cho con người thường sanh tâm hoan hỷ, nhất định Phật pháp chẳng tạo áp lực cho con người. Nếu như trong cuộc sống cảm thấy có áp lực, tinh thần có áp lực, về mặt vật chất có áp lực, thì nhất định chẳng phải là Phật pháp, Phật chẳng tạo áp lực lên con người. Nói ra lời này, chỉ sợ có một số ít các vị đồng tu nghe không hiểu.

Thế nào là “áp lực”? Tôi nêu một thí dụ cho quý vị hiểu nhé. Quý vị đến Phật đường có cần phải bồ thí, cúng dường hay không? Ít nhiều gì cũng phải bồ thí một chút, cúng dường một chút; có người e ngại điều này. Lúc tài lực mình chẳng đủ, bèn vay lãi nặng để cúng dường, phải trả lợi tức rất nặng. Đấy chẳng phải là áp lực ư? Nhất định đức Phật chẳng chấp thuận điều này. Quý vị vào cửa Phật có cần phải cúng dường hay chẳng? Nói thật ra, Phật chẳng cần quý vị phải cúng dường vật chất. Ngài muốn quý vị làm gì? Ngài dạy quý vị cúng dường bằng cách phụng hành.

Quý vị xem trong Phổ Hiền Bồ Tát Hạnh Nguyên Phẩm có nói đến việc “*rộng tu cúng dường*”, hết thấy tài cúng dường chẳng bằng pháp cúng dường. Trong pháp cúng dường, bậc nhất là “*như thuyết tu hành*” (tu hành đúng theo lời dạy). Trong kinh Phật dạy làm sao, ta cứ chiều như thế ấy mà làm, đấy mới là chân cúng dường vậy!

Chúng ta vừa đọc qua trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta trong thời hiện tại, phải tu học ra sao để tránh được hết thấy chướng ngại, được thành tựu. Đức Phật dạy chúng ta bốn pháp, pháp đầu tiên là “*chẳng cầu lỗi người khác*”, chúng ta có làm được không? (Chẳng phải là ta lúc nào cũng trách móc người khác, luôn thấy khuyết điểm người khác đó sao?) Nếu quý vị làm được một điều này là đã thật sự công đức rồi! Như vậy có tạo áp lực cho quý vị hay không? Đây gọi là “*tương ứng*”, “*ứng với lợi ích*”. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Dữ pháp tương ứng, phi bất dữ pháp tương ứng.

(Tương ứng với pháp, chẳng phải không tương ứng với pháp).

Nhất định chẳng thể không tương ứng với pháp, nhất định phải tương ứng với pháp. Chữ “pháp” chỉ điều gì? Là hết thấy kinh điển chư Phật Như Lai đã nói. Nhất định phải tương ứng với những đạo lý, phương pháp, cảnh giới dạy trong kinh điển; nếu có điều gì trái nghịch thì biện tài đó chẳng phải là biện tài được chư Phật, Bồ Tát khen ngợi. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Phiền não diệt tận tương ưng, phi dữ phiền não tăng trưởng tương ưng.

(Tương ứng với diệt sạch phiền não, chẳng tương ứng với tăng trưởng phiền não).

Điểm này tất cả các vị học Phật phải nhớ kỹ. Đặc biệt là câu thứ nhất “*tương ứng với lợi ích*”. Nếu quý vị học Phật công phu đắc lực, cũng như nói quý vị học rất khá, tu rất tốt, là căn cứ vào đâu? Phiền não ít đi. Xem trong một giai đoạn dài, phiền não nhất định mỗi năm một ít đi. Phiền não ít đi, trí huệ tăng trưởng, thân tâm thanh tịnh. Đây là đạo lý nhất định! Nếu công phu càng giỏi, ắt mỗi tháng mỗi khác. Nếu quý vị quan sát kỹ sẽ thấy tháng nào cũng có tiến bộ. Tiến bộ là phiền não nhẹ lần, tháng này so ra nhẹ hơn tháng trước. Tham, sân, si, mạn đều giảm dần đến khi không còn nữa, thân tâm khang kiện, trí huệ tăng trưởng, quý vị niệm Phật chắc chắn được vãng sanh, thật sự có chỗ để nương cậy. Bởi thế, Phật pháp nhất định dạy quý vị đoạn phiền não, khai trí huệ.

Nếu như quý vị học Phật, học kiểu gì mà mỗi năm phiền não so ra càng nhiều thêm là hỏng rồi, quý vị đâu có học Phật, quý vị học ma đấy! Ma rất tương phản với Phật, ma dạy quý vị tăng trưởng phiền não, mỗi năm mỗi thêm nhiều; Phật dạy cho quý vị ít phiền não, mỗi năm một ít hơn. Đây là sự tương phản rất rõ rệt giữa ma và Phật. Từ thành quả mà kiểm điểm, quan sát, chúng ta sẽ rất ráo biết là mình học Phật hay học ma! Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Niết Bàn công đức tương ưng, phi dữ sanh tử quá lậu tương ưng.

(Tương ứng với công đức Niết Bàn, chẳng tương ứng với sanh tử quá lậu).

Niết Bàn là tiếng Phạn, có nghĩa là bất sanh bất diệt. Cầu bất sanh bất diệt được không? Cầu được chứ. Đây là mục đích tối hậu của việc tu học Phật pháp - nhập cảnh giới Niết Bàn. Niết Bàn là cảnh giới không có sanh diệt. Phật dạy chúng ta: Lục đạo có sanh tử luân hồi, mười pháp giới có biến dịch sanh tử, như Thanh Văn, Duyên Giác, Bồ Tát có biến dịch sanh tử. Nơi Phật quả, hai thứ sanh tử đều chẳng có: Phần đoạn sanh tử diệt sạch, biến dịch sanh tử cũng diệt hết. Đó gọi là Đại Niết Bàn. Hết thầy pháp đức Phật giảng nhất định phải theo phương hướng này, nhất định phải hướng đến mục tiêu này.

Nếu là ma thuyết pháp sẽ chẳng giống vậy. Ma dạy quý vị đời đời kiếp kiếp chẳng lìa sanh tử luân hồi, vĩnh viễn chuyển dịch trong lục đạo, thuộc quyền không chế của ma! Đặc biệt là Đại Thừa Phật pháp, trong kinh thường nói vô lượng pháp môn, tám vạn bốn ngàn pháp môn. Pháp là phương pháp, Môn là cửa ngõ. Phương pháp, đường lối rất nhiều, nhưng mục tiêu - phương hướng chỉ là một: Đại Niết Bàn. Bởi vậy trong kinh Kim Cang, đức Phật dạy: “*Pháp này bình đẳng, chẳng có cao thấp*”. Tất cả các pháp môn đều bình đẳng, đều có thể giúp quý vị chứng đắc cảnh giới Đại Niết Bàn.

Vậy tại sao trong nhiều pháp môn như thế, ta phải chọn lựa? Pháp môn là bình đẳng, nhưng căn tánh ta chẳng bình đẳng. Nếu pháp môn không phù hợp căn tánh ta, ta tu học khó thể thành tựu. Đời người rất ngắn, trong thời gian ngắn ngủi như thế, nếu ta tu chẳng thành công là phí mất đời này rồi. Bởi vậy, chọn lựa pháp môn là điều trọng yếu phi thường.

Trong nhiều pháp môn như thế, rốt cuộc ta nên chọn pháp môn nào cho tốt? Nói thật ra, chúng ta phiền não rất nặng, tập khí rất sâu, cũng chẳng có thiện căn, phước đức, lại chẳng có trí huệ, trong nhiều pháp môn như thế, chọn bằng cách nào đây? Điều này đức Phật khi còn tại thế đã từng nhìn thấy rất rõ ràng, rất minh bạch, Ngài thật sự là bậc từ bi đến cùng cực. Trong kinh Đại Tập có một đoạn khai thị; nếu như bản thân quý vị không có năng lực để tuyển chọn pháp môn, quý vị cứ theo đúng lời Phật khai thị.

Phật dạy: “*Trong thời kỳ Chánh Pháp* (một ngàn năm đầu tiên sau khi Phật diệt độ), *giới luật thành tựu*”, quý vị nghiêm trì giới luật bèn có thể chứng quả. Chứng quả ấy chẳng cần phải là rất sâu, thông thường là quả A La Hán, tức là tự có năng lực vượt thoát lục đạo luân hồi. Dù chẳng chứng được quả A La Hán, nếu như chứng được quả Tu Đà Hoàn cũng là rất khả quan. Tu Đà Hoàn nhập lưu, dự vào dòng thánh. Sau khi chứng được Tu Đà Hoàn, bảy lượt sanh trong cõi trời, cõi người, bèn vượt thoát luân hồi, mới kể là thành tựu.

Đức Phật nói: “*Trong thời kỳ Tượng Pháp, Thiên Định thành tựu*”. Nghĩa là một ngàn năm thứ hai sau khi Phật diệt độ, trong thời kỳ ấy, Phật pháp truyền từ Ấn Độ sang Trung Quốc, cho nên Thiên tông Trung Quốc đặc biệt hưng thịnh, bởi đó là pháp môn thành tựu trong giai đoạn thứ hai. Giai đoạn thứ ba là thời kỳ Mạt Pháp, đức Phật đã diệt độ hơn hai ngàn năm rồi, căn tánh con người mỗi đời càng tệ đi, phiền não tập khí càng đặc biệt nặng nề, trì giới chẳng thành tựu, tham thiền chẳng đắc định nổi. Đức Phật dạy chúng ta trong thời kỳ này “*Tịnh Độ thành tựu*”.

Nếu quý vị chắc thật niệm Phật, đối nghiệp vãng sanh, sẽ thành tựu vượt trội hơn hai loại trên. Hai loại trên chỉ có thể thoát ly lục đạo luân hồi, chứ vẫn chưa ra khỏi mười pháp giới. Tịnh Độ vãng sanh đến được Tây Phương Cực Lạc thế giới là siêu việt mười pháp giới; bởi thế, pháp môn này thù thắng khôn sánh. Bản thân chúng ta chẳng có trí huệ, chẳng có năng lực chọn lựa, nghe lời đức Phật, Phật thay ta chọn lựa pháp môn Tịnh Độ, ta cứ y giáo phụng hành là được. Đây chính là tương ứng với Đại Niết Bàn, tuyệt đối chẳng tương ứng với sanh tử luân hồi.

Chánh kinh:

Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở tuyên thuyết tứ chủng biện tài.

(Đây là bốn thứ biện tài được hết thảy chư Phật tuyên nói).

Bốn thứ biện tài vừa nói trên là chánh pháp được hết thảy chư Phật tuyên nói.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, ưu-bà-tắc, ưu-bà-di.

(Này Di Lạc! Nếu tỳ-kheo, tỳ-kheo-ni, cận sự nam, cận sự nữ)

Hai hạng Bồ Tát xuất gia và tại gia đều được nhắc đến.

Chánh kinh:

Dục thuyết pháp giả.

(Muốn thuyết pháp)

Quý vị muốn hoằng pháp lợi sanh, vì người khác giảng kinh thuyết pháp, đem Phật pháp giới thiệu cho quảng đại quần chúng, Phật đặc biệt dặn dò rằng:

Chánh kinh:

Ung đương an trụ như thị biện tài.

(Hãy nên an trụ trong những biện tài như thế).

Quý vị phải nhớ thật kỹ bốn nguyên tắc này đức Phật đã nói, nhất định phải tuân thủ.

Chánh kinh:

Nhược thiện nam tử, thiện nữ nhân đặng, hữu tín nguyện tâm, đương u thị nhân nhi sanh Phật tướng, tác giáo sư tướng, diệc u thị nhân, thính thọ kỳ pháp.

(Nếu hàng thiện nam tử, thiện nữ nhân có tâm tín nguyện thì đối với những người ấy hãy tương như đức Phật, tương như thầy dạy, và cũng nghe nhận pháp nơi những người ấy).

Ở đây nói về thính chúng. Thính chúng phải có thái độ như thế nào? Người giảng kinh thuyết pháp theo đúng bốn nguyên tắc nói trên, thì ở đây Phật dạy người nghe pháp phải tin tưởng, phải tùy thuận, đối với người thuyết pháp phải tôn kính, coi người thuyết pháp ấy như Phật, bởi lẽ người ấy thăng tòa thuyết pháp chính là thay đức Phật giảng kinh. Tâm cung kính một phần, được lợi ích một phần. Cung kính mười phần, được lợi ích mười phần!

Bởi thế cung kính, nói thật ra chẳng phải là để cung kính người giảng kinh ấy, mà là để đem lòng cung kính của chính mình biểu hiện ra. Cung kính là tánh đức, là lương tri lương năng nơi Chân Như bản tánh, dùng đó để dẫn khởi ra mà thôi! “*Tác giáo sư tướng*” là coi người thuyết pháp như vị thầy dạy của mình. “*Cũng nghe nhận pháp nơi những người ấy*” là học tập theo.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Thị nhân sở thuyết, đương tri như thị nhất thiết Như Lai chi sở tuyên thuyết, nhất thiết chư Phật thành thật chi ngữ.

(Vì sao vậy? Nên biết là những điều người ấy nói giống như là lời hết thầy chư Phật tuyên nói, như lời thành thật của hết thầy chư Phật)

Những người ấy y chiếu kinh giáo để tuyên thuyết, chẳng làm lạc. Câu nào cũng đều chẳng lia khỏi ý kinh. Ý nghĩa kinh văn là lời thành thật của Như Lai, họ cũng chẳng giảng lầm. Đoạn kinh này đức Phật dạy ta tâm tư và thái độ nghe pháp trong lúc người khác thuyết pháp. Nếu chúng ta tu học như pháp, chúng ta sẽ đạt được lợi ích chân thật nơi Phật pháp.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược hữu phi báng thứ tứ biện tài.

(Này Di Lạc! Nếu có kẻ phi báng bốn biện tài này).

Đây là nói về mặt tương phản. Đích xác là trong lúc ấy thường phát sanh những sự việc như sau: Có kẻ phi báng bốn thứ thuyết pháp “*tương ứng lợi ích, tương ứng với pháp, tương ứng với diệt sạch phiền não, tương ứng với công đức Niết Bàn*” ấy. Kẻ nào phi báng vậy? Đương nhiên là ma rồi! Chúng nói bốn nguyên tắc ấy chẳng phải do Phật nói.

Chánh kinh:

Ngôn phi Phật thuyết, bất sanh tôn trọng, cung kính chi tâm. Thị nhân dĩ oán tắng cố.

(Nói những pháp đó chẳng phải do Phật nói, chẳng sanh tâm tôn trọng cung kính. Người ấy do vì oán ghét)

“Oán” là ôm lòng hờn, “tắng” là ghét hận.

Chánh kinh:

Ư bỉ nhất thiết chư Phật Như Lai sở thuyết biện tài, giai sanh phi báng. Phi báng pháp dĩ, tác hoại pháp nghiệp.

(Đối với những biện tài được hết thầy chư Phật Như Lai nói ra đó đều sanh phi báng. Phi báng pháp xong bèn gây nghiệp hoại pháp).

“Hoại pháp nghiệp” là phá hoại Phật pháp.

Chánh kinh:

Tác hoại pháp dĩ, đương đọa ác đạo.

(Phá hoại pháp rồi sẽ đọa ác đạo).

Ở đây kinh giảng rất rõ rệt, nhất định phải đọa địa ngục A Tỳ. Điều này so với chuyện đức Phật nói ở phần đầu kinh này chẳng khác gì.

Chánh kinh:

Thị cố Di Lặc! Nhược hữu tịnh tín, chư thiện nam tử, vị dục giải thoát phi báng chánh pháp nghiệp nhân duyên giả, bất dĩ tăng tật nhân cố, nhi tăng tật u pháp, bất dĩ nhân quá thất cố, nhi u pháp sanh quá, bất dĩ u nhân oán cố, nhi u pháp diệc oán.

(Bời thế nên Di Lặc! Nếu những kẻ thiện nam tử lòng tin trong sạch, vì muốn được thoát khỏi nhân duyên của nghiệp phi báng chánh pháp thì chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp, chẳng vì người có làm lỗi mà tạo lỗi với pháp, chẳng vì oán người mà oán lây cả pháp).

Đoạn khai thị này rất trọng yếu. Trước kia, ta chưa được nghe chánh pháp, đã tạo tội nghiệp phi báng Tam Bảo, hãy suy nghĩ xem bản thân chúng ta có làm như vậy hay là không? Nếu là có, hôm nay đọc đến bộ kinh này, nghe đến Phật pháp này, bản thân tỉnh ngộ rồi, muốn sám hối tội nghiệp của chính mình thì có cách nào hay không? Những điều Phật dạy ở đây chính là dạy chúng ta phương cách ấy. Nếu chúng ta đã từng hữu ý hoặc vô ý phi báng Phật pháp (tội nghiệp báng pháp rất nặng nề lắm đấy!) mà biết giác ngộ, hồi đầu thì vẫn là thiện nam tử, vẫn là thiện nữ nhân vậy! Rốt cuộc quý vị vẫn là người thiện căn sâu dày, cho nên mới nói “vì muốn thoát khỏi nhân duyên của nghiệp phi báng chánh pháp”.

Quá khứ đã từng phi báng chánh pháp, hiện tại muốn giải thoát, giải trừ tội nghiệp ấy để khỏi đọa vào địa ngục, thì ở đây Phật dạy chúng ta hãy “chẳng vì ghen ghét người mà ghen ghét pháp”. Chẳng những mình đức Phật dạy chúng ta như vậy, vào thời xa xưa ở Trung Quốc, cổ thánh tiên hiền cũng dạy chúng ta như vậy, tức là “chẳng giận lây” đấy! Ở đây Phật dạy chúng ta đừng giận lây đó! Đừng chồng thêm lỗi lầm! Chúng ta chán ghét người nào, nếu như pháp người ấy nói là chánh pháp, chẳng phải là tà pháp, thì chẳng vì ta ghét kẻ ấy mà cũng ghét lây luôn pháp ấy. Chẳng vì kẻ ấy có lỗi lầm, ta bèn cho rằng pháp của họ cũng có lỗi lầm. Hành động như vậy là sai rồi.

Vì thế người nào ta ghét, dù hắn có làm lỗi, hắn có khuyết điểm, ta cũng vẫn chú tâm nghe pháp để xem hắn giảng có làm lỗi hay không. Nếu pháp kẻ ấy thuyết đúng là chánh pháp, ta phải học theo, chẳng cần phải học theo cách kẻ ấy cư xử. Nghe kẻ ấy thuyết pháp, ta học theo pháp của kẻ ấy thôi! Vì thế, “chẳng vì oán người khác mà oán lây cả pháp”. Vì oán ghét kẻ ấy bèn phi báng pháp thì chính là lầm lẫn vô cùng lớn. Phật dạy chúng ta nếu quá khứ từng hữu ý hoặc vô ý phi báng Tam Bảo, chúng ta bèn dùng điều dạy này để quán niệm đổi lỗi thì đó là bước thứ nhất để sám hối vậy!

6.5. Có bốn biện tài (thế trí biện tài) bị hết thấy chư Phật ngăn cấm

Chánh kinh:

Di Lạc! Vân hà danh vi tứ chủng biện tài, nhất thiết chư Phật chi sở giá chi?

(Này Di Lạc! Thế nào gọi là bốn thứ biện tài bị hết thấy chư Phật ngăn cấm?)

Đây là bốn thứ biện tài Phật chẳng hứa khả, Phật quyết định chẳng tán thành. Bốn thứ biện tài này chẳng được chư Phật, Bồ Tát dùng đến, bốn thứ biện tài này tương phản khít khao với bốn thứ biện tài ở phần trước.

Chánh kinh:

Sở vị: phi lợi ích tương ưng, bất dữ lợi ích tương ưng.

(Chính là: tương ứng với không lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích).

Điều thứ nhất, những điều kẻ ấy nói ra tuyệt đối chẳng có lợi ích gì. Chẳng có lợi ích gì sao lắm người tin đến thế? Vì sao có lắm người học theo kẻ ấy? Như tôi vừa mới nói, lợi ích đó rất nông cạn, rất ngắn ngủi (nói trên phương diện thời gian thì rất ngắn ngủi, tạm bợ), là lợi ích rất nhỏ, nhưng phải đổ sức rất nhiều, đời sau quyết định chẳng được lợi ích, những đời sau chẳng cần phải nói đến nữa. Đây là tương ứng với chẳng lợi ích, chẳng tương ứng với lợi ích. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Phi pháp tương ưng, bất dữ pháp tương ưng.

(Tương ứng phi pháp, chẳng tương ứng với pháp)

Nhất định mâu thuẫn với lý luận, phương pháp, cảnh giới đức Phật đã nói, chẳng giống với điều đức Phật dạy. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Phiền não tương ưng, bất dữ phiền não diệt tận tương ưng.

(Tương ứng phiền não, chẳng tương ứng với diệt sạch phiền não)

Nếu quý vị chẳng nghiên cứu Phật pháp sâu xa, quý vị sẽ chẳng biết là kẻ ấy có giảng như pháp hay không, ở đây, ta có thể kiểm nghiệm điều này rất dễ dàng. Quý vị tu học theo kẻ ấy thấy nhiều phiền não hơn thì là “*phiền não tương ứng*”. Những điều kẻ ấy đề xướng là tăng trưởng tham, sân, si, mạn, nghi, chẳng phải là đoạn trừ tham, sân, si, mạn, nghi. Dẫn cho kẻ ấy nói nghe rất hay là: “Chúng ta sẽ ở trong phiền não mà đoạn được phiền não”, quý vị có đoạn được phiền não hay không? Trong phần sau, Di Lặc Bồ Tát có nêu câu hỏi về vấn đề này. Bởi lẽ, khi đức Phật dạy các Pháp Thân đại sĩ đại Bồ Tát những lời nào, kẻ ấy đều học theo, học xong rồi bèn giả mạo Phật pháp, khinh dối chúng sanh, quý vị học theo kẻ ấy thì phiền não ngày càng tăng trưởng, tâm quý vị chẳng thể thanh tịnh nổi! Cho nên, kẻ ấy “*chẳng tương ứng với diệt hết phiền não*” vậy! Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Sanh tử tương ứng, bất dữ Niết Bàn công đức tương ứng.

(Tương ứng với sanh tử, chẳng tương ứng với công đức Niết Bàn).

Kẻ ấy cùng quý vị tương ứng với sanh tử, đời sau vẫn phải tiếp tục luân hồi chẳng dứt. Đây chẳng phải là điều Phật nói. Phải nhớ kỹ điều này nhé! Có pháp sư chẳng những dạy tín đồ như thế, mà chính pháp sư ấy cũng phát nguyện như thế này: chẳng cầu liễu sanh tử, chẳng cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Họ cầu điều gì? Họ muốn đời đời kiếp kiếp làm pháp sư. Họ đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn mà! Chúng sanh trong thế gian này quá khổ nên họ lại sanh chuyển thế vẫn muốn sẽ làm pháp sư.

Nói nghe rất hay, nhưng đời sau quý vị có làm nổi thân người hay không? Nếu chẳng được thân người cũng tốt thôi, cứ cho là quý vị vẫn làm pháp sư đi! Sẽ làm pháp sư trong đường súc sanh, làm pháp sư trong đường ngựa quý, trong địa ngục không có pháp sư, rốt cuộc quý vị vào đường nào đây? Nhất định đó chẳng phải là điều đức Phật nói. Khởi tâm động niệm như vậy, quyết định chẳng phải là đệ tử Phật, hoàn toàn trái nghịch lời Phật răn dạy.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vi nhất thiết chư Phật chi sở giá chỉ tứ chủng biện tài.

(Này Di Lặc! Đây là bốn thứ biện tài bị hết thầy chư Phật ngăn cấm)

Bốn thứ biện tài vừa nói trên hoàn toàn bị Phật cấm chỉ, tuyệt đối chẳng phải là pháp Phật nói, cũng tuyệt đối chẳng phải là điều đệ tử Phật nói. Dưới đây, Di Lặc Bồ Tát thay chúng ta nêu lên một nghi vấn, chúng ta phải chú ý lắng nghe.

Chánh kinh:

Nhĩ thời Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Phật sở thuyết, nhược hữu biện tăng trưởng sanh tử, phi chư Như Lai chi sở tuyên thuyết.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Như Phật đã nói: nếu có biện tài nào tăng trưởng sanh tử thì nó chẳng phải là điều được các Như Lai tuyên nói)

Quý vị xem: đức Phật dạy bốn câu, mà Di Lạc Bồ Tát chỉ lấy một câu để hỏi là vì câu này rõ rệt, dễ kiểm nghiệm nhất.

Chánh kinh:

Vân hà Thế Tôn thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự? Hựu phục xưng tán nhiếp thủ sanh tử, nhi năng viên mãn Bồ Đề phần pháp? Như thị đẳng biện, khởi phi Như Lai chi sở tuyên thuyết da?

(Vì sao đức Thế Tôn nói các phiền não có thể biến thành những điều lợi ích cho Bồ Tát? Vì sao lại khen ngợi: nhiếp thủ sanh tử bèn có thể viên mãn pháp Bồ Đề phần? Những câu nói như vậy há có phải là do đức Như Lai tuyên thuyết chăng?)

Lời hỏi này rất hay, tựa hồ những điều đức Phật vừa giảng ở trên hoàn toàn mâu thuẫn vậy. Ý nghĩa của câu hỏi này là: Chúng ta thường nghe nói “*phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”. Do phiền não tức Bồ Đề nên chẳng cần phải đoạn phiền não, vì phiền não đã là Bồ Đề rồi mà! Sanh tử tức Niết Bàn nên bất tất phải liễu sanh tử. Những câu nói ấy có phải do đức Phật nói ra hay không? Đích thật Phật đã nói thế! Nhưng quý vị phải hiểu là những điều ấy Phật chẳng nói với kẻ sơ học; Phật nói những điều ấy với ai? Nói với hàng Pháp Thân đại sĩ.

Quý vị hãy thử hỏi mình có phải là Pháp Thân đại sĩ hay không? Pháp Thân đại sĩ là bậc đã đoạn sạch Kiến phiền não, đoạn sạch Trần Sa phiền não, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Với người như vậy, đức Phật mới dạy “*phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”. Có lẽ quý vị đã từng nghe nói “*nhập bất nhị pháp môn*”. Đây chẳng phải là cảnh giới của hàng sơ học, mà là cảnh giới của ai? Tối thiểu phải là hạng như Lục Tổ Huệ Năng đại sư bên Thiên tông, đức Phật mới nói pháp như thế, đó gọi là “*pháp bất nhị*”.

Nếu quý vị dùng cách thức này để nhận định lời đối đáp giữa Lục Tổ và Ấn Tông trong Pháp Bảo Đàn Kinh, quý vị sẽ thấy rất rõ. Hai người họ gặp nhau lần đầu ở chỗ nay là chùa Quang Hiếu ở Quảng Châu, vừa nêu chuyện gió động hay phan động, ngài Ấn Tông liền biết Tổ là truyền nhân của Ngũ Tổ đại sư, đối với Tổ bèn cung kính, lễ ngộ phi thường, thỉnh giáo Tổ:

- Ngài ở Hoàng Mai thường nghe Ngũ Tổ khai thị, Ngũ Tổ có giảng Thiên Định, giải thoát hay chăng? Ngài giảng như thế nào?

Huệ Năng đại sư chẳng đáp trực tiếp, Ngài chỉ nói:

- Thiền Định, giải thoát là hai pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp, vậy thì thầy muốn gì?

Sanh tử và Niết Bàn là hai pháp. Hai pháp chẳng phải là Phật pháp. Phật pháp là pháp bất nhị. Phiền não và Bồ Đề cũng là hai pháp, hai pháp bèn chẳng phải là Phật pháp. Đây là đối với Pháp Thân đại sĩ mà nói, chẳng phải nói với những người bình phàm. Chúng ta là phàm phu nghiệp chướng, phiền não sâu nặng, làm sao có thể học đòi các vị ấy cho được? Phật chẳng hề nói sai, chỉ là chúng ta chẳng hiểu ý Phật, chẳng rõ ý Phật. Ở đây, Di Lặc Bồ Tát nêu lên một vấn đề trọng yếu phi thường để cho chúng ta chẳng bị mê hoặc bởi những tà sư trong thời kỳ Mạt Pháp.

Lúc tôi còn đang học Phật, xuất gia hai năm bèn thọ giới. Thọ giới xong tôi ở tại chùa Hương Vân tại Đại Khê, lúc ấy chùa Hương Vân hoang tàn đổ nát, chẳng giống như bây giờ, hiện thời chùa rất đẹp đẽ. Không ai quản lý ngôi chùa hư nát, tôi bèn trụ tại đó, sanh sống gian khổ vô cùng. Tôi giảng kinh tại miếu Quan Đê ở Đại Khê. Mỗi Chủ Nhật giảng hai lượt, nhận lấy chút cúng dường để duy trì cuộc sống. Lúc ấy, trong chùa có năm người sống. Ở Đại Khê có chùa Trai Minh, Khuyết Thượng Sư truyền Mật Pháp ở đây, phái người tới báo tin với chúng tôi, hy vọng năm người bọn tôi sẽ đến lễ ông ta làm thầy, theo ông ta học Mật. Ông ta đề ra một điều kiện: Chu cấp mỗi người trong bọn tôi ba trăm đồng tiền chi dụng hằng tháng. Lúc ấy, Trụ Trì lão hòa thượng (ngài đã mất rồi) nghe nói vậy rất cao hứng: “Chúng ta mỗi tháng có một ngàn năm trăm đồng thu nhập”. Lúc đó, một ngàn năm trăm đồng có giá lắm nghe!

Sự việc này xảy ra gần ba mươi năm trước. Hòa Thượng bèn gọi mấy người chúng tôi lại, nói Thượng Sư có hảo ý như thế đó, muốn thu thập bọn tôi. Tôi nghe xong, trước đây vốn rất tôn kính vị Thượng Sư ấy, nay vì cử chỉ này, tôi hết còn tâm tôn kính Thượng Sư nữa. Vì thế, tôi nói với mấy người trong miếu rằng: “*Nếu như chúng ta đến bái ông ấy làm thầy, muốn theo ông ấy học pháp, ông chỉ dùng một chân đá chúng ta văng ra, tôi sẽ phục lạy, ông ta thật sự là Thượng Sư. Nay mình chẳng đến cầu ông, ông lại đem lợi như mình, dụ dỗ mình tới, mấy người bọn ta chỉ đáng ba trăm đồng ư? Ba trăm đồng là tiền bán thân khuất mình đấy!*” Từ đấy về sau mấy người đó chẳng dám nói gì nữa. Quý vị phải biết là Mật là Phật pháp tối thượng thừa, chúng ta có tư cách để học Mật hay chẳng? Chúng tôi đã tự vấn: Mình chẳng hề có tư cách.

Vị thầy dạy tôi học Phật đầu tiên là Chương Gia đại sư. Ngài là bậc đại đức trong Mật Tông; bởi thế tình hình trong Mật giáo tôi được biết khá nhiều. Nếu đem Phật giáo so sánh với trường học thì Mật là viện nghiên cứu, là phân ban tiến sĩ. Chúng tôi là trình độ nào? Chưa đạt trình độ tiểu học. Khuyết Thượng Sư cứ kêu chúng tôi học ban tiến sĩ, đem học vị tiến sĩ cấp cho chúng tôi, thì đương nhiên là giả, chẳng phải thật rồi! Ông ta lừa dối ai còn được, chứ lừa dối tôi thì đừng hòng!

Đoạn kinh trên đây là nói đến sự việc ấy. Trong xã hội ngày nay, có quá nhiều sự việc mê hoặc con người, chẳng hạn như “*tức thân thành Phật*” (thành Phật ngay trong thân này). Quý vị có thành Phật được chẳng? Nói thật ra, tức thân đọa địa ngục thì có, chứ nào có tức thân thành Phật! Cần phải biết Mật là gì? Mật là ai làm được tiêu chuẩn “*vô ngã tướng, vô nhân tướng, vô chúng sanh tướng, vô thọ giả tướng*” đã dạy trong kinh Kim Cang thì mới có tư cách học được. Phải như vậy mới có thể chẳng cần đoạn phiền não. Vì sao chẳng đoạn phiền não? Chẳng có phiền não ư? Vì sao chẳng cần? Bồ Đề cũng chẳng có chẳng? Phiền não, Bồ Đề đều chẳng thể được! Nhập vào cảnh giới ấy, há có phải là cảnh giới của phàm phu bọn ta ư? Bởi thế, xác thực là quý vị đều phải đoạn trừ vọng tưởng, phân biệt, chấp trước thì quý vị mới có tư cách học Mật. Nếu quý vị vẫn còn vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, quý vị còn chẳng đạt được lợi ích nơi Hiền Giáo, với Mật Giáo bất tất phải nói đến nữa!

Mật Tông hay nói: Chẳng học Mật chẳng thể thành Phật. Câu nói này đúng hay sai? Đúng, chẳng sai tí nào! Mỗi cá nhân đều phải học Mật thì quý vị mới có thể thành Phật. Lúc nào mới học Mật được? Khi quý vị đã là Bát Địa Bồ Tát. Tương lai quý vị chứng Bát Địa rồi, đức Phật bèn dạy quý vị pháp môn ấy, còn hiện tại quý vị là Bồ Tát thuộc địa nào? Bát Địa Bồ Tát gọi là Bất Động Địa, cho nên ngàn vạn phần chẳng bị người khác lừa

dối. Thầy tôi Chương Gia Đại Sư rất tốt! Tôi theo Ngài học ba năm, Ngài chẳng truyền Mật giáo cho tôi vì tôi chẳng có tư cách. Tôi là kẻ mới bắt đầu học. Ngài dạy tôi những gì? Ngài dạy tôi lấy Giới Luật làm nền tảng, Mật pháp kiến lập trên nền tảng Hiền Giáo. Hiền Giáo kiến lập trên nền tảng Giới Luật. Bởi thế, Ngài là một vị thầy giỏi thật sự, Ngài dạy cho tôi cơ sở. Hiện tại những kẻ vô trí bị lừa dối, bị mê hoặc có nhiều hay chẳng? Vì thế, đoạn kinh văn này đặt ở đây thật là hay. Di Lạc Bồ Tát nêu vấn đề rồi, quý vị hãy xem tiếp đức Thế Tôn dạy chúng ta như thế nào.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát ngôn:

- Di Lạc! Ngã kim vấn nhữ, tùy nhữ ý đáp.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát rằng:

- Nay Di Lạc! Ta nay hỏi ông, ông tùy ý đáp).

Phật hỏi ngược lại Di Lạc Bồ Tát, bảo rằng: “Ông cứ tùy ý mà trả lời”.

Chánh kinh:

Nhược hữu thuyết ngôn: Bồ Tát vị dục viên mãn thành tựu Bồ Đề phần cố, nhiếp thủ sanh tử, hựu phục thuyết ngôn: Dĩ chư phiền não vi lợi ích sự.

(Nếu có nói rằng: Bồ Tát vì muốn viên mãn thành tựu Bồ Đề phần nên nhiếp thủ sanh tử, lại có nói rằng: Lấy phiền não làm sự lợi ích).

Trong Phật pháp xác thực là có dạy như vậy, nhưng câu tiếp theo đây mới là trọng yếu.

Chánh kinh:

Như thị thuyết giả, vi dữ lợi ích tương ưng? Phi lợi ích tương ưng? Vi dữ pháp tương ưng? Phi pháp tương ưng?

(Nói như vậy là tương ứng với lợi ích hay chẳng tương ứng với lợi ích? Là tương ứng với pháp hay chẳng tương ứng với pháp?)

Hai câu hỏi này của đức Phật rất hay. Hai câu hỏi ấy như sau:

- Tương ứng với lợi ích hay không?

- Tương ứng với pháp hay không?

Nếu tương ứng thì là Phật nói, nếu không tương ứng, chẳng phải là đức Phật nói.

Chánh kinh:

Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Nhược chánh thuyết giả, tắc dữ nghĩa lợi tương ưng.

(Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Nếu là chánh thuyết thì sẽ tương ứng với nghĩa lợi)

Tức là tương ứng với lợi ích. “Nghĩa lợi” là lợi ích chánh đáng. Tương ứng với pháp thì có thể khiến cho pháp Bồ Đề phân được viên mãn. Đừng làm điều này! Đó là Pháp Thân đại sĩ đấy! Nói với họ như vậy thì là chánh thuyết.

Chánh kinh:

Phật ngôn: “Di Lạc! Nhược thuyết Bồ Tát vị dục viên mãn Bồ Đề phần, cố nhiếp thủ sanh tử”.

(Phật nói: “Này Di Lạc! Nếu nói Bồ Tát vì muốn viên mãn Bồ Đề phần mà nhiếp thủ sanh tử”)

Như trong kinh Địa Tạng, Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục*”. Địa Tạng Bồ Tát làm được! Ta nghe nói vậy cũng phát khởi tâm đại từ đại bi, theo gót Địa Tạng Bồ Tát vào địa ngục là xong rồi, hoàn toàn làm mất rồi! Vì thế, đó đều là những việc thuộc quả địa của chư Phật Như Lai, phàm phu chúng ta chẳng có năng lực ấy.

Chánh kinh:

Thuyết chư phiền não năng vi Bồ Tát lợi ích chi sự, như thị biện tài, chư Phật Như Lai chi sở tuyên thuyết. Hà dĩ cố? Di Lạc! Thử chư Bồ Tát đắc pháp tự tại.

(Nói các phiền não có thể làm thành sự lợi ích cho Bồ Tát, biện tài như vậy được chư Phật Như Lai tuyên nói. Vì sao thế? Này Di Lạc! Các Bồ Tát ấy được tự tại nơi pháp).

Quý vị xem: Phật nói những pháp ấy là nói với những vị Bồ Tát được tự tại nơi pháp. Nếu ai đối với pháp vẫn chẳng được tự tại thì Phật quyết định chẳng nói những pháp ấy. Những Bồ Tát nào được tự tại nơi pháp? Là Pháp Thân đại sĩ, cũng chính là người nhập Bất Nhị pháp môn. Những vị này, mức độ thấp nhất là đã phá được một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Những điều đức Phật dạy họ chẳng giống với những điều Phật dạy cho hạng sơ học chúng ta. Quý vị xem nhé:

Chánh kinh:

Sở khởi phiền não, vô hữu quá thất.

(Khởi lên phiền não, chẳng có làm lỗi)

Các vị ấy hiển hiện phiền não, nhưng phiền não ấy chẳng có làm lỗi, là vì sao? Tâm các Ngài thanh tịnh, tâm rất tự tại! Nói cách khác, đối với các vị Pháp Thân đại sĩ ấy, phiền não tức Bồ Đề, các vị dùng phiền não làm phương cách độ sanh. Chúng ta xem trong kinh Hoa Nghiêm, phần năm mươi ba lần tham học, thấy Cam Lộ Hòa Vương dùng nóng giận để độ chúng sanh; nóng giận là đại phiền não đây nhé! Ngài hiện vẻ nóng giận, nhưng tâm Ngài thanh lương tự tại, một phiến từ bi. Điều này chúng ta rất khó lý giải nổi!

Quý vị nghĩ xem: Cha mẹ giáo huấn con cái mình, có lúc đánh, có lúc chửi, có lúc mặt mũi rất khó coi, là vì sao? Là vì yêu thương, che chở con mình đây chứ! Là để dạy con thành người đây chứ! Chửi nào phải là giận dữ thật sự đâu! Cha mẹ dùng phương cách ấy đối với con cái mình, sao không dùng phương cách ấy đối với con cái người khác? Là vì yêu thương, gìn giữ vậy! Con cái người khác chẳng ăn nhập gì đến mình, cho nên thường tươi cười đó mà! Quý vị đối chiếu những điều được nói trong đoạn kinh này với kinh Hoa Nghiêm, thấy rất thú vị! Bởi lẽ đó, các Ngài khởi lên phiền não, nhưng không có làm lỗi!

Chánh kinh:

Thị vi Bồ Tát thiện xảo phương tiện, phi chư Thanh Văn, Duyên Giác cảnh giới.

(Đấy là phương tiện hay khéo của Bồ Tát, chẳng phải là cảnh giới của Thanh Văn, Duyên Giác).

Chẳng phải là cảnh giới của Thanh Văn, A La Hán, Bích Chi Phật, các vị ấy chẳng làm được! Các vị ấy còn chẳng làm được, phàm phu chúng ta làm sao nổi? Nhất định phải biết điều này. Chúng ta phải biết, phải hiểu rõ Phật pháp ở mức độ cao, nhưng quyết định chẳng học đòi các Ngài ấy được, đó chẳng phải là cảnh giới ta làm được!

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược hữu phiền não, bất năng vị tha tác lợi ích sự, diệc bất năng viên mãn Bồ Đề phân pháp, nhi phát khởi giả, bất dữ nghĩa lợi tương ưng, bất dữ pháp tương ưng, đản vi hạ liệt thiện căn nhân giả, Bồ Tát w trung ninh xả thân mạng, diệc bất tùy bỉ phiền não nhi hành.

(Này Di Lạc! Nếu có phiền não, chẳng thể vì người khác làm điều lợi ích, cũng chẳng thể viên mãn pháp Bồ Đề phân, mà phát khởi, chẳng tương ứng với nghĩa lợi, chẳng tương ứng với pháp, chỉ làm thành nhân thiện căn hèn kém, thì Bồ Tát thà xả thân mạng chứ chẳng hành theo những phiền não đó).

Đoạn khai thị này khẩn yếu phi thường. Nếu bây giờ có ai nói với ta những điều [chẳng tương ứng với lợi ích, chẳng tương ứng với pháp] như thế đó, ta chẳng được tùy thuận theo. Nếu quý vị tùy thuận theo lời ấy, nói cách khác là quý vị tùy thuận làm ác, quý vị sẽ đọa tam đồ đây! Nếu là bất đắc dĩ, trong tâm mình phải minh bạch, phải chân chánh sám hối, thiện thì ta tùy thuận theo, ác bèn chẳng tùy thuận. Lúc quý vị tùy thuận, bèn là “*chẳng làm thành nhân duyên thiện căn hèn kém*”, “*hạ liệt*” (hèn kém) là tam đồ ác đạo! Một đệ tử Phật chân chánh, một Bồ Tát chân chánh tu hành bèn thà xả thân mạng, chứ chẳng thể tùy thuận phiền não mà hành!

Chánh kinh:

Hà dĩ có? Di Lạc! Hữu dị Bồ Tát đắc trí lực cố, u chư phiền não hiện hữu phan duyên.

(Vì sao thế? Này Di Lạc! Có Bồ Tát khác do đắc trí lực nên đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm).

Đây là nói các Pháp Thân đại sĩ, các Ngài thị hiện. Các vị “*Bồ Tát khác*” ấy là những vị Bồ Tát tâm đã thanh tịnh, giống như trong kinh Vô Lượng Thọ nói là “*thanh tịnh bình đẳng giác*”, tâm các Ngài thật sự đạt được tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, trong hết thấy cảnh duyên chỉ giác chứ không mê. Các vị Bồ Tát ấy có trí huệ, trí huệ Bát Nhã hiện tiền. “*Đối với các phiền não bèn hiện có vin nắm*” là vì lợi ích chúng sanh, các Ngài bèn dùng những thủ đoạn, cho nên chẳng có lỗi làm gì! Các Ngài làm được, ta không làm được đâu!

Trong lịch sử, cũng như trong phim ảnh hiện tại, các vị đã từng xem truyện Tế Công, Tế Công ưa uống rượu, Ngài có vì rượu mà làm bậy hay không? Ngài có uống đến say khướt hay chẳng? Chẳng hề có! Cận đại, chúng ta biết đến vị Phật sống chùa Kim Sơn: Năm Dân Quốc thứ nhất (1911), Diệu Thiện pháp sư ở chùa Kim Sơn, Trấn Giang, tỉnh Giang Tô, hành vi cũng chẳng khác Tế Công mấy tí, chẳng khác gì nhau, cũng lời thôi nhếch nhác. Ngài ăn uống, sanh hoạt đi đứng vô cùng tùy tiện, chẳng có chút câu thúc nào, nhưng người học Phật chúng ta chẳng học theo được. Quý vị xem Ngài ăn cơm, ăn hai, ba mươi chén không hề chi, mấy ngày chẳng ăn cơm cũng chẳng việc gì. Tại Đài Loan có một vị pháp sư theo dõi Ngài rất kỹ, theo dõi những việc Ngài đã làm, đó là pháp sư Lạc Quán. Sư viết thành cuốn sách Kim Sơn Hoạt Phật Truyện Ký. Có bữa Ngài ép pháp sư Lạc Quán ăn cơm, cứ từng chén, từng chén ép ăn, pháp sư Lạc Quán vô tình ăn hết mười chén cơm, đó là do sức gia trì của Ngài vậy.

Pháp sư Lạc Quán từng hỏi Ngài: “*Ăn nhiều vậy sao chẳng bị no căng bụng?*” Ngài đáp: “*Ông chưa nghe nói trong Phật pháp chẳng tăng chẳng giảm ư?*” Bất tăng bất giảm là chuyện của người ta, ta chẳng học được, ta bắt chước Ngài chắc chắn sẽ sanh bệnh. Ngài làm được chuyện chẳng tăng chẳng giảm: ăn nhiều vẫn chẳng tăng, không ăn vẫn chẳng giảm. Ngài có năng lực ấy, những người tầm thường chúng ta chẳng học đòi được đâu! Câu tiếp theo là:

Chánh kinh:

Hữu dị Bồ Tát, vô trí lực cố.

(Có Bồ Tát khác, vì không trí lực)

Không có trí huệ, không có thần thông đạo lực, đây cũng là nói có một hạng Bồ Tát có vọng tưởng, phân biệt, chấp trước.

Chánh kinh:

Ư chư phiền não, tăng thượng chấp trước.

(Với các phiền não, chấp trước tăng mạnh mẽ thêm).

Lúc quý vị muốn học theo như thế, phiền não sẽ càng tăng thêm. Điều khai thị trong đoạn này cực trọng yếu, trong xã hội hiện tại của chúng ta, ở bất cứ địa phương nào cũng đều thấy có hiện tượng này. Chính mình phải minh bạch, phải hiểu rõ ràng.

(1) Từ tâm: ý nói tâm chuyên dốc vào một việc niệm Phật, dứt bật mọi ý niệm vọng cầu khác, giống như cội lòng đã chết, đã nguội lạnh đối với những gì phù phiếm, viển vông.

(2) Đây là một thành ngữ hàm nghĩa chỉ nêu những điểm chính, như người học võ giao đấu để ẩn chứng trình độ, không quyết chí sát phạt. Ở đây, Hòa Thượng chỉ gợi ý những điểm chính để thính chúng tự lãnh hội, không thể nói huych toẹt ra hết, kéo dụn chạm.

Lược Giảng kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, phần 3

7. Tương trạng bất đồng giữa huệ hạnh Bồ Tát và sơ nghiệp Bồ Tát

Đoạn dưới đây thuyết minh Pháp Thân đại sĩ và sơ học Bồ Tát chẳng giống nhau.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như ngã giải Phật sở thuyết nghĩa, nhược chư Bồ Tát u hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung.

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Như con hiểu nghĩa đức Phật đã nói, nếu các Bồ Tát vào đời mạt sau, trong năm trăm năm)

Đây là nói về những người học Phật chúng ta trong hiện tại, chẳng luận là xuất gia hay tại gia.

Chánh kinh:

Nhạo dục ly chư nghiệp chướng triền phược.

(Thích được lìa các nghiệp chướng triền buộc)

Tiếp theo đây nói đến năm sự việc, điều thứ nhất là “hy vọng”. Chữ “*nhạo*” là yêu thích, là hy vọng. Chúng ta hy vọng thoát khỏi nghiệp chướng ràng buộc.

Chánh kinh:

Tự vô tổn hại, nhi đắc giải thoát.

(tự chẳng tổn hại mà được giải thoát)

Có thể trong quá trình tu học của một đời này, chẳng bị tổn hại mà giải trừ được phiền não, thoát ly sanh tử luân hồi.

Chánh kinh:

Thị nhân đương w Bồ Tát hạnh trung thâm sanh tín giải.

(người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát)

Nếu như trong một đời này, quý vị mong đạt được hai mục tiêu; hai mục tiêu ấy thuần chánh phi thường. Nói theo cách bây giờ, mục tiêu thứ nhất là tiêu nghiệp chướng. Tôi nói “tiêu nghiệp chướng”, ai nấy đều hiểu, còn kinh nói là “*thích được lìa các nghiệp chướng triền buộc*”. Mục tiêu thứ hai là liễu thoát sanh tử luân hồi. Nếu như quý vị học Phật, lấy điều này làm mục tiêu thì trong phần sau, Bồ Tát sẽ giảng phải dùng tâm tư, thái độ như thế nào để tu hành. “*Người ấy nên sanh tâm tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát*”: kinh này giảng về hạnh Bồ Tát. Đối với những điều được giảng trong kinh này, quý vị phải sanh tâm tin hiểu sâu xa, phải tin tưởng, phải hiểu rõ nhé! Điều thứ nhất Phật dạy chúng ta trong kinh này là “*chẳng tìm lỗi người khác, chẳng nêu lỗi người khác*”; ở đây, Di Lạc Bồ Tát cũng nhắc lại:

Chánh kinh:

U tha quá thât, bất sanh phân biệt.

(Đối với lầm lỗi của người khác, chẳng sanh phân biệt)

Quý vị nói học Phật phải bắt đầu từ đâu?

Phải bắt đầu từ chỗ này. Chẳng vạch tìm lỗi người khác, chẳng muốn thấy lỗi người khác, chẳng muốn kể lỗi người khác, cứ bắt đầu từ đây! Ý nghĩa câu nói này nghĩ ra rất sâu xa. Là vì căn bệnh lớn nhất của con người hiện thời là nói đến lầm lỗi của người khác: nhà họ Trương giỏi, nhà họ Lý dở. Chẳng chạm mặt nhau thì thôi, hễ chạm mặt nhau toàn là kể xấu người khác, chớ hề kể tội chính mình. Quý vị thấy đó: Phật đem việc này đặt làm điều đầu tiên nhằm để trị căn bệnh nặng của quý vị đây. Nếu chẳng áp dụng cho khéo cách trị bệnh này, bệnh ấy hết cách cứu!

Vì thế bây giờ quý vị phải hiểu cho rõ: học Phật phải bắt đầu từ đâu? Chẳng nói đến lỗi người khác, phải bắt đầu từ đó. Căn bệnh tập khí này rất nặng, ngày ngày chú ý dò lỗi người khác, đó là tâm gì vậy? Tâm quý vị làm sao thanh tịnh cho được? Tâm chẳng thanh tịnh, niệm Phật chẳng thể vãng sanh. Bởi vậy, điều đó chính là căn bệnh lớn đây! Chúng ta đều coi thường, đều chẳng chú ý đến sự việc này. Hôm nay đọc đến bộ kinh này, suy nghĩ kỹ mới thấy có lý lắm chứ! Lại nhớ Lục Tổ từng nói: “*Nếu ai chân thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*” mới thấy câu ấy hoàn toàn tương ứng với điều Phật giảng ở đây.

Chánh kinh:

Chí cầu Như Lai chân thật công đức.

(Chí cầu công đức chân thật của Như Lai)

Mục tiêu của bản thân chúng ta là gì? Là cầu công đức chân thật của Như Lai. Như Lai là ai? Là Chân Như bản tánh. Kinh Kim Cang giảng rất rõ ràng: Phạm nói đến “Như Lai” là từ tự tánh mà nói, còn nói “chư Phật” là từ hình tướng mà nói. Bởi vậy, chẳng nói là chí cầu công đức chân thật của chư Phật! Nếu nói “chư Phật” là nói đến bề ngoài, nói từ mặt Tướng; nói “Như Lai” là nói từ mặt Tánh; từ công đức chân thật của tâm tánh, tự tánh. Điều khai thị này rất trọng yếu vậy!

Chánh kinh:

Phật ngôn: “Như thị, như thị”.

(Phật nói: “Đúng như vậy, đúng như vậy”)

Di Lạc Bồ Tát thuyết pháp như thế, đức Thế Tôn ấn chứng cho Ngài, ấn chứng [điều Bồ Tát nói giống như] là Phật nói. Phật bảo những điều Bồ Tát Di Lạc nói hoàn toàn chính xác.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị cố đương w chư Bồ Tát đẳng phương tiện hạnh trung, thâm sanh tín giải.

(Này Di Lạc! Vì thế phải nên sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với các hạnh phương tiện của hàng Bồ Tát).

Phật ấn chứng cho Bồ Tát rồi, lại đặc biệt nhấn mạnh một điều: phải sanh lòng tin hiểu sâu xa đối với hạnh Bồ Tát. Phần trên, Di Lạc Bồ Tát đã nói [điều này rồi], ở đây, đức Thế Tôn lại nhắc lại để chúng ta đoạn nghi sanh tín.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Huệ hạnh Bồ Tát phương tiện chi hạnh, nan tín giải cố.

(Vì sao vậy? Vì khó tin hiểu nổi hạnh phương tiện của huệ hạnh Bồ Tát)

“Huệ hạnh” là Pháp Thân đại sĩ. Đối với họ, đức Phật nói “*phiền não tức Bồ Đề, sanh tử tức Niết Bàn*”, chứ chẳng nói với ai khác. Hạnh phương tiện của họ rất sâu, ý nghĩa rất sâu, Thanh Văn, Duyên Giác, phàm phu đều chẳng thể lý giải được nổi. Chúng ta thấy đó: kinh này thường giảng những điều chẳng thể nghĩ bàn, hạnh của bọn họ thật chẳng thể nghĩ bàn.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thí như Tu Đà Hoàn nhân thị phạm phàm phu hạnh.

(Này Di Lạc! Ví như bậc Tu Đà Hoàn thị hiện hạnh phàm phu)

Phật nêu một thí dụ: lấy địa vị tu hành chứng quả thấp nhất (Tu Đà Hoàn) để minh thị họ chẳng giống với chúng ta. Tu Đà Hoàn thị hiện làm phàm phu, giả vờ làm phàm phu, chứ họ chẳng phải thật sự là phàm phu đâu!

Chánh kinh:

Như thị phạm phàm dữ Tu Đà Hoàn vị các sai biệt.

(Phàm phu như thế so với Tu Đà Hoàn địa vị sai biệt).

Nếu thật sự đem phàm phu độ với Tu Đà Hoàn thì sai biệt rất lớn.

Chánh kinh:

Phàm phu ngu nhân dĩ tham, sân, si chi sở triền cố, đọa chư ác đạo.

(Kẻ phàm phu ngu muội bị tham, sân, si trói buộc nên đọa vào các ác đạo)

Kẻ phàm phu ấy cả ngày từ sáng đến tối khởi tâm động niệm: tham, sân, si, mạn; học Phật cũng là tham, sân, si, mạn; thậm chí xuất gia vẫn cứ tham, sân, si, mạn; giảng kinh thuyết pháp cũng là tham, sân, si, mạn. Phần trước chẳng đã nói qua rồi đó sao? Cúng dường, cung kính nhiều thì tiếng giảng sang sáng; cúng dường ít thì chẳng muốn giảng nữa, chỉ gấp rút muốn đi. Toàn là gây tạo tham, sân, si, mạn thôi! Tương lai sẽ đi về đâu? Đọa trong các ác đạo! Đó là phàm phu đấy!

Chánh kinh:

Nhi Tu Đà Hoàn u tham, sân, si, thiện năng liễu đạt; chung bất đọa lạc tam ác đạo nhĩ!

(Nhưng Tu Đà Hoàn đối với tham, sân, si khéo có thể liễu đạt, rốt cuộc chẳng bị đọa lạc trong ba ác đạo)

Mình làm sao sánh với các bậc thượng nhân ấy được! Tiểu Thừa Sơ Quả chưa đoạn tham, sân, si. Phật đã giảng rất rõ ràng: Tiểu Thừa Tu Đà Hoàn đã đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc trong tam giới, nhưng tám mươi một phẩm Tư Hoặc hoàn toàn chưa đoạn, họ vẫn có đủ tham, sân, si. Nhưng dù có đủ tham, sân, si, họ đã liễu đạt, đã hiểu rõ; cho nên dù có ý niệm tham, sân, si, họ cũng chẳng bị đọa trong tam ác đạo. Bản lãnh của họ là đây! Chúng ta đối với tham, sân, si, mạn mê hoặc chẳng giác, họ đối với tham, sân, si là giác chẳng mê. Do giác chẳng mê nên bèn có năng lực chẳng đọa tam ác đạo. Nếu một thí dụ rõ ràng như thế. Phàm phu còn không hơn nổi Tu Đà Hoàn, huống hồ là huệ hạnh Bồ Tát! Huệ hạnh là Pháp Thân đại sĩ đấy!

Chánh kinh:

Di Lạc! Huệ hạnh Bồ Tát diệt phục như thị, u tham, sân, si tập khí vị đoạn.

(Này Di Lạc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Chưa đoạn tập khí tham, sân, si)

Huệ hạnh Bồ Tát phá một phẩm vô minh, chứng một phần Pháp Thân, đã đoạn tham, sân, si; xác thực là chẳng còn [tham, sân, si], đã đoạn phiền não Kiến - Tư, đã đoạn Trần Sa - Vô Minh. Dù đã đoạn, họ vẫn còn có chút tập khí chưa đoạn. Điều này chẳng trở ngại chi. Chữ “*tập khí*” chẳng dễ hiểu chi lắm, cổ nhân có nêu thí dụ sau đây cho chúng ta dễ hiểu: Ví như cái bình đựng rượu, rượu đã cạn sạch sành sanh, một giọt cũng chẳng còn, mặt trong bình đã được chùi sạch bóng, đích thực chẳng có gì hết, vẫn nghe thoảng chút mùi rượu. Đó gọi là “*tập khí*”. Trong thực tế, huệ hạnh Bồ Tát thật sự đã đoạn sạch rồi, xác thực là chẳng còn có [tham, sân, si], nhưng vẫn còn có chút tập khí.

Chánh kinh:

Bỉ diệc biệt dư sơ nghiệp Bồ Tát.

(họ cũng khác với các sơ nghiệp Bồ Tát khác)

Họ cũng chẳng giống với các sơ nghiệp Bồ Tát.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Kỳ tâm bất vị phiền não sở phú, bất đồng sơ nghiệp chư Bồ Tát đẳng, độn hạnh Bồ Tát vô hữu thiện xảo, đồng chư phàm phu bất năng xuất ly.

(Vì sao vậy? Tâm họ chẳng bị phiền não che lấp, chẳng giống như những hàng sơ nghiệp Bồ Tát, độn hạnh Bồ Tát chẳng có thiện xảo, giống như phàm phu chẳng thể xuất ly).

Huệ hạnh Bồ Tát tập khí chưa đoạn, nhưng đã thật sự đoạn sạch phiền não rồi, xác thực chẳng có phiền não. Các ngài chẳng giống sơ nghiệp Bồ Tát. Chữ “*biệt*” ở đây nghĩa là sai biệt, chẳng tương đồng. Vì sao? “*Tâm họ chẳng bị phiền não che lấp*”. “Phú” là chướng ngại. Phiền não chẳng còn gây trở ngại cho họ được nữa, bởi thế họ khác với sơ nghiệp Bồ Tát.

“*Độn hạnh Bồ Tát*” là Bồ Tát độn căn, tức là hàng Bồ Tát không có trí huệ như kinh đã nói. Sơ học Bồ Tát và Bồ Tát không có trí huệ giống hết như phàm phu. “*Không có thiện xảo, giống như phàm phu chẳng thể xuất ly*”: Chẳng thể lìa khỏi lục đạo, chẳng thể giải thoát tam giới.

Chánh kinh:

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát nhất thiết trọng tội.

(Này Di Lặc! Hết thảy trọng tội của huệ hạnh Bồ Tát)

Những “trọng tội” ấy do tập khí biến hiện. Giống như trong phần năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm, chúng ta thấy có những vị huệ hạnh Bồ Tát: Bà-la-môn Thắng Nhiệt ngu si, Cam Lộ Hỏa Vương nóng giận, cô gái Mật Tô Phiệt Đa tham ái. Ba vị ấy đại biểu ba độc tham - sân - si. Đây là hết thấy trọng tội.

Chánh kinh:

Dĩ trí huệ lực tất năng tội diệt, diệt bất nhân bỉ, đọa ư ác đạo.

(Do sức trí huệ đều có thể dẹp tan, cũng chẳng vì đó mà đọa ác đạo)

Sức trí huệ ấy là do quán hạnh tương ứng nên hiện ra vẻ tạo tác ác nghiệp như thế, chứ cõi lòng thanh tịnh, mây trần chẳng nhiễm. Đối với hết thấy chúng sanh thật sự đại từ đại bi, chỉ là dùng thủ đoạn ấy để giáo hóa chúng sanh mà thôi. Vì thế, họ chẳng bị đọa ác đạo! Họ thường trụ trong Nhất Chân pháp giới, chẳng những không thuộc trong sáu đường, mà cũng chẳng thuộc trong mười pháp giới. Điều này chúng ta phải hiểu rõ, phải nhận thức rõ, nếu hiểu lầm điều này là sai mất rồi. Hiểu được thân phận, năng lực của chính mình thì đối với những vị ấy, chúng ta chỉ biết kính ngưỡng, chứ tuyệt đối chẳng học theo, học theo là hỏng đấy!

Chánh kinh:

Di Lặc! Thí như hữu nhân ư đại hỏa tụ, dầu dĩ tân mộc, sở sở thêm chi. Như thị thêm dĩ, kỳ diệm chuyển xí, di cánh tăng minh, vô hữu tận diệt.

(Này Di Lặc! Ví như có người đốt với đống lửa lớn, bỏ thêm củi mới, thêm củi nhiều lượt. Thêm củi như thế, ngọn lửa càng cháy mạnh hơn, càng sáng thêm hơn, chẳng bị tắt mất).

Ở đây, đức Phật nêu một tỷ dụ: Ví như có người đốt một chậu lửa, chẳng ngừng thêm củi vào. Bởi đó, lửa càng cháy càng mạnh thêm lên, ánh lửa càng lúc càng sáng rực hơn. Đây chính là phiền não tức Bồ Đề. Phiền não là củi, là củi khô nỏ, bỏ vào trong lửa càng làm cho ánh sáng tỏa bùng. Ý nghĩa đoạn này như thế đấy.

Chánh kinh:

Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát diệt phục như thị, dĩ trí huệ hỏa thiêu phiền não tân.

(Này Di Lặc! Huệ hạnh Bồ Tát cũng giống như thế: Dùng lửa trí huệ đốt củi phiền não)

Ánh lửa tượng trưng trí huệ. Càng thêm củi vào, củi tức là phiền não, càng gieo phiền não vào thì trí huệ của họ càng lớn. Bởi thế, phiền não chính là Bồ Đề.

Chánh kinh:

Như thị thêm dĩ, trí huệ chi hỏa chuyển cánh tăng minh, vô hữu diệt tận. Di Lạc! Như thị, như thị. Huệ hạnh Bồ Tát trí huệ chi lực, thiện xảo phương tiện nan khả liễu tri.

(Thêm vào như vậy, lửa trí huệ hóa ra càng sáng thêm, chẳng bị tắt mát. Này Di Lạc! Đúng như vậy đấy, đúng như vậy đấy. Chẳng thể hiểu trọn sức trí huệ, phương tiện thiện xảo của tuệ hạnh Bồ Tát)

Người bình thường chẳng thể biết nỗi điều này đâu nhé! Cảnh giới của các Ngài rất cao, các Ngài sở chứng rất sâu. Bởi thế, đối với các Ngài, phiền não càng giúp tăng trưởng trí huệ, còn đối với chúng ta, phiền não giúp ta đọa tam đồ, phải cảm lấy khổ báo, hoàn toàn chẳng tương đồng!

8. Sơ nghiệp Bồ Tát phải nên quan sát những điều tai hại của lợi dưỡng, ôn náo, ngôn luận thế gian, sự vụ

Xem tiếp kinh văn, chúng ta sẽ thấy trong đoạn kinh tiếp theo đây, đức Phật đặc biệt giáo huấn chúng ta: hàng sơ học Bồ Tát phải hiểu rõ những tai hại của danh văn, lợi dưỡng. Bởi lẽ, trong thời đại hiện tại, chẳng luận là xuất gia hay tại gia, phát tâm hành Bồ Tát đạo, cứ hễ làm công tác hoằng pháp lợi sanh thì danh văn, lợi dưỡng sẽ hiện hữu rất nhanh. Nếu quý vị chẳng biết lợi hại, cứ để nó lôi mình theo mãi thì thật đáng tiếc quá! Bởi thế, trong đoạn kinh này, đức Phật đặc biệt nêu lời cảnh tỉnh. Xin hãy xem kinh văn:

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, đương xả hà pháp? Đương tu hà pháp? Vị sanh huệ lực năng linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát Ma Ha Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn đắc thì nên bỏ những pháp nào? Nên tu những pháp nào để huệ lực chưa sanh sẽ sanh ra, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng?)

Lời Bồ Tát hỏi chính là những điều tâm ta mong cầu. “Sơ nghiệp Bồ Tát” chính là sơ học Bồ Tát đã xuất gia rồi. Ý nghĩa chữ “xuất gia” này rất rộng, nào phải là cạo đầu, mặc áo rộng tay thụng mới là người xuất gia. Người như thế chưa chắc đã là xuất gia! Ở đây, xuất gia là thật sự đã đem những phiền não, tham ái trong tâm bỏ đi rồi thì mới gọi là “xuất gia”: ra khỏi nhà phiền não, ra khỏi nhà sanh tử. Sáu nẻo luân hồi là nhà, vượt thoát khỏi sáu nẻo luân hồi là “xuất gia”. Chẳng thể thoát khỏi sáu nẻo luân hồi thì quý vị vẫn cứ là tại gia vậy!

Lục đạo luân hồi được tạo thành như thế nào? Do phiền não tạo thành. Bởi thế, nếu trong tâm có thị - phi, ta - người, có tham, sân, si, mạn thì quý vị chưa xuất gia. Nếu trong tâm đã bỏ được thị - phi, ta - người, chẳng còn có tham, sân, si, mạn thì quý vị là xuất gia. Người mới xuất gia đó trí huệ chưa mở, hy vọng mở mang trí huệ.

Cho nên “*đương xả hà pháp, đương tu hà pháp*”: Chúng ta nên bỏ những điều gì, nên tu những điều gì ngõ hầu “*huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh*”, trí huệ đã sanh sẽ tăng trưởng thêm, chẳng bị lui sụt. Di Lạc Bồ Tát hỏi điều này chính là điều tâm chúng ta mong mỏi. Tiếp theo đây, đức Phật khai thị, chúng ta hãy nên chú ý.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, dục linh huệ lực nhi đắc tăng trưởng, đương u lợi dưỡng tri kỳ quá thất, ưng tu xả ly.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- Này Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, muốn khiến cho huệ lực được tăng trưởng thì hãy nên biết lỗi lầm của lợi dưỡng, phải nên liả bỏ nó).

Đây là câu đáp lời hỏi Bồ Tát nên xả những pháp nào. Ở đây, đức Phật dạy rõ rằng: Phải bỏ danh văn, lợi dưỡng. Muốn bỏ được danh văn, lợi dưỡng thì trước hết phải hiểu được những lỗi lầm của danh văn, lợi dưỡng. Nếu quý vị đã biết những tai hại của chúng, tự nhiên quý vị sẽ bỏ được.

Chánh kinh:

Nhược háo hội náo, thế tục ngôn thoại, đam trước thùy miên, quảng doanh chúng vụ, nhạo chư hý luận, như thị quá thất giai ưng viễn ly.

(Nếu ưa thích náo nhiệt, ngôn luận thế tục, ham mê ngủ nghỉ, làm đủ mọi việc, thích các lời giỡn cợt; những lầm lỗi như thế đều phải nên xa liả).

Tiếp theo, lại đặc biệt thêm một câu.

Chánh kinh:

Thị cố, ưng xả lợi dưỡng.

(Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng).

Quý vị xem đó: Trong đoạn này, đức Phật hai lần nhắc đến lợi dưỡng, đủ thấy cội rễ lầm lỗi nằm tại lợi dưỡng. Nếu chẳng tham lợi dưỡng sẽ dễ dàng bỏ được những sai trái khác. Tham chấp lợi dưỡng thì những lỗi lầm khác cũng chẳng dễ bỏ được. Những lỗi lầm được nói trong phần này chính là những vấn đề chuyên luận

trong quyền này (quyền hạ). “*Hội não*” tức là não nhiệt, nơi chốn não nhiệt không có mây may lợi ích gì. “*Thế tục ngôn thoại*”: Chữ “ngôn thoại” bây giờ gọi là “ngôn luận”, những ngôn luận đó chẳng giúp ích gì cho việc liễu sanh thoát tử, xuất tam giới. Bởi phạm vi của “ngôn luận thế tục” rộng lớn phi thường, có thể nói là ngoại trừ Phật pháp ra, tất cả đều là “ngôn luận thế tục” vì quý vị chưa lìa khỏi tam giới, chưa lìa khỏi lục đạo mà!

“*Đam trước thù miên*” là tham ngủ đấy! “*Quảng doanh chúng vụ*”: Doanh là kinh doanh, “vụ” là sự vụ. “Quảng” là nhiều, một ngày từ sáng đến tối luôn lo liệu. “Chúng” cũng là nhiều. Lo toan bao nhiêu là sự việc chẳng dính dáng gì đến đạo nghiệp. “*Nhạo chư hý luận*”: ưa thích nói giỡn. Những điều ấy đều là lỗi lầm, lỗi lầm rất lớn đấy! Ở đây, Phật dạy chúng ta “*đều phải nên xa lìa*”, chẳng được tham chấp. Phải xa lìa, tránh xa. Trong đó, trọng yếu nhất là lợi dưỡng: “*Vì thế, phải bỏ lợi dưỡng*”. Đây là nói đến những pháp quý vị nên bỏ, những gì quý vị phải rời xa. Tiếp theo đây là những gì nên tu, nên tu những pháp nào? Xin thưa cùng quý vị, những điều được tu sẽ tương phản với những điều trên, đây là những gì quý vị cần phải tu.

Chánh kinh:

Tu u thiếu dục.

(Tu nơi thiếu dục).

Đối với người chân chánh tu hành, chân chánh mong trong một đời này vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới thì điều kiện thứ nhất là Thiếu Dục.

Dục là dục vọng, [thiếu dục] là phải giảm thiểu dục vọng! Giảm thiểu đến mức độ nào? Mỗi ngày chúng ta ăn ba bữa đủ no, có được một bộ quần mặc đủ ấm, có một gian nhà nhỏ để đụt nắng che mưa là đủ, là yên tâm rồi. Tâm có yên mới hành được đạo, nói cách khác là quý vị mới đạt được tâm thanh tịnh. Chẳng cần phải so sánh với người khác, thiên hạ ở căn nhà to, ra khỏi cửa đi những hiệu xe sang trọng, chẳng cần thấy những điều đó, chẳng cần phải chạy đua theo người khác. Những thứ đó là gì thế? Quý vị chẳng cần biết xe người ta rất đẹp để làm chi, những thứ đó dẫn về đâu? Dẫn đến đường địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh đấy! Lúc quý vị thấy rõ rồi sẽ chẳng ưa thích nữa, đừng có thấy mình không có xe phải đi bộ đó nghe!

Chúng ta tiến về Tây Phương Cực Lạc thế giới, chẳng giống như họ đâu! Phương hướng, mục tiêu bất đồng, nhất định phải thấy rõ ràng. Bọn họ ngày ngày khiến tham, sân, si, phiền não tăng trưởng, còn chúng ta phải khiến trí huệ tăng trưởng, tâm mỗi ngày một thanh tịnh hơn. Phải biết thiếu dục, phải biết tri túc; thiếu dục tri túc là căn bản để chúng ta tu hành.

Chánh kinh:

Xả chư hội não

(Bỏ các chỗ não nhiệt).

Phải rời lìa những chỗ não nhiệt.

Chánh kinh:

Nhạo w tịch tĩnh

(Thích chón tịch tĩnh)

Tâm ai định, kẻ ấy sẽ ở trong hoàn cảnh an tịnh rất tự tại. Nói theo cách bây giờ là “cam chịu tịch mịch”, đó là công phu đấy nhé! Có một số người chẳng chịu nổi cảnh tịch mịch, cứ thích nhiệt náo, không chịu nổi một ngày không nhiệt náo, cứ ưa phiền não thôi!

Chánh kinh:

Xã chư thể thoại, quán w thật nghĩa.

(Bỏ các lời thể tục, quán sát thật nghĩa)

“*Thật nghĩa*” là gì? Là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Quý vị phải dùng trí huệ để quan sát chân tướng của nhân sanh vũ trụ đấy! Chân tướng là gì? Kinh Kim Cang nói: “*Ba tâm chẳng thể được. Các pháp duyên sanh, thể của chúng là không*”, đó là thật nghĩa đấy! Đó là chân tướng của các pháp đấy!

Chánh kinh:

Sơ dạ, hậu dạ, viễn ly thù miên.

(Đầu đêm, cuối đêm, xa lìa ngủ nghỉ)

Ở đây, đức Phật khuyên chúng ta mỗi ngày tốt nhất là ngủ bốn tiếng đồng hồ. Từ mười giờ tối đến hai giờ sáng là “trung dạ”. Đừng để phí uổng tác bóng, phải dùng thời gian quý báu đó để niệm Phật.

Chánh kinh:

Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập.

(Quán sát tư duy, tùy hạnh tu tập).

“*Quán sát, tư duy*” là chánh trí huệ, chánh tư duy trong Bát Chánh Đạo. “*Tùy hạnh tu tập*”: Hạnh là những cách xử thế, đãi người, tiếp vật trong sanh hoạt thường ngày; phải nên tu, phải nên học nơi những hạnh ấy.

Chánh kinh:

Xả u chúng vụ, cập chư hý luận.

(Bỏ các sự việc và các hý luận)

Càng ít sự việc càng tốt, “*đa sự bất như thiểu sự, thiểu sự bất như vô sự*” (nhiều sự chẳng bằng ít sự, ít sự chẳng bằng vô sự). Đây chẳng phải là tiêu cực, ai nấy vô sự thiên hạ thái bình rồi! Mỗi cá nhân đều an cư lạc nghiệp. Vì sao thế giới loạn lạc dường ấy? Người ham hố quá nhiều. Ai là kẻ ham hố? Kẻ ham hố là kẻ ham việc. Người ham hố tham việc rất nhiều. Người vô sự được tự tại, đây chính là hưởng thọ thật sự.

Chánh kinh:

Tu xuất thế đạo, từ niệm chúng sanh.

(Tu đạo xuất thế, nghĩ thương chúng sanh)

Nhất tâm nhất ý cầu sanh Tịnh Độ, nhưng vẫn từ bi đối với hết thảy chúng sanh, tận tâm tận lực khuyên bảo hết thảy chúng sanh tu trì pháp môn Niệm Phật, đó chính là “*từ niệm chúng sanh*”. Chỉ có mỗi pháp môn này là có thể giúp cho những cá nhân ngay trong một đời liễu sanh tử, xuất tam giới.

8.1. Mười một pháp chương đạo nghiêm trọng

Chánh kinh:

Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, thị pháp ưng xả, thị pháp ưng tu. Hà dĩ cố? Di Lạc! Bỉ chư Bồ Tát ký xuất gia dĩ, vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả, bất xả lợi dưỡng, bất tu thiểu dục, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, vô hữu thị xứ!

(Này Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc phải bỏ những pháp ấy, phải tu những pháp ấy. Vì sao thế? Này Di Lạc! Các Bồ Tát đó đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc, nhưng nếu chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiểu dục, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy!)

Trong phần này, đức Phật giảng cho chúng ta về mười một pháp chương đạo nghiêm trọng. Phần trên đã nói là trong thời đại Mạt Pháp, chẳng luận là tu học bất cứ pháp môn nào, nếu có một hai pháp trong mười một pháp ấy sẽ chẳng thể tu học thành tựu; huống chi là đầy đủ cả mười một pháp, đương nhiên sẽ chẳng thể thành tựu được. Bởi thế, chúng ta phải đặc biệt lưu ý, nhất định phải sửa trừ những căn bệnh này thì những điều chúng ta mong cầu mới hòng mãn nguyện. Những thí dụ được nêu ở đây là để cầu khai trí huệ.

Câu “*sơ nghiệp Bồ Tát đã xuất gia rồi, chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc*” ý nói cầu khai trí huệ. Chúng ta trí huệ chưa khai, hy vọng tự mình mở mang trí huệ, bởi lẽ chỉ có trí huệ mới giải quyết được mọi vấn đề. Nhất định phải nhận rõ, phải minh bạch điều này. Định có công năng khuất phục phiền não, nhưng chẳng thể giải quyết vấn đề. Sau khi trí huệ mở rồi sẽ chuyển phiền não thành Bồ Đề. Vì thế chuyển được phiền não thành Bồ Đề là nhờ sức của trí huệ. Di Lạc Bồ Tát thay chúng ta khải thỉnh: muốn mở trí huệ thì phải bỏ những pháp như thế, phải tu những pháp như thế.

“*Xả*” là buông xuống. Xem ra những pháp đức Phật dạy chúng ta buông xuống, ta chưa hề buông xuống; những pháp đức Phật dạy ta tu học, ta chưa từng tu học. Trong mười một điều ấy, điều thứ nhất là lợi dưỡng: “*Chẳng xả lợi dưỡng*”. Điều thứ hai là “*chẳng tu thiếu dục*”. Ở đây, Phật lại nhắc đến danh văn, lợi dưỡng, do đây ta biết chúng là bệnh căn (cội rễ của bệnh), quyết định chẳng để chúng tiêm nhiễm mình. Nhưng trong xã hội hiện tại, đặc biệt là tại Đài Loan và cả một giải Đông Nam Á, có thể nói là lợi dưỡng phong phú đứng đầu thế giới. Chúng ta thường hay nghe nói: vùng đất của quốc gia này nọ trở thành Đài Loan. Mục đích trở thành Đài Loan là gì? Là lợi dưỡng phong phú, nhưng chẳng biết đến cái hại của lợi dưỡng. Hại gì? Tăng trưởng tâm tham, tăng trưởng keo bần.

Về phiền não, Phật dạy có sáu thứ căn bản phiền não: tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Sáu căn bản phiền não lại quy nạp thành ba độc tham, sân, si. Ba độc lại quy nạp về một loại là Tham. Vì thế Tham chính là cội rễ nguyên thủy của tất cả hết thảy phiền não. Lợi dưỡng tăng trưởng tâm tham; vì thế, Phật coi Tham quan trọng như thế đấy. Chưa đoạn được điều này, dù tu bất cứ pháp môn nào cũng chẳng thể thành tựu. Chẳng những không thành tựu mà Phật pháp đã học rốt cuộc biến thành yêu ma quỷ quái hết. Sao biến thành như thế? Là vì tham lam, keo kiệt, nên học Phật rốt cuộc biến thành ma hết. Vì thế, ngay câu đầu tiên trong kinh này, đức Phật đã dạy chúng ta phải bỏ lợi dưỡng. Bỏ lợi dưỡng thì nhất định phải tu khổ hạnh, phải tu thiếu dục vậy!

Cụ Hoàng Niệm Tổ ở Đại Lục có lần nói, tôi chưa đích thân nghe, chỉ nghe học trò cụ thuật lại, cụ chưa đến Đài Loan. Cụ bảo: “*Ở Đài Loan không có người xuất gia, Đài Loan không có Phật pháp, Phật pháp ở Đài Loan là giả*”. Vì sao cụ nói như thế? Thật ra, chúng tôi đọc được kinh này, ít nhiều hiểu được lời cụ: Người xuất gia ở Đài Loan ai đã bỏ được lợi dưỡng? Ai chịu tu khổ hạnh? Vì thế, cụ bảo Phật pháp ngày nay ở tại Đại Lục Trung Quốc. Tôi chưa hề có dịp phỏng vấn người tu hành ở Đại Lục, chỉ nghe nói thôi.

Khi tôi ở Tân Gia Ba, cư sĩ Lý Mộc Nguyên suất lãnh một phái đoàn đông đảo, bảy tám chục người qua Đại Lục tham phỏng, chuyên môn phỏng vấn Phật giáo, thời gian đại khái độ chừng mấy tháng. Họ thấy người chân chánh tu hành ở Hoa Lục đối với Phật pháp rất cung kính, khiến người khác than thở, dỗi nhìn, cảm động sâu xa. Kinh sách luôn đội trên đánh đầu, cung kính như thế đấy! Họ rất khó có được kinh sách, chẳng giống như chúng ta ở đây có quá nhiều, có được quá dễ. Bọn họ sống thanh bần, áo mặc vá chằng vá đụp, ăn những thứ do chính mình trồng, khổ cực phi thường. Lúc phái đoàn ông Lý ra đi, muốn tặng tiền họ, chẳng ai chịu nhận. Tính tặng họ y phục, họ cũng chẳng chịu lấy. Họ nói cuộc sống chúng tôi quá tốt đẹp, nhưng người ngoài thấy họ khổ sở chẳng kham được nổi. Hỏi họ cần gì? Họ đáp cần kinh sách, cần băng âm. Họ không cần băng video vì họ đâu có tivi, chẳng xem được. Tặng họ những thứ ấy, họ xem như của báu.

Bởi vậy, phái đoàn Tân Gia Ba sau khi trở về, hồ thẹn phi thường, họ vốn tưởng mình tu rất hay, nhưng sánh với những người kia, khác gì một trời một vực, tâm cung kính mới thật sự sanh khởi. Điều bọn họ làm được chính là bỏ được lợi dưỡng, tu khổ hạnh, tuyệt đối chẳng có ý niệm tham cầu vật chất. Họ cũng chẳng mong người ngoài đến tham quan đạo tràng của mình, chẳng mở rộng cửa cho người ngoài, chân chánh thanh tu.

Nếu như chẳng bỏ lợi dưỡng, chẳng tu thiêu dục, thì ở đây đức Phật nói: “*Lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết chẳng có lẽ ấy*”. “*Vô hữu thị xứ*” là chẳng có đạo lý! Quý vị muốn khai trí huệ thì đừng có hòng! Đã có một điểm trí huệ, muốn được chẳng lui sụt thì cũng đừng có hòng!

Chánh kinh:

Bất xả hội náo, bất trụ tịch tĩnh, vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, điệt vô thị xứ!

(Chẳng bỏ náo nhiệt, chẳng trụ tịch tĩnh, lại toan khiến cho huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì quyết cũng chẳng có lẽ ấy!)

Cũng chẳng có đạo lý này! Bởi lẽ, hoàn cảnh cư trụ tu học của quý vị phải an tịnh. Chúng ta là phàm phu, phàm phu chắc chắn bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh bên ngoài; bởi thế, chẳng thể không chọn lựa chỗ đặt đạo tràng, chỗ mình sanh sống; nhưng trong xã hội hiện tại, chúng tôi nghĩ chọn lựa rất khó, nhân khẩu quá đông, đâu đâu cũng đều là chỗ ồn ào, chọn đâu ra một chỗ an tịnh? Chọn chẳng được! Đảo Đài Loan này nhỏ xíu như thế, nhân khẩu đông như thế, cho nên chọn lấy một chỗ an tịnh, thực sự chẳng dễ dàng. Tuy thế, một điều trọng yếu vẫn là trong ồn náo giữ lấy yên tịnh, rời khỏi chỗ náo nhiệt. Hễ chỗ náo nhiệt nào gây trở ngại cho cái tâm thanh tịnh của chính mình thì phải biết rời bỏ nơi ấy. Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Bất xả thể thoại, bất quán thật nghĩa

(Chẳng bỏ lời lẽ thể tục, chẳng quán thật nghĩa)

Quý vị muốn mở mang trí huệ, cũng chẳng có lẽ ấy. “*Thể thoại*” tức là ngôn luận thể gian, chúng ta chưa thể bỏ được, bởi lẽ từ sáng đến tối phải ở chung với đại chúng, phải tiếp xúc với đại chúng, trọn chẳng thể không nói năng được! Với loại ngôn luận này, phải biết là càng ít càng hay, điều gì không bắt buộc phải nói đừng có nói. Vì sao vậy? Vì phương hại tâm thanh tịnh. Điều này cần phải bỏ đi, phải tận khả năng bỏ đi. Phần trên đã nói qua về “*thể thoại*”, chữ này hàm nghĩa rất rộng.

Đã trừ bỏ chuyện này rồi, lại còn phải tu điều gì nữa? Phải “*quán sát thật nghĩa*”. Thật nghĩa ta thường gọi là “*thật tướng của các pháp*”, tức là chân tướng của nhân sanh, vũ trụ. Chưa quán được chân tướng, hãy nên đọc kinh Kim Cang. Chưa hiểu kinh Kim Cang thì quý vị nên nghe giảng, chúng tôi có băng giảng kinh Kim Cang rất tường tận. Quý vị chú ý nghe kỹ, nghe hiểu rồi quý vị sẽ quán. Hiểu rõ chân tướng vũ trụ nhân sanh, tự nhiên quý vị sẽ buông xuống được, giúp ích rất nhiều cho sự tu học của quý vị.

Chánh kinh:

Sơ dạ, hậu dạ, đăm trước thùy miên, tăng bất giác ngộ.

(Đầu đêm, cuối đêm đăm chấp ngủ nghỉ, chưa từng giác ngộ)

Chúng ta đều phải sửa đổi loại tập khí phiền não này. Phải khắc phục sự khổ sở của chính mình thì mới ít ngủ nghỉ. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta một tiêu chuẩn là ngủ bốn giờ thôi, ngủ vào lúc “trung dạ”. Chẳng được ngủ vào lúc sơ dạ. “Sơ dạ” là từ sáu giờ chiều đến mười giờ đêm; nói chung chẳng được ngủ. “Hậu dạ” thì sao? Hậu dạ là từ hai giờ sáng đến sáu giờ sáng; chính là lúc ngủ ngon nhất. Phật dạy chẳng được ngủ, cho nên chỉ ngủ vào lúc trung dạ. Làm sao làm được? Ngủ vào lúc trung dạ là mười giờ đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Nếu thật sự chẳng thực hành thì phiền não rất nặng đó nghe! Ngủ chẳng đủ thì chẳng có tinh thần. Tận khả năng để rút ngắn thời gian ngủ nghỉ lại, người thế gian cũng thường đề xướng ngủ sớm dậy sớm thân thể khỏe mạnh đó mà! Bởi vậy, mười giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Nếu hai giờ dậy chưa nổi, thì bốn giờ thức dậy, cũng kể như là được. Đây là đã tính trừ hao; vì thế phải hiểu đúng mà học tập: khắc phục phiền não tập khí của chính mình. Ngủ nghỉ là hôn trầm, chẳng phải là giác ngộ. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Hệ niệm tư duy, bất xả chúng vụ.

(Vấn vương suy nghĩ, chẳng bỏ các việc).

“*Hệ niệm tư duy*” nghĩa là trong tâm có điều vương mắc, lo lắng quá nhiều chuyện. Quý vị vương mắc những gì? Lo lắng những gì? Mọi việc! Sự tinh thế gian quá nhiều, những sự tình đó chẳng giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới được! Nói cách khác, những gì chẳng thể giúp quý vị đoạn phiền não, chẳng thể giúp quý vị khai trí huệ đều gọi là “*chúng vụ*” (các việc). “*Chúng*” là sự nghiệp rất nhiều, chẳng bỏ được đấy mà! Nhiều thêm một sự chẳng bằng bớt đi một sự, ít đi một sự chẳng bằng vô sự, chẳng cần bớt thêm việc! Phật dạy chúng ta tùy duyên nhưng chẳng phan duyên (vin nắm theo). Tạo ra chuyện, gây thêm chuyện là “*phan duyên*”. Chuyện này nhất định gây trở ngại chúng ta tu học. Điều thứ chín là:

Chánh kinh:

Háo chư hý luận.

(Thích các hý luận)

Phạm vi của “*hý luận*” cũng rộng phi thường. Điều thứ mười là:

Chánh kinh:

Ư xuất thế đạo, bất năng tu hành.

(Đối với đạo xuất thế, chẳng thể tu hành)

“Xuất thế” là vượt khỏi lục đạo luân hồi. Quý vị chưa thể tu học [điều này]. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:

Ư chư chúng sanh, bất sanh từ niệm.

(Đối với chúng sanh, chẳng nghĩ thương yêu)

Đôi đũa chúng sanh chẳng có tâm từ bi. Chắc cũng có mấy vị nghe chẳng hiểu lắm: đối với chúng sanh tôi có tâm từ bi chớ, tôi vừa ăn chay, vừa phóng sanh, gặp ai bị khổ sở, tôi đều cứu giúp, sao lại chẳng từ bi? Trong mắt Phật, quý vị chẳng từ bi; quý vị chẳng có tâm từ bi! Thế nào là từ bi? Giúp chúng sanh thoát ly tam giới, thoát ly lục đạo luân hồi mới gọi là “từ bi”. Xoay đi, xoay lại, họ vẫn còn trong lục đạo luân hồi thì quý vị từ bi ở chỗ nào đây? Nhất định phải hiểu rõ ý nghĩa này: Chẳng thể liễu thoát sanh tử, chẳng thể xuất ly luân hồi là chẳng từ bi. Mục tiêu tu học Phật pháp là đây. Quý vị phạm những lỗi lầm như thế thì sẽ có nhiều làm lỗi, tức là:

Chánh kinh:

Vị sanh huệ lực đương linh xuất sanh, dĩ sanh huệ lực năng linh tăng trưởng, diệc vô thị xír.

([Muốn cho] huệ lực chưa sanh sẽ được xuất sanh, huệ lực đã sanh sẽ được tăng trưởng thì cũng chẳng có lẽ ấy!)

Mười một điều trên, quý vị phạm một điều sẽ chẳng đoạn được phiền não, trí huệ chẳng mở mang, quý vị muốn xuất ly tam giới chẳng thể được. Huống hồ là mười một điều đều có đủ thì làm sao liễu thoát cho được. Chúng ta phải tự nghiêm cẩn phản tỉnh, phải nỗ lực khắc phục nghiệp chướng, tập khí của chính mình, nhất định phải sửa đổi.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị cố Bồ Tát vị đắc huệ lực nhi dục đắc giả.

(Này Di Lạc! Bởi thế Bồ Tát chưa đắc huệ lực mà muốn được đắc)

Trí huệ chưa mở, muốn cho được mở.

Chánh kinh:

Ứng xử chư pháp, đương tu xả ly.

(Các pháp nên bỏ, phải nên lià bỏ).

Ở phần trên đức Phật đã dạy quý vị phải bỏ những pháp ấy, quý vị ắt phải nên lià bỏ.

Chánh kinh:

Ứng tu chư pháp, đương tu tu tập.

(Các pháp nên tu, phải nên tu tập).

Phật dạy chúng ta phải tu những pháp sau: phải tu thiểu dục, phải tu tịch tĩnh, phải tu quán thật nghĩa. Những gì Phật dạy chúng ta phải tu, ta phải nghiêm cần học tập.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Bồ Tát trí huệ từng nhân duyên sanh; nhược vô nhân duyên, chung bất năng sanh. Nhân duyên hòa hợp, nhĩ nãi đắc sanh.

(Vì sao thế? Trí huệ của Bồ Tát sanh từ nhân duyên. Nếu không nhân duyên, trọn chẳng thể sanh. Nhân duyên hòa hợp mới bèn được sanh)

Tuy trí huệ là bản tánh và vốn sẵn có, nhưng hiện đang bị phiền não, nghiệp chướng che lấp; nếu chẳng tu học, không có nhân duyên thì trí huệ, đức năng nơi tự tánh chẳng thể hiện tiền. Đây chính là điều trong kinh thường nói là “*Phật pháp nhân duyên sanh*”, chẳng lià khỏi nhân duyên. Nhân thì chẳng có vấn đề gì, chúng ta ai nấy đều có, hiện tại trọng yếu là Duyên. Duyên là đoạn ác tu thiện. Phật dạy chúng ta cần đoạn trừ những gì, chúng ta phải nghiêm cần đoạn trừ, dạy phải tu những gì, chúng ta phải nghiêm cần tu tập. Đây là Duyên. Trong đoạn này, chỉ nêu tổng quát cương lĩnh, trong phần kinh văn sau sẽ phân tích từng lỗi hại thì mới hiểu vì sao đức Phật dạy chúng ta phải xả, phải lià. Xin hãy xem kinh văn:

8.2. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi hại của lợi dưỡng

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi lợi dưỡng trung quá?

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là lỗi của lợi dưỡng?)

Di Lạc Bồ Tát thay chúng ta khái thỉnh: Phật dạy chúng con phải bỏ lợi dưỡng, rốt cuộc lợi dưỡng có những lỗi lầm gì? Nghiêm trọng đến mức độ nào? Chúng con chẳng biết được. Nếu chẳng biết, Phật dạy chúng con phải bỏ, ắt có lúc chúng con chẳng cam tâm, nên nhất định phải xin Phật giảng rõ những lỗi hại của lợi dưỡng, nói minh bạch cho chúng con. Sau khi chúng con biết rõ rồi, nghĩ thấy cần phải lia bỏ, thì mới cam tâm tình nguyện bỏ được.

Chánh kinh:

Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát nhạo v thiểu dục, bất sanh nhiệt não.

(Như lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát ưa thích thiểu dục, chẳng sanh nhiệt não).

“*Quán sát*” là hiểu minh bạch, có hiểu rõ những tai hại của lợi dưỡng thì Bồ Tát mới bỏ được, mới vui thích thiểu dục, mới vui lòng sống thanh bần. Người đời cho là thanh bần, Bồ Tát chẳng thấy đó là thanh bần, thật sự sống những tháng ngày tự tại, là vì sao? Họ chẳng có phiền não. Những gì là phiền não? Tham, sân, si là phiền não. Họ sống cuộc đời chẳng sanh tham, sân, si. Chẳng sanh tham, sân, si thì sanh cái gì? Sanh trí huệ đấy! Khi nào trong cuộc sống quý vị chẳng sanh phiền não, chắc chắn là có trí huệ, trí huệ khai hiển vậy. Vì thế, mặt trái của chẳng sanh nhiệt não là sanh trí huệ. Đó là điều đức Di Lạc Bồ Tát thay chúng ta khái thỉnh.

Chánh kinh:

Phật ngôn:

- Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát đương quán lợi dưỡng sanh tham dục cố.

(Đức Phật nói:

- Này Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán: lợi dưỡng sanh ra tham dục vậy)

Điều thứ nhất là lợi dưỡng sanh ra tham dục, lợi dưỡng tăng trưởng tâm tham. Cứ hễ tham phiền não tăng trưởng là si, mạn, nghi phiền não nào cũng đều nổi lên hết. Nó chính là gốc mà! Cũng giống như một cái cây ăn trái, lợi dưỡng là gì? Là như tưới bón. Ngày ngày tưới tắm gốc cây, cây ấy bèn mọc sum suê. Cây gì thế? Cây phiền não, cây sanh tử, phiền toái rất lớn như thế đó, lẽ đâu quý vị dùng các thứ để tưới bón nó cơ chứ? Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng hoại thất chánh niệm, sanh sân nhuế cố.

(nên quán lợi dưỡng: vì đánh mất chánh niệm, nên sanh ra nóng giận).

Người tham đắm lợi dưỡng tâm “được - thua” rất nặng, thấy người khác hơn mình bèn sanh ganh ghét, sân hận, thế là đại phiền não bèn sanh khởi, đương nhiên chánh niệm chẳng còn. Chánh niệm là gì? Chúng tôi lại dùng thí dụ để thuyết minh. Mọi người chúng ta đều tu Tịnh Độ, chánh niệm của người tu Tịnh Độ là Phật hiệu. Nhớ Phật, niệm Phật là chánh niệm của chúng ta. Người tâm tham nặng nề, đã bỏ sạch sành sanh Phật hiệu nên sanh nóng giận vậy. Điều thứ ba.

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, niệm kỳ đức thất, sanh ngu si cố.

(Nên quán lợi dưỡng: do nghĩ được mất nên sanh ra ngu si).

Tôi vừa mới nói do tâm được thua rất nặng, từ sáng đến tối cứ lo toan tính, so đo nơi đó, ngu si đấy nhé! Quý vị xem: Ba câu trên là nói về tham, sân, si đấy! Nếu quý vị chẳng bỏ lợi dưỡng thì ba độc phiền não tham sân si ngày càng tăng trưởng. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, năng sanh cao hạ, tật đồ tâm cố.

(Nên quán lợi dưỡng sanh ra cao thấp, nên tâm ghen ghét)

Sau tham, sân, si là mạn, ngạo mạn đấy! Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng: w thân hữu gia, xan lận đam trước, sanh cuồng hoặc cố.

(Nên quán lợi dưỡng: với kẻ thân hữu, keo kiệt, tham đắm nên sanh dối trá, mê hoặc).

Vì tham cầu lợi dưỡng nên đối với thân thích, bè bạn, trai chủ, những người quen biết, tâm quý vị thường dính mắc nơi họ. Vì sao vậy? Tham cầu được họ cung kính, cúng dường. Quý vị đã đánh mất tâm thanh tịnh, tâm quý vị ngập tràn tham, sân, si, đánh mất chánh niệm rồi, Phật cũng chẳng nghĩ đến nữa, chỉ nghĩ những gì? Nghĩ sao cho có tin đồ giàu có, có thể lực, thường nghĩ đến họ, thường nhớ tới họ, thường hy vọng họ đem tiền đến dâng cho mình. Kẻ ấy nghĩ như thế rồi, sẽ nghĩ cách gì? Cuối cùng là chẳng nề thủ đoạn, dùng đủ mọi phương cách lừa bịp, mê hoặc, tạo thành tội nghiệp nặng nề, quả báo là tam đồ. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng thành tựu ái vị, sanh siểm khúc cố.

(Nên quán lợi dưỡng thành tựu ái vị nên sanh dua vạy)

Chữ “ái” ở đây là tham ái, tham luyến, chẳng có cách nào buông xuống được, khác nào trúng độc, đã lậm chất độc rồi! Phiền lắm! Tâm dua vạy, cong cong queo queo, tâm chẳng chánh trực. Điều thứ bảy là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng: xả tứ thánh chủng, vô tâm quý cố.

(Nên quán lợi dưỡng bỏ bốn giòng thánh nên chẳng hổ thẹn).

Bốn giòng Thánh là gì? Lúc Phật tại thế, dạy hàng đệ tử xuất gia phải biết tri túc thường lạc, phải tu thiểu dục, tức là đối với vật chất, chúng ta phải tận lực sanh sống đơn giản. Đối với cuộc sống vật chất, trọng yếu nhất thức ăn, đồ nằm, y phục. Chúng là những thứ chẳng thể thiếu được. Đối với ba thứ ấy, đức Phật dạy hàng đệ tử phải dùng tâm như thế nào để đi xin? Tùy sở đắc (thuận theo duyên, hễ xin được thì thọ hưởng, không xin được thì thôi, không dùng những cách dẫn dụ để xin xỏ), cũng có nghĩa là tùy duyên nhưng chẳng phan duyên (vin nắm). Khi thác bát, chỉ được xin ở bảy nhà, xin bảy nhà không được gì thì ngày hôm ấy không ăn. Quý vị thác bát đến nhà thứ tám, thứ chín là tâm tham rồi đó! Còn y phục là y phân tảo, còn “ngọa cụ” (đồ nằm) như bây giờ ta gọi là tấm trải, đơn giản vô cùng. Ba y một bát phải tùy sở đắc.

Mục đích là gì? Là trị tham, đối trị niệm tham. Đây là ba thứ. Điều thứ tư là hoan hỷ tu, hoan hỷ đoạn. Ở đây điều này có nghĩa là đức Phật dạy họ nên tu những pháp nào, nên đoạn những pháp nào, họ sẽ hoan hỷ phi thường, y giáo phụng hành. Đây là đối trị phóng dật, đối trị giải đãi. Bốn pháp (âm thực, y phục, ngọa cụ và hoan hỷ tu-đoạn) gọi là Tứ Thánh Chủng. Người tham đắm lợi dưỡng quên sạch cả bốn pháp này, chẳng có tâm hổ thẹn. Điều thứ tám là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, nhất thiết chư Phật sở bất hứa khả, sở tập kiêu dật, sanh cao mạn cố.

(Nên quán lợi dưỡng chẳng được hết thầy chư Phật chấp thuận vì càng quen thói kiêu căng phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn).

Đây là cái hại của lợi dưỡng. Lợi dưỡng chẳng được hết thầy chư Phật chấp nhận, chẳng được hết thầy chư Phật tán thành. Tham đắm lợi dưỡng là trái nghịch lời dạy răn của hết thầy chư Phật, chứ chẳng phải là trái nghịch riêng mình đức Phật Thích Ca Mâu Ni đâu nhé! Cái bệnh này là “*càng quen thói kiêu căng, phóng dật, sanh tâm cao ngạo, khinh mạn*”. Điều thứ chín là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, u thắng phước điền, khởi u khinh mạn, vi ma đẳng cố.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với phước điền thù thắng khởi tâm khinh mạn, nên thành bè đảng ma)

Đây là cái hại lớn nhất của lợi dưỡng. “*Thắng*” là thù thắng. Phước điền tối thù thắng mà kẻ ấy khinh mạn, coi thường. Thế nào là phước điền tối thù thắng? Niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là phước điền thù thắng khôn sánh, trong một đời liễu sanh tử, xuất tam giới, thành Phật, làm Tổ! Trong một đời làm được những điều ấy! Bất cứ pháp môn nào cũng chẳng sánh được bằng. Người tham đắm lợi dưỡng chẳng cầu vãng sanh Tịnh Độ, họ chẳng hề có ý niệm ấy. Tham cầu ngũ dục thế gian, hưởng thọ lục trần, tham cầu phú quý thế gian, nên bèn thành ma, thành đồng đảng của ma vậy! Điều thứ mười là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, chúng ác căn bản, chư thiện hoại cố.

(Nên quán lợi dưỡng là cội rễ của các ác nên nó phá hoại các điều lành)

Lẽ đương nhiên là ba thiện căn chẳng còn gì cả. Ba thiện căn là vô tham, vô sân, vô si. Còn họ tham, sân, si ngày càng tăng trưởng, vì thế đoạn sạch thiện căn. Thiện căn đã đoạn sạch rồi thì những thứ được sanh khởi là các điều ác, vô lượng vô biên ác hạnh, tạo tác ác nghiệp. Điều thứ mười một là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, đa sở tham trước, do srong bạc cố.

(Nên quán lợi dưỡng, lắm thứ tham đắm khác nào srong, mưa đá vậy)

“Srong, mưa đá” là tỷ dụ. Chẳng bỏ được lợi dưỡng, nhất định là tham đắm rất nhiều vậy. Điều thứ mười hai là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, u thân hữu gia, chiêm hầu nhan sắc, sanh ưu não cố.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với kẻ thân quen, nhìn ngóng vẻ mặt, sanh lòng buồn khổ)

Đây cũng là như ta thường nói: Người tham cầu lợi dưỡng nhìn vẻ mặt người khác để tính cách bợ đỡ, nịnh nọt. Điều thứ mười ba là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, ái vật tổn hoại, ưu tâm loạn cố.

(Nên quán lợi dưỡng: ưa vật tổn hoại, nên tâm buồn loạn)

Người tham trước lợi dưỡng ưa thích những vật gây tổn hoại, tâm họ lo buồn, sanh ra phiền não, tâm được thua rất nặng. Điều thứ mười bốn là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, u tứ niệm xứ, đa sở vong thất, bạch pháp luy cố.

(Nên quán lợi dưỡng, do phần nhiều quên mất tứ niệm xứ nên bạch pháp mòn mỏi)

Tứ Niệm Xứ là điều Phật dạy để tu học trí huệ, là pháp cơ sở để nương theo. Nói chính xác, Tứ Niệm Xứ là quán niệm trí huệ: Quán thân bất tịnh, quán Thọ là khổ, quán Tâm vô thường, quán Pháp vô ngã. Bởi thế, Tứ Niệm Xứ là Tu Huệ. Người tham đắm lợi dưỡng quên sạch những điều đức Phật đã dạy ấy. “Bạch pháp” là thiện pháp, thiện pháp mỗi ngày một lui sụt. Chữ “luy” hàm nghĩa lui sụt. Điều thứ mười lăm là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng: ư Tứ Chánh Cần, đa hữu thời thất.

(Nên quán lợi dưỡng, đối với Tứ Chánh Cần, thường hay lui sụt)

Tứ Niệm Xứ, Tứ Chánh Cần, Tứ Như Ý Túc là những đề mục Đại Thừa, Tiểu Thừa đều phải cùng tu. Đối với những điều ấy, những kẻ tham đắm lợi dưỡng đều thoái chuyển cả.

Chánh kinh:

Năng linh nhất thiết tha luận thắng cố.

(khiến cho hết thấy những lý luận khác thắng được mình vậy).

“Tha luận” là lý luận của ngoại đạo đấy! Đối với ngoại đạo, chẳng thể hơn được người khác. Điều thứ mười sáu là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, tự ngôn dĩ đắc thân thông, trí huệ, vi bội sanh cố.

(Nên quán lợi dưỡng: Tự nói mình đã đắc thân thông, trí huệ nên sanh ra trái nghịch)

Đây là điều chúng ta thường gặp trong hiện tại. Vì tham cầu lợi dưỡng bèn dối hiện tướng lạ, phô trương mình đã có thân thông, phô phang mình đã khai ngộ. Ở đây, “trí huệ” là như ta thường nói: “Khai ngộ”. Kẻ ấy [tự khoe] đã khai ngộ, có thân thông. Ngôn hạnh như thế hoàn toàn trái nghịch lời răn dạy của đức Phật “*nên sanh ra trái nghịch*”. Dùng phương pháp ấy để lừa dối chúng sanh khiến họ cung kính mình, cúng dường mình là tạo tội nghiệp rất nặng, là phạm đại vọng ngữ. Chưa đắc nói là đã đắc. Điều thứ mười bảy:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, tiên hậu đắc thất, oán tăng sanh cố.

(Nên quán lợi dưỡng, do được mất trước sau nên sanh ra oán ghét).

Đây là tranh danh đoạt lợi. Đã tranh danh đoạt lợi thì lẽ đương nhiên là sanh ra rất nhiều oán ghét. Nếu chẳng bỏ được nổi oán ghét ấy sẽ oan oan tương báo, chẳng bao giờ hết cả! Điều thứ mười tám là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, hổ tương sân hiềm, thuyết kỳ quá ác, đa giác quán cố.

(Nên quán lợi dưỡng: giận dữ, hiềm nghi lẫn nhau, kể tội lỗi của nhau, nên lắm giác quán)

Đây là “đây kia tranh chấp”. Hễ kinh chống nhau thì thoát đầu là kẻ tội nhau. “*Giác quán*” là tạp niệm, vọng tưởng. Thô niệm gọi là Giác, tế niệm gọi là Quán. Trong đoạn kinh này thì Giác là tạp niệm, Quán là vọng tưởng. Điều thứ mười chín:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng: Vị u hoạt mạng, doanh chư thế nghiệp, kế độ tư duy, an lạc giảm cố.

(Nên quán lợi dưỡng: Để sanh sống bèn lo liệu các sự nghiệp thế gian, tính toán, suy nghĩ, nên an lạc bị giảm)

“*An lạc*” là sự hưởng thọ chánh đáng của người học Phật: khinh an, tự tại, thân tâm chẳng có phiền não đầy mà! Đó là sự hưởng thọ chánh đáng. [Kẻ tham đắm lợi dưỡng] chẳng hề được hưởng thọ như vậy. Kẻ ấy vì cuộc sống, “*lo liệu những sự nghiệp thế gian*” (“doanh” là kinh doanh) chẳng khác gì người đời cả! Toàn làm những việc kiếm lời của thế gian, quý vị cứ quan sát kỹ ắt sẽ hiểu rõ ràng. “*Kế độ tư duy*”: Kế là ngày ngày lập kế hoạch, tính toán hòng được lời nhiều, ngày ngày cứ nghĩ tưởng như thế nên tâm chẳng thanh tịnh, khinh an, tự tại. Kẻ ấy chẳng được an lạc, chẳng được hưởng thọ những niềm vui ấy. Điều thứ hai mươi là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, nữ chí thiên định, giải thoát, tam-muội, tam-ma-bát-đề, tâm như dâm nữ, năng thoái thất cố.

(Nên quán lợi dưỡng, ngay cả đối với thiên định, giải thoát, tam muội, tam-ma-bát-đề, tâm cũng như dâm nữ nên bị lui sụt).

Đây là công phu tu học chẳng thể thành tựu. Thứ nhất là kẻ ấy chẳng thể thiên định, chẳng thể được giải thoát. “*Thiên định, giải thoát*” ở đây phải hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải chỉ có nghĩa là tham thiên. Đối với người niệm Phật chúng ta, “nhất tâm bất loạn” như trong kinh đã dạy chính là thiên định. Bởi thế, “*thiên*

định” phải hiểu theo nghĩa rộng, bao gồm hết thầy pháp Đại, Tiểu Thừa; cũng có thể hiểu là kẻ ấy chẳng thể đắc định. “*Giải thoát*” là so với phiền não mà nói, kẻ ấy chẳng thể đoạn phiền não, chẳng thể liễu sanh tử.

“*Tam-muội*” là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Tàu có nghĩa là Chánh Thọ, hưởng thọ chánh thường. Trong sự hưởng thọ chánh thường, chẳng có phiền não! Người tham đắm lợi dưỡng đầy ấp tham, sân, si, mạn, nên họ hưởng thọ chẳng khác gì phạm phu. “*Tam-ma-bát-đề*” cũng là tiếng Phạn, có nghĩa là Chánh Định, còn gọi là Đăng Trì. Thật ra, trong kinh Vô Lượng Thọ nói đến thanh tịnh, bình đẳng, đó nghĩa là Tam-ma-bát-đề. Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng chẳng thể hiện tiền. Tiếp đó, đức Phật nêu một tỷ dụ: “*dâm nữ*”. Dâm nữ ngụ ý bất định. Công đức tu học của quý vị dễ dàng bị lui sụt, chẳng gìn giữ được. Điều thứ hai mươi một là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, xả ly trí đoạn, đọa u địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, Diêm Ma La giới, chư ác đạo cố.

(Nên quán lợi dưỡng vì lìa bỏ trí đoạn nên đọa trong các đường ác: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, cõi Diêm Ma La)

Đây là nói về quả báo. Quả báo thật đáng sợ. Bởi lẽ quý vị tạo các nghiệp chướng như thế, tương lai nhất định đọa trong ba ác đạo. Nói cách khác, bởi chẳng bỏ lợi dưỡng, quý vị bèn tham đắm những cái rất hữu hạn trước mắt. Dẫu cho cái mình tham muốn có được ấy đã đạt được rồi thì quý vị hưởng thọ được mấy năm? Cứ cho là quý vị sống đến hai trăm tuổi, hưởng phước cả trăm năm đi nữa, thời gian phải chịu tội báo trong địa ngục rất dài, ở phần trước chúng ta đã thấy nói rồi đó! Trong phần trên, ta đã thấy: Tạo ác nghiệp như thế, đức Phật nói sẽ đọa địa ngục, tính theo thời gian ở nhân gian là một ngàn tám trăm vạn năm. Thật chẳng đáng công! Bởi thế, nếu đã hiểu rõ đạo lý này, đã hiểu được chân tướng sự thật, há còn chịu làm những điều ác ấy ư? Đến đây, quý vị mới hiểu rõ cái hại của lợi dưỡng. Nếu đức Phật chẳng phân tích cho chúng ta, làm sao chúng ta hiểu được! Tham cầu chẳng được đâu! Đáng sợ quá đi! Điều thứ hai mươi hai là:

Chánh kinh:

Đương quán lợi dưỡng, dữ Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, đồng u pháp trụ, đọa ác đạo cố.

(Nên quán lợi dưỡng, cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa và Ô Đà Lạc Ca, nên đọa ác đạo)

Đề Bà Đạt Đa là một người trong thời đức Phật tại thế, chuyên môn đối nghịch đức Phật Thích Ca Mâu Ni. Ông ta ganh ghét Phật, chẳng bỏ lợi dưỡng, sau cùng bị đọa địa ngục. Ô Đà Lạc Ca là tên một ác quỷ, nó gây ác nên bị chịu quả báo, cũng là đồng loại của Đề Bà Đạt Đa. Nếu như chúng ta chẳng bỏ lợi dưỡng, thì đức Thế Tôn bảo chúng ta cùng trụ một pháp với Đề Bà Đạt Đa, Ô Đà Lạc Ca, là đồng loại của chúng, tương lai cũng sẽ đọa vào địa ngục A Tỳ.

8.3. Lợi ích của sự xa lìa lợi dưỡng

Dưới đây, đức Phật sẽ nói những điều tương phản: Nếu bỏ được lợi dưỡng, quý vị sẽ được bao nhiêu lợi ích? Chúng ta cần phải hiểu rõ.

Chánh kinh:

Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát như thị quán sát lợi dưỡng quá thất, nhạo ư thiếu dục, bất sanh nhiệt nã.

(Này Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát lỗi ác của lợi dưỡng như thế đó, thích thiếu dục, chẳng sanh nhiệt nã)

Câu này là nói tổng quát. “*Như thị quán sát*”: những điều đức Phật vừa giảng ở trên, đối với mỗi một lỗi hại, quý vị đều phải thấy rành rẽ, rõ ràng, quý vị sẽ tự nhiên bỏ được lợi dưỡng, tự nhiên vui vẻ thiếu dục, chẳng sanh phiền não nữa!

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Di Lạc! Thiếu dục Bồ Tát ư nhất thiết quá, giai tất bất sanh.

(Vì sao vậy? Này Di Lạc! Bồ Tát thiếu dục đối với hết thảy lỗi đều sẽ chẳng sanh)

Tiếp đó là lời nói riêng: Đức Phật sẽ giảng cho chúng ta mười bốn câu gồm mười bốn điều lợi ích, câu kinh này nói đến lợi ích thứ nhất. “*Thiếu dục Bồ Tát*” nói theo cách bây giờ là những người tu hành sống đơn giản, thanh bần, sanh sống càng đơn giản càng hay! Hiện tại ta thấy cuộc sống của họ càng thanh bần thì họ càng chẳng sanh khởi hết thảy làm lỗi, chẳng có lỗi họa. Họ chẳng phải là phạm phu. Phạm phu khởi tâm động niệm không gì chẳng phải là tội, còn bọn họ khởi tâm động niệm, lời lẽ, hành vi chẳng hề có làm lỗi. Thế mới biết tất cả hết thảy làm lỗi từ đâu mà sanh? Từ tham dục mà sanh. Bọn họ đã đoạn được tham, sân, si. Điều lợi ích thứ hai là:

Chánh kinh:

Kham vi chư Phật thanh tịnh pháp khí

(Kham làm pháp khí thanh tịnh của chư Phật)

Câu này hàm ý: Họ là đối tượng dạy dỗ của hết thảy chư Phật, họ có thể tiếp nhận Phật pháp; chư Phật, Bồ Tát hoan hỷ dạy dỗ họ. Vì sao? Họ có thể tiếp nhận được; tâm họ thanh tịnh. Do tâm thanh tịnh nên có thể tiếp nhận đại pháp. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Nhi bất hệ thuộc tại gia, xuất gia.

(Nhưng chẳng phụ thuộc vào tại gia hay xuất gia)

Dù là xuất gia hay tại gia, tâm họ đều thanh tịnh, đều chẳng nhiễm trước vậy! Bởi lẽ, hiện thời có nhiều vị đồng tu đến hỏi: học Phật có cần phải xuất gia chăng? Chẳng cần phải xuất gia! Tại gia tu hành cũng thành Phật, thành Tổ hết như vậy. Vậy thì lẽ gì quý vị phải xuất gia? Trong thế gian, chúng ta có rất nhiều hạnh nghiệp, tôi thích hạnh nghiệp xuất gia này lắm. Đó là lý do thật sự.

Vậy thì xuất gia là một hạnh nghiệp, nhưng là hạnh nghiệp gì? Hạnh nghiệp hy sinh, phụng hiến. Ngũ dục thế gian, hưởng thọ lục trần chúng tôi đều bỏ sạch, hồng pháp lợi sanh vô điều kiện, chứ chẳng phải là buôn bán như người khác: Tôi giảng một bộ kinh, quý vị phải cung kính cúng dường tôi bao nhiêu đó thì thành ra buôn bán kiếm lợi mất rồi, là có điều kiện rồi! Hy sinh, phụng hiến vô điều kiện thật là sung sướng vậy! Cuộc sống của chính tôi rất đơn giản, chỉ trần một thân, ăn no, mặc ấm là đủ rồi, không cần gì nữa!

Bây giờ tôi xin thưa với các đồng tu: Tôi đạt đến trình độ nào rồi? Đối với tôi, tiền đã thành vô dụng. Có lần tôi đã ở ngoại quốc hơn một năm, chưa từng dùng đến một đồng nào, không có việc gì cần phải dùng tiền. Ngân hàng trao cho tôi năm, sáu tờ giấy bạc, tôi chẳng hề dùng qua, cho đến nay vẫn chưa hề dùng đến. Bởi vậy, tiền tài đối với tôi đã thành vô dụng, thật rất tự tại, rất sung sướng à nghe! Quý vị phiền não vì không có tiền, còn nếu bây giờ ai cho tôi tiền, tôi sẽ sanh phiền não, cho tôi làm gì? Dùng làm gì đây? Vì thế, xác thực là chẳng ràng buộc nơi tâm. Chẳng cần vướng mắc là tại gia hay xuất gia thì quý vị mới được tự tại thật sự. Điều thứ tư là:

Chánh kinh:

Trụ u chân thật tối thắng ý lạc.

(Trụ nơi sự thỏa ý chân thật, tối thắng)

Cõi lòng quý vị chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, từ bi, pháp hỷ sung mãn. Đó là chân tự tại, khoái lạc đây! Điều thứ năm là:

Chánh kinh:

Bất vi ty hạ, diệc bất kinh bố.

(Chẳng trở nên hèn kém, cũng chẳng kinh sợ)

Tâm trí quý vị vĩnh viễn an ổn, chẳng sợ hãi, dù quý vị gặp phải tai biến lớn đến cách nào cũng chẳng kinh, chẳng hoảng. Vì sao? Chẳng bị ngoại cảnh lay chuyển. Đây chính là đã làm được điều kinh Kim Cang nói: “*Chẳng lấy các tướng, như như bất động*”. Điều thứ sáu là:

Chánh kinh:

Ly chư ác đạo, đọa lạc úy cố.

(Vi lìa khỏi nỗi sợ đọa lạc các đường ác)

Mọi người sợ đọa ác đạo, nhưng người thiếu dục tri túc quyết định chẳng đọa ác đạo. Dù kẻ ấy chẳng học Phật, chẳng cầu vãng sanh, ở trong lục đạo luân hồi cũng chẳng đọa ác đạo. Phạm những kẻ đọa trong ba đường ác là những kẻ dục vọng quá nhiều, tham, sân, si, mạn quá nặng. Người chẳng có tham, sân, si làm sao đọa tam ác đạo cho được! Điều thứ bảy là:

Chánh kinh:

Vô năng ánh tế, xả đấm mũi vị.

(Không gì có thể che lấp được vì đã bỏ tham đắm mũi vị)

Trí huệ, đức năng của người ấy không ai chướng ngại được. “*Ánh tế*” nghĩa là chướng ngại. Vì sao chẳng thể chướng ngại được? Là vì người ấy chẳng ham thích gì, chẳng hề tham đắm gì. Người thế gian có thể thao túng, có thể không chế một cá nhân nào thì nhất định phải nắm được nhược điểm của người ấy. Nhược điểm là gì? Nói chung, chẳng ngoài danh văn, lợi dưỡng! Quý vị có điều gì tham đắm là họ nắm được quý vị, họ có thể dùng điều đó để không chế quý vị. Quý vị sợ chết, họ dùng ngay cái chết để uy hiếp quý vị. Quý vị chẳng sợ chết, họ chẳng còn biết làm sao! Quý vị tham tài sản, họ dùng của cải không chế quý vị. Quý vị chẳng ham tài sản, họ chẳng thể không chế quý vị. Chỉ cần quý vị có tham ái cái chi đó, có mê đắm thứ chi đó, sẽ liền bị yêu ma, quỷ quái không chế, chúng sẽ có thể chướng ngại quý vị. Nếu quý vị bỏ được hết thầy lợi dưỡng, yêu ma quỷ quái đành bó tay, cũng chẳng thể chướng ngại quý vị được!

Chánh kinh:

Chúng ma cảnh giới, đắc giải thoát cố.

(Vi trong các cảnh giới ma mà được giải thoát)

Ở ngay trong cảnh ma cũng chẳng chướng ngại được quý vị, quý vị đã tự tại trong cảnh ma. “*Giải thoát*” nghĩa là tự tại.

Chánh kinh:

Nhất thiết chư Phật chi sở xưng tán.

(Được hết thấy chư Phật khen ngợi)

Tâm hạnh quý vị tương ứng với chư Phật, nên được chư Phật hộ niệm. Chữ “*xưng tán*” ở đây có nghĩa là hộ niệm.

Chánh kinh:

Chư thiên cập nhân, diệc đương ái tiện.

(Chư thiên và loài người cũng sẽ yêu thích)

Chư thiên, người lành cũng sẽ yêu mến, ưa thích quý vị.

Chánh kinh:

Ư chư thiên định, nhi bất nhiễm trước, trụ biên tế cố.

(Chẳng nhiễm trước các thiên định, vì trụ vào biên tế)

Tuy đắc thiên định, nhưng chẳng nhiễm trước thiên định. Chẳng tham ái thiên định thì trí huệ mới có thể phát sanh. Nếu nhiễm trước thiên định thì dù có đắc thiên định, cũng chẳng thể mở mang trí huệ. Vì sao? Kẻ ấy trụ trong thiên định nên có chỗ trụ, nhưng trong kinh Kim Cang Phật đã dạy: “*Ứng vô sở trụ*” (nên không có chỗ trụ). “*Vô sở trụ*” là chẳng trụ vào hai bên: Có và Không. Phạm phu có trụ: Tham đắm lợi dưỡng chính là trụ vào lợi dưỡng. Tham đắm thiên định là trụ vào Thiên Định. Bởi thế, chẳng được trụ vào Có lẫn Không, đó gọi là “*trụ biên tế*”. Biên Tế có nghĩa là chẳng trụ vào hai bên.

Chánh kinh:

Kỳ tâm chất trực, vô hữu siểm khúc, u ngữ dục trung, diệc bất phóng dật, kiến kỳ quá cố.

(Tâm chất trực, chẳng có dua vạy. Đối với ngữ dục, cũng chẳng buông lung vì thấy lỗi nó)

Điều này rất trọng yếu. Tâm kẻ ấy chân thành. “*Chất trực*” là chân thành, chẳng có cong vạy. Đối với đại chúng kẻ ấy cung kính, trong ngũ dục, trong lục trần kẻ ấy cũng cẩn thận chẳng buông lung. “*Phóng dật*” nghĩa là tùy tiện. Chẳng những không buông lung, lại còn rất cẩn thận, rất cung kính. Vì sao thế? Biết rõ lỗi hại của ngũ dục, của lục trần, nên chẳng tham đắm vậy!

Chánh kinh:

Như thuyết tu hành, năng trụ thánh chủng.

(Tu hành đúng theo lời dạy, trụ trong dòng thánh)

Người ấy có thể y theo lời Phật răn dạy để tu hành, nên trụ trong dòng Thánh. Như trong phần trước đã giảng: y phục, thức ăn, ngọa cụ thấy đều tùy duyên nhưng chẳng vin nắm, Phật dạy nên tu đoạn điều gì, người ấy rất vui vẻ đoạn trừ, Phật dạy người ấy nên tu hành những gì, người ấy cũng rất vui vẻ tu theo. Đây là trụ vào dòng Thánh.

Chánh kinh:

Đồng phạm hạnh giả, diệc đương ái nhạo.

(Những người có cùng phạm hạnh cũng sẽ yêu thích)

Những đồng bạn cũng như những người tu cùng một phạm hạnh cũng vô cùng mến thích, vô cùng tán thán người ấy. Ở đây, Phật nói ra tất cả mười bốn điều lợi ích của việc xa lìa lợi dưỡng.

---o0o---

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược hữu Bồ Tát trí huệ thông mãn, u thử công đức, năng như thị tri. Dĩ thắng ý lạc đương xả lợi dưỡng, dĩ thắng ý lạc trụ u thiếu dục, vị đoạn tham ái nhi phát khởi cố.

(Này Di Lạc! Nếu có Bồ Tát trí huệ thông mãn, đối với các công đức này mà có thể biết được như thế. Do ý lạc thù thắng bèn bỏ lợi dưỡng, do ý lạc thù thắng mà trụ vào thiếu dục, vì đoạn tham ái mà phát khởi vậy)

Phật dạy chúng ta: lợi dưỡng có hai mươi hai điều làm lỗi, xa lìa lợi dưỡng có mười bốn điều lợi ích, rồi bảo Di Lặc Bồ Tát (tuy bảo với Di Lặc Bồ Tát nhưng thật ra là bảo mọi người chúng ta): “*Nếu có Bồ Tát trí huệ thông mãn, đối với các công đức này mà có thể biết được như thế*”: đối với lỗi hại của lợi dưỡng và lợi ích do bỏ được lợi dưỡng mà quý vị biết rõ ràng, rành rẽ, nhất định quý vị sẽ dùng ý lạc, ý nguyện tối thù thắng - tức là hoan hỷ làm gì? Hoan hỷ bỏ lợi dưỡng, tức là như chúng tôi thường nói: Buông xuống, quý vị thật sự buông xuống được! Vì sao buông xuống được? Vì đã thấy rỗng toang rồi. Thấy rỗng toang ra sao? Biết cái hại của lợi dưỡng, biết cái hay của việc bỏ lợi dưỡng. Quý vị biết, đó là thấy rỗng toang (Khán Phá). Quý vị thật sự chịu buông xuống, bỏ đi, đó là Phóng Hạ.

Quý vị buông xuống rồi thì mới bèn “*dùng ý lạc thù thắng để trụ trong thiếu dục*”, quý vị mới bèn vui vẻ chọn cách sống đơn giản. Phương cách sanh sống đơn giản chẳng hề phiền lụy chi! Thật sự tự tại đấy! Chẳng những riêng cá nhân người tu hành phải nhận thức rõ, mà toàn bộ đại chúng tu học chúng ta cũng phải nên hiểu rõ! Chúng tôi giảng kinh thuyết pháp hơn ba mươi năm rồi; trong thời gian lâu dài ấy, rất nhiều vị đồng tu biết rõ: Tôi giảng kinh thuyết pháp hai mươi năm mới có thư viện này. Hai mươi lăm năm mới có Cơ Kim Hội tại Hàng Châu Nam Lộ, đều tự nhiên thành tựu, chứ chúng tôi chẳng hề bảo chúng ta phải kiến lập một đạo tràng. Đạo tràng ở ngoại quốc cũng giống như vậy, đều là tự nhiên thành tựu. Sau khi thành tựu thì các đồng tu ngày một đông.

Có nhiều người đến bảo tôi: Chúng tôi muốn tậu cuộc đất đó, để lập chùa cho to hơn một chút. Tôi hoàn toàn chẳng tán thành, là vì sao? Tham đắm lợi dưỡng! Chùa càng lớn, tài sản nhiều, người xuất gia càng đông. Vì sao những kẻ ấy xuất gia? Thấy có thể thừa kế tài sản, cho nên chẳng hợp với đạo vậy. Đạo tràng của tôi cứ lớn từng chút một, từng chút một như thế, cái gì cũng chẳng có, ai đến xuất gia nói chung là cái tâm phải tốt, chẳng có ác ý. Còn nếu như đạo tràng to lớn, có kẻ muốn đến xuất gia, ắt tôi phải suy đoán: Kẻ kia vì lẽ gì mà đến xuất gia? Có phải là nó muốn xuất gia để tranh đoạt tài sản chẳng? Vì sao? Lợi dục tăng trưởng tâm tham, tham tăng trưởng phiền não của con người. Bởi thế đạo tràng được kiến lập sẽ khiến nhiều kẻ đến tranh giành, há chẳng phải là tạo tội nghiệp địa ngục A Tỳ ư? Bởi thế, bất cứ ai đến trước mặt tôi bảo cần phải kiến lập đạo tràng, tôi một mực cự tuyệt, tôi tuyệt đối chẳng làm chuyện ấy. Chuyện ấy chẳng phải là việc tốt đâu!

Bây giờ nếu có ai nói: “Pháp sư! Ngài phải từ bi hoằng pháp lợi sanh”. Hoằng pháp lợi sanh trong thời hiện tại chẳng cần phải có đạo tràng, mà cần phải có gì? Phải có mạng lưới quốc tế! Chúng tôi giảng điều gì ở đây, một khi đã đăng lên mạng Internet, mỗi một máy điện não (computer) gia đình trên toàn thế giới nối vào mạng, sẽ đều trông thấy, đều nghe thấy. Rất là tự tại! Vậy thì cần đạo tràng để làm gì? Thư viện của chúng tôi hiện đã gặp quá nhiều hiểm nguy rồi, mạng lưới quốc tế tốt vô cùng. Băng âm (cassette tape), băng video, kinh sách của chúng tôi đã lưu thông toàn thế giới. Khoa học kỹ thuật tiến bộ, nên dùng khoa học kỹ thuật để truyền bá, đem Phật pháp đến với mỗi gia đình. Tôi tin là mười năm sau, cá nhân nào cũng có máy điện não tùy thân. Bất luận tại địa phương nào, cứ nối mạng là hình ảnh của chúng tôi bèn xuất hiện, cần kiến lập đạo tràng làm chi nữa!

Ngay cả đối với những phương thức khoa học kỹ thuật ấy tôi cũng chẳng bận tâm, ai muốn làm thì làm, ai thích sử dụng thì cứ việc, tôi chẳng hề giữ bản quyền, ai thích lưu truyền đều được cả. Vẫn có người lúc làm bèn đến hỏi tôi có đồng ý hay chẳng? Tôi đồng ý để làm gì? Chỉ thêm phiền toái thôi! Quý vị thích làm cứ việc làm, chẳng cần phải hỏi tôi nữa. Tôi đã nói rồi: không có bản quyền, quý vị còn đến hỏi tôi làm chi nữa? Vẫn còn phải xin tôi đồng ý để làm chi? Đó chẳng phải là cố ý tạo thêm phiền phức ư? Nếu chẳng phải là cố ý gây phiền thì chính là xem văn tự chẳng hiểu vậy!

Đối với lỗi lầm của lợi dưỡng và lợi ích của việc xa lìa lợi dưỡng, nếu quý vị minh bạch rồi, nhất định quý vị sẽ hoan hỷ thiếu dục, hoan hỷ sống đời đơn giản, bởi lẽ càng đơn giản càng tự tại, càng đơn giản càng ít phiền não! “*Vì đoạn tham ái mà phát khởi*”: Phát khởi ở đây là phát khởi Bồ Tát thù thắng chí nạo (sự vui thích thù thắng của bậc Bồ Tát), họ nhất định phát khởi được điều ấy.

8.4. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát: Ôn não có hai mươi loại lỗi lầm lớn.

8.4.a. Trường hàng:

Đoạn dưới đây là Di Lạc Bồ Tát vì chúng ta khái thỉnh: quán sát nhiệt não có hai mươi loại lầm lỗi.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi hội não trung quá, nhược quán sát thời, Bồ Tát độc xử nhàn tịnh, bất sanh nhiệt não.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào là những lầm lỗi của nhiệt não để khi quán sát, Bồ Tát sẽ ở riêng nơi thanh vắng, chẳng sanh nhiệt não)

Chữ “quán sát” ở đây là hiểu rõ triệt để, biết rõ lỗi lầm của nhiệt não. “Hội” là “hôn hội”, ta thường nói là hồ đồ, lộn xộn đấy! Sự xô bồ, lộn xộn trong hoàn cảnh não nhiệt gọi là “hội não”. Nhiệt não gây sự chướng ngại rất lớn cho sự tu hành, khiến cho quý vị mê hoặc, điên đảo, chẳng giúp cho quý vị giác ngộ được! Ở phần trên, lợi dưỡng tăng trưởng phiền não tham, sân, si; ở đây, nhiệt não tăng trưởng vô minh, đều là những sự phiền não. Bồ Tát hiểu mình bạch rồi, sẽ có thể ở một mình nơi thanh vắng. Có nhiều vị đồng tu đến ngoại quốc ở vài ngày liền cảm nhận thấy điều gì? Tịch tịch quá, quạnh quẽ quá, ở không nổi, phải trở về Đài Loan gấp. Đài Loan nhiệt não mà!

Ở Đài Loan thân thích, bạn bè nhiều, hôm nay khen nhà họ Trương hay, mai chê nhà họ Lý dở, ngày ngày nói chuyện nhảm nhí, coi đó là vui, coi đó là lạc thú một đời người! Ra ngoại quốc, không có ai trò chuyện, hàng xóm là ngoại nhân, ngôn ngữ chẳng thông, lại chẳng biết lái xe, con cái cũng rất bận rộn với công ăn việc làm, một ngày từ sáng đến tối ngồi ru rú trong nhà, cảm thấy rất quạnh quẽ. Chỉ nội một điều này thôi là quý vị chẳng thể sống nơi thanh vắng. Nếu như quý vị thấy rõ điều này, sẽ ưa thích đến một nơi rất an tịnh để tu học, sanh sống; nói thật ra, hoàn cảnh của ngoại quốc tốt hơn nước ta nhiều lắm.

Chánh kinh:

Phật ngôn:

- Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát hội não quá thất, hữu nhị thập chủng. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát độc xử nhàn tịnh, bất sanh nhiệt não.

(Phật dạy:

- *Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát nhiệt não có hai mươi điều lầm lỗi. Như lúc quán sát sẽ có thể làm cho Bồ Tát ở riêng nơi thanh vắng, chẳng sanh nhiệt não)*

“*Chẳng sanh nhiệt não*” là chẳng sanh phiền não. Chư vị phải hiểu ý câu này: Chẳng sanh nhiệt não là sanh khởi trí huệ, đó là đạo lý nhất định.

Chánh kinh:

Di Lặc! Vân hà danh vi nhạo w hội não nhị thập chủng quá? Nhất giả, bất hộ thân nghiệp. Nhị giả, bất hộ ngữ nghiệp. Tam giả, bất hộ ý nghiệp.

(Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi của việc ưa thích hội não? Một là chẳng giữ gìn thân nghiệp. Hai là chẳng giữ gìn ngữ nghiệp. Ba là chẳng giữ gìn ý nghiệp).

Quý vị xem: Từ đầu mối này mà phạm lầm lỗi nơi ba nghiệp thân, ngữ, ý. Trong kinh Vô Lượng Thọ, Phật dạy người niệm Phật chúng ta ba tổng cương lãnh tu hành tối trọng yếu cũng là ba nghiệp: “*Khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng chê lỗi người khác*”, chẳng khéo giữ ngữ nghiệp sẽ ngày ngày bàn nói thị phi, hay dở của người khác; “*khéo giữ thân nghiệp, chẳng mất luật nghi*”, chẳng giữ thân nghiệp, luật nghi phé sạch; “*khéo giữ ý nghiệp, thanh tịnh vô nhiễm*”, chẳng giữ được ý nghiệp, thì nói cách khác là phiền não ô nhiễm ngày càng tăng trưởng! Đây là sự tổn hại do não nhiệt gây cho chúng ta, chướng ngại đạo nghiệp. Ba điều này được nêu trước tiên.

Chánh kinh:

Tứ giả, đa nhiều tham dục.

(Bốn là càng tăng tham dục)

Nhiệt não giúp cho tham dục nảy nở.

Chánh kinh:

Ngũ giả, tăng trưởng ngu si. Lục giả, đam trước thế thoại.

(Năm là tăng trưởng ngu si. Sáu là mê đắm ngôn luận thế gian)

Tiếp xúc đại chúng, hết thầy chuyện trò đều là nghiệp chướng lục đạo luân hồi! Ngôn luận thể tục phạm vi rất rộng, phạm những tư tưởng, ngôn luận nào chẳng giúp cho quý vị siêu thoát lục đạo thì đều thuộc vào “*thế thoại*” cả! Bởi thế, trong thế thoại có chánh luận, có tà luận. Tà luận khiến đọa trong ba ác đạo, chánh luận khiến sanh trong ba thiện đạo. Giáo học của Nho Gia là chánh luận, nhưng chẳng thể giúp quý vị liễu sanh tử, xuất tam giới. Bởi thế, nó là thế thoại, chẳng phải là Phật thoại.

Chánh kinh:

Thất giả ly xuất thế ngữ.

(Bảy là lìa khỏi ngôn ngữ xuất thế)

“*Xuất thế ngữ*” là những điều Phật dạy chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới. Hiện tại, pháp đức Phật dạy chúng ta tu học chính là niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ; kẻ ưa thích nhiệt náo lìa bỏ những lời dạy ấy, lìa bỏ những lời Phật răn dạy. “*Ly*” có ý nghĩa rất sâu. Mọi người chúng ta ngày ngày niệm Phật, tụng kinh, muốn cầu sanh Tịnh Độ, chứ thật ra, chúng ta “*mê đắm ngôn luận thế gian, lìa lời xuất thế*”. Bởi lẽ, chúng ta chẳng thật sự thực hành dù có niệm Phật; quý vị cứ nghĩ thử coi: Một ngày quý vị niệm Phật được mấy giờ, nói chuyện nhảm nhí mấy giờ. Cứ so sánh hai thời gian đó xem: Niệm Phật được hai tiếng đồng hồ, nói nhảm nhí mười hai tiếng. Quý vị nghĩ xem quả báo của mình sẽ ở đâu, thật rõ ràng rành, thật minh bạch vậy! Bởi thế, ý nghĩa chữ Ly này rất dài sâu vậy!

Chánh kinh:

Bát giả, u phi pháp trung, tôn trọng tu tập.

(Tám là tôn trọng, tu tập những điều phi pháp)

Quý vị ngày ngày tu và học, nhưng học là học những gì? Học những thứ phi pháp. “*Phi pháp*” chỉ những gì? [Những gì] tăng trưởng tam độc, tăng trưởng việc đời mà hằng ngày quý vị cứ làm chính là nó đấy! Tăng trưởng tham, sân, si đấy! Ý niệm tham, sân, si chẳng hề giảm bớt, thân tăng trưởng giết, trộm, dâm; miệng tăng trưởng vọng ngữ, ác khẩu, lưỡng thiệt, nói thêu dệt, quý vị lại rất tôn trọng những pháp ấy, rất tin tưởng học tập theo! Quý vị đã có ý tưởng ấy, hoàn cảnh bên ngoài cũng như thế thì quý vị coi có chỗ nào chẳng bị dụ dỗ, mê hoặc chẳng? Điện ảnh, truyền hình chẳng cần nói đến nữa. Báo chí trên xe, tạp chí, tất cả hết thầy quảng cáo đều là những thứ dụ dỗ, mê hoặc; tham, sân, si, mười ác nghiệp dụ dỗ mê hoặc! Trong có phiền não, ngoài có dụ dỗ mê hoặc, quý vị chống lại được chẳng? Quý vị bèn tôn trọng, tu tập những thứ đó. Tu những thứ đó thì sao? Thì gọi là tu tam ác đạo, chứ nào phải là tu Tây Phương Tịnh Độ!

Chánh kinh:

Cửu giả, xả ly chánh pháp.

(Chín là lìa bỏ chánh pháp)

Chánh pháp là Tam Bảo. Tam Học, Lục Độ là chánh pháp. Bỏ sạch những điều này, chẳng nghiêm cần học tập, đối với tam độc, thập ác, lại rất tin tưởng học theo, là lầm mất rồi! Đây đều là những lỗi hại của nhiệt não.

Chánh kinh:

Thập giả, thiên ma Ba Tuần nhi đắc kỳ tiện.

(Mười là thiên ma Ba Tuần được dịp làm hại)

Đây là vì quý vị đã đưa chuối cho Ma Vương nắm, để Ma Vương không chế mình. Chỉ cần quý vị bị Ma Vương không chế thì thiện căn chẳng để gì sanh khởi nữa. Quý vị muốn làm điều lành cũng chẳng để gì thành tựu được, ma đến chướng ngại liền!

Chánh kinh:

Thập nhất giả, u bất phóng dật, vị tăng tu tập.

(Mười một là chưa từng tu tập hạnh chẳng buông lung)

“*Bất phóng dật*” là cung kính, cẩn thận. Bất luận đối với người, đối với sự, đối với vật, tâm cung kính, ý nguyện thận trọng của quý vị rất khó thể sanh khởi.

Chánh kinh:

Thập nhị giả, u phóng dật hạnh, thường hoài nhiễm trước.

(Mười hai là đối với hạnh phóng dật, thường ôm lòng nhiễm trước)

Tức là khinh mạn, tùy tiện, qua loa đây! Những điều chẳng nên làm vẫn cứ thường có, thường phạm!

Chánh kinh:

Thập tam giả, đa chư giác quán.

(Mười ba là lăm các giác quán)

“Giác quán” ở đây là tạp niệm, vọng tưởng, đều là những thứ phương hại tâm thanh tịnh. Trong nhà Phật thường dựa vào “giác quán” nhiều hay ít để phán đoán định lực sâu hay cạn. Người định lực rất sâu, giác quán ít; người định lực cạn, giác quán nhiều. Giác quán là những tạp niệm bên trong, tạp niệm quá nhiều đương nhiên định lực nông cạn. Tạp niệm càng ít thì định lực càng sâu. Vì thế, nói tứ thiền, bát định là phân biệt trên giác quán sâu hay cạn.

Chánh kinh:

Thập tứ giả, tổn giảm đa văn.

(Mười bốn là tổn giảm đa văn)

“Đa văn” là siêng học. Người ưa thích náo nhiệt nhất định việc học sẽ bị trở ngại.

Chánh kinh:

Thập ngũ giả, bất đắc thiền định.

(Mười lăm là chẳng đắc thiền định)

Ưa thích nhiệt náo, nhất định tâm thanh tịnh nơi Định bị trở ngại.

Chánh kinh:

Thập lục giả, vô hữu trí huệ. Thập thất giả, tốc tạt nhi đắc phi chư phạm hạnh.

(Mười sáu là chẳng có trí huệ. Mười bảy là nhanh chóng đạt được những thứ chẳng phải là phạm hạnh)

Vì sao thế? Vì tham lam, người đời nay cứ nói cầu đổi mới, cầu biến đổi, cầu nhanh chóng, gọi đó là “tinh thần khoa học”. Trong Phật pháp nói là “nhanh chóng đạt được” những thứ chẳng phải là phạm hạnh, chẳng phải là thanh tịnh hạnh. Dù quý vị có đạt được gì, tâm quý vị cũng chẳng thể thanh tịnh.

Chánh kinh:

Thập bát giả, bất ái w Phật. Thập cửu giả, bất ái w Pháp. Nhị thập giả, bất ái w Tăng.

(Mười tám là chẳng yêu mến Phật. Mười chín là chẳng yêu mến Pháp. Hai mươi là chẳng yêu mến Tăng)

Đây chính là trái nghịch Tam Bảo. Quý vị thấy đó: Chúng ta vào cửa Phật, trước hết là thọ Tam Quy: quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng. Kể ấy bỏ sạch Phật, Pháp, Tăng, cứ theo nhiệt náo mà thôi.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát quán w hội náo nhị thập chủng quá.

(Di Lặc! Đấy là Bồ Tát quán hai mươi lỗi của nhiệt náo).

Đức Thế Tôn đã đem hai mươi lỗi của nhiệt náo giảng cho chúng ta. Tiếp theo đây là phần trùng tụng. Để nhắc lại những ý nghĩa ấy, Phật dùng kệ tụng nói lại lần nữa. Trong phần kệ tụng này, chẳng những đề cập đến nhiệt náo mà còn nhắc đến cả những lỗi lầm của lợi dưỡng đã giảng trong phần trước. Mục đích của kệ tụng là hy vọng đại chúng ghi nhớ chắc chắn, trong từng thời, từng khắc của sanh hoạt thường nhật sẽ tự đề khởi chánh niệm. Điều này trọng yếu phi thường.

8.4.b. Trùng Tụng:

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, đức Phật nhắc lại bằng kệ như sau)

Dưới đây là hai mươi bốn bài kệ tụng. Quá nửa là trùng tụng, tức là dùng kệ tụng để nhắc lại những điều đức Phật đã giảng qua trong phần trường hàng ở trên. Mục đích của kệ tụng gồm có hai điều:

- Một là giảng kinh thuyết pháp trong nhà Phật, chẳng giống như học sinh đến lớp trong nhà trường. Học sinh đến lớp con số nhất định; còn chỗ giảng kinh thì có kẻ đến sau, người đến trước. Đức Phật từ bi phi thường, đối với những kẻ đến sau, chưa nghe được phần đầu, Ngài bèn dùng kệ tụng để nhắc lại giản lược một lượt. Đây chính là ý nghĩa thứ nhất.

- Ý thứ hai là để tiện ghi nhớ. Phật toàn giảng những điều răn dạy trọng yếu phi thường. Nếu như chẳng thể thường nhớ trong tâm sẽ chẳng có biện pháp gì thọ trì được. Thọ trì là y giáo phụng hành. Vì thế, nhất định phải nhớ kỹ lời Phật răn dạy. Kệ tụng thuận tiện ghi nhớ. Vì thế, người học hỏi nhất định phải học thuộc kệ tụng, nhớ kỹ trong tâm, trong sanh hoạt thường ngày luôn luôn đề khởi công phu quán chiếu thì tu mới đắc lực.

Chánh kinh:

Xả ly chư tham sân,

Bất trụ w hội não.

(Lìa bỏ các tham, sân,

Chẳng trụ vào nhiệt não)

Kệ tụng bị câu chữ hạn chế, chẳng thể dài dòng, thẳng chóng như trường hàng được. Bởi thế, những ý nghĩa bao hàm trong kệ tụng chúng ta phải nhận hiểu. “*Lìa bỏ các tham, sân*” là chỉ nói đến hai thứ phiền não, chứ tính ra còn phải có si, mạn, nghi, nhưng vì câu kệ này chỉ có năm chữ nên tinh lược những thứ sau. Mọi người đừng cho là do tinh lược nên chúng chẳng có, chẳng phải như vậy đâu. Ý nghĩa câu này vẫn viên mãn, chúng ta phải hiểu rõ.

Chánh kinh:

Nhược hữu chuyên trụ bỉ,

Thị quá, bất ưng tác.

(Nếu ai chuyên trụ đó,

Là sai, chẳng nên làm)

Nghĩa là trong tâm chẳng nên tham đắm nhiệt não. Nếu thường tưởng nghĩ những trường hợp, cảnh giới nhiệt não như thế, đối với những điều đó sanh vui thích, thế là tâm quý vị có chỗ trụ. Phật bảo đó là lầm lỗi, là chẳng nên làm. Vì sao? Bài kệ tiếp theo sẽ nói rõ nguyên nhân.

Chánh kinh:

Kiêu mạn cập giác quán

(Kiêu mạn và giác quán)

Quý vị có thấy vì sao tham, sân, si vô ích chưa? Phần trên đã nói tham sân là kiêu mạn và giác quán, đủ thấy là trong tham, sân có mạn; tham, sân, si, mạn đều gộp trong ấy hết. “*Giác quán*” là trong tâm vọng tưởng chẳng ngừng, vọng niệm rất nhiều. Đây đều là do nhiệt não sanh ra; nhiệt não là tăng thượng duyên.

Chánh kinh:
Hoại hạnh vô giới nhân,

Xưng thân ư hội náo.

(Kẻ hoại hạnh, không giới,

Bèn khen ngợi nhiệt náo)

Hạng người nào ưa thích những điều đó? Người chẳng trì giới, người chẳng nghiêm cẩn chân tu hành. “*Hoại hạnh*” là phá hoại sự tu hành chánh đáng, và những kẻ chẳng trì giới mới vui thích nhiệt náo, mới khen ngợi nhiệt náo. Hai bài kệ này cùng nói về một việc!

Chánh kinh:

Ngu nhân nhạo thế luận,

Thoái thất Đệ Nhất Nghĩa.

(Kẻ ngu ưa thế luận,

Lui sụt Đệ Nhất Nghĩa)

“*Đệ Nhất Nghĩa*” là như trong phần văn Trường Hàng ở trên đã nói là “*quán Thật Nghĩa*”, quán sát Thật Tướng của các pháp. Người nào ưa thích những luận nghị thế gian, người ấy nhất định quên mất những đạo lý, răn dạy của pháp xuất thế. Đó là “*thoái thất*” vậy!

Chánh kinh:

Phóng dật, đa giác quán,

Thị quá, bất ưng tác.

(Buông lung, nhiều giác quán,

Là sai, chớ nên làm!)

Đây cũng là lầm lỗi của người tu hành, chớ có làm. Chớ nên tham nhiễm thế luận.

Chánh kinh:

Tỳ-kheo xả đa văn,

Ngôn luận bất như lý,

Tổn giảm chư thiên định,

Thường tư duy thế gian.

(Tỳ-kheo bỏ đa văn,

Ngôn luận chẳng đúng lý,

Các thiên định tổn giảm,

Thường nghĩ chuyện thế gian)

Ở đây, đức Phật nêu một thí dụ: tỳ-kheo xuất gia bỏ đa văn. Đây là lối chơi chữ. Nếu như hiểu là “ngay cả đức Phật giảng kinh thuyết pháp, quý vị cũng chẳng nghe, cứ bỏ sạch cả đi” thì làm mất rồi. Câu này phải hiểu đúng như sau: Người xuất gia cần phải đa văn, nghe nhiều Phật pháp! Tuy nói là đa văn Phật pháp, nhưng cũng phải có thứ tự trước sau, như trong tứ thế nguyện ta thường nói là “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*”, đây là học rộng đa văn. Nhưng điều nhất định là trước tiên quý vị phải đoạn phiền não.

Nếu phiền não vô tận chưa đoạn, quý vị sẽ chẳng thể đa văn, mà phải cần thâm nhập một môn. Thâm nhập một môn giúp ta đắc định, giúp ta bỏ được giác quán. Khi trí huệ mở mang rồi, mới có thể học rộng đa văn. Vì thế phải theo thứ tự, đa văn chẳng dành để nói với người sơ học. Bởi thế, chúng ta phải thông đạt, phải hiểu rõ ý nghĩa của đoạn kinh này. Nếu như “bỏ đa văn”, lẽ đương nhiên ngôn luận có sai trái. “*Bất như lý*” là chẳng đúng với chân lý đức Phật đã nói. Phật giảng hết thầy pháp đều là để giảng cho chúng ta chân tướng của nhân sanh vũ trụ, hiện tại ta gọi “chân tướng” là chân lý đây! Quý vị chẳng thể học rộng đa văn, ắt ngôn luận của quý vị nhất định chẳng thể là chân tướng sự thật.

Trong câu “*tổn giảm chư thiên định*”, chúng ta phải đặc biệt chú ý chữ “*chư*”. Chư có nghĩa là vô lượng tam-muội, tam-muội là thiên định. Vì sao có nhiều thiên định thế? Là do có rất nhiều phương thức tu hành, bất luận dùng công phu nào, dùng phương pháp nào để tu thiên định, mà cứ ham hố ngôn luận thế gian thì đều ủng hộ công thôi, ngay cả môn Niệm Phật của chúng ta cũng bị trở ngại. Vì thế, cổ kim đại đức thường hay dạy người sơ học chúng ta bỏ lia thế luận: từ báo chí, tạp chí, cho đến máy truyền hình, truyền thanh đều bỏ cả, tâm quý vị mới được thanh tịnh, mới định được.

Trong khi giảng, cũng có lúc chúng tôi nêu lên vấn đề này, nhưng có mấy ai làm được? Quý vị chưa làm được thì nói cách khác: Nhất định sẽ bị ảnh hưởng bởi hoàn cảnh. Trước đây, nói chung là chừng hai mươi, ba mươi năm trước, chính phủ vừa đề xướng cuộc vận động phục hưng văn hóa, có một ngày tôi đang ở nhà tiên sinh Phương Đông Mỹ, khéo sao hôm ấy có hai viên chức thuộc bộ Giáo Dục đến thăm giáo sư Phương, nêu vấn đề thỉnh giáo cụ Phương: “Cuộc vận động phục hưng văn hóa nên bắt đầu từ đâu?” Phương tiên sinh trầm ngâm mấy phút, rồi mới nói: “Nhất loạt ngưng in các loại tạp chí, báo chí ở Đài Loan, đóng cửa hết các đài truyền thanh, truyền hình”. Viên chức bộ Giáo Dục nghe vậy, lắc đầu:

- Thưa thầy, điều ấy chẳng thể làm được đâu!

- Chẳng làm được điều đó, còn bàn chuyện phục hưng văn hóa Trung Quốc làm gì nữa? Văn hóa Trung Quốc bị những thứ ấy phá hoại sạch cả rồi!

Lời cụ rất có lý nghe! Phục hưng văn hóa cổ hữu còn bị thể luận gây chướng ngại, hướng hồ là tu đạo! Nói đến tu đạo, thì đạo là gì? Đạo là tâm thanh tịnh, đạo là chánh tri chánh kiến, đạo là chân chánh giác ngộ. Vì thế, nếu chẳng lia bỏ được những thứ trên, đương nhiên sẽ thoái thất Đệ Nhất Nghĩa, Đệ Nhất Nghĩa chính là đạo! Một câu “*tôn giảm các thiền định*” này ý nghĩa là như thế, tu hành công phu chẳng đắc lực, chẳng có thành tựu. “*Thường tư duy thế gian*”: ý niệm hằng ngày của quý vị toàn là dính mắc vào những pháp thế gian ấy.

Chánh kinh:

Đam trước tư duy giả,

Hà đắc u tịch tĩnh?

(Kẻ mê đắm tư duy,

Há đâu đạt tịch tĩnh?)

“*Đam trước tư duy*” là kẻ thích suy nghĩ lung tung, tâm kẻ ấy làm sao định nổi được? Làm sao thanh tịnh cho được?

Chánh kinh:

Kỳ tâm thường tán dật

(Tâm gã thường tán dật)

Tâm kẻ ấy thường tán loạn, thường phóng dật.

Chánh kinh:

Vĩnh ly u chánh quán.

(Mãi lia nơi chánh quán)

[Chánh quán ở đây là] chánh quán của chư Phật Như Lai. Chánh quán là chánh tri chánh kiến, giác nhưng không mê, chánh nhưng chẳng tà; kẻ ấy vĩnh viễn chẳng thể đạt được. Chúng ta tu hành ngày ngày mong sẽ chứng đắc, nhưng vì sao chẳng thể chứng đắc? Bây giờ ta biết: Chẳng thể chứng đắc là vì mắc căn bệnh nào? Sai lầm ở đâu? Trong bộ kinh này, đức Phật đã dạy minh bạch cho chúng ta.

Chánh kinh:

Tốc đắc phi phạm hạnh.

(Mau đạt phi phạm hạnh)

“*Tốc*” là nhanh chóng. Người hiện thời chẳng có lòng nhẫn nại, chẳng có tánh nhẫn nại sẽ chẳng thể tu định. Bất cứ việc gì, họ cũng cầu những gì mới mẻ, nhanh chóng, biến chuyển. Tâm lý ấy đối với việc tu đạo rất trở ngại; đây chẳng phải là phạm hạnh. “*Phạm hạnh*”: Phạm nghĩa là thanh tịnh. Bởi thế, người học đạo trước hết phải tu tâm nhẫn nại. Trong lục độ có Nhẫn Nhục Ba La Mật; Nhẫn Nhục là tu tâm nhẫn nại.

Chánh kinh:

Huyên tạp vô nghi kiễm.

(Ồn tạp, không đức hạnh)

“*Nghi*” là oai nghi, “*kiễm*” là cẩn thận, kiểm điểm. Câu này ý nói đức hạnh đều mất cả.

Chánh kinh:

Diệc bất tăng ái Phật,

Cập ái u thánh chúng,

Khí xả ly dục pháp,

Đam trước phi pháp ngôn.

(Cũng chưa từng mến Phật,

Và mến yêu thánh chúng,

Vứt bỏ pháp ly dục,

Mê đắm lời phi pháp)

Trong câu “*bát ái Phật*”, Phật có nghĩa là giác ngộ. Chẳng yêu mến chánh giác đấy! Chẳng mến chánh giác thì ngày ngày điên đảo mê hoặc. “*Chẳng yêu mến thánh chúng*”: chữ “*thánh chúng*” chỉ thanh tịnh. Trong Tam Bảo, Tăng Bảo là sáu căn thanh tịnh, mây trần chẳng nhiễm. Kẻ ấy chẳng thích thanh tịnh. Thánh chúng cũng tượng trưng cho Lục Hòa. Kẻ ấy cũng chẳng ưa Lục Hòa. Trong câu “*virt bỏ pháp ly dục*”, Pháp là chánh. Bởi thế, ba câu Giác, Tịnh, Chánh này chính là Tam Bảo. Chúng ta học Phật, vào cửa Phật bèn quy y Tam Bảo, giờ đây, hành vi việc làm đều trái nghịch Tam Bảo cả! Vì đâu nên nổi trái nghịch Tam Bảo? Là vì tham đắm ngôn luận thế gian, hoan hỷ ngôn luận thế tục, đủ thấy là mắc phải làm lỗi rất nghiêm trọng.

Chánh kinh:

Ngã thường xả thiên thân,

Chi phần cập đầu mục,

Vị cầu vô thượng đạo,

Văn pháp vô yếm túc.

(Ta thường bỏ ngàn thân,

Chi phần và đầu, mắt,

Để cầu đạo vô thượng,

Nghe pháp không chán đủ)

Bốn câu kệ này nói lên việc sau: Thích Ca Mâu Ni Phật nêu gương cho chúng ta; xả thân cầu pháp thì mọi người cũng sẽ tôn trọng pháp giống như vậy. Trong kinh Niết Bàn có nói lúc Phật tu nhân, còn là Bồ Tát, vì cầu nửa bài kệ mà xả toàn thân. Tôi nhớ đến một câu chuyện, có lẽ nhiều vị đồng tu đã biết rồi. Bởi lẽ đức Phật cầu pháp tha thiết, thiên thần trông thấy, trời Đế Thích trông thấy, cố ý biến thành một con quỷ La Sát đến nói hai câu kệ: “*Các hành vô thường, là pháp sanh diệt*”, rồi không nói tiếp phần sau. Người cầu pháp nghe đến hai câu ấy, liền hỏi: “Còn hai câu kệ thì sao?” Quỷ nói:

- Phần tiếp theo ta không có sức, nói không nổi nữa.

- Vì sao vậy?

- Bụng ta đói, không có gì để ăn.

Người ấy nói:

- Ngài muốn ăn gì?

- Ta muốn ăn thịt người.

Bồ Tát liền phát tâm: “Tôi sẽ xả thân, trao cái thân tôi đây cho Ngài, xin Ngài nói nốt hai câu cuối có được chăng?” vì pháp xả thân. Quỷ La Sát thấy Bồ Tát thành tâm như thế, nói hai câu kệ cuối rồi, Bồ Tát thật sự xả mạng để cúng dường. Hai câu kệ cuối là: “*Sanh diệt dứt rồi, tịch diệt là vui!*” Quỷ bèn hiện lại thân Đế Thích, cung kính, lễ bái, cúng dường người ấy. Đây là chuyện khi còn tu nhân, Phật đã xả thân cầu pháp, chẳng tiếc thân mạng, vì cầu đạo vô thượng, nghe pháp không chán đủ. Nghĩ lại chúng ta nghe pháp có nhiệt thành như thế hay chăng? Có chút trở ngại còn con nào bèn chẳng tưởng đến nữa, bèn buông ngay ý nguyện nghe pháp, sao chẳng nghĩ đến đức Phật đã làm gương cho chúng ta như thế?

Chánh kinh:

Thị chư phi pháp nhân,

Thiểu văn tiện yểm xả.

(Những kẻ phi pháp ấy,

Nghe một chút, chán bỏ)

Được chút ít cho là đủ. Nghe một chút Phật pháp đã cho là đủ quá rồi, chẳng cầu đa văn. Chúng ta nghe kinh dạy như vậy, thì có rất nhiều vị cao tuổi, trí nhớ không tốt, nghe xong rất khó chịu! [Bởi lẽ họ thấy mình] không có năng lực đa văn đấy. Có cần phải đa văn chăng? Không nhất thiết! Việc này là nói với những người tuổi trẻ. Người trẻ tuổi cần phải đa văn, người phát nguyện hoằng pháp lợi sanh đương nhiên phải đa văn. Không đa văn làm sao giáo hóa được chúng sanh có bao nhiêu là căn tánh bất đồng? Người cao tuổi cứ một câu A Di Đà Phật cầu sanh Tịnh Độ, sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới sẽ lại học rộng nghe nhiều là ổn rồi. Chính xác phi thường! Vì thế, hiện tại bất tất phải lãng phí thời gian, cứ thâm nhập một môn, một câu Di Đà cứ niệm đến cùng!

Chánh kinh:

Ngã tích tác quốc vương,

Vị câu tứ cú kệ,

Thê tử cập tài bảo,

Tất giai năng thí dĩ.

(Ta xưa làm quốc vương,

Vì câu bốn câu kệ,

Vợ con cùng của báu,

Thảy đều đem thí cả)

Đoạn này cũng là đức Thế Tôn tự trình bày hành vi lúc còn tu nhân. Trong kinh Hiền Ngu, có đoạn thuật: Lúc Phật tu nhân, làm quốc vương, cũng là vì nghe một bài kệ:

Hết thầy hành vô thường,

Sanh đều là có khổ,

Vô nhân, không, vô tướng,

Chẳng có Ngã, ngã sở!

Vì nghe bài kệ đó bèn bỏ vợ con, của báu. Những chuyện này nhằm nói lên Phật pháp rất đáng quý! Nếu một câu, nửa bài kệ mà quý vị nghe hiểu, thật sự thể hội, sẽ khế nhập cảnh giới, chẳng có của báu thế gian nào sánh được nổi đâu! Trong nhiều kinh điển Đại Thừa, chúng ta đã thấy đức Thích Ca Mâu Ni Phật so sánh công đức, so lường tài thí với pháp thí: Bồ thí của báu đầy khắp đại thiên thế giới chẳng thể bằng bồ thí bốn câu kệ. Bốn câu này hợp thành một bài kệ. Một bài kệ có thể khiến cho quý vị khai ngộ, khiến cho quý vị liễu sanh thoát tử, khiến cho quý vị khế nhập cảnh giới Như Lai, dù có nhiều của báu thế gian hơn nữa, cũng không có cách gì bằng được nổi. Bởi thế, người chân chánh giác ngộ biết Phật pháp là quý báu, có thể xả thân vì pháp.

Chánh kinh:

Hà hữu u trí giả,

Nhi bất cần thính pháp

(Há có kẻ trí giả,

Mà chẳng siêng nghe pháp?)

Há thể có kẻ trí huệ chân chánh lại chẳng chịu siêng năng nghe pháp sao? Kẻ chẳng thể nghe pháp, thích đến chỗ vui chơi là kẻ ngu si, chẳng có trí huệ đâu! Người thật sự có trí huệ sẽ đối với việc nghe pháp, tu trì, giành giật từng phút giây, chẳng dám để thời gian quý báu luống qua!

Chánh kinh:

Ngã thường xả nhất thiết,

Phi pháp chi hý luận,

Vì v bách thiên kiếp,

Nan đắc giải thoát cô!

(Ta thường bỏ hết thảy,

Những hý luận phi pháp

Ta trong trăm ngàn năm,

Khó được giải thoát vậy!)

Bốn câu kệ này của đức Phật nhằm khuyên chúng ta, Ngài là tấm gương cực tốt cho chúng ta: Ngài đã từng - “thường” nghĩa là từng trải qua - “bỏ hết thảy” danh văn, lợi dưỡng thế gian, ngũ dục, lục trần thảy đều bỏ sạch. “*Những hý luận phi pháp*” cũng bỏ luôn. Mục đích là gì? Ngài thật sự hiểu rõ, thật sự minh bạch rằng “*trong trăm ngàn kiếp, khó được giải thoát*” - chúng ta từ vô thủy đến nay, không phải chỉ là trăm ngàn kiếp đâu, vẫn cứ luân hồi trong lục đạo, tiền đồ tối om, mù mịt vô cùng, biết bao giờ giải thoát. Từ xưa đến nay, chúng ta chưa từng giác ngộ, còn Ngài đã thành Phật là vì đạo lý này đây: Ngài đã giác ngộ. Đã giác ngộ, Ngài lại còn có thể bỏ, Ngài chịu buông bỏ thì mới có thể thành tựu được!

Chánh kinh:

Nhữ đẵng ưng hân nhạo,

Chí cầu vi diệu pháp.

(Các người nên vui thích,

Chí cầu pháp vi diệu)

Chúng ta phải học theo đức Phật. Hãy nên hoan hỷ, vui ưa, mong cầu Phật pháp vi diệu vô thượng. Phật pháp vi diệu ấy trong cuối kinh sẽ gom chỉ về Tịnh Độ. Vì thế, pháp vi diệu này chẳng phải chỉ cho pháp Đại

Thừa không thôi, mà thực tế là chỉ pháp môn cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Bởi lẽ, chỉ có pháp môn này mới thật sự có thể bảo đảm chúng ta ngay trong một đời này thoát ly tam giới luân hồi.

Chánh kinh:

Nhược nhạo w giải thoát.

(Nếu thích nơi giải thoát)

Chữ “lạc” ở đây phải đọc biến âm thành Nhạo, nghĩa là yêu thích. Quý vị phải yêu thích giải thoát.

Chánh kinh:

Tối thắng công đức giữ.

(Công đức tối thù thắng)

“Thắng” là thù thắng, công đức thù thắng. Hai câu kệ này chỉ chung pháp Đại Thừa, đồng thời chỉ riêng pháp Tịnh Độ. Pháp môn Tịnh Độ thù thắng khôn sánh, quý vị phải thật sự yêu mến, phải thật sự hiểu rõ.

Chánh kinh:

Thế gian chư sự nghiệp,

Giai sở bất ưng vấn,

(Các sự nghiệp thế gian,

Đều chẳng nên hỏi đến)

Nếu quý vị buông xuống thì quý vị mới có thể thực sự cầu được giải thoát. Chữ “giải” này là giải trừ, giải trừ hết thấy phiền não ràng buộc. “Thoát” là thoát ly lục đạo sanh tử luân hồi. Người chân chánh giác ngộ đối với những sự nghiệp thế gian đều buông xuống hết. Nói “sự nghiệp thế gian” là chỉ những sự nghiệp tạo luân hồi lục đạo.

Chánh kinh:

Y thực vô thắng lợi,

Diệt bất chứng Niết Bàn.

(Com áo không lợi ích,

Cũng chẳng chứng Niết Bàn)

Đây là nêu thí dụ. Người thế gian bận bịu những gì? Bận bịu với com áo. Y thực chẳng phải là lợi ích thù thắng (“thắng lợi”); bởi thế com áo chỉ cần vừa đủ là được. Đặc biệt là tại Đài Loan, nếu ai chân chánh giác ngộ thì ở Đài Loan thật sự có đại phước báo. Vì sao vậy? Com áo dễ dàng, chẳng khó cầu chi. Chẳng cần phải tranh giành với ai. Mỗi ngày muốn ăn no, mặc ấm thì điều kiện ấy tại Đài Loan rất dễ dàng. Có một năm tôi đi giảng pháp, đi xe taxi, người lái xe bảo tôi: “Kiếm tiền thật chẳng dễ, cay đắng lắm!” Tôi bèn hỏi ông ta: “Vì sao ông cần phải kiếm thật nhiều tiền vậy? Chẳng biết ông có com ăn không? Ông không có y phục để mặc phải không? Một bộ quần áo mặc tám, mười năm còn chưa hư kia mà!” Ông ta gật gù: “Cũng có lý chứ!”

Nếu tự vui với cuộc sống của chính mình thì mỗi tháng chỉ làm việc năm ngày cũng đủ ăn cả tháng, dành hai mươi lăm ngày niệm Phật. Quý vị coi có phải là tự tại không? Có chi cứ ngày ngày khổ cực vậy? Là vì đua tranh với người khác đó mà! Bây giờ người ta mặc y phục theo mode, ngày mai không mua một bộ khác là không theo kịp thời trang rồi, cái tâm lý đua đòi ấy chỉ khiến chính mình khổ sở mà thôi! Bởi thế, nếu quý vị hiểu rõ đạo lý này thì ở Đài Loan, quý vị có thể làm một năm, nghỉ một năm; nói thật đó! Ở ngoại quốc có rất nhiều nơi chẳng được vậy đâu, rất là khổ cực đấy nhé! Tháng nào không làm việc, tháng ấy không có com mà ăn. Tại Đài Loan thì khác, làm một tháng mà biết tiết kiệm thì có thể đủ ăn cả năm.

Trên đây, nói com áo chẳng phải là lợi ích thù thắng, “*cũng chẳng chứng Niết Bàn*”. Hai câu này là như trong kinh Kim Cang nói: “*Pháp còn nên bỏ, huống là phi pháp*”. “*Chứng Niết Bàn*” là pháp, ngay cả ý niệm chứng Niết Bàn cũng bỏ luôn, chẳng cầu nữa, huống hồ là com áo! “*Com áo còn chẳng phải là lợi ích thù thắng*”, huống chi là phi pháp!

Chánh kinh:

Đương xưng tán tối thắng.

(Nên ngợi khen tối thắng)

Nên khen ngợi điều tối thù thắng. Điều gì tối thù thắng? Chính là Phật pháp Đại Thừa. Kinh Kim Cang Bát Nhã nói: “*Các pháp đều không, nhân quả chẳng không*”. Quý vị xem: đức Phật nói “*ba tâm chẳng thể được*”. Chủ thể chấp trước (năng chấp trước) là không, vạn pháp duyên sanh, thể của chúng là Không, trọn chẳng thể được; cái được quý vị chấp trước (sở chấp trước) cũng là không. Năng, Sở đều không. Đây là nói “*vạn pháp đều không*”. Bồ Tát chẳng nói tướng đoạn diệt; chẳng nói tướng đoạn diệt chính là “*nhân quả chẳng không*”. Đây là lời tổng luận toàn bộ kinh ấy một cách đơn giản như thế; đây là điều tối thù thắng.

Nếu quy vào pháp môn Niệm Phật thì niệm Phật là nhân, thành Phật là quả; đây là pháp tối thắng được chư Phật Như Lai khen ngợi. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả, niệm Phật thành Phật. Bởi thế chẳng cần phải niệm pháp thế gian, phải bỏ thế gian đi, phải bỏ sạch cả đi!

Chánh kinh:

Thiện lai, chư tỳ-kheo!

Ung phu tòa linh tọa,

Hỗ thuyết chư pháp yếu.

(Các tỳ kheo khéo đến,

Hãy nên trái tòa ngồi,

Bảo nhau các pháp yếu)

“*Thiện lai chư tỳ kheo*” hiểu theo nghĩa rộng là tứ chúng đồng học. Chúng ta thường có duyên tụ hội một chỗ, khi gặp nhau đừng nói chuyện thể tục, mà hãy thuật cho nhau nghe các pháp yếu, trao đổi những điều tâm đắc trong việc tu học, thảo luận những khai thị trọng yếu trong kinh luận Phật giáo có quan hệ như thế nào đối với việc tu học của chúng ta, giúp cho chúng ta thấy rộng toang, buông xuống, giúp chúng ta đoạn ác, tu thiện. Thảo luận những điều như vậy là đúng.

“*Pháp yếu*” là những điểm tối tinh yếu trong pháp, chẳng hạn như bài kệ của kinh Kim Cang vừa nhắc ở phần trên, tối trọng yếu là hai câu: “*Chẳng lấy các tướng, như như bất động*”. Ngoài chẳng chấp tướng, trong tâm bất động, là điều trọng yếu! Trong pháp môn Tịnh tông, sáu chữ hồng danh “*nam mô A Di Đà Phật*” là trọng yếu, không còn gì trọng yếu hơn. Nếu thật sự chắc thật niệm danh hiệu ấy thì sẽ thoát khỏi tam giới thành công. Ngày Chủ Nhật, chúng ta họp nhau niệm Phật tại đây, mọi người cùng niệm Phật chính là bảo cho nhau nghe pháp yếu đây! Mỗi một người quý vị không có tạp tâm, không có tạp niệm, nam mô A Di Đà Phật, nam mô A Di Đà Phật, đây thật sự là bảo cho nhau nghe pháp yếu vậy!

Chánh kinh:

Nhân thân thậm nan đắc,

Tùy phận hành bạch pháp,

Độc tụng cập thiền định,

Nhữ ưng như thị vấn.

(Thân người rất khó được,

Tùy sức hành pháp lành,

Độc tụng và thiền định,

Ông nên hỏi như thế!)

Tìm thầy, kiếm bạn hỏi đạo, hỏi những điều gì? Nhất định phải hiểu thân người khó được, Phật pháp khó nghe. “*Bạch pháp*” là thiện pháp, những pháp đức Phật thuyết chính là bạch pháp. Câu này hàm ý dạy chúng “*như thuyết tu hành*”, thường đọc tụng kinh điển Đại Thừa. “*Thiền định*” là thọ trì, thật sự tu hành đây! Đọc xong phải thật sự tu hành! “*Thiền định*” hàm ý thật sự tu hành. “*Ông nên hỏi như thế*”: hỏi như vậy mới là chính xác, mới được đức Phật khen ngợi vậy!

Chánh kinh:

Như Lai nhập Niết Bàn,

Di pháp đương diệt hoại,

Tỳ-kheo đa phóng dật,

Nhạo chúng, khí nhàn tịnh,

Vị ẩm thực lợi dưỡng,

Trú dạ đàm thể thoai.

(Như Lai nhập Niết Bàn,

Di pháp sẽ diệt hoại,

Tỳ-kheo hay buông lung,

Ưu đông, bỏ thanh vắng,

Vì uống ăn, lợi dưỡng,

Ngày đêm bàn chuyện đời)

Sáu câu này nói về hiện tượng học Phật trong thời kỳ Mạt Pháp. Hiện tại đã cách thời đức Phật diệt độ ba ngàn năm rồi, tình trạng tu tập hiện thời của chúng ta đức Phật nói chẳng sai một điểm! Câu thứ nhất nghĩa là sau khi đức Phật diệt độ, Phật pháp sẽ dần dần bị biến chất, Phật pháp cũng bị hoại diệt. Trong thời đại mạt pháp này, “*tỳ-kheo hay buông lung*”: đệ tử xuất gia của Phật phóng dật chẳng tuân thủ lời dạy răn, ưa thích tụ hội cùng đại chúng. “*Nhạo chúng*” là thích tụ hội cùng đại chúng, chẳng thích nhàn tịnh. Càng nhàn tịnh họ càng chẳng hoan hỷ! Vì lợi dưỡng, ẩm thực bèn “*ngày đêm bàn chuyện đời*”. Bài kệ này mô tả đích xác tình trạng học Phật hiện tại của chúng ta!

Chánh kinh:

Ngu nhân u mộng trung,

Kinh bố nhi phiêu nịch,

Tự tri đa hủy phạm,

Đương đọa tam ác đạo

(Kẻ ngu ở trong mộng,

Kinh hãi nên trôi chìm,

Tự biết lắm hủy phạm,

Sẽ đọa ba đường ác)

“Ngu” là ngu si, không có trí huệ, mê hoặc, điên đảo. Chữ “trong mộng” miêu tả cuộc sống hiện tại: Kẻ ấy sống như trong mộng. “Mộng” có nghĩa là trong cuộc sống chẳng hề giác ngộ, chẳng tỉnh táo, mê hoặc điên đảo, thời thời khắc khắc sợ hãi, chẳng thể rời bỏ sợ hãi, phiêu giạt, chìm đắm trong tam đồ lục đạo. Ngẫu nhiên, tạm giác ngộ, liền nhận biết mình đã hủy phạm nhiều, mình chưa hề tuân thủ những dạy răn của đức Thế Tôn, không những chỉ phạm giới mà còn hủy phạm nữa, chẳng biết làm sao! Câu kệ cuối nói đến quả báo: sẽ đọa ba đường ác. Những điều đức Phật nói đều là chân tướng sự thật, chẳng nói dối câu nào; càng phản tỉnh, càng kinh hãi, biết làm cách nào đây? Tiếp theo đây, đức Phật dạy:

Chánh kinh:

Ung sanh hoan hỷ tâm,

Độc xử u nhàn tịch,

Nhược tại a-lan-nhã,

Chí cầu vô thượng đạo

(Nên sanh tâm hoan hỷ,

Ở riêng chỗ vắng lặng,

Như ở a-lan-nhã,

Chí cầu đạo vô thượng)

Đây là đức Phật dạy chúng ta “quay đầu là bờ”, đối với những ác nghiệp do mê hoặc điên đảo đã tạo trong quá khứ, chẳng cần phải nghĩ đến nữa. Nhiều vị đồng tu thường đến thưa với tôi: tâm thần họ chẳng thể an định, cứ nghĩ đến những ác nghiệp đã tạo trước đây bèn kinh tâm động phách, ngay đến cả Phật hiệu cũng niệm chẳng được, hỏi tôi có cách nào không? Làm cách nào ư? Ở đây, đức Phật bảo đừng nghĩ đến nữa, quá khứ là chuyện đã qua, từ hôm nay trở đi vui vẻ, mừng rỡ nghĩ đến Phật, niệm Phật, cảnh giới của quý vị có chuyển

biến thì nghiệp chướng của quý vị mới tiêu trừ được! Quý vị cần phải biết rằng: mỗi lần quý vị nghĩ đến là quý vị lại tạo [nghiệp ấy] một lần nữa, quý vị sợ còn tạo nghiệp chưa đủ nhiều hay sao? Tạo nghiệp là tâm, miệng, ý; dù thân và miệng chẳng tạo, nhưng cứ mỗi lần nghĩ đến sẽ cũng giống như tạo thêm một lần nữa, thật đáng sợ lắm!

Vậy thì, làm thế nào để tiêu nghiệp chướng? Đừng nghĩ đến nữa, chúng ta nghĩ từ nay đã chấm dứt rồi, đã ngưng hẳn rồi; từ nay trở đi, chỉ nghĩ đến Phật, nghĩ trong kinh đức Phật răn dạy bao điều để chuyển biến ý niệm, có vậy mới hồng tiêu trừ nghiệp chướng. Niệm Phật công phu như vậy mới đắc lực, tự nhiên xa lìa hết thảy lo sợ, vọng tưởng, đây là chính là điều đức Phật thường răn dạy chúng ta. Chúng ta nghe được Phật pháp Đại Thừa, thật là hy hữu đó nghe! Bởi thế, phải sanh tâm hoan hỷ.

“*Ở riêng nơi thanh vắng*” ngõ hầu tâm tịnh, tâm định. “*Như trụ a-lan-nhã*”: A-lan-nhã là hoàn cảnh u tịch phi thường. Hoàn cảnh thanh tịnh giúp ích rất nhiều cho việc tu hành của chính mình. “*Chỉ cầu đạo vô thượng*”: Chúng ta niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ là đạo vô thượng. Điều đầu tiên là phải tự biết làm thế nào để tiêu nghiệp chướng, làm thế nào để tiêu trừ vọng tưởng, xác định phương hướng mục tiêu tu học của chính mình, chỗ hạ thủ vẫn là nương theo những điều đức Phật chỉ dạy.

Chánh kinh:

Bất ưng kiến nhân quá.

(Chẳng nên thấy lỗi người)

Ở phần trên, đức Phật đã dạy chúng ta phương pháp thứ nhất là chẳng tìm lỗi người, [tức là] chẳng thấy lỗi người khác đây!

Chánh kinh:

Tự vị tôn tôn thắng

(Tự bảo tôn thắng nhất)

Thấy người khác ai cũng có làm lỗi, tự mình tự tôn tự đại, tự hào mình không làm lỗi gì, nào biết thấy lỗi người chính là mình có lỗi, phải biết điều này! Nếu quý vị chẳng có làm lỗi, quý vị sẽ chẳng thấy lỗi người khác. Câu kinh này nói [người cho mình tôn quý nhất] là tự tôn tự đại.

Chánh kinh:

Kiêu tứ, phóng dật bốn

(Kiêu tứ: gốc phóng dật)

Kiêu tứ (kiêu căng ngạo mạn, ý phóng túng) chính là cội rễ của phóng dật, chúng ta phải dè chừng.

Chánh kinh:

Mạc khinh hạ liệt nhân,

Bĩ u di pháp trung,

Tiêm thứ nhi giải thoát,

(Chớ khinh kẻ kém hèn,

Họ sẽ trong di pháp,

Dần dần được giải thoát)

Chớ có khinh khi người kém hèn, thậm chí đối với súc sanh cũng chẳng được khinh mạn chúng. Quý vị thấy đời này chúng mang thân súc sanh, biết đâu nghiệp báo súc sanh của chúng đã mãn, đời sau được làm thân người, niệm Phật vãng sanh, chúng quyết định sẽ thành Phật, còn ta vẫn cứ lẩn quẩn trong sáu đường. Chuyện ấy thường có; vì thế chẳng được xem thường người khác, không ít người một khi chuyển sanh sẽ thành tựu vượt trội chúng ta. “*Họ sẽ trong di pháp*”: di pháp là di giáo của Phật, rất có thể họ sẽ lần lượt được giải thoát, tu hành chúng quả vậy.

Chánh kinh:

Tỳ-kheo tuy phá giới,

Thâm tín u Tam Bảo,

Thị tắc giải thoát nhân,

Bất ưng kiến kỳ quá.

(Tỳ kheo tuy phá giới,

Nhưng tin sâu Tam Bảo,

Chính là nhân giải thoát,

Chẳng nên thấy lỗi họ)

Ở đây, Phật lại thuyết minh vì sao chẳng nên thấy lỗi người khác? Có đạo lý đấy. Trong Giới kinh thường nói: phá giới Phật vẫn có biện pháp cứu được, nhưng mất chánh kiến, Phật không còn cách nào cứu nổi. Những người kia tuy phá giới, nhưng không phá chánh kiến. Vì sao? Vì họ tin tưởng Tam Bảo sâu xa, vẫn còn cứu được!

Thí dụ rõ ràng nhất là như chuyện pháp sư Oánh Kha đời Tống chép trong Tịnh Độ Thánh Hiền Lục là một thí dụ rất hay. Lúc còn sống, Oánh Kha phá giới, tạo tác rất nhiều ác nghiệp. Sở dĩ ông ta được cứu là vì tin tưởng Tam Bảo, vẫn tin tưởng nhân quả, tự nghĩ mình nhất định đọa địa ngục A Tỳ. Tưởng đến việc ấy, ông ta sợ run, cầu hỏi các bạn đồng tu có cách nào cứu giúp hay không? Bạn đồng tu của ông ta cũng rất hiếm có, tặng ông Oánh một cuốn Vãng Sanh Truyện, bảo ông ta tự xem. Ông đọc thấy mọi người niệm Phật vãng sanh, tâm liền chấn động, thật sự phát nguyện niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ. Tâm ông ta chân thành, khẩn thiết, niệm đến ba ngày ba đêm cảm đức A Di Đà Phật hiện thân.

Phật A Di Đà dạy ông: “Ông còn sống được mười năm nữa, ông phải tu cho khéo; mười năm sau, lúc ông mạng chung, ta sẽ đến rước ông”. Oánh Kha chẳng dễ nản chí, ông thưa cùng A Di Đà Phật: “Con nghiệp chướng rất nặng, chẳng chống cự nổi những dục dõ, mê hoặc, người ta dẫn dụ là con lại phạm tội, phạm tội nữa thì chẳng biết mười năm sau tạo không biết bao nhiêu là tội nghiệp, con chẳng cần sống thêm mười năm nữa đâu, bây giờ con cứ theo Ngài thôi!” Phật cũng từ bi đáp ứng: “Ba ngày sau ta sẽ đến tiếp dẫn ông”. Ba ngày sau ông liền vãng sanh.

Kinh A Di Đà nói niệm một ngày, hai ngày đến bảy ngày là thật đấy, chẳng phải giả đâu. Vì sao chúng ta niệm Phật đã lâu mà chẳng được vãng sanh? Chúng ta chỉ ưa thích vãng sanh nơi cửa miệng, chứ trong tâm đối với thế giới này tham luyến, bỏ chẳng được! Phật biết rất rõ ràng, minh bạch, biết những lời quý vị nói đều là giả, nói không thật, nên Ngài chẳng đến; quý vị mà thật muốn vãng sanh, Ngài sẽ đến. Quý vị chẳng nói lời chân thật, miệng đúng tâm sai, nên có niệm suốt đời, Phật cũng chẳng nghĩ đến mình, còn người ta niệm chỉ ba ngày là Phật liền nghĩ đến ngay, là vì sao vậy? Vì thật sự niệm. Nếu như ở đây chúng ta đã Phật thất đúng như thế, niệm Phật bảy ngày liền vãng sanh thì sẽ chẳng còn ai đến đây nữa đâu! Bởi nếu được như vậy thì xong bảy ngày là chết rồi, còn ai dám đến đây nữa!

Đoạn kinh này nói về người phá giới, nhưng chẳng phá chánh kiến, [vẫn còn] chánh tri, chánh kiến, chẳng phải là tà tri, tà kiến. Chánh kiến đó là nhân đề giải thoát, họ sẽ được cứu, được vãng sanh, không chỉ vãng sanh mà lắm khi phẩm vị vãng sanh còn cao nữa kia! Chúng ta thấy trong kinh nói vua A Xà Thế, chẳng hạn như trong kinh Quán Vô Lượng Thọ, từng giết cha, hại mẹ, theo Đề Bà Đạt Đa phá hoại Tăng đoàn, tạo tội ngũ nghịch, thập ác. Đề Bà Đạt Đa đọa địa ngục, ông ta lúc lâm chung mới sám hối, niệm Phật cầu sanh Tịnh Độ, Phật bảo ông ta là thượng phẩm trung sanh, thật là ngoài sức tưởng tượng của chúng ta.

Bởi thế, chúng ta mới hiểu được rằng: có hai loại người vãng sanh Tịnh Độ, một là bình thời niệm Phật tích công lũy đức, hai là lâm chung sám hối, phẩm vị cao hay thấp phụ thuộc sức sám hối của người đó. Vua A Xà Thế chân tâm sám hối, nên đạt được phẩm vị cao. Bởi thế, chúng ta chẳng được khinh mạn những người tạo ác nghiệp, “*chẳng nên thấy lỗi họ*”.

Chánh kinh:

Tồi phục tham sân nan,

Vật kinh u phóng dật,

Trừ tập pháp ung nhĩ,

Thị cô bất tu thuyết.

*(Khó đẹp yên tham sân,
Đừng kinh sợ phóng dật,
Trừ tập pháp như thế,
Nên chẳng cần nói nữa)*

Bài kệ này cho thấy đức Phật thông đạt nhân tình vô cùng. Từ phương diện nhân tình mà nói, chẳng nên khinh mạn những hạng người ấy là vì cớ gì? Phiền não tham - sân - si muốn đoạn trừ rất khó khăn. Biếng trễ, lười nhác, phóng dật đều là tập khí phiền não từ vô thi kiếp đến nay. “*Trừ tập pháp ưng nhĩ*” (trừ tập khí, lẽ đương nhiên phải như thế): thấy những hiện tượng ấy, biết những hiện tượng ấy là chuyện đương nhiên. Cho nên chẳng thấy lỗi người khác. Ôi! Chẳng cần phải nói đến làm chi, phiền não từ vô thi đó mà! Kẻ kia chưa phải là thánh nhân, cũng chưa phải là Phật, Bồ Tát tái lai, làm sao không có phiền não cơ chứ?

Vì thế, dù thấy họ có lỗi cũng chẳng cần phải nói đến, hãy ngoảnh lại xét mình, bản thân mình có lỗi đó hay không? Tự xét mình khó lắm nghe! Thấy lỗi người khác dễ ẹt à! Hệt như trông mắt chỉ thấy những gì bên ngoài chứ chẳng thấy được chính mình. Như vậy, người giác ngộ chẳng có gì phi thường cả, họ thấy người khác giống như chính mình, ta - người chẳng hai. Thấy người khác có lỗi, họ liền biết chính mình có lỗi ấy, mong mọi người khác sửa lỗi thế nào thì họ sẽ tự nghiêm chỉnh sửa lỗi. Người như vậy có trí huệ, người như vậy khéo tu đây! Biết tu hành đây!

Chánh kinh:

Nhược thanh tịnh tỳ-kheo,

Ty tha nhân quá thật,

Thị tối phi chân thật,

Bất danh tu chánh pháp.

(Nếu tỳ-kheo thanh tịnh,

Bớt tìm lỗi lầm người,

Thật chẳng phải chân thật,

Chẳng gọi tu chánh pháp)

Nếu là một tỳ-kheo chân chánh thanh tịnh mà lại làm phiền người khác, tìm lỗi người khác, đức Phật nói kệ ấy chẳng đúng là tỳ-kheo thanh tịnh, cũng chẳng phải là kẻ chân chánh tu hành, mà là giả, là giả vờ đó thôi!

Chánh kinh:

Như lý tu hành giả,

Đương tu tự quán sát.

(Kẻ đúng lý tu hành,

Phải nên tự quán sát)

Thực sự là người tu hành thì phải thường tự xét mình, chẳng cần phải nhòm ngó người khác.

Chánh kinh:

Câu đạo chư tỳ-kheo,

Xả ly ác ngôn luận,

Thường dĩ hoan hỷ tâm,

Độc xử u nhàn tịnh.

(Các tỳ-kheo câu đạo,

Lìa bỏ lời lẽ ác,

Thường dùng tâm hoan hỷ,

Ở riêng nơi thanh vắng)

Đây là một tấm gương tu hành. Thật sự là người tu hành thì nhất định phải bớt nói, ngôn ngữ phải nhu hòa, thanh tịnh, hoan hỷ, an tịnh, đúng như thường nói: “*Nhiều sự chẳng bằng ít sự; ít sự chẳng bằng vô sự*”. Đây mới là chân chánh tu hành vậy! Trong đoạn này tổng cộng có hai mươi bốn bài kệ, trùng tụng đại ý đã nói trong phần trường hàng. Đoạn kinh văn tiếp theo đây là đoạn kinh tổng kết.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Đam trước hội náo, nãi hữu như thị vô lượng quá ác.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Hy hữu thay, bạch đức Thế Tôn! Mê đắm nhiệt náo bèn có vô lượng lỗi ác như thế)

Di Lạc Bồ Tát nghe đức Phật tuyên thuyết rất cảm khái, bèn thưa: “Tham ái, ưa thích nhiệt náo có nhiều lỗi ác như thế đó”.

Chánh kinh:

Thoái thất công đức, vô hữu lợi ích, tăng trưởng phiền não, đọa chư ác thú, viễn ly bạch pháp.

(Lui sụt công đức, chẳng có lợi ích, tăng trưởng phiền não, đọa các đường ác, xa lìa bạch pháp)

“Bạch pháp” là thiện pháp. [Kẻ ấy] toàn là tạo ác pháp, chẳng phải là thiện pháp.

Chánh kinh:

Hà hữu Bồ Tát cầu thiện pháp giả, văn thị quá thất, nhi bất nhạo u độc xử nhàn tịnh.

(Có vị Bồ Tát nào cầu thiện pháp, nghe những lỗi ấy, mà chẳng thích ở riêng nơi thanh vắng u?)

Đây là lời khích lệ chúng ta. Ngài nói có Bồ Tát nào cầu thiện pháp, nghe giảng nhiều lỗi lầm của việc ưa thích nhiệt náo như thế mà vẫn chẳng chịu buông bỏ chẳng? Vẫn chẳng tìm một nơi an tịnh để tu học hay chẳng?

8.5. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán ngôn luận thế gian có hai mươi lỗi lớn

8.5.a. Trường hàng:

Phần dưới đây nói ngôn luận thế gian có hai mươi lỗi lớn, xin hãy xem kinh văn:

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vị thế thọa trung quá, nhược quán sát thời, Bồ Tát ưng trụ quyết định chi nghĩa. Do quán thị nghĩa, bất sanh nhiệt não.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi lầm của ngôn luận thế gian để khi Bồ Tát quán sát sẽ trụ vào nghĩa quyết định. Do quán nghĩa ấy, chẳng sanh nhiệt não).

Lời lẽ thỉnh pháp của Di Lạc Bồ Tát chẳng khó hiểu gì, chỉ e các vị đồng tu nghi hoặc chữ “*quyết định nghĩa*”. Chữ “*quyết định nghĩa*” trong câu “*Bồ Tát ưng trụ quyết định nghĩa*” chỉ sự lý chân thật. Kinh Bát Nhã giảng Thật Tướng của các pháp, hiện tại ta gọi là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Các vị ấy phải trụ, phải nên trụ trong chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Có thể tu học như thế thì mới chẳng sanh phiền não.

Chánh kinh:

Phật ngôn:

- Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát thế thối quá thất, hữu nhị thập chủng. Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát trụ quyết định nghĩa; do quán thị nghĩa, bất sanh nhiệt não.

(Phật dạy:

- Nay Di Lạc! Sơ nghiệp Bồ Tát hãy nên quán sát ngôn luận thế gian có hai mươi thứ làm lỗi. Như khi quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát trụ trong nghĩa quyết định; do quán sát nghĩa ấy, chẳng sanh nhiệt não)

Đây là lời Phật đáp chung cho câu hỏi của Bồ Tát Di Lạc. Đích xác là có thể thực hiện được điều ấy, vấn đề là quý vị phải quán sát, đối với lỗi lầm của ngôn luận thế gian cũng như công đức lợi ích do lìa bỏ ngôn luận thế gian, quý vị phải quán sát thấu triệt, hiểu rõ, quý vị mới trụ được nơi “*nghĩa quyết định*”, tâm mới an trụ trong Thật Tướng các pháp, mới chẳng sanh phiền não.

Chánh kinh:

Di Lạc! Văn hà danh vi nhạo u thế thối nhị thập chủng quá?

(Di Lạc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi do ưa thích ngôn luận thế gian?)

“*Nhạo*” là vui thích, yêu mến. Yêu thích ngôn luận thế gian có hai mươi lỗi, ở đây, đức Phật sẽ giảng cho chúng ta.

Chánh kinh:

Nhất giả, tâm sanh kiêu tú, bất kính đa văn.

(Một là tâm sanh kiêu ngạo, phóng túng, chẳng kính đa văn)

Chữ “đa văn” chỉ người nghe nhiều Phật pháp; đối với người học rộng đa văn, họ chẳng hề tôn kính. Vì sao? Nói đơn giản, là vì họ biết pháp thế gian quá nhiều, nhân đây bèn sanh tâm kiêu mạn, kiêu ngạo, ngạo nghễ, ngã mạn, dù hàng tỷ-kheo Bồ Tát xuất gia đọc kinh sách rất nhiều, họ vẫn coi thường, chẳng thêm để vào mắt - chẳng kính đa văn.

Chánh kinh:

Nhi giả, ư chư tránh luận, đa khởi chấp trước.

(Hai là, hay khởi chấp trước vào các tranh cãi)

Điều này từ xưa đến nay chẳng thể tránh khỏi, tranh chấp rất nhiều! Vì sao có tranh chấp? Vì thành kiến rất sâu.

Chánh kinh:

Tam giả, thất ư chánh niệm, như lý tác ý.

(Ba là đánh mất chánh niệm, suy nghĩ đúng lý)

Họ khởi tâm động niệm chẳng đúng lý, cũng chẳng như pháp. “Lý” là chân tướng của nhân sanh vũ trụ, chẳng tương ứng với Lý nên gọi là “đánh mất chánh niệm”. Chẳng biết suy nghĩ đúng lý, họ khởi tâm động niệm toàn là sanh phiền não.

Chánh kinh:

Tứ giả, vi sở bất ưng thân đa tháo động.

(Bốn là làm điều chẳng nên làm, thân hay tháo động)

“Vi” là hành vi, là tạo tác, họ tạo tác những điều chẳng nên làm. Thế nào là những điều chẳng nên làm? Chẳng nên tạo nghiệp tam đồ đấy! Nói đơn giản là như trong nhà Phật thường nói: Chẳng nên làm mười ác nghiệp. “Tháo động”: kẻ ấy cứ khăng khăng gây tạo.

Chánh kinh:

Ngũ giả, tốc tật cao hạ, hoại u pháp nhãn.

(Năm là nhanh chóng cao thấp, hư hoại pháp nhãn)

“Cao hạ” ở đây là tâm sanh phân biệt, tâm phân biệt rất mạnh nên sanh ý tưởng cao thấp. Pháp nhãn chẳng có, chẳng thể nhãn nại!

Chánh kinh:

Lục giả, tâm thường cang cường,

(Sáu là tâm thường ương ngạnh).

Tâm ương ngạnh này chướng ngại thiên định, chướng ngại trí huệ. Vì thế....

Chánh kinh:

Thiên định trí huệ tăng bất huân tu. Thất giả, phi thời nhi ngữ, ngôn luận sở triền

(Thiên định, trí huệ chưa từng huân tu. Bảy là không đúng thời mà nói, bị ngôn luận ràng buộc)

“Phi thời”: ngôn ngữ có thời tiết, nhân duyên. Vào một lúc nào đó, có những lời chẳng nên nói, họ cứ nói bừa, cứ nói hoài những lời ấy, nên gặp phải rất nhiều chướng nạn; như bây giờ ta thường nói là bị người khác phê bình, bị công kích đó! Chẳng nên nói những lời nói đấy. Nói năng là cả một nghệ thuật lớn, nhất định phải hiểu rõ thời tiết, nhân duyên. Nơi nào, lúc nào, lời nào chẳng thể nói. Kẻ kia ngu si, chẳng có trí huệ, lời chẳng nên nói mà cứ nói hoài! Vì thế, bị ngôn luận ràng buộc, tức là bị người khác công kích, phê bình vậy!

Chánh kinh:

Bát giả, bất năng kiên cố chứng u thánh trí.

(Tám là chẳng thể kiên cố, chứng thánh trí)

Câu này nói về chứng quả. Đương nhiên đây chẳng phải là việc thuộc khả năng của họ rồi. Chẳng những không thể chứng quả vị sâu, mà quả vị cạn như Tu Đà Hoàn, họ cũng chẳng thể chứng được. Không chỉ không

chúng nổi thánh quả, chúng ta quan sát kỹ: công phu niệm Phật của những người ấy cũng chẳng thể thành một phiến được! Nếu người niệm Phật thật sự niệm thành một phiến, ắt sẽ nhờ vào đó để vãng sanh, bởi thế, kinh thường nói là “đạo dễ hành!” (dị hành đạo). “Dị” là dễ dàng! So với những pháp môn khác thì pháp môn này dễ hơn, chứ thật ra, nó chẳng dễ chi! Nói dễ dàng là so với các pháp khác mà nói đấy!

Các pháp môn khác nhất định phải đoạn tám mươi tám phẩm Kiến Hoặc, chúng đắc quả Tu Đà Hoàn mới tính là thành tựu. Người niệm Phật chúng ta, vãng sanh so ra dễ dàng hơn nhiều lắm. Niệm Phật cầu vãng sanh, tám mươi tám phẩm Hoặc chẳng cần phải đoạn một phẩm nào cả! Chẳng đoạn như thế nào? Quý vị cần phải có năng lực chế trụ, tức là không chế, kiểm soát được phiền não, đây gọi là “*công phu thành phiến*”. Không chế dễ, đoạn mới khó! Cổ nhân đã ví von: “Không chế” như lấy đá đè cỏ, “đoạn” là nhổ cả rễ, khó lắm!

Chúng ta dùng một câu Phật hiệu để chèn ép phiền não, một ý niệm vừa khởi lên, câu A Di Đà Phật liền đè chặt xuống, một ngày từ sáng đến tối hai mươi bốn tiếng đồng hồ đều chẳng cho tạp niệm khởi lên; nếu quý vị làm được như vậy sẽ nhờ đó mà vãng sanh. Chúng ta có thể đè giữ được phiền não hay không? Phật hiệu chỉ ở ngoài miệng thì vọng niệm vẫn cứ khởi như thường, làm vậy vô ích, chẳng thể đè giữ được đâu! Chẳng thể dùng cách niệm như vậy để vãng sanh được, không dùng được đâu! Điều ấy chúng ta phải biết.

Chánh kinh:

Cửu giả, bất vị thiên, long chi sở cung kính.

(Chín là chẳng được trời, rồng cung kính)

“*Thiên long*” chỉ hộ pháp thần. Hộ pháp thần chẳng giúp đỡ quý vị đâu à!

Chánh kinh:

Thập giả, vị biện tài giả thường hoài khinh tiện.

(Mười là bị kẻ biện tài thường ôm lòng khinh rẻ).

Nói thật ra, chẳng phải là người ta thật sự khinh rẻ quý vị đâu; chỉ là người ta tránh xa quý vị, đối với quý vị họ kiêng mặt mà tránh xa! Thật đấy, chẳng phải giả đâu! Chữ “*biện tài*” chỉ người tu hành công phu đắc lực.

Chánh kinh:

Thập nhất giả, vị thân chứng giả chi sở ha trách.

(Mười một là bị người thật chứng quả trách)

Chữ “*Thân chứng*” là người thật sự chứng quả. Họ cũng có lúc quở trách quý vị.

Chánh kinh:

Thập nhị giả, bất trụ chánh tín, thường hoài hối hận.

(Mười hai là chẳng trụ chánh tín, thường ôm lòng hối hận)

Họ chẳng thể sanh khởi chánh tín, tín tâm do dự, có lúc tin, có lúc chẳng tin, vì thế họ thường hay sanh lòng hối hận.

Chánh kinh:

Thập tam giả, tâm đa nghi hoặc, dao động bất an.

(Mười ba là tâm hay ngờ vực, dao động chẳng yên)

Nguyên nhân đều là do tham đắm duyên thế gian.

Chánh kinh:

Thập tứ giả, do như xướng kỹ tùy toại âm thanh.

(Mười bốn là giống như đào hát ruổi theo âm thanh).

“*Xướng kỹ*” là tỷ dụ: tâm kẻ ấy bị cảnh chuyển. “*Xướng kỹ*” nói theo cách bây giờ là diễn viên sân khấu. Diễn viên phải nói theo kịch bản, chứ chẳng do ý mình, tự mình chẳng có chủ kiến gì; xướng ca, múa may mỗi động tác đều phải rập theo phách nhịp. Do người nghe chỉ huy, tự mình chẳng làm chủ được. Ý nghĩa của tỷ dụ này là như thế.

Chánh kinh:

Thập ngũ giả, nhiễm trước chư dục, tùy cảnh lưu chuyển.

(Mười lăm là nhiễm đắm các dục, xoay chuyển theo cảnh)

Mê đắm ngũ dục, nhất định tâm bị cảnh chuyển.

Chánh kinh:

Thập lục giả, bất quán chân thật, phi báng chánh pháp.

(Mười sáu là chẳng quán chân thật, phi báng chánh pháp)

Quen tập tà pháp, gặp chánh pháp chẳng phải là thứ mình tập quen, bèn chẳng thể tiếp nhận, xem chánh pháp là tà pháp, coi tà pháp là chánh pháp, việc này trong xã hội hiện tại chúng ta thường thấy rất nhiều.

Chánh kinh:

Thập thất giả, hữu sở hy cầu, thường bất xứng toại.

(Mười bảy là có mong cầu chi thường chẳng được toại ý)

Trong nhà Phật thường nói: “*Trong cửa Phật hữu cầu tất ứng*”, mà họ chẳng cầu được! Tâm họ cầu chi chẳng được như nguyện.

Chánh kinh:

Thập bát giả, kỳ tâm bất điều, vị nhân khí xả.

(Mười tám là tâm họ chẳng điều, bị người vứt bỏ)

Bởi lẽ tâm họ lắm phiền não, lắm tri kiến - tức là lắm ý kiến, rất khó hòa đồng với đại chúng. Chẳng thể hòa hợp với đại chúng, đương nhiên họ sẽ bị các đoàn thể khai trừ.

Chánh kinh:

Thập cửu giả, bất tri pháp giới, tùy thuận ác hữu.

(Mười chín là chẳng biết pháp giới, tùy thuận bạn ác)

Đối với những lý luận, sự thật của mười pháp giới đều chẳng biết gì, đó gọi là mê hoặc điên đảo đấy! Vì thế, kẻ ấy chẳng có tâm xuất ly, cũng chẳng biết phương pháp xuất ly. “*Tùy thuận bạn ác*”: họ toàn giao du với kẻ ngu si, kẻ lừa nhác, đều là bạn làm ác thôi!

Chánh kinh:

Nhị thập giả, bất liễu chư căn, hệ thuộc phiền não.

(Hai mươi là các căn chẳng giải thoát, bị phụ thuộc chặt chẽ vào phiền não)

“*Chư căn*” chỉ chung sáu căn: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý. Mỗi một căn đều dính chặt với phiền não, chẳng có biện pháp nào để thoát khỏi phiền não. Cuộc sống như vậy khổ sở phi thường, quả báo đương nhiên chẳng thể tưởng tượng nổi.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát nhạo u thể thoại nhị thập chủng quá.

(Này Di Lặc! Đây là hai mươi lỗi do ưa thích ngôn luận thế gian của Bồ Tát)

Nói thật ra, ưa thích ngôn luận thế gian có vô lượng vô biên lầm lỗi đấy chứ! Thế Tôn quy nạp vô lượng vô biên lầm lỗi ấy thành hai mươi loại lớn, nói đại lược cho chúng ta nghe.

8.5.b. Trùng tụng:

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn trùng tuyên bằng kệ như sau:)

Dưới đây, tổng cộng là hai mươi một bài kệ, đều thuộc vào phần Trùng Tụng.

Chánh kinh:

Kiều ngạo u đa văn,

Chấp trước chư tránh luận,

Thất niệm, bất chánh tri,

Thị danh thể thoại quá.

(Kiêu ngạo bậc đa văn,

Chấp trước các tranh cãi,

Mất niệm, không chánh tri,

Gọi là lỗi thể thoại)

Câu thứ nhất trùng tụng ý: “*Tâm sanh kiêu ngạo, chẳng kính đa văn*”. Câu thứ hai trùng tụng ý: “*Hay khởi lên chấp trước đối với các thứ tranh cãi*”. Câu thứ ba nhắc lại lỗi thứ ba trong hai mươi lỗi đã nói ở phần trước: “*Thất niệm, bất chánh tri*”. Thất niệm là một loại Tùy Phiền Não. Trong Đại Thừa Bách Pháp Minh Môn Luận có nói phiền não gồm hai mươi sáu món, trong ấy, có sáu món Căn Bản Phiền Não, hai mươi món là Tùy Phiền Não. Tùy Phiền Não chia ra Đại Tùy, Trung Tùy và Tiểu Tùy. Thất Niệm là một Đại Tùy Phiền Não.

Thể nào là Thất Niệm? Là đối với chánh pháp thường quên mất, cũng như ta nói trí nhớ chẳng tốt, thường hay quên mất. Trong kinh điển, đức Phật giảng đạo lý, phương pháp tu hành, cảnh giới khế nhập, kẻ ấy thường quên mất, đánh mất chánh tri kiến; những điều này đều liên quan đến việc tham chấp, ưa thích ngôn luận thế gian. Vô minh, phiền não, tập khí là nguyên nhân của hết thảy lầm lỗi. Các lỗi đức Phật nói trong kinh này đều có thể gọi là duyên, đã có nhân lại có thêm duyên, quả báo liền hiện, giống như trong kinh đã nói. Bài kệ thứ hai là:

Chánh kinh:

Viễn ly chánh tư duy.

(Xa lìa chánh tư duy)

“*Chánh tư duy*” là một điều trong Bát Chánh Đạo, kinh điển Đại Thừa còn thường gọi là Chánh Tri Chánh Kiến. Tiêu chuẩn của Chánh Tri Chánh Kiến là gì? Nhất định phải tương ứng với chân tướng sự thật, kinh Bát Nhã gọi là “*Thật Tướng của các pháp*”, cũng như ta thường gọi là “*chân tướng của nhân sanh vũ trụ*”. Có tương ứng với Thật Tướng của các pháp thì mới kể là Chánh Tri Chánh Kiến. Do đây biết rằng chánh tri chánh kiến trong Phật pháp hợp lý phi thường, chẳng phải là đoán mò.

Chánh kinh:

Thân tâm bất tịch tĩnh.

(Thân tâm chẳng tịch tĩnh).

Tâm rất nhiều vọng niệm, thân tháo động. Thân lẫn tâm đều chẳng ngưng lặng được.

Chánh kinh:

Thoái thất u pháp nhẫn.

(Lui sụt nơi Pháp Nhẫn)

Nói đơn giản là kẻ ấy chẳng có lòng nhẫn nại. Không chỉ không có tâm nhẫn nại học Phật, mà ngay cả đối với những việc làm, sanh hoạt thường ngày, kẻ ấy cũng không có lòng nhẫn nại. Đây cũng là lỗi hại của việc ưa thích ngôn luận thế gian.

Chánh kinh:

Kỳ tâm bất điều thuận,

Viễn ly xa-ma-tha,

Cập tỳ-bát-xá-na,

Thị danh thế thoai quá.

(Tâm họ chẳng điều thuận,

Xa lìa pháp tu Chi,

Cùng là pháp tu Quán.

Đó gọi lỗi thế thoai)

Bài kệ thứ ba luận về dụng công. Ngôn ngữ thế gian gây trở ngại rất lớn cho việc dụng công của chúng ta. “*Tâm chẳng điều thuận*” nghĩa là trong tâm kẻ ấy vọng tưởng, phiền não, tri kiến rất nhiều, công phu tu hành chẳng đặc lực. Xa-ma-tha và tỳ-bát-xá-na đều là tiếng Phạn. Xa-ma-tha dịch là Chi, Tỳ-bát-xá-na dịch là Quán. Trong Giáo, thường nói Chi Quán là Thiền Định. Thiền cũng là tiếng Phạn, dịch sang nghĩa tiếng Hán là Tĩnh Lự. “Tĩnh” nghĩa là Chi, “Lự” nghĩa là Quán. Dù thấy dù chữ dùng để phiên dịch sai khác, nhưng xét về mặt ý nghĩa, hoàn toàn tương đồng. Vì thế, hai câu này bao hàm hết thảy pháp môn trong Phật pháp, tất cả phương pháp tu hành đều gom về hai loại lớn này.

Ta gọi Chi là “phóng hạ” (buông xuống); nếu quý vị đem thân, tâm, thế giới, hết thảy vọng tưởng, phân biệt, chấp trước buông hết cả xuống, bắt đầu từ đó thì gọi là “xa-ma-tha”. Còn nếu quý vị “khán phá” (thấy rõ toang, thấy thấu tột thế tánh của mọi pháp), thấy rõ ràng sự thật chân tướng, hoàn toàn hiểu rõ, thông đạt, tâm

bền thanh tịnh; từ đó mà nhập đạo thì gọi là “tỳ-bát-xá-na”. Vì thế, nhập Bát Nhị pháp môn, quy nạp lại chẳng ngoài hai phương pháp sau: một là Khán Phá, hai là Phóng Hạ. Người ưa thích ngôn luận thế gian, đối với việc dụng công tu tập bị trở ngại, “*xa lia xa-ma-tha*”, Chỉ lẫn Quán đều chẳng thể thành tựu.

Chúng ta niệm Phật, chư vị đồng tu phải biết: Người có thể niệm Phật thì một câu Phật hiệu là Chỉ lẫn Quán. Trong ấy vừa có Chỉ vừa có Quán. Lúc niệm Phật buông xuống vạn duyên, sự gì cũng chẳng nghĩ tới, đó là Chỉ đây! Hết thầy vọng niệm đều ngưng lặng, đều buông xuống, một câu sáu chữ hồng danh rành mạch, phân minh, minh bạch, rõ ràng, đó là Quán. Trong Đại Tập Kinh, đức Thế Tôn có dạy chúng ta rằng: “*Niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiên*”, là do đạo lý này. Vì thế nếu quý vị già dặn chắc thật niệm Phật, chẳng cần phải tu tham Thiên; niệm Phật là vô thượng thâm diệu Thiên, một câu Phật hiệu có đủ Xa-ma-tha lẫn Tỳ-bát-xá-na!

Tiếp theo là bài kệ thứ tư cho biết ngay trong cuộc sống, cũng nảy sinh rất nhiều vấn đề.

Chánh kinh:

Bát tôn kính sư trưởng,

Ái nhạo u thế luận,

Trí huệ bất kiên cố,

Thị danh thế thoát quá.

(Chẳng tôn kính sư trưởng,

Yêu thích lời thế gian,

Trí huệ chẳng vững vàng,

Đó gọi lỗi thế thoát)

Chữ “*sư trưởng*” ở đây chỉ các vị thầy dạy chúng ta học Phật pháp, chứ chẳng phải là bậc sư trưởng trong thế gian. Bậc sư trưởng thế gian chẳng dạy ta liễu sanh tử, xuất tam giới; sư trưởng ở đây chỉ vị thầy dạy liễu thoát sanh tử, siêu thoát luân hồi. Nhân vì quý vị ưa thích ngôn luận thế gian, đương nhiên sự nghiệp tu đạo của quý vị bị mất, hoặc tối thiểu là qua quýt, chẳng quyết tâm thực hành; đó là chẳng kính sư trưởng. Bởi lẽ sư trưởng chẳng cần ta phải thường phụng dưỡng, cung kính; [tôn kính sư trưởng] chẳng phải nghĩa là như vậy. Thế nào là tôn kính sư trưởng? Y giáo phụng hành mới là tôn kính chân chánh. “*Trí huệ chẳng vững vàng*” là đạo lý nhất định. Trí huệ chân thật sanh khởi từ tâm thanh tịnh. Tâm quý vị chẳng thanh tịnh làm sao có trí huệ? Bài kệ thứ năm là:

Chánh kinh:

Chư thiên bất cung kính,

Long thân diệc phục nhiên,

Thoái thất w biện tài,

Thị danh thể thoái quá.

(Chư thiên chẳng cung kính,

Long thân cũng giống vậy,

Biện tài bị lui sụt,

Đó gọi lỗi thể thoái)

Quý vị chẳng được hộ pháp thiện thân bảo vệ, giúp đỡ. Dầu có biện tài thì biện tài ấy cũng bị lui sụt. Bài kệ thứ sáu:

Chánh kinh:

Thánh giả thường ha trách,

Như thị đăm trước nhân,

Đường quyền w thọ mạng,

Thị danh thể thoái quá.

(Bậc thánh thường quở trách,

Kẻ đăm trước như thế,

Đề phí uống thọ mạng,

Đó gọi lỗi thể thoái)

“Thánh giả” là người tu hành chứng quả. Họ trông thấy quý vị, cảm thấy oán tiếc vô cùng cho quý vị. Phải hiểu rằng: Trong vô lượng kiếp, được làm thân người, được nghe Phật pháp, thật vô cùng khó khăn. Trong Phật pháp, khó nhất là được nghe pháp môn Tịnh Độ, thật là hy hữu khôn sánh. Vì sao? Nếu như quý vị tin tưởng sâu xa pháp môn này chẳng nghi ngờ, y giáo phụng hành, bảo đảm trong một đời quý vị sẽ được giải thoát!

Quý vị tu học các pháp môn khác, chưa chắc được vậy đâu! Vì sao? Tu các pháp môn khác phải đoạn Kiến Tư phiền não. Đoạn Kiến Tư phiền não nào phải chuyện dễ dàng. Pháp môn này chẳng cần đoạn phiền não, gọi là “đới nghiệp vãng sanh”, cốt sao quý vị tin tưởng, phát nguyện, chịu niệm Phật, quý vị sẽ thành công. Bởi thế, pháp môn này gọi là Đạo Dễ Hành.

Trong hết thầy pháp Đại Thừa, pháp này dễ tu học nhất, dễ thành tựu nhất. Bởi thế, nó là pháp môn hy hữu khó gặp. Gặp được pháp môn này mà vẫn lười nhác, vẫn chẳng buông pháp thế gian xuống được, thật đáng tiếc

thay! “Thánh giả” quả trách là vì thế đó. Trong câu “*đường quyền ư thọ mạng*”, “*đường quyền*” là lãng phí. Quý vị bỏ phí quang âm quý báu của một đời này, chẳng dùng vào đạo nghiệp, thật đáng tiếc phi thường!

Chánh kinh:

Chư hạnh giai khiếm khuyết,

Viễn ly đại Bồ Đề,

Mạng chung sanh ưu khổ,

Thị danh thể thoái quá.

(Các hạnh đều thiếu sót,

Xa lìa đại Bồ Đề,

Mạng dứt sanh lo khổ,

Đó gọi lỗi thể thoái)

Chữ “*chư hạnh*” chỉ sự tu hành của người đó. Chúng ta phải hiểu thật rõ ý nghĩa của hai chữ “*tu hành*”. Phải vận dụng công phu tu học của chính mình vào trong sanh hoạt thường nhật, vào công việc, vào sự giao tiếp thông thường, thì mới gọi là “*thật sự đắc lực*”, chân chánh đạt được lợi ích thù thắng nơi Phật pháp. Đây cũng chính là điều tiên sinh Phương Đông Mỹ trong quá khứ thường gọi là sự hưởng thọ tối cao trong đời người vậy! Quý vị thật sự hưởng thọ được.

“*Các hạnh đều thiếu sót*” nghĩa là dù quý vị dụng công, cũng chẳng thể áp dụng vào sanh hoạt thường nhật được; trong công việc sanh sống hằng ngày, xử thế, đãi người, tiếp vật toàn là phiền não, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước. Nói cách khác, công phu quý vị sử dụng trật khớp đối với cuộc sống. Câu này có nghĩa như thế đó. “*Xa lìa đại Bồ Đề*”: trong cuộc sống đều chẳng thể đạt lợi ích, dù có muốn chứng Bồ Đề Niết Bàn, vẫn đương nhiên là càng mờ mịt, chẳng có hy vọng gì. “*Mạng dứt sanh lo khổ*”, chữ “*lo khổ*” chỉ ba ác đạo. Đây cũng là do ngôn luận thế gian khiến cho công hạnh của chúng ta bị mê lầm vậy!

Chánh kinh:

Nghi hoặc tâm động dao,

Do như phong xuy thảo,

Trí huệ bất kiên cố,

Thị danh thể thoái quá.

(Tâm ngờ vực lay động,

Như gió thổi rập cỏ,

Trí huệ chẳng vừng vàng.

Đó gọi lỗi thể thoai)

Người nói nhiều chuyện thể gian, đả chấp tranh luận thể gian, đối với những điều được nói trong kinh điển nhà Phật, dù lý luận, cảnh giới có hay đến đâu, kẻ ấy thường sanh tâm ngờ vực. Vì thế, tâm kẻ ấy bất định, lúc tin, lúc ngờ, lòng tin dao động, tín tâm chẳng thanh tịnh. “*Gió thổi cỏ*” là tỷ dụ, hàm nghĩa bất định, đương nhiên trí huệ chẳng vừng vàng. Bài kệ tiếp sau là tỷ dụ.

Chánh kinh:

Thí như xướng kỹ nhân,

Tán thuyết tha dũng kiện,

Bĩ nhân diệc phục nhiên,

Thị danh thể thoai quá.

(Ví như gã diễn viên,

Khen người khác hùng mạnh.

Người kia cũng giống thế.

Đó gọi lỗi thể thoai)

“*Xướng kỹ nhân*” là người biểu diễn, chẳng phải thật; ta thường gọi là người đóng tuồng. Đóng tuồng chứ không phải thật. Trên sân khấu, họ khen ngợi người nọ là “dũng mãnh” thì chỉ là lời nói trên sân diễn, chứ người biểu diễn có thật sự mạnh mẽ hay chẳng? Chưa hề thấy, họ chỉ làm ra vẻ đó thôi. Giả đấy, chẳng thật đâu! Vì thế, người tu hành [ham thích ngôn luận thể gian] cũng giống như người đóng tuồng, chẳng thật sự thực hiện! Kẻ ấy giả vờ làm, chứ chẳng làm thật. Ý nghĩa bài kệ này rất sâu, rất rộng vậy. Chúng ta hãy nghĩ kỹ xem mình học Phật là học thật sự hay chỉ là diễn tuồng thôi? Diễn cho mình coi hay là diễn cho người khác coi vậy? Rốt cuộc đều uổng công, thật đáng tiếc quá!

Chánh kinh:

Tùy toại thể ngữ ngôn,

Nhiễm trước chư dục cảnh,

Thường hành ư tà đạo,

Thị danh thể thoái quá.

(Ruổi theo lời thế gian,

Nhiễm trước các cảnh dục,

Thường hành theo đạo tà,

Đó gọi lỗi thế gian).

Đây cũng là lỗi hại của ngôn luận thế gian. Ý nghĩa bài kệ này rất dễ hiểu. “Đạo tà”: những gì chẳng phải do Phật nói, trái nghịch với Phật thì gọi là “đạo tà”.

Chánh kinh:

Hy cầu tâm bất toại.

(Tâm mong cầu chẳng thỏa)

Có mong cầu nhưng cầu chẳng được, đây chính là Cầu Bất Đắc Khổ trong Bát Khổ đó!

Chánh kinh:

Siểm khúc, đa tránh luận.

(Dua vạy, lắm tranh cãi)

Tâm không chánh trực, ưa thích tranh luận.

Chánh kinh:

Viễn ly ư thánh hạnh,

Thị danh thể thoái quá.

(Xa lìa nơi hạnh thánh,

Đó gọi lỗi thể thoại)

“Thánh hạnh” là Bồ Tát hạnh. Bồ Tát hạnh là sáu Ba La Mật, mười đại nguyện vương. Kẻ ấy hoàn toàn trái nghịch, xa lìa lục độ và mười nguyện vương. Đây cũng là lỗi hại của ngôn luận thể gian.

Chánh kinh:

Ngu nhân đắc thiểu lợi,

Kỳ tâm thường dao động,

Như viên hâu tháo nhiễu,

Thị danh thể thoại quá.

(Kẻ ngu được chút lợi,

Tâm hẳn thường dao động.

Như vượn khi lãng xăng,

Đó gọi lỗi thể gian)

“Ngu” là ngu si, không có trí huệ. Được chút ít cho là đủ, một chút lợi nhỏ nhoi trước mắt liền cho là đủ. Đối với thánh giáo, thậm chí đối với cả Tây Phương Cực Lạc thế giới của Tịnh Tông, họ lúc thì tin tưởng, lúc thì hoài nghi: “Phương Tây thật sự có thế giới Cực Lạc hay chẳng? Minh niệm Phật, A Di Đà Phật có thật sự đến tiếp dẫn mình hay chẳng?” Nảy mỗi ngờ vực ấy rất phiền. Quý vị đọc kinh Vô Lượng Thọ sẽ biết ngay! Nghi là chướng ngại lớn nhất đối với Bồ Tát, bởi thể căn bản phiền não là tham, sân, si, mạn, nghi. Nghi ở đây chẳng phải là mỗi nghi thông thường, mà là hoài nghi thánh giáo, là đại phiền não đó nghe! Nó khiến cho đạo nghiệp của kẻ ấy chẳng thể thành tựu, bởi lẽ tâm kẻ đó phù động. “Viên hâu tháo nhiễu” là tỷ dụ, cũng như nói là “tâm viên ý mã” (tâm như vượn, ý như ngựa).

Chánh kinh:

Trí huệ đa thoái thất,

Vô hữu giác ngộ tâm,

Ngu giả sở nhiếp trì,

Thị danh thể thoại quá.

(Trí huệ hay lui sụt,

Chẳng có tâm giác ngộ,

Bị kẻ ngu nắm giữ,

Đó gọi lỗi thể thoại)

Tự mình không trí huệ, chẳng giác ngộ, thường bị kẻ ngu bốn cột, nắm giữ, khống chế.

Chánh kinh:

Mê hoặc u nhân nhĩ,

Nãi chí ý diệc nhiên,

Thường dữ phiền não câu,

Thị danh thể thoại quá.

(Mắt, tai bị mê hoặc,

Cho đến ý cũng thể,

Thường chung dụng phiền não,

Đó gọi lỗi thể gian)

Đây là sáu căn mê hoặc; mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý khởi lên công dụng đều tương ứng với phiền não, đó cũng là lỗi của ngôn luận thể gian.

Chánh kinh:

Ngu nhân nhạo thể thoại,

Tận thọ thường không quá,

Bất như tư nhất nghĩa,

Hoạch lợi vô hữu biên.

(Kẻ ngu ưa thể thoại,

Trọn đời để luống qua,

Chẳng bằng nghĩ một nghĩ,

Được lợi chẳng ngần mé)

Trong bài kệ thứ mười lăm này, đức Thế Tôn vừa dạy vừa khuyên chúng ta. Những ai ham thích “thế thoát”? Chữ “thế thoát” quý vị cần phải nhớ kỹ, phần trên tôi đã nói qua, phạm vi của chữ này rộng phi thường, phạm hết thảy ngôn luận chẳng thể giúp quý vị vượt thoát lục đạo luân hồi đều gọi là “thế thoát”. Do đó biết rằng: người ham thích thế thoát nhiều lắm! Những văn gia trừ danh trong lịch sử đều là nhân vật đại biểu cho hạng người ưa thích thế thoát.

Chúng tôi nhớ trong quá khứ, khi đại sư Huệ Viễn ở Lô Sơn mời những người chí đồng đạo hợp nhóm lại để niệm Phật cộng tu; khi đó, có đại văn học gia Tạ Linh Vận muốn dựa vào liên xã liền bị đại sư Huệ Viễn cự tuyệt. Vì sao đại sư Huệ Viễn cự tuyệt? Vì ông Tạ ưa thích văn chương, làm thơ, đó đều là thế thoát. Ông ta có sở thích như thế sẽ làm ảnh hưởng đến tâm thanh tịnh của những người khác. Những người khác ngày ngày niệm kinh, niệm Phật, ông ta ở cạnh ngâm thơ, viết văn, như thế là hạnh gì? Là hạnh ngu si, chẳng phải thông minh đâu! Ngu si là gì? Là chẳng biết sợ luân hồi lục đạo đấy!

Người có trí huệ nghĩ mọi cách để vượt thoát lục đạo luân hồi. “*Trọn đời để luống qua*”: để trọn cả đời này bỏ uổng. “*Chẳng bằng nghĩ một nghĩ*”: Nói đơn giản, câu này hàm nghĩa: Chẳng bằng bà cụ già chẳng biết lấy một chữ nhưng niệm một câu A Di Đà Phật, ngay cả câu A Di Đà Phật bà cũng chẳng hiểu nữa nhưng bà cũng chẳng quan tâm, cứ niệm suốt một câu A Di Đà Phật, niệm ba năm, năm năm, bà cụ thành công, biết trước lúc mất, đứng yên vắng sanh. Đây gọi là người có trí huệ, người thông minh, người như vậy chẳng phải là kẻ ngu đâu nhé! “*Được lợi không ngần mé*”: sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới bèn thành Phật, bèn thành Bồ Tát, lợi ích như thế Phật còn chẳng nói rõ được, chẳng thể nói cùng tận được.

Chánh kinh:

Thí như cam giá vị,

Tuy bất ly bì tiết,

Diệc bất tòng bì tiết,

Nhi đắc u thắng vị.

(Ví như vị cây mía,

Tuy chẳng lìa vỏ, đốt;

Cũng chẳng từ vỏ, đốt,

Mà được vị thù thắng)

Ở đây, đức Phật lại nêu một tỷ dụ. Ví như ăn mía. Ba ngàn năm trước chỉ ở Ấn Độ mới có mía, còn chúng ta hiện giờ cũng có, mía là thứ mọi người thích ăn. Vị mía rất ngọt; vị ngọt ấy chẳng tách rời khỏi vỏ mía hay đốt

mía, nhưng cũng chẳng phát sanh từ vỏ mía hay đốt mía. Quý vị suy nghĩ kỹ điều này sẽ nhận hiểu, sẽ đạt được vị ấy. Tiếp theo là diễn giải về mặt pháp [của tỷ dụ trên đây].

Chánh kinh:

Bì tiết như thể thoại,

Nghĩa lý do thẳng vị,

Thị cố xả hư ngôn,

Tư duy u thật nghĩa.

(Vỏ, đốt như thể thoại,

Nghĩa lý như vị ngon,

Vì thế, bỏ lời rộng,

Suy nghĩa nghĩa chân thật)

Đạo lý này rất sâu. Vì thế, trước hết Phật phải nói tỷ dụ: thể thoại giống như vỏ và đốt của cây mía. Chúng ta có cần thể thoại hay không? Cần chứ, chẳng thể rời lia thể thoại được. Người với người giao tiếp nhau, phải dùng đến ngôn ngữ. Đời trước truyền đạt ý tưởng cho đời sau, hiện tại chúng ta muốn truyền đạt cho người đời sau, tức là lưu lại lịch sử, cũng phải dựa vào văn tự! Ngày nay chúng ta đọc kinh Phật, kinh Phật là văn tự, lời đức Phật nói từ ba ngàn năm trước, bây giờ chúng ta đọc đến hiểu được ý Phật, đều là thuộc thể thoại cả! Vì thế, thể thoại có công dụng, nhưng chẳng được chấp trước, chẳng được tham ái. Tham ái và chấp trước đều sai cả!

Chúng ta cần phải hiểu rõ nghĩa lý của thể thoại, nghĩa lý ấy giống như vị ngọt của cây mía. Thể thoại dù là ngôn ngữ hay văn tự đều giống như vỏ, đốt cây mía. Chúng ta nhai xong nhỏ ra, bỏ đi, hưởng mùi vị của nó thôi! “*Vì thế, bỏ lời rộng*”: quý vị phải hiểu như thế này: chẳng phải là không cần đến thể thoại, cứ dùng nó nhưng chẳng chấp trước nó là được! Vì thế cần phải biết “*suy nghĩ nghĩa chân thật*”: từ ngôn ngữ, văn tự của kinh điển mà thể hội chân tướng nhân sanh vũ trụ, đây là điều đức Phật muốn dạy chúng ta.

Chánh kinh:

Trí huệ chư Bồ Tát,

Năng tri thể thoại quá.

(Các Bồ Tát trí huệ,

Biết lỗi của thể thoại)

Những vị Bồ Tát có trí huệ đều biết lỗi hại của việc tham chấp thể thoại. Từ cổ đến nay, các vị tổ sư đại đức trong nhà Phật để lại cho chúng nhiều trước thuật; trong đó không những chỉ là Phật pháp tức là lời giảng giải hết thảy kinh điển, số luận, mà ngoài ra các ngài còn lưu lại rất nhiều văn chương, thi từ. Vậy các ngài có tham chấp [thể thoại] hay không? Không! Nếu là không, tại sao các ngài trước tác những thứ đó? Các ngài có năng lực [làm như thế] chứ không cố ý học; nếu quyết ý học là sai mất rồi. Chúng ta phải quyết ý học đạo mà thôi, làm sao có thể học được những thứ đó cho được?

Các ngài thiên phú, ta hay nói là thiên tài. Các ngài chạm đến liền biết, chẳng những biết mà còn rất cao minh nữa kia. Các ngài bèn dùng những thứ đó để làm Phật sự, để tiếp dẫn chúng sanh, kết duyên với đại chúng. Như Hoàng Nhất đại sư trong thời cận đại, thể ngữ, thể thoại đều là những điều Ngài đã học trước khi học Phật. Ngài thật sự có thiên tài, giỏi thư pháp, hội họa cũng giỏi. Ngài viết đẹp, vẽ khéo, làm thơ, kim thạch điêu khắc cũng giỏi, những nghệ thuật thế gian như thế Ngài rất tinh tường. Ngài dùng những tài khéo ấy để làm Phật sự, để làm phương tiện tiếp dẫn chúng sanh. Chúng ta chẳng có thiên tài nên chẳng cần phải quyết ý học những thứ ấy, học là phạm lỗi rồi đấy! Nếu quý vị có năng lực như thế thì cứ việc, còn không có năng lực thì bắt tất phải học.

Ấn Quang đại sư rất chất phác; Ấn Quang đại sư viết rất nhiều, quý vị xem kỹ đi: Ngài chẳng phải là một bậc thư pháp gia, nhưng chữ Ngài viết rất công phu, thể nhưng nếu luận về nghệ thuật, Ngài không muốn bàn đến. Quý vị quan sát kỹ: Ngài dốc tinh thần vào từng chữ. Vì thế, lão nhân gia dạy người, chữ chỉ cần viết từng nét, từng nét sao cho đúng quy củ thành hàng là được, chẳng cần phải đẹp! Ngài chẳng muốn làm một vị thư pháp gia thì cần viết chữ đẹp để làm gì? Viết sao cho đoạn chánh, thẳng thớm, quy củ, chỉnh tề là được. Ấn Quang đại sư nêu tấm gương như thế, chúng ta phải nhận biết. Đây chính là gương tốt cho người tu học vậy.

Chánh kinh:

Thường úi nhạo tư duy,

Đệ nhất nghĩa công đức.

(Thường ưa thích tư duy

Công đức Đệ Nhất Nghĩa)

Đệ Nhất Nghĩa là Thật Tướng của các pháp, là Chân Như Bản Tánh, là chân tướng của nhân sanh vũ trụ. Nếu như quý vị vẫn chưa hiểu rõ, tôi xin thưa một cách chất phác cùng các vị như sau, một câu “nam mô A Di Đà Phật” là Đệ Nhất Nghĩa. Quý vị cứ chắc thật niệm, đem hết tinh thần tập trung vào danh hiệu, niệm một bèn nghỉ, nghỉ khỏe rồi lại niệm tiếp, niệm Phật hiệu cho đến khi chẳng có tạp niệm xen lẫn vào thì chính là “*tư duy Đệ Nhất Nghĩa*”. Bởi thế, đọc đến kinh văn mà vẫn chẳng biết thế nào là Đệ Nhất Nghĩa thì phiền lắm đấy.

Chánh kinh:

Pháp vị cập nghĩa vị,

Giải thoát đệ nhất vị,

Thùy hữu trí huệ giả,

Tâm bất sanh hân nhạo?

(Pháp vị và nghĩa vị,

Vị giải thoát bậc nhất,

Ai là người trí huệ,

Chẳng sanh lòng vui ưa?)

Phật, Bồ Tát vì chúng ta giảng kinh, thuyết pháp, quý vị nghe xong có điều giải ngộ thì đó gọi là “*pháp vị*”. Cùng một bộ kinh, quý vị mỗi ngày đọc tụng, mỗi ngày có điều giải ngộ. Phải làm sao mới giải ngộ được? Vì sao chúng ta niệm mỗi ngày mà chẳng giải ngộ gì? Là vì chúng ta dụng tâm không đúng; phải dùng cái tâm chân thành, tâm cung kính, tâm thanh tịnh thì mới nếm vị đạo, mới có chỗ giải ngộ.

Quý vị không có chỗ giải ngộ tức là tâm quý vị chẳng chân thành, chẳng cung kính, chẳng thanh tịnh, đọc kinh Phật chẳng khác gì đọc báo thì làm sao hành được? Làm sao có chỗ giải ngộ cơ chứ? Tâm chân thành, cung kính, thanh tịnh thì mỗi lần quý vị niệm đều có chỗ giải ngộ. Ngộ sâu - cạn, rộng - hẹp liên quan rất lớn đối với việc dụng tâm của quý vị. Tâm quý vị càng thanh tịnh thì quý vị ngộ nhập càng sâu, ý nghĩa cũng càng rộng. Đó là pháp vị đấy!

“*Nghĩa vị*”: Nghĩa là ngộ nhập cảnh giới, nghĩa lý. “*Vị giải thoát bậc nhất*”: Giải thoát là khế nhập cảnh giới. Ba nghĩa này, mỗi nghĩa sau càng sâu hơn nghĩa trước, tức là nghĩa càng về sau càng thù thắng hơn nghĩa trước. Nghĩa vị sâu hơn pháp vị, giải thoát vị sâu hơn nghĩa vị. Nói chung đối với mọi người chúng ta, người nghiêm túc học Phật thường có thể đạt được pháp vị. Tâm địa thanh tịnh, chân thành đến mức cực điểm thì mới đạt được nghĩa vị. Trong bài kệ khai kinh, câu “*nguyện giải Như Lai chân thật nghĩa*” nói đến nghĩa vị, tức là quý vị hiểu rõ ràng đạo lý, nghĩa thú của lời Phật dạy.

“*Đệ nhất vị*” là quý vị chứng nhập cảnh giới, tức là chứng quả. Nghĩa thứ nhất là nghe nói, nghĩa thứ hai là hiểu rõ, nghĩa thứ ba là nhập cảnh giới. Nhập cảnh giới là vị bậc nhất quý vị tự nếm được. “*Ai người có trí huệ, chẳng sanh lòng vui ưa?*”: Ai có trí huệ mà chẳng ưa thích việc này? Vị của thể thoại trọn chẳng sánh bằng được! Vị của thể thoại rất nồng. Cũng có loại thể thoại rất hay, đọc cả trăm lần chẳng chán, nó cũng có sức quyến rũ như thế. Những tác phẩm văn học khiến người đọc yêu mến chẳng rời tay thì loại thể thoại ấy cũng có pháp vị, nhưng chẳng có nghĩa vị và đệ nhất vị. Nó cũng có pháp vị, nhưng đương nhiên là Phật pháp chẳng nồng như thế.

Chánh kinh:

Thị cố ưng khí xả,

Vô lợi chư ngôn thoại.

(Vì thế, nên vứt bỏ,

Những lời lẽ vô ích)

Đối với chúng ta, chúng chẳng có lợi ích chân thật. Đoạn phiền não, mở trí huệ, liễu sanh tử, thoát tam giới, đây mới là lợi ích chân thật. Phàm tất cả những gì không có lợi ích, chúng ta đều phải nên xa lìa.

Chánh kinh:

Thường nhạo cần tư duy,

Thù thắng đệ nhất nghĩa.

(Thường thích siêng suy nghĩ,

Nghĩa thù thắng bậc nhất)

Đệ Nhất Nghĩa thường được nói tới trong Đại Thừa Phật pháp là Bồ Đề Niết Bàn, còn gọi là Nhất Chân Pháp Giới. Đây chính là Đệ Nhất Nghĩa chân thật, Đệ Nhất Nghĩa thù thắng.

Chánh kinh:

Như thị đệ nhất pháp,

Chư Phật sở tán thán,

Thị cố minh trí nhân,

Thường nhạo cần tu tập.

(Pháp bậc nhất như thế,

Được chư Phật khen ngợi,

Vì thế, người trí sáng,

Thường thích siêng tu tập)

Pháp được hết thầy chư Phật Như Lai khen ngợi chính là đại Bồ Đề, đại Niết Bàn, chư Phật Như Lai đã chứng đắc pháp ấy. Hy vọng hết thầy Bồ Tát nỗ lực tinh tấn, cũng mau chóng chứng đắc. Đây là nguyện vọng Phật dạy cho chúng sanh.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn nãi năng thiện thuyết thế thoại quá thất, tư duy thắng nghĩa lợi ích công đức.

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Hy hữu thay, Ngài có thể khéo nói lỗi lầm của ngôn luận thế gian và lợi ích công đức của việc tư duy nghĩa lý thù thắng)

Đây là lời Bồ Tát Di Lặc tán thán đức Phật.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Hà hữu Bồ Tát cầu u Như Lai chân thật trí huệ, nhi phục nhạo u hư cuồng thế thoại.

(Bạch Thế Tôn! Há có Bồ Tát nào cầu trí huệ chân thật của Như Lai mà lại thích những ngôn luận thế gian hư dối u?)

“Hà hữu Bồ Tát” nghĩa là có Bồ Tát nào hay không? Nếu như Bồ Tát chân chánh cầu chân thật trí huệ nơi tự tánh, thì vị ấy lẽ nào lại ưa thích những ngôn luận thế gian, học thuật thế gian như thế chẳng? Đương nhiên vị ấy sẽ vứt bỏ, bởi lẽ ưa thích ngôn luận thế gian, học thuật thế gian sẽ chẳng thể siêu thoát tam giới. Những lời răn dạy này của đức Thế Tôn đều là những lời răn dạy chân thật, thánh hiền thế gian chẳng thể nói được, chúng ta phải chú tâm thể hội.

Lược giảng kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo,

phần 4

8.6. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát ngũ nghề có hai mươi lỗi lầm lớn

Tiếp theo đây là một đoạn kinh nói ngũ nghề có hai mươi lỗi lầm lớn.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi thù miên trung quá?

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi lầm của ngũ nghề?)

Ngũ nghề có những lỗi hại gì?

Chánh kinh:

Nhược quán sát thời, Bồ Tát ưng đương phát khởi tinh tấn, bất sanh nhiệt nã.

(Nếu lúc Bồ Tát quán sát sẽ phát khởi tinh tấn, chẳng sanh nhiệt nã)

Do đây biết rằng: những lỗi lầm được nói ở đây đều khiến chúng sanh sanh nhiệt nã, khởi ngu si; bởi thế, trong đoạn này, đức Phật và Bồ Tát một người hỏi, một người đáp, nhằm mục đích cho chúng ta nghe ké xong sẽ giác ngộ, thức tỉnh, xa lìa những lỗi lầm đó. Tiếp theo là kinh văn:

Chánh kinh:

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát thù miên quá thất, hữu nhị thập chủng, nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát phát khởi tinh tấn, ý lạc vô quyện.

(Phật nói:

- Này Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát hãy nên quán sát ngũ nghề có hai mươi lỗi, nếu lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát phát khởi tinh tấn, thỏa ý không mệt)

Chúng ta hãy coi hai câu cuối Phật nói: “*Tinh tấn, thỏa ý không mệt*”. Đây thật chính là điều người học Phật chúng ta hướng đến, mong đạt được. Làm thế nào mới đạt được? Phải bỏ lìa ngũ nghề mới có thể đạt được! Chúng ta xem tiếp theo đây là hai mươi lỗi của ngũ nghề.

Chánh kinh:

Di Lặc! Vân hà danh vi nhạo u thù miên, nhị thập chủng quá?

(Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi lỗi của ham thích ngũ nghề?)

Người ham ngủ có hai mươi lăm lỗi.

Chánh kinh:

Nhất giả, giải đãi lãn nọa.

(Một là lười nhác biếng trễ)

Điều này là chuyện đương nhiên, ham ngủ ắt lười nhác, biếng trễ.

Chánh kinh:

Nhị giả, thân thể trầm trọng.

(Hai là thân thể nặng nề)

Đây cũng là sự thật, nhưng chúng ta thường phớt lờ. Người ngủ nhiều thân thể hiển nhiên thô nặng, nói cách khác là động tác chẳng nhanh nhẹn, chẳng linh hoạt. Chúng tôi đã từng gặp trong quá khứ có một vị đồng tu, hiện tại bà đã thay đổi nhiều. Bà từng kể với tôi: Trong quá khứ, lúc chưa học Phật rất ham ngủ, mỗi ngày gần như phải ngủ từ mười đến hai mươi tiếng; đại khái là hai mươi lăm lần bà đều có đủ cả, chẳng thiếu một điều nào, đích xác là nhiều thứ bệnh tật đều do đây mà sanh!

Chánh kinh:

Tam giả, nhan sắc tiêu tụy.

(Ba là vẻ mặt tiêu tụy)

Đích thị là khuôn mặt bệnh hoạn.

Chánh kinh:

Tứ giả, tăng chur bệnh tật.

(Bốn là, tăng thêm các bệnh tật)

Lúc có bệnh, nhất định bệnh nặng thêm; ngủ nhiều cũng gây ra lắm bệnh.

Chánh kinh:

Ngũ giả, hỏa giới luy nhược.

(Năm là hỏa giới suy kém)

“Hỏa giới” tức là thân nhiệt. Thân nhiệt chẳng bình thường, so với người khác thân nhiệt sai biệt nhiều, cho thấy thân thể rất yếu.

Chánh kinh:

Lục giả, thực bất tiêu hóa.

(Sáu là ăn không tiêu)

Lúc ngủ, nhân vì thân thể không cử động, nhu động của bao tử và ruột rất chậm chạp, quý vị ăn gì tiêu hóa cũng chẳng tốt. Nếu ăn nhiều, lại còn tham ăn thì phiền phức rất lớn.

Chánh kinh:

Thất giả, thể sanh sang pháo.

(Bảy là thân thể sanh ghẻ chốc)

Nói như bây giờ là rất dễ bị bệnh ngoài da. Nếu chẳng thường tắm rửa, chẳng thường thay giặt chiếu mền, lúc quý vị ngủ nhiều, xác thực là rất dễ bị bệnh ngoài da.

Chánh kinh:

Bát giả, bất cần tu tập.

(Tám là chẳng siêng tu tập)

Phật dạy chúng ta tu học các pháp môn, nhưng nếu quý vị tham ngủ, ngủ hết sạch thời gian rồi, còn có thời gian đâu để tu tập nữa cơ chứ!

Chánh kinh:

Cửu giả, tăng trưởng ngu si.

(Chín là tăng trưởng ngu si)

Ngủ nghề là hôn trầm; người hôn trầm là ngu si, chẳng có trí huệ.

Chánh kinh:

Thập giả, trí huệ luy liệt.

(Mười là trí huệ yếu hèn)

Trí huệ kẻ ấy rất tệ, trí huệ rất kém.

Chánh kinh:

Thập nhất giả, bì phu ám trước.

(Mười một là da dễ tối dơ)

Đây là như chúng ta thường nói: màu da không tốt, thoát nhìn biết ngay kẻ ấy không khỏe, chẳng bình thường.

Chánh kinh:

Thập nhị giả, phi nhân bất kính.

(Mười hai là phi nhân chẳng kính)

“*Phi nhân*” chỉ quý thân, hộ pháp thân, đối với người ấy họ đều chẳng sanh lòng cung kính, họ chẳng hộ trì.

Chánh kinh:

Thập tam giả, vi hành ngu độn.

(Mười ba là hành vi ngu độn)

“*Hành*” có thể hiểu là hành động, mỗi một cử động của kẻ ấy đều rất trì độn, dù nhằm lúc tinh táo đi nữa cũng tựa hồ như đang hôn trầm, chúng ta nay thường nói là kẻ ấy tinh thần ủy mị chẳng phấn chấn.

Chánh kinh:

Thập tứ giả, phiền não triền phược.

(Mười bốn là phiền não trói buộc)

Lắm phiền não.

Chánh kinh:

Thập ngũ giả, tùy miên phú tâm.

(Mười lăm là tùy miên che tâm)

“*Tùy miên*” là thuật ngữ Phật học, có nghĩa là chủng tử phiền não. Tập khí, chủng tử phiền não trong A-lại-da thức gây chướng ngại tâm thanh tịnh của quý vị, chướng ngại trí huệ phát sanh, bởi thế, chúng được gọi là “*tùy miên*”. Tùy miên là chủng tử của tập khí.

Chánh kinh:

Thập lục giả, bất nhạo thiện pháp.

(Mười sáu là chẳng ưa pháp lành)

Đối với hết thầy pháp lành chẳng sanh lòng hoan hỷ, mà cũng có thể nói là kẻ ấy chẳng có tinh thần, chẳng nghĩ đến việc làm những pháp lành ấy nữa.

Chánh kinh:

Thập thất giả, bạch pháp giảm tổn.

(Mười bảy là bạch pháp hao tổn)

“*Bạch pháp*” là thiện pháp. Kẻ ấy điều thiện ngày một ít, làm ác ngày một nhiều.

Chánh kinh:

Thập bát giả, hành hạ liệt hạnh.

(Mười tám là làm hạnh hèn kém)

“*Hạ liệt hạnh*” là điều ác kẻ ấy làm ngày càng chồng chất, điều thiện ngày càng giảm ít.

Chánh kinh:

Thập cửu giả, tăng hiềm tinh tấn.

(Mười chín là ghét hiềm tinh tấn)

Kẻ ấy vẫn có tâm ganh tỵ. Thấy người khác ít ngủ nghỉ, dụng công nhiều, rất tinh tấn bèn ghen ghét, tỵ hiềm, giận dữ.

Chánh kinh:

Nhị thập giả, vị nhân khinh tiện.

(Hai mươi là bị người khác khinh rẻ)

Đừng nói là người tu hành, kể cả mọi người trong thế gian, ai nấy thấy hành vi kẻ ấy như thế thấy đều khinh rẻ, cũng chẳng nề nang kẻ ấy.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị vi Bồ Tát nhạo w thù miên nhị thập chủng quá.

(Di Lạc! Đây là hai mươi lỗi của Bồ Tát ham thích ngủ nghỉ)

Hai mươi lỗi này Phật đã nói ra, chúng ta phải suy nghĩ kỹ, phần lớn ta đều có thể hiểu được, nhưng nhất định phải hiểu ngủ nghỉ là hôn trầm, hôn trầm tăng trưởng vô minh, nên nó là một phiền não rất nặng đấy nhé! Những người khéo công phu trong thế gian đều chẳng cần ngủ nhiều. “Ngủ” là một trong năm dục vọng – tài, sắc, danh, thực, thù. Trong tam giới, Dục Giới mới có ngủ nghỉ. Nếu lên đến trời Sắc Giới, năm thứ ấy đều chẳng có nữa. Người cõi trời Sắc Giới chẳng cần Tài, chúng ta tham của cải! Nếu quý vị bỏ được tánh tham của cải, quý vị sẽ có tư cách lên được trời Sắc Giới. Đoạn được Tài rồi, đoạn được Sắc rồi, Sắc tức là tình dục nam nữ, đoạn sạch rồi, không còn nữa. Danh, họ cũng chẳng cần. Thực (ăn uống): họ chẳng cần ăn thứ gì; họ cũng chẳng cần ngủ nữa. Người cõi trời Sắc Giới chẳng có ăn uống, chẳng có ngủ nghỉ. Quý vị nghĩ coi: Họ chẳng ăn uống thì cần dùng tiền để làm chi đây? Bởi thế, họ chẳng tham tài.

Vậy họ duy trì sanh mạng bằng cách nào? Lấy Thiên Duyệt làm thức ăn. Đây là điều phàm phu chúng ta không cách chi tưởng tượng được, tự nhiên tinh thần họ no đủ, thọ mạng dài lâu, thanh xuân mãi mãi, chẳng già cả chi! Người cõi trời Sắc Giới đắc Thiên Định, Thiên Định là tâm thanh tịnh. Do đây biết rằng, quý vị chưa lia bỏ năm thứ dục ấy sẽ quyết định ở trong Dục Giới, chẳng thể ở Sắc Giới.

Do đó biết rằng, đừng nói gì là Phật, Bồ Tát, A La Hán bỏ sạch được những dục ấy, ngay cả phàm phu bậc cao trong thế gian (người cõi trời Sắc Giới và Vô Sắc Giới) cũng đều bỏ sạch được. Bởi thế, đức Phật dạy người tu đạo chúng ta càng ít năm món dục ấy càng hay, biết chúng là phiền não, chẳng phải là những điều tốt.

Phải ít ngủ, ít ăn: Ăn ít thân thể quý vị mới khỏe mạnh đấy nhé! Ngàn vạn phần chớ nên mê hoặc, cứ tưởng nhất định phải ăn những đồ ngon, uống những thuốc bổ thì thân thể mới khỏe, làm quá rồi! Chẳng hề có đạo lý ấy đâu! Quý vị giờ xem lịch sử, những đế vương, đại thần, hào môn, quý tộc Trung Quốc thời cổ, ngày ngày đều dùng các đồ bổ tốt nhất, nhưng thọ mạng chẳng dài, chẳng phải là những thí dụ rõ rệt đấy ư? Quý vị hãy quan sát kỹ, đừng có bị dối gạt nữa!

Những điều Phật dạy chúng ta là thật, chẳng phải giả đâu. Chất dinh dưỡng tốt nhất là tâm thanh tịnh. Chất bổ tốt nhất là ít dục vọng, càng ít càng tốt. Ăn uống, mỗi ngày ăn một bữa là được rồi, quý vị coi có phải là bớt việc hay không? Ăn một bữa được không? Tuyệt đối là được. Hiện tại vì sao quý vị chưa làm được? Vì quý vị nghĩ là không được, nên không có cách chi [làm được]. Trong Phật pháp thường nói “*hết thấy pháp từ tâm tướng sanh*”, trong tâm tướng quý vị, mỗi ngày nhất định phải ăn ba bữa, một bữa không ăn sẽ đói. Nếu quý vị nghĩ: ta mỗi ngày chỉ ăn một bữa, chẳng cần phải ăn ba. Ui cha! Quý vị ăn một bữa, hôm ấy chẳng đói. Đây là vấn đề quan niệm, chuyển được ý niệm sẽ đoạn được việc ấy!

Tôi thường giảng kinh ở ngoại quốc, người ta trông thấy hỏi: “Pháp sư! Thật ra thầy dùng thuốc bổ gì vậy? Tôi thấy thân thể ngài khỏe mạnh, dung mạo tươi tốt quá” Tôi nói: “Tôi thật sự có thuốc bổ -- là nước máy từ công ty nước Đài Loan đấy!” Nếu có ai pha trà, tôi uống trà, không ai pha trà, tôi chẳng tự mình nấu trà. Vì sao vậy? Phiền phức quá! Một chén nước sôi giải khát được rồi, ít phiền, bớt việc.

Có nhiều người cứ tưởng tôi rất sành trà, kỳ thật tôi chẳng sành trà. Trà dở, trà ngon, tôi chẳng phân biệt được. Bởi thế, quý vị cúng dường tôi thứ ngon lành gì rất uống! Thật ra, tôi chẳng biết! Lơ mơ thôi! Chẳng qua, tôi chỉ biết trà người ta tặng tôi đều là trà ngon cả, tôi đem quả ấy tặng cho người khác. Bởi thế, chỉ cần tâm quý vị thanh tịnh, chẳng phân biệt, chẳng nhiễm trước, ắt sẽ mạnh khỏe, sống lâu. Ăn uống càng đơn giản càng tốt. Thầy Lý thường dặn tôi: “Đừng vào quán ăn thứ gì, hàng quán thiếu vệ sinh, anh chưa vô nhà bếp coi họ làm, anh sẽ hiểu họ làm như thế nào”. Bởi thế, có ai mời tôi ra tiệm ăn thứ gì, về nhà tôi phải uống thuốc giải độc. Tốt nhất là đừng ăn ở ngoài, càng đơn giản càng khỏe mạnh, càng đơn giản càng sống lâu.

7.2. Trùng tụng

Tiếp theo đây, chúng ta thấy có hai mươi bài kệ tụng.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

Thân trọng, vô nghi kiễm,

Giải đãi, thiếu kham nhậm,

Nhan sắc vô quang trạch,

Thị nhạo thù miên quá.

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói kệ rằng:

- Thân nặng, thiếu oai nghi,

Biếng nhác, thiếu năng lực,

Dung mạo chẳng tươi tắn,

Là lỗi thích ngủ nghê)

Ham thích ngủ thân thể nặng nề. “*Nghi*” là oai nghi, đương nhiên chẳng có oai nghi, chẳng cần phải bàn đến nữa. “*Kiễm*” là tự mình kiễm điểm, kẻ ấy chẳng kiễm điểm, cho nên “*biếng nhác, thiếu oai nghi*”. “*Kham nhậm*” là năng lực đảm nhiệm công tác, họ mất hết, chẳng có năng lực làm nổi việc gì, đương nhiên kẻ cả việc tu đạo, chẳng có năng lực tu đạo. Câu “*dung mạo chẳng tươi tắn*” là nói đến thể chất người đó.

Chánh kinh:

Bỉ nhân thường bệnh não.

(Kẻ ấy thường bệnh khỏ)

Lắm bệnh, lắm phiền não.

Chánh kinh:

Phong hoàng đa tích tập.

(Phong hoàng chất chứa nhiều)

Có nghĩa là thân thể chẳng mạnh khỏe.

Chánh kinh:

Tứ đại hồ vi phân.

(Tứ đại trái nghịch nhau)

“Tứ đại” là địa, thủy, hỏa, phong; tứ đại chẳng điều hòa sẽ thường sanh bệnh, đây đều là do ngũ nhĩu gây ra.

Chánh kinh:

Ẩm thực bất tiêu hóa,

Thân thể vô quang nhuận,

Thanh tê, bất thanh triệt,

Thị nhạo thùy miên quá.

(Ăn uống chẳng tiêu hóa,

Thân thể chẳng tươi nhuận,

Tiếng rẻ, chẳng rõ ràng,

Là lỗi thích ngủ nhiều)

“*Thanh tê*” là âm thanh rè đục, nói năng chẳng rõ ràng. Đây là lỗi hại của việc ngủ nhiều.

Chánh kinh:

Kỳ thân sanh sang pháo,

Trú dạ thường hôn thù,

Chư trùng sanh cơ quan,

Thị nhạo thù miên quá.

(Thân mình sanh ghẻ chốc,

Ngày đêm thường mê mờ,

Trùng lấm dịp sanh trưởng,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

“*Trùng*” bây giờ ta thường gọi là vi sinh vật và ký sinh trùng. Xác thực là người ngủ nhiều, trong nội tạng có nhiều ký sinh trùng, có những ký sinh trùng chẳng hại gì đến thân thể, nhưng cũng có ký sinh trùng có hại; những loại thông thường này ai cũng có. “*Cơ quan*” nói theo cách bây giờ là cơ hội, tạo nhiều cơ hội cho ký sinh trùng sanh trưởng.

Chánh kinh:

Thoái thất w tinh tấn,

Phạp thiếu chư tài bảo,

Đa mộng, vô giác ngộ,

Thị nhạo thù miên quá.

(Tinh tấn bị lui sụt,

Thiếu thốn các của báu,

Lắm mộng, không giác ngộ,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Người ngủ nhiều đương nhiên tinh tấn chẳng cần bàn đến nữa. Ưa ngủ nghề, năng lực công tác kém hẳn người khác, bởi thế tiền tài chẳng nhiều nhận gì, đó là nguyên nhân “*thiếu thốn các của báu*”. Người hôn trầm nhiều là “*đa mộng*”, đa mộng bèn chẳng giác ngộ. Bởi thế người ngủ ngon, người tâm địa thanh tịnh, rất ít mộng! Những mộng cảnh người phàm mộng thấy, nếu quý vị lưu ý sẽ có thể dùng những mộng cảnh ấy để khảo nghiệm công phu chính mình: Ta học Phật nhiều năm có tiến bộ hay không? Đại khái là trước khi học Phật thường gặp ác mộng, cảnh mộng hỗn loạn phi thường. Sau khi học Phật, vọng niệm ít đi, tâm dần dần thanh tịnh, dù có nằm mộng, ác mộng ít hẳn; thậm chí không còn ác mộng nữa, ấy là công phu của quý vị đã tiến lên một nấc.

Nếu từ mộng ít, tiến đến không mộng, công phu của quý vị bèn lại tăng thêm một nấc nữa. Đến lúc chẳng có mộng cảnh, sẽ như đức Phật đã nói “ngủ bốn giờ”, tinh thần quý vị nhất định khôi phục rất sung mãn. Thường nằm mộng là giấc ngủ chẳng ổn, thân thể dù ngơi nghỉ, tinh thần chẳng ngơi nghỉ, nên lúc quý vị thức dậy, vẫn cảm thấy rất thiếu ngủ, rất mệt mỏi, đạo lý là đây! Mọi người chúng ta ngủ không sâu, ngủ không ngon, là do mộng nhiều quá.

Chánh kinh:

Si võng thường tăng trưởng.

(Lười si thường tăng trưởng)

“*Võng*” ngụ ý tỷ dụ nhiều, rất phức tạp. Ngu si tăng trưởng.

Chánh kinh:

Nhạo trước w chư kiến.

(Vui chấp vào các kiến)

“*Kiến*” nói theo cách bây giờ là cách nghĩ, cách nhìn rất nhiều. Toàn là suy bậy nghĩ bạ.

Chánh kinh:

Xí thanh nan liệu trị.

(Lùng lấy khó chữa trị)

Quý vị vọng tưởng, chấp trước rất nhiều, thật chẳng dễ đổi trị. Vì sao chẳng dễ đổi trị? Quý vị ngu nhiều quá.

Chánh kinh:

Tôn giảm u trí huệ,

Tăng trưởng u ngu si,

(Trí huệ bị tôn giảm,

Ngu si càng tăng trưởng)

Trí huệ giảm ít, ngu si tăng trưởng.

Chánh kinh:

Chí ý thường hạ liệt,

Thị nhạo thù miên quá.

(Chí ý thường kém hèn,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Người ấy chẳng có chí hướng cao thượng.

Chánh kinh:

Bỉ trụ a-lan-nhã,

Thường hoà giải đái tâm,

Phi nhân đắc kỳ tiện,

Thị nhạo thù miên quá.

(Kẻ ấy trụ lan-nhã,

Thường ôm lòng giải đãi,

Phi nhân thừa dịp hại,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Người tham ngủ, biếng nhác, lười trễ như thế nếu ở nơi A-lan-nhã lại càng thuận tiện: không ai quấy nhiễu, ngủ càng lâu. Có chuyện đó hay không? Có hạng người như thế đấy! Tôi từng gặp hai vị bế quan, bế quan làm gì? Bế quan để ngủ! Sau khi bế quan ra, các tín đồ tôn trọng, cúng dường, thật phi thường: bế quan mà! Nhưng là bế cái quan nào đâu ai biết! Bế quan để ngủ, trong quan phòng (1) ngủ đầy giấc.

Tuổi vị pháp sư ấy không chênh lệch tuổi tôi nhiều lắm, đã qua đời lâu rồi. Lúc ông ta bế quan, hỏi mượn tôi kinh sách, tôi thu thập rất nhiều bản kinh sách hay, ông ta hỏi mượn để tụng công trong quan phòng, tôi cũng rất hoan hỷ. Ông ta mượn tôi bộ Trung Quán Luận Sớ, in mộc bản, sách đóng gáy bằng chỉ khâu, gồm mười hai quyển. Đến năm thứ hai – ông ta bế quan đã được một năm rồi – tôi đến thăm ông. Ông kể cho tôi nghe những chuyện trong giới Phật giáo: tình hình của vị pháp sư chùa này nọ, kể lể rất tường tận, tôi chẳng biết gì cả. Ông ta ở trong quan phòng mà chuyện gì cũng biết, tôi hằng ngày ở ngoài mà chẳng biết chi cả.

Tôi lại hỏi ông ta: “Thầy xem bộ Trung Quán Luận Sớ xong chưa?” Ông ta bảo tôi: “Mười hai cuốn mới xem được nửa cuốn, cuốn thứ nhất vẫn chưa xem xong!” Chẳng phải là bế quan để ngủ hay sao? Chẳng những là ngủ đầy giấc, đại khái là hằng ngày thường gặp gỡ người khác, lại còn săn tin, cho nên chuyện gì bên ngoài cũng biết cả. Thế là ý nghĩa bế quan đã mất rồi! “*Bế quan*” là tìm một nơi thanh tịnh để chân chánh tụng công; đừng mất tinh tấn, lìa bỏ hết thấy những sự việc tạp nhạp của thế gian.

Tôi từng gặp qua hai người như vậy. Đó là “*trụ a-lan-nhã, thường ôm lòng giải đãi, phi nhân thừa dịp hại*”. “*Phi nhân thừa dịp hại*” là dễ bị ma dựa, yêu ma quỷ quái thấy biết tâm tư, ý niệm, hành vi của kẻ ấy nên dễ dàng thao túng, không chế, ta gọi là “*ma dựa*”. Sau khi bị ma dựa, kẻ ấy bị ma lợi dụng. Đó là lỗi của ngủ nghỉ.

Chánh kinh:

Mông hội thất chánh niệm

(Mờ mịt mất chánh niệm)

“*Mông hội*” nói theo cách bây giờ là hồ đồ, ngu si, hồ đồ đánh mất chánh niệm.

Chánh kinh:

Phúng tụng bất thông lợi.

(Đọc tụng chẳng thông suốt)

Nghĩa là đọc kinh nhưng chẳng hiểu ý nghĩa kinh, thường quên mất kinh văn.

Chánh kinh:

Thuyết pháp đa phé vong,

Thị nhạo thù miên quá.

(Thuyết pháp thường quên mất,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Lúc giảng kinh thuyết pháp, cũng thường hiểu lầm ý Phật, hiểu lệch lạc, quên mất nghĩa chân thật.

Chánh kinh:

Do si khởi mê hoặc,

Trụ u phiền não trung,

Kỳ tâm bất an lạc,

Thị nhạo thù miên quá.

(Do si khởi mê hoặc,

Trụ ở trong phiền não,

Tâm gã chẳng yên vui,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Đó là hiện tượng tất nhiên. Nhân vì ngu si, do ngu si nên khởi mê hoặc, đối với thế pháp lẫn Phật pháp đều chẳng thông đạt, hiểu rõ, nhất định nghi hoặc trùng trùng, đương nhiên là sanh phiền não, chẳng thể được khinh an! Tâm được yên vui là lợi ích đầu tiên người học Phật chúng ta phải đạt được. Học Phật có gì hay? Cái hay đầu tiên là thân tâm yên vui. Nếu chẳng đạt được điều này, quý vị phải nghiêm túc kiểm điểm, phản tỉnh, nhất định quý vị đã học Phật sai lệch, lầm lạc; nếu không, nhất định phải đạt được lợi ích này. Đây chỉ là công phu nông cạn, chưa phải là công phu rất sâu. Phải đạt được công phu nông cạn nhất, phải đạt lợi ích tối thiểu. Sở dĩ, chưa học Phật ít phiền não, càng học càng nhiều phiền não, càng học áp lực càng nặng, thì làm mất rồi, quý vị đi vào ma đạo mất rồi!

Ma là gì? Là bẻ gãy, mài mòn quý vị. Quý vị chịu sức ép, quý vị bị đau khổ là quý vị học ma chứ phải đâu là học Phật! Học Phật nhất định phải được yên vui. Kẻ kia chẳng đạt được an lạc đó là do đã phạm phải lỗi lầm: tham ngủ nghề đó mà!

Chánh kinh:

Công đức giai tổn giảm,

Thường sanh ưu hối tâm,

Tăng trưởng chư phiền não,

Thị nhạo thù miên quá.

(Công đức đều tổn giảm,

Thường sanh lòng buồn hối,

Các phiền não tăng trưởng,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Đây cũng là lỗi lầm của chuyện ham ngủ. “*Công đức*” khác với phước đức, quý vị phải nhớ cho rõ ràng, rành rẽ. “*Công*” là công phu, một phần công phu đạt một phần thâm hoạch, điều ấy gọi là “*đức*”. Ví như trì giới hữu công, thiên định là đức. Tu Định hữu công, khai trí huệ là đức. Giả sử quý vị trì giới chẳng đắc định thì giới là phước đức, chẳng phải là công đức, bởi lẽ rốt ráo chẳng có đức. Trì giới phải đắc định.

Có nhiều người trì giới rất giỏi, giới luật rất tinh nghiêm, nhưng chẳng đắc định. Vì sao chẳng thể đắc định? Tâm kẻ ấy tán loạn, tự mình trì giới giỏi hơn người khác, trông thấy người khác cảm thấy đáng nên kiêu ngạo, kiêu ngạo như thế sẽ chẳng có định, vì làm lẫn rồi. Bởi vậy, trong kinh này, câu đầu tiên Phật dạy chúng ta là “*chẳng cầu lỗi người khác, chẳng cử tội người khác*” rất có đạo lý đó nghe! Lục Tổ từng nói: “*Nếu người thật tu đạo, chẳng thấy lỗi thế gian*”.

Quý vị trì giới rất giỏi, chẳng thấy lỗi người khác, quý vị bèn đắc Định, tâm thanh tịnh bèn hiện tiền. Tự mình giới luật rất tinh nghiêm, thấy người này chẳng trì giới, người khác phá giới, kẻ nọ phạm tội, là xong rồi, làm sao quý vị đắc định cơ chứ? Dù trì giới rất giỏi, vẫn chỉ là một chút si phước trong lục đạo đó thôi, sao gọi là công đức cho được, chẳng có công đức gì. Người tham ngủ chẳng thể thành tựu công đức đâu! “*Thường sanh lòng buồn hối, tăng trưởng các phiền não*”.

Chánh kinh:

Viễn ly chư thiện hữu,

Diệt bất cầu chánh pháp,

Thường hành phi pháp trung,

Thị nhạo thù miên quá.

(Xa lìa các bạn lành,

Cũng chẳng cầu chánh pháp,

Thường làm chuyện phi pháp,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

“Thiện hữu” quá nửa là người tinh tấn, dững mãnh, quý vị tham ngủ làm sao hợp với họ cho được? Chẳng phải là đồng loại mà! Bạn lành tự nhiên xa lánh quý vị, quý vị tự xa lánh bạn lành, quý vị cũng khó cầu chánh pháp, hành động như thế tất nhiên trái nghịch lời Phật răn dạy, nên gọi là “phi pháp”.

Chánh kinh:

Bất hân cầu pháp lạc,

Tổn giảm chư công đức.

Viễn ly u bạch pháp,

Thị nhạo thù miên quá.

(Chẳng vui cầu pháp lạc,

Tổn giảm các công đức,

Xa lìa các pháp lành,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Chẳng thể vui thích học Phật, chẳng thể vui thích cầu pháp, nên pháp lạc, pháp hỷ cũng chẳng thể đạt được. Bởi đó, hết thảy những điều kẻ ấy tu học đều chẳng có công đức. Nói theo cách bây giờ, “không có công đức” là chẳng có hiệu quả, chẳng có thành tích. “Công đức” nói theo cách bây giờ là hiệu quả, là thành tích. Dù học Phật nhưng chẳng gây được thành tích, quý vị học chẳng đạt đến được mục tiêu dự định. Ví như công đức của người niệm Phật chúng ta là gì? Chẳng phải nói mỗi ngày tôi niệm mười vạn câu Phật hiệu, mỗi ngày tôi tụng mười bộ kinh Vô Lượng Thọ là công đức đâu nhé! Chẳng phải vậy, mà là quý vị ra sức công phu rồi cuối cùng có đạt được gì hay không? Nếu có đạt được thì quý vị tu mới có công đức, [công đức là] sau khi dụng công đạt được ấy mà!

Đạt được cái gì? Mức thấp nhất là công phu thành phiền. Thế nào là “công phu thành phiền”? Quý vị công phu sao cho đẹp yên hết vọng tưởng, tạp niệm, phiền não, chẳng cho chúng khởi tác dụng, thì gọi là “công phu

thành phiền”. Ta niệm Phật để làm gì? Dùng Phật để chèn ép tâm tham chẳng cho nó khởi tác dụng. Gặp chuyện chẳng vừa ý, tâm phiền não khởi lên, A Di Đà Phật bèn đè phiền não xuống, thật sự đè nén được, thật sự chẳng khởi tác dụng. Niệm đức Phật là Công, đè nén được gọi là Đức. Chẳng thể nói một mặt niệm Phật, một mặt khởi phiền não; như vậy chẳng có tác dụng chi hết. Niệm Phật như thế chẳng gọi là công đức; so ra chỉ tốt hơn nói bậy bạ, chứ người khác một chút thôi, chẳng có công đức!

Công phu sâu hơn nữa là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, công phu cao hơn nữa là Lý Nhất Tâm Bất Loạn, đó gọi là công đức. Chúng ta nhất định phải hiểu rõ, minh bạch điều này. Kẻ kia chẳng có tâm chân chánh cầu pháp, nên đương nhiên chẳng có thành tích, đương nhiên chẳng có hiệu quả? “*Xa lìa các bạch pháp*”: hết thầy thiện pháp đều chẳng sanh.

Chánh kinh:

Bĩ nhân tâm khiếp nhược,

Hằng thiếu ư hoan hỷ,

Chi phần đa luy sừ,

Thị nhạo thù miên quá.

(Kẻ áy tâm khiếp nhược,

Luôn luôn ít vui mừng,

Chi phần hay yếu gầy,

Là lỗi thích ngủ nghỉ)

Bài kệ này ý nói kẻ ngu nhiều thân tâm chẳng khỏe mạnh, “*tâm khiếp nhược*” là trong tâm chẳng kháng kiên, lắm nỗi ưu tư, ít vui vẻ. Câu “*chi phần...*” ý nói tứ chi, tay chân trên thân đều gầy yếu. Đó là thân thể chẳng kháng kiên.

Chánh kinh:

Tự tri thân giải đãi,

Tật đồ tinh tấn giả,

Nhạo thuyết kỳ quá ác,

Thị nhạo thù miên quá.

(Tự biết mình giải đãi,

Ganh ghét người tinh tấn,

Thích nói lời kẻ ấy,

Là lời thích ngủ nghỉ)

Bản thân kẻ ấy chẳng tinh tấn, giải đãi, tham ngủ, kẻ ấy cũng tự biết, nhưng đối với người tinh tấn vẫn cứ ghen ghét, vẫn kể tội xấu của người ấy, vẫn kể lỗi lầm của người ấy. Tạo nghiệp đấy! Đấy thật là tội chồng thêm tội!

Chánh kinh:

Trí giả liễu kỳ quá,

Thường ly u thùy miên.

(Kẻ trí rõ lỗi ấy,

Thường rời thói ngủ nghỉ)

Phật dùng hai câu này cảnh tỉnh chúng ta, người có trí huệ biết rõ lỗi hại của ngủ nghỉ, cho nên “*thường rời thói ngủ nghỉ*”, “*rời thói ngủ nghỉ*” là như đức Phật dạy ta ngủ vào lúc trung dạ. Sơ dạ là từ sáu giờ chiều đến mười giờ đêm, hậu dạ là từ hai giờ sáng đến sáu giờ sáng. Phật dạy chúng ta thời gian ngủ là bốn tiếng đồng hồ, mười giờ tối đi ngủ, hai giờ sáng thức dậy. Thật sự, hiện tại chúng ta làm không được, nghiệp chướng chúng ta sâu nặng, ngủ bốn tiếng thể lực không khôi phục được, bởi thế phải ngủ sáu tiếng. Ngủ sáu tiếng thì nếu như mười giờ đêm đi ngủ, bốn giờ sáng thức dậy, đại khái mọi đạo tràng hiện tại của chúng ta đều như vậy: bốn giờ sáng thức dậy tụng khóa sáng, đó là đã trừ hao rồi.

Chánh kinh:

Ngu nhân tăng kiến võng

(Kẻ ngu tăng lưới kiến)

“*Tăng*” là tăng trưởng, “*kiến*” là tà tri tà kiến.

Chánh kinh:

Vô lợi, tổn công đức,

Trí giả thường tinh tấn,

Cần tu thanh tịnh đạo.

(Không lợi, tổn công đức,

Bậc trí thường tinh tấn,

Siêng tu đạo thanh tịnh)

Một đấng là người ngu si, một đấng là người trí huệ giác ngộ, hành vi chẳng giống nhau.

Chánh kinh:

Ly khổ đắc an lạc,

Chư Phật sở xưng thán.

(Lìa khổ được yên vui,

Được chư Phật khen ngợi)

Ngủ nghỉ là khổ, chẳng phải là chuyện vui, hưởng gì là tham ngủ! Bởi lẽ có nhiều điều lỗi hại như vừa thuật ở trên.

Chánh kinh:

Thế gian chư kỹ nghệ,

Cập xuất thế công xảo,

Giai do tinh tấn lực,

Trí giả ưng tu tập.

(Các kỹ nghệ thế gian,

Cùng tài khéo xuất thế,

Đều do sức tinh tấn,

Bậc trí nên tu tập!)

Các thứ kỹ thuật, kỹ năng thế gian cho đến các tài khéo xuất thế gian đều sanh từ tinh tấn, tuyệt đối chẳng phải là kẻ biếng nhác có thể đạt được! Hiện tại trong thế giới này, do giao thông thuận tiện, nhanh chóng, thông tin phát triển, người ngoại quốc đã nhìn người Trung Quốc chúng ta bằng con mắt khác. Trong quá khứ họ xem thường người Trung Quốc, chẳng để người Trung Quốc vào mắt, chỉ nghe nói thôi: Người Trung Quốc rất ngu si, rất vụng về, cho nên họ xem thường.

Khi xưa, người Tàu ra ngoại quốc (chẳng hạn như Mỹ quốc) đều làm cu-ly (coolie), chẳng phải là nghề nghiệp cao quý gì. Hiện tại giao thông thuận tiện, nhanh chóng, thông tin phát đại, chúng ta đi ra ngoài nhiều, người ngoại quốc hiểu biết, họ nói theo lương tâm: Nếu đem so từng người một trên thế giới với nhau, người Trung Quốc hạng nhất. Trí huệ, tài nghệ người Trung Quốc không ai sánh bằng, họ hết sức bội phục. So sánh từng hai người một, người Do Thái bậc nhất. So sánh từng ba người một, người Nhật Bản bậc nhất. Điều này cho thấy người Trung Quốc tuy ưu tú, thông minh phi thường, nhưng chẳng đoàn kết chi cả! Mạnh ai nấy làm, không hợp tác.

Tôi đến Nữ Ước hoàng pháp lần thứ nhất vào năm 1983, gặp người ngoại quốc nói với tôi như thế. Rất cục, vẫn là chẳng coi trọng, vẫn là xem nhẹ người Trung Quốc, vẫn coi thường. Nói với tôi điều ấy xong, cuối cùng, ông ta hỏi tôi:

- Người Trung Quốc các ông vì sao không đoàn kết?

Câu hỏi này thật hay! Tôi thấy người ngoại quốc toàn là giáo đồ Cơ Đốc, bèn bảo người ấy:

- Đây là do Thượng Đế an bài.

Ông ta kinh ngạc, nói:

- Vì sao do Thượng Đế an bài?

Tôi nói:

- Nếu người Trung Quốc đoàn kết lại, các ông chẳng còn cơm ăn đâu!

Mọi người cười rần xong chuyện. Người Trung Quốc đoàn kết, người trên thế giới không có cơm ăn đâu, toàn thế giới này là người Tàu hết! May là người Tàu không đoàn kết, nên họ vẫn có cơm ăn. Nay trong cách nhìn của người ngoại quốc, chẳng dám xem thường người Tàu nữa. Bởi thế, bất cứ dân tộc, quốc gia nào trên toàn thế giới đều sợ Trung Quốc đoàn kết, đây là điều họ hoảng sợ nhất. Hiện tại chúng ta nói chuyện thống nhất, chuyện đoàn kết, họ sợ chết khiếp, tôi nói thật đấy!

Chánh kính:

Nhược nhân thú Bồ Đề,

Liễu tri thù miên quá,

An trụ tinh tấn lực,

Giác ngộ sanh tâm quý,

Thị cố chư trí giả,

Thường sanh tinh tấn tâm,

Xả ly u thùy miên,

Thủ hộ Bồ Đề chủng.

(Nếu ai hướng Bồ Đề,

Biết rõ lỗi ngủ nghỉ,

An trụ sức tinh tấn,

Giác ngộ sanh hồ thẹn,

Vì thế, những bậc trí,

Thường sanh lòng tinh tấn,

Bỏ lìa thói ngủ nghỉ,

Thủ hộ giống Bồ Đề)

---o0o---

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

B. CHÁNH TÔNG PHẦN

Hai bài kệ cuối cùng là đức Thế Tôn phó chúc chúng ta: Nếu chúng ta có chí hướng liễu sanh tử, xuất tam giới, nhất là niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, tức là hướng đến Đại Bồ Đề, thì nhất định phải biết những lỗi lầm của ngủ nghỉ, phải biết bớt ngủ, phải nỗ lực tinh tấn, chúng ta mới hòng thành tựu.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Nhạo trước thùy miên nãi hữu như thị vô lượng quá thất. Nhược hữu văn giả, bất sanh ưu hối, yểm ly chi tâm, phát khởi tinh tấn, đương tri thị nhân, thậm đại ngu si.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Hy hữu thay đức Thế Tôn! Tham đắm ngủ nghỉ bèn có vô lượng lỗi lầm như thế. Nếu kẻ nào nghe thấy, chẳng sanh tâm buồn hối, chán lìa, phát khởi tinh tấn, nên biết kẻ ấy hết sức ngu si)

Đoạn cuối cùng là Di Lạc Bồ Tát từ bi vô cùng, Ngài nghe đức Phật răn dạy xong, bèn vì chúng ta tổng kết. Mỗi chữ, mỗi câu trong đoạn này đều là lời khuyên khích, cảnh tỉnh chúng ta, chúng ta phải thể hội. Đúng như đức Thế Tôn vừa nói, tham chấp ngũ ngũ lỗi hại rất nhiều, Phật nói có hai mươi thứ, chẳng qua là nói đại lược đó thôi, trên thực tế nói không cùng tận. Chúng ta nghe đức Phật nói xong, phải nên hồi lỗi, phải nên sám hối. Sám hối như thế nào? Nhất định phải vận dụng tinh thần khắc phục con ma ngũ, phát khởi tinh tấn mới là chân chánh sám hối. Nếu chẳng làm được như vậy thì đúng như Bồ Tát Di Lạc nói: Con người như thế hết sức ngu si, kẻ ấy nghe Phật dạy rồi vẫn chẳng đổi lỗi, hồi đầu!

Chánh kinh:

Nhược hữu Bồ Tát vị dục chí cầu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề giả, văn thuyết như thị chân thật cú nghĩa, công đức lợi ích, u chư thiện pháp, nhi sanh giải đãi, bất khởi tinh tấn, trụ Bồ Đề phần, vô hữu thị xứ!

(Nếu có Bồ Tát có chí mong cầu Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, nghe nói cú nghĩa chân thật, công đức lợi ích như thế mà đối với các thiện pháp bèn sanh giải đãi, chẳng khởi tinh tấn, trụ Bồ Đề phần thì chẳng có lẽ ấy)

Lời tổng kết của Di Lạc Bồ Tát gồm hai đoạn, đoạn trước nói tất cả những ai nghe lời Phật dạy đều phải nên giác ngộ, sám hối, sửa lỗi. Còn nếu là Bồ Tát thì khác với những người bình thường, chí hướng của Bồ Tát là thành Phật. Học Phật nhằm mục đích gì? Học Phật nhất định là phải để thành Phật. Hiện tại các đồng tu học Phật rất đông, nhưng những người có chí khí như thế chẳng mấy. Tôi học Phật đã hơn bốn mươi năm rồi, trước giờ chưa thấy có một vị nào, hoặc nghe nói có một vị đồng tu nào nói mình mong thành Phật cả; quý vị mới thấy là những người ấy chưa đủ tư cách làm Bồ Tát. Đã là Bồ Tát thì mục đích phải là thành Phật. Lúc trẻ, tôi đọc Pháp Bảo Đàn Kinh của Lục Tổ, đọc đến những câu đối đáp khi Lục Tổ gặp Ngũ Tổ, tôi bội phục, năm vóc gieo xuống đất.

Ngũ Tổ hỏi: - Huệ Năng! Người đến đây rốt cuộc là vì lẽ gì?

Lục Tổ đáp rất hay: - Con đến làm Phật.

Thật là tuyệt vời! Đủ thấy chí thú Ngài bắt phàm. “*Làm Phật*” là câu A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề, từ ngữ này là tiếng Phạn, dịch sang tiếng Tàu là Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, tức là câu làm Phật. Người chân chánh mong thành Phật, nghe đến lời Phật khai thị, mỗi chữ mỗi câu đều là “*cú nghĩa chân thật*” (lời răn dạy chân thật), “*công đức lợi ích*”, mà đối với các thiện pháp sanh lòng giải đãi, vẫn chẳng tinh tấn, tâm chẳng an trụ nơi đạo được chăng? (Bồ Đề tức là Đạo, cũng là thanh tịnh tâm, giác tâm).

Do đây biết rằng: Chúng ta nghe xong chẳng chú ý mấy, nghe ở giảng đường xong, có chuyện gì đó bận tâm, vừa xuống khỏi lầu bèn quên sạch sành sanh, như thế chẳng phải là Bồ Tát, Bồ Tát chẳng giống thế, Bồ Tát nghe xong liền có tác dụng. Hãy tự kiểm điểm xem mình có khởi tác dụng hay là không?

8.7. Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát rộng lo các việc có hai mươi lỗi lớn

8.7.a. Trường hàng

Đoạn kinh văn tiếp theo đây nói đến những lỗi lầm người hiện thời chúng ta thường phạm. Dù phạm lỗi, vẫn chẳng tự biết lỗi mình, cứ tưởng mình công đức rất lớn. Thật ra, trong sanh hoạt tu trì thường nhật, phạm phạm đủ thứ lỗi, nhưng đều tưởng là công đức, đều tưởng mình ghê gớm lắm; chẳng hạn như chuyện tham ngủ. Cổ đức nói: “*Cơ lai ngật phạn, khốn lai miên*” (Đói thì ăn cơm, mệt bèn ngủ). Ngủ như thế chẳng bình thường đâu, phải là bậc đại tu hành.

Quý vị tu học bằng công phu nào? Người ta nói: “*Đói thì ăn cơm, mệt thì ngủ*” là cách dụng công của họ, quý vị học theo cách dụng công đó thì vô lượng lầm lỗi đã nói ở phần trên, quý vị sẽ có đủ cả! Nhưng lời tổ sư nói đến cách dụng công của bậc đại tu hành đó có lầm lạc, lỗi hại hay là không? Chẳng có! Các ngài bụng đói bèn ăn, mệt bèn ngủ thì được, chúng ta không được! Vì sao vậy? Các vị ấy sanh tử đã xong.

Nói cách khác, các Ngài đã đoạn phiền não, đã liễu sanh tử, không còn sự gì phải hoàn thành nữa. Chúng ta chưa đoạn phiền não, vọng niệm rất nhiều, sanh tử đại sự chưa hoàn thành, sao an tâm ngủ cho được? Bởi thế, lời Phật, Bồ Tát, tổ sư nói, nhất định chớ hiểu lầm, Ngài nói câu ấy với hạng người nào, nói trong hoàn cảnh nào, chúng ta phải hiểu rõ. Có câu chúng ta học theo được, có câu chẳng thể học! Học theo là hồng, vì chẳng phải là cảnh giới của mình.

Phần trước tôi có nói qua sơ nghiệp Bồ Tát và huệ hạnh Bồ Tát cách thức tu hành không giống nhau. Huệ hạnh Bồ Tát là Pháp Thân đại sĩ, Kiên Tư phiền não, Trần Sa phiền não đoạn xong rồi, tối thiểu là phá được một phẩm vô minh, cho nên cách thức tu hành của các Ngài chẳng giống với hàng sơ học chúng ta. Bọn sơ học chúng ta phải theo quy củ, bởi lẽ cảnh giới của các Ngài chẳng thể nghĩ bàn, chẳng phải là cảnh giới của phàm phu, Tiểu Thừa, Quyền giáo Bồ Tát, nên ta chẳng học theo được. Trong đoạn này cũng vậy, chúng ta phải chú tâm thể hội.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Vân hà danh vi chúng vụ trung quá, nhược quán sát thời, linh chư Bồ Tát bất doanh chúng vụ, cần tu Phật đạo?

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch đức Thế Tôn! Thế nào gọi là lỗi của các việc, nếu lúc quán sát sẽ khiến cho Bồ Tát chẳng lo liệu các việc, chăm tu Phật đạo?)

Đây là lời Di Lạc Bồ Tát hỏi. Thế nào là “*chúng vụ trung quá?*” Chúng là rất nhiều, Vụ là sự vụ; rất nhiều sự vụ. “*Doanh*” là kinh doanh, tạo tác. Quý vị kinh doanh, tạo tác rất nhiều sự vụ, gây trở ngại rất lớn cho sự tu hành, ở đây cũng gồm hai mươi lầm lỗi. Trong câu “*nếu lúc quán sát*”, “*quán sát*” nghĩa là quý vị minh bạch, giác ngộ, biết rõ các sự việc là chướng đạo, là điều người tu hành chẳng nên làm, “*khiến cho các Bồ Tát chẳng lo liệu các việc*”: chẳng còn kinh doanh tạo tác những việc ấy nữa.

Những sự việc ấy chẳng mảy may liên quan chi đến liễu sanh tử, xuất tam giới. Bởi thế, Phật dạy chúng ta phải “*siêng tu Phật đạo*”. Phật đạo là đạo Chánh Giác, Đại Giác, giác ngộ triệt để rốt ráo vũ trụ nhân sanh nên gọi là Phật đạo. Chẳng những Di Lặc Bồ Tát vì chúng ta khai thính, mà Ngài còn nói rõ mục đích khai thính: “*Khiến cho các Bồ Tát chẳng lo liệu các việc, siêng tu Phật đạo*”. Tiếp theo đây là lời đức Thế Tôn khai thị.

Chánh kinh:

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát ưng đương quán sát nhạo doanh chúng vụ nhị thập chủng quá.

(Phật nói:

- Nay Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát nên quán sát hai mươi lỗi lầm của chuyện thích lo liệu các việc)

Quý vị xem những câu đức Thế Tôn đáp lời, câu thứ nhất là “*sơ nghiệp Bồ Tát*”. Sơ nghiệp Bồ Tát là bọn chúng ta, phiền não chưa đoạn, sanh tử chưa liễu, đã thọ Bồ Tát giới, đã là Bồ Tát, Bồ Tát được nói ở đây là sơ nghiệp Bồ Tát, phạm phu Bồ Tát. Câu này rất trọng yếu! Bởi lẽ, quý vị đồng tu nếu chú tâm đọc tụng các kinh điển nhà Phật, trước thuật của các tổ sư đại đức thời cổ, quý vị sẽ thấy rõ: Xưa kia, trong các tự viện, từ trụ trì, đương gia cho đến những người làm các sự vụ, tạp vụ trong các tự viện đều chẳng phải là phạm phu đâu nghe! Họ toàn là chư Phật, Bồ Tát tái lai. Phật, Bồ Tát đại từ đại bi thấy quý vị chân chánh phát tâm, muốn dụng công tu học, các ngài hóa thân đến làm những sự việc để hộ trì quý vị.

Chúng tôi đọc trong Cao Tăng Truyện, thấy vào năm đầu đời Đường, Trí Giả Đại Sư ở núi Thiên Thai lúc vãng sanh, đồ đệ hỏi phẩm vị vãng sanh của Ngài; lão nhân gia nói: Nhân vì làm trụ trì, phải quản sự, quản chúng, chuyện gì cũng phải trông coi, đương nhiên sự tu hành của bản thân bị ảnh hưởng, chướng ngại, nên Ngài chỉ vãng sanh trong địa vị Ngũ Phẩm. Địa vị Ngũ Phẩm là đời nghiệp vãng sanh Phạm Thánh Đồng Cư Độ, địa vị này rất thấp, chẳng cao. Nếu Ngài chẳng phải lãnh chúng, chẳng quản trị đồ chúng, chẳng trông nom sự vụ, ắt phẩm vị sẽ cao.

Chuyện này cho thấy Ngài hy sinh phẩm vị để hỗ trợ hàng sơ học, nhưng sự hy sinh ấy có giới hạn, giới hạn gì? Quyết định vãng sanh. Ta vãng sanh trong Hạ Hạ Phẩm là được rồi, cốt sao được vãng sanh, giới hạn là đó. Nếu vì phục vụ đại chúng, tự mình chẳng được vãng sanh, đời sau vẫn luân hồi trong lục đạo, thậm chí đọa tam ác đạo, là lầm lạc quá rồi, đấy tuyệt đối chẳng phải là ý của Phật, Bồ Tát.

Địa Tạng Bồ Tát nói: “*Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục?*” Chúng ta có vào địa ngục được không? Chúng ta vào địa ngục chẳng được đâu! Các vị phải đạt địa vị như Địa Tạng Bồ Tát mới có thể nói: “*Ta chẳng vào địa ngục, ai vào địa ngục?*” Phải biết Địa Tạng Bồ Tát là Đẳng Giác Bồ Tát, chẳng phải là Bồ Tát bình phạm. Nếu nói theo khái niệm sơ học Bồ Tát và huệ hạnh Bồ Tát trong kinh này thì Địa Tạng Bồ Tát là huệ hạnh Bồ Tát, chúng ta là sơ học Bồ Tát chẳng thể học đời Ngài nổi.

Sơ học Bồ Tát cứ chắc thật niệm Phật, cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới gặp đức Phật A Di Đà, trí huệ, thần thông, đạo lực của quý vị đều khôi phục cả, chẳng khác với đức Phật mây, quý vị mới học theo huệ hạnh Bồ Tát được, quý vị lo liệu các việc chẳng sợ, chẳng chướng ngại. Đây là nói về Phật, Bồ Tát.

Chúng ta biết Trí Giả đại sư là Thích Ca Mâu Ni Phật hóa thân, Vĩnh Minh Diên Thọ đại sư là Phật A Di Đà hóa thân, hóa thân lần này mang thân phận làm trụ trì lãnh chúng. Còn có vị làm những tạp vụ, việc gì các Ngài cũng làm, dù thấy cái tâm bình đẳng, chẳng hề chọn lựa, phân biệt. Hàn Sơn, Thập Đắc là Văn Thù, Phổ Hiền, hai vị làm tạp vụ trong nhà bếp, ở trong bếp lo nấu lửa, gánh nước. Lại còn Phong Can hòa thượng làm tạp vụ, giã gạo trong nhà bếp, hầu hạ đại chúng. Phong Can là A Di Đà Phật. Di Đà, Văn Thù, Phổ Hiền làm tạp vụ để cúng dường đại chúng đó nghe, vì sao vậy? Là để lo liệu các việc.

Quý vị nghĩ xem: thời cổ, trong các đạo tràng ấy có người chân chánh tu hành nên Phật, Bồ Tát đến hầu hạ, chiếu cố. Bởi thế, với bất cứ hạng người nào trong cửa Phật, chúng ta đều phải đối đãi bằng tâm cung kính nhất, bởi chẳng hiểu thân phận họ thế nào. Quý vị chẳng được nói vì kẻ ấy lo quét dọn, sắp chén trà, tiếp đãi khách bèn coi thường, biết đâu kẻ ấy là Phật A Di Đà thì sao? Quý vị phạm phu mất thịt nhìn chẳng ra đâu! Chúng ta phải dùng tâm bình đẳng, tâm chân thành để đối đãi hết thầy mọi người.

Vậy thì phải tu chân thành, thanh tịnh, bình đẳng ở nơi đâu? Cửa Phật là chỗ tu học tốt nhất. Bởi lẽ, chúng ta biết trên trên dưới dưới có chư Phật, Bồ Tát, A La Hán hỗn tạp trong ấy, quý vị chẳng nhận biết, cũng chẳng hiểu họ là thân phận gì, nên tốt nhất là cứ nhất luật bình đẳng cung kính mới khỏi sai lầm, mới thật sự tu phước. Nếu quý vị có tâm phân biệt, chẳng những công đức quý vị chẳng tu được mà phước đức cũng chẳng tu được. Bởi thế, mới nói sơ nghiệp Bồ Tát “*phải nên quán sát*” ưa thích (“*nhạo*” là yêu mến, ưa thích) làm đủ mọi việc tạp nhạp, sẽ có hai mươi lỗi lầm. Nội dung bốn chữ “*nhạo doanh chúng vụ*” có phạm vi vô cùng rộng.

Chánh kinh:

Nhược quán sát thời, năng linh Bồ Tát bất doanh chúng vụ, cần tu Phật đạo.

(Nếu lúc quán sát có thể khiến cho Bồ Tát chẳng lo liệu các việc, siêng tu Phật đạo)

Đây là lời đáp chính cho câu hỏi của Di Lặc Bồ Tát. Mục đích câu hỏi của Di Lặc Bồ Tát là đây: Nếu những kẻ ấy quán sát, hiểu rõ lầm lỗi của các việc, họ sẽ tự nhiên li bỏ, chuyên tâm tu đạo.

Chánh kinh:

Di Lặc! Văn hà danh vi nhị thập chúng quá?

(Này Di Lặc! Thế nào gọi là hai mươi thứ lỗi?)

Đoạn kinh văn này chúng ta hãy nên chú tâm suy nghĩ, chú tâm thể hội, mới hiểu được ý Phật ở đâu. Lại phải nên lắng lòng phản tỉnh, mình có những bệnh ấy hay chẳng? Có những tạp khí ấy chẳng? Điều này vô cùng trọng yếu.

Chánh kinh:

Nhất giả, đấm trước thế gian hạ liệt chi nghiệp.

(Một là đấm chấp nghiệp hèn kém thế gian)

“*Nghiệp*” là sự nghiệp, sự nghiệp thế gian. Sự nghiệp thế gian rất nhiều, rất rộng. Chẳng riêng gì Bồ Tát tại gia đấm chấp sự nghiệp thế gian, xuất gia Bồ Tát cũng thường bị phiền não tập khí che đậy, nên cũng tham nhiễm sự nghiệp thế gian. Trước hết, phải hiểu thế gian là gì? Thế gian là lục đạo. Quý vị kinh doanh, tạo tác các sự nghiệp chẳng thể thoát khỏi lục đạo luân hồi, thì những sự nghiệp ấy là sự nghiệp thế gian.

Quý vị tu thiện, tích đức, tu phước, đời sau sẽ làm Đại Phạm Thiên Vương, là người mà bất cứ vua chúa nào trong thế giới này đều chẳng hơn được, thì sai quá xá rồi! Quý vị làm Đại Phạm Thiên Vương thì vẫn là sự nghiệp thế gian. Bây giờ quý vị mới hiểu phạm vi của sự nghiệp thế gian rất rộng. “*Sự nghiệp hèn kém*” là sự nghiệp chẳng tốt lành. “*Hèn kém*” là gì? Là tam ác đạo trong lục đạo. Quý vị kinh doanh, tạo tác những sự gì? Là sự nghiệp nạ quý đạo, là sự nghiệp súc sanh đạo, là sự nghiệp địa ngục đạo; đó gọi là “*nghiệp hèn kém*”. Nghĩa là sao? Phần trên tôi đã nói rất nhiều lần, mọi người phải chú tâm thể hội. Điều chính yếu là phạm những gì tăng trưởng tham, sân, si, mạn, ghen ghét đều là nghiệp hèn kém; phạm những sự nghiệp nào giảm thiểu tham, sân, si, mạn đều là Phật sự.

Chư vị phải nhớ kỹ: Phật sự nhất định phải giúp người đoạn phiền não, mở mang trí huệ, được thanh tịnh tự tại. Nếu tương phản những điều ấy, nó chẳng phải là sự nghiệp Phật mà đúng là sự nghiệp hèn kém. Bởi thế, đây là một điều chúng ta phải lắng lòng phản tỉnh.

Chánh kinh:

Nhị giả, vị chư độc tụng tu hành tỳ-kheo chi sở khinh tiệt.

(Hai là bị các tỳ-kheo độc tụng, tu hành khinh rẻ)

“*Khinh rẻ*”: đại khái, những ai chân chánh tu đạo, chân chánh dụng công họ chẳng làm phiền quý vị, chẳng kể tội quý vị. Vậy thì khinh rẻ ra sao? Họ kiêng mặt quý vị. Đó là khinh rẻ đấy. Trong Giới kinh, đức Phật dạy đệ tử: “*Mặc tẩn*”. Mặc tẩn nói như cổ nhân Trung Quốc là “*kính nhi viễn chi*”. Tôi đối với ngài rất tôn kính, nhưng tôi tránh xa ngài, khinh rẻ nghĩa là như thế đấy.

Chánh kinh:

Tam giả, diệc vị cần tu thiên định tỳ-kheo chi sở ha trách.

(Ba là cũng bị tỳ-kheo siêng tu thiên định quở trách)

“*Quở trách*” cũng là “*kính nhi viễn chi, mặc tẩn*”, trọn chẳng phải là họ đến gặp quý vị, giáo huấn một chập, chửi cho một trận, chẳng hề có đạo lý ấy đâu. Tỳ-kheo siêng tu thiên định là người tu hành công phu cao hơn hạng trước, người nói trong đoạn trên là sơ học, thật sự có y giáo tu hành. Người nói trong phần này là người có công phu tương đương, cũng là người đã đắc thiên định, còn người ở phần trên chưa đắc thiên định.

Nếu nói theo người niệm Phật chúng ta, thì người “*đọc tụng tu hành*” trong điều thứ hai là người “*công phu thành phần*”, người “*siêng tu thiền định*” trong điều thứ ba là người đạt “*nhất tâm bất loạn*”, công phu ấy rất sâu. Bọn họ đối với quý vị đều kính nhi viễn chi.

Chánh kinh:

Tứ giả, tâm thường phát khởi vô thí sanh tử, lưu chuyển chi nghiệp.

(Bốn là tâm thường phát khởi nghiệp lưu chuyển sanh tử vô thí)

Đây là điều nhất định chẳng tránh khỏi được. Trong tâm kẻ ấy thường nghĩ đến những chuyện mình đang kinh doanh, những sự nghiệp ấy toàn là sự nghiệp luân hồi lục đạo, cho nên nói tâm họ “*thường phát khởi*”, tức là sanh khởi, “*vô thí sanh tử*” tức là tập khí. Trong có tập khí, ngoài có hoàn cảnh, lại chẳng phải là hoàn cảnh tốt mà là ác cảnh, là cảnh giới chướng đạo! Bởi thế vẫn y như cũ tạo tác sự nghiệp lưu chuyển sanh tử, luân hồi lục đạo chẳng dứt.

Chánh kinh:

Ngũ giả, hư thực cư sĩ cập bà-la-môn tịnh tâm tín thí.

(Năm là lương ăn đồ tịnh tâm tín thí của cư sĩ và bà-la-môn)

Đây là nói về người xuất gia. Xuất gia buông bỏ hết thảy sự nghiệp kiếm sống của thế gian; người thế gian vì cần phải nuôi gia đình, nuôi chính mình nên phải làm những việc kiếm lời, gọi là “*sự nghiệp mưu sinh*”. Xuất gia rồi, buông bỏ hết thảy những sự nghiệp ấy, quý vị chẳng cần phải mưu sinh, tiếp nhận tín đồ cúng dường. Họ cung kính, cúng dường quý vị nhằm mục đích gì? Là vì người xuất gia là phước điền, họ đến gieo phước nơi đây.

Chúng ta phải tự hỏi: Mình có phải là phước điền hay chẳng? Nếu chẳng phải là phước điền, những người ấy đến gieo phước, tương lai dài lâu mà chẳng có kết quả thì sẽ như thế nào đây? Vấn đề rất nghiêm trọng. Bởi thế, nhà Phật thường nói:

Thí chủ nhất lập mễ,

Đại như Tu-di sơn,

Kim sanh bất liễu đạo,

Phi mao đới giác hoàn

(Một hạt gạo thí chủ,

To như núi Tu Di,

Đời này chẳng liễu đạo,

Mang lông đội sừng dê)

Phải làm sao thì thí chủ mới được phước? Quý vị phải tự tu hành chứng quả, họ mới được phước. Nếu quý vị tu hành chẳng chứng quả, đời sau vẫn luân hồi lục đạo là phạm lỗi rồi, tương lai phải trả nợ. Người cúng dường quý vị trong hiện tại toàn là chủ nợ, tương lai đời đời kiếp kiếp phải đền bồi. Quý vị nhận cúng dường càng

hiều, thời gian trả nợ càng dài, thật đấy, chẳng phải giả đâu. Tổ sư đại đức chẳng dọa chúng ta đâu, câu nào cũng là lời thật.

Bởi thế, chúng ta phải tự hiểu rõ, cẩn thận. Đồ cúng dường của thí chủ, xưa gọi là tứ sự: thức ăn, quần áo, đồ nằm, thuốc men lúc bệnh tật, phải giảm mức vật chất sanh hoạt xuống đến thấp nhất mới có thể tiếp nhận ngũ hầu nhất tâm tu đạo, quyết định chẳng để dư nhiều. Có dư nhiều là tội lỗi. Có dư nhiều dễ tăng trưởng tâm tham, đạo nghiệp chẳng thành tựu. Hiện thời chúng ta nói mình tu Đạo Dể Hành thì phải thật sự được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới, nếu không vẫn là “*mang lông đội sừng đèn*”.

Chúng ta đã hiểu rõ chân tướng sự thật, đã có tâm cảnh giác thì bạn đồng tu cúng dường mình, cơm áo vừa đủ là được rồi, những thứ dư ra mình đem in kinh, làm băng video, làm băng cassette, CD, tặng cho các đồng tu học Phật trong các đạo tràng trên thế giới để kết duyên cùng họ, dù cho chúng ta “*chẳng liễu đạo*”, những người ấy cũng phải thay ta đền nợ.

Trước hết, phải hiểu rõ điều này: Bởi lẽ quý vị ai cũng có phần, của cúng dường đều chia cho quý vị, tương lai lúc phải tính sổ, quý vị phải thay tôi bồi hoàn. Cố nhiên mình phải dụng công, nhưng phải nghĩ: Vạn nhất lỡ mình chẳng được vãng sanh thì sao? Phải tính trước đường sau cho vẹn toàn chứ! Ất phải làm chuyện thật sự lợi ích chúng sanh, giúp đỡ chúng sanh giác ngộ, phá mê khai ngộ, đó là lợi ích chân thật. Bởi thế, ý nghĩa của điều lỗi thứ năm “*luồng ăn đồ tịnh tâm tín thí của cư sĩ và bà-la-môn*” này rất sâu, “*tín thí*” là cúng dường đấy!

Chánh kinh:

Lục giả, w chư tài vật, tâm hoại thủ trước.

(Sáu là đối với tài vật, ôm lòng chấp lấy)

Hiện tại chúng ta còn có tập khí này chẳng? Đối với tài vật tâm đã bất động chưa? Vẫn còn có tâm tham hay không? Phải đoạn trừ đi! Những thứ ấy đều là giả, đều chẳng phải là chân thật, quyết định có hại. Thật sự là trăm hại không có lấy một điều lợi nào cả! Quý vị cần những thứ ấy để làm gì? Chư Phật, Bồ Tát dạy chúng ta: tùy duyên nhưng chẳng phan duyên, hề có ý niệm ấy bèn là tâm phan duyên, sao không chướng đạo cho được!

Đạo là gì? Tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm chân thành, quyết định bị chướng ngại. Chư vị nhất định phải hiểu: điều kiện để vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là tâm thanh tịnh, chứ chẳng phải là niệm Phật bao nhiêu đó sẽ vãng sanh, chẳng có chuyện đó đâu!

Cổ đức thường nói: Mỗi ngày quý vị niệm Phật mười vạn tiếng, rách hầu toạc họng cũng uống công. Là vì sao? Chẳng thể vãng sanh. Niệm Phật là thủ đoạn, là phương pháp, mục đích nhắm vào đâu? Tâm thanh tịnh. Hễ vọng niệm khởi lên, một câu A Di Đà Phật đề vọng niệm xuống, dùng phương pháp ấy để tâm mình được thanh tịnh, tâm tịnh thời quốc độ tịnh. Bởi thế, nếu quý vị có mây may ý niệm chấp trước, tham keo nào, tâm quý vị chẳng thanh tịnh; chẳng thể không biết điều này. Người niệm Phật rất nhiều, người vãng sanh chẳng nhiều. Vấn đề là đây.

Chánh kinh:

Thất giả, thường nhạo quảng doanh thế gian sự vụ.

(Bảy là thường thích rộng làm sự vụ thế gian)

Ưa thích làm các việc, ngày ngày động cân não, vẫn mong khuếch đại sự nghiệp, người thế gian có ý niệm như thế đã làm rất to, người xuất gia có ý niệm ấy càng làm hơn nữa. Chẳng hạn như lập đạo tràng. Cổ nhân

dựng đạo tràng là chiếu theo nhu cầu thực tế, có bao nhiêu người cần phải dựng đạo tràng theo bấy nhiêu, cách kiến lập như thế; chẳng phải là dựng sẵn một đạo tràng lớn rồi mới chiêu dụ người, chẳng có việc như thế đâu!

Quý vị xem các tùng lâm, tự viện hưng khởi trước kia, xem trong sơn chí, xem trong lịch sử, thoát đầu vị khai sơn tổ sư dựng một cái chòi tranh để tu đạo, Ngài có đạo hạnh, rất nhiều ngưỡng mộ, theo Ngài tu học, người dần dần càng đông, đông hơn nên phải che thêm một gian bên cạnh, đông hơn nữa lại phải che thêm một gian. Bởi thế, tùng lâm phải qua mấy chục năm, một hai trăm năm mới hình thành, do nhu cầu mới dựng; vậy mới là đúng. Chẳng phải là cất cho to, đi các nơi kiếm người, kiếm người chẳng thích hợp, ngày ngày cự lộn, gấu ó là làm mất rồi.

Hiện thời các việc trong nhà Phật chẳng giống với khi trước, quý vị phải lắng lòng chú tâm quán sát, trước kia như pháp, nay xuất hiện những chuyện chẳng như pháp, đó là điều chúng ta phải phản tỉnh. Đặc biệt là hiện thời khoa học kỹ thuật phát đạt, chẳng cần phải dựng đạo tràng to, thời đại đạo tràng to sẽ bị đào thải theo năm tháng, không còn có tác dụng nữa.

Đạo tràng ngày nay là gì? Mạng lưới quốc tế là đạo tràng hiện tại của chúng ta. Chúng ta cần một nơi rất lớn thì căn nhà này đã rất lớn rồi, chúng tôi giảng kinh ở đây, thâm hình ở đây, thâm hình xong gửi lên mạng lưới quốc tế, toàn thế giới chỉ cần có computer nối vào mạng là hình ảnh xuất hiện liền. Tôi tin là mười năm sau laptop chỉ lớn bằng một cuốn sách, mỗi cá nhân đều cầm theo, ở bất cứ nơi đâu, chỉ cần tiếp nhận được tín hiệu, thì nơi đó hoạt động giảng kinh sẽ ở ngay trước mặt, nào cần phải đến đây nghe kinh, chen chúc mướt mồ hôi nữa! Chọn nơi phong cảnh đẹp đẽ, mở computer lên, hưởng thọ tiêu dao tự tại!

Bởi thế, Phật pháp phải vận dụng những tiến bộ khoa học kỹ thuật hàng đầu, chẳng cần phải tốn sức nhiều như trước nữa, tiêu tiền oan uổng nữa. Tiền [xây cất đạo tràng] đó là gì? Là chôn xuống đất, biến thành tiền chết, chẳng cử động được. Có ích cho mấy chúng sanh? Người học Phật hiện thời phải hiểu điều này vậy.

Chánh kinh:

Bát giả, niệm kỳ gia nghiệp, thường hoài ưu thán.

(Tám là nghĩ đến gia nghiệp, thường ôm lòng lo lắng, than thở)

Ưu thích kinh doanh sự nghiệp, thường phải ưu lự làm cách nào để khuếch trương sự nghiệp. Nói thật ra, bọn họ tiền dùng chẳng hết, vẫn cứ muốn mưu lợi, ý niệm ấy rất lắm, đó là tăng trưởng tham, sân, si, mạn.

Chánh kinh:

Cửu giả, kỳ tánh lang lệ, phát ngôn thô quánh.

(Chín là tánh tình hung tàn, nói năng thô ác)

Người địa vị cao, hay người phú quý, nhân vì họ có tiền của, có địa vị trong xã hội hiện tại bèn cảm thấy đáng nên kiêu ngạo. Có mấy ai thân phận, địa vị tương đương với mình đâu! Kể chẳng ngang vai vế chẳng buồn để vào mắt, đãi người tiếp vật thường khinh mạn. Ở đây kinh nói ngôn từ, hành vi, thái độ của họ là “hung tàn, thô ác”, chính họ cũng chẳng biết.

Chánh kinh:

Thập giả, tâm thường hoài niệm cần tu gia nghiệp.

(Mười là tâm luôn mong tưởng siêng lo gia nghiệp)

Tâm họ luôn nghĩ đến gia nghiệp, chẳng hề nghĩ đến đạo, chẳng hề nghĩ đến chúng sanh, chỉ nghĩ đến gia nghiệp của chính mình, tiêu đoàn thể của chính mình. Đó là tăng trưởng chấp ngã, tăng trưởng chấp pháp. Phật pháp phá hai chấp, họ lại ngày càng tăng trưởng hai chấp.

Chánh kinh:

Thập nhất giả, ái trước chư vị, tăng trưởng tham dục.

(Mười một là yêu chấp các vị, tăng trưởng tham dục)

Chữ “vị” ở đây chẳng phải chỉ về thức ăn. Nói theo nghĩa rộng, tức là sự hưởng thọ vật chất, hưởng thọ tinh thần trong hiện tại, hết thấy mọi hưởng thọ đều gồm trong hai chữ “chư vị”. “Tăng trưởng tham dục”: tăng trưởng tham tâm, tăng trưởng dục vọng hưởng thọ.

Chánh kinh:

Thập nhị giả, vô lợi dưỡng xú, bất sanh hoan hỷ.

(Mười hai là, chỗ không lợi dưỡng chẳng sanh hoan hỷ)

Những chỗ nào chẳng có lợi cho họ, những nơi nào họ chẳng đạt được danh văn, lợi dưỡng, họ chẳng có hứng thú đâu, họ chẳng sanh tâm hoan hỷ đâu! Họ ở chỗ nào, chỗ đó nhất định phải có thể đạt được danh văn, lợi dưỡng!

Chánh kinh:

Thập tam giả, đa sanh phiền não, chướng ngại chi nghiệp.

(Mười ba là hay sanh nghiệp phiền não, chướng ngại)

“Chướng ngại” là chướng đạo, chướng ngại quý vị tu đạo! Họ hay sanh phiền não, đương nhiên chướng ngại tu đạo.

Chánh kinh:

Thập tứ giả, thường nhạo thân cận chư ưu-bà-tắc cập ưu-bà-di.

(Mười bốn là thường thích thân cận Cận Sự Nam và Cận Sự Nữ)

Đây là nói về Bồ Tát xuất gia, thích kinh doanh các việc nên bèn thích thân cận tín đồ tại gia. Thường thân cận tín đồ tại gia, có giữ mối quan hệ thân thiết với họ thì danh lợi mới hòng đạt được đấy mà! Nói theo cách bây giờ là dộc sạch tâm cơ để lôi kéo tín đồ, đó là hạng Bồ Tát ngu si. Hiện tại trong cửa Phật, hiện tượng này rất phổ biến, trong xã hội xưa kia chẳng hề có, chúng ta chưa hề thấy. Một vị pháp sư già cả từng bảo tôi: Chỉ sau khi đến Đài Loan họ mới biến đổi như thế.

Lúc tôi thọ giới, hòa thượng truyền giới là Đạo Nguyên lão pháp sư, Ngài bảo tôi: Lúc nhỏ, Ngài xuất gia ở một tự viện miền Bắc Trường Giang, nhân vì chùa miếu nào thời đó cũng có tài sản, có đất cát, có núi non cho nông phu cấy rẽ, tự viện chỉ thu tô nên có lương thực cố định. Bởi thế, chùa viện rất thanh tịnh, chẳng cần đến tín đồ. Tín đồ đến chùa dâng hương, người xuất gia trong chùa mắt nhìn xuống mũi, mũi cúi xuống ngực, khác nào chẳng thấy gì hết, chẳng cần phải tiếp đãi. Ai sẽ tiếp đãi những tín đồ ấy? Chính là tri khách sư. Vị tri khách có trách nhiệm tiếp đón tín đồ, người chẳng giữ chức vụ ấy trông thấy tín đồ một câu cũng chẳng nói.

Quý vị xem đạo tràng ấy rất thanh tịnh, rất trang nghiêm phải không? Chẳng như bây giờ, một vị khách bên ngoài đến, từ trụ trì hòa thượng cho đến chúng thường trụ đều xoay mòng mòng! Vì sao? Chỉ sợ đắc tội với tín đồ! Ấy là do đạo tràng hiện thời chẳng có thu nhập, chẳng có hằng sản, hoàn cảnh kinh tế khác hẳn thời xưa. Xưa kia, tự viện tự có lương thực, tiền của, có thu nhập, chẳng cần đến tín đồ. Bây giờ tín đồ biến thành “y thực phụ mẫu”, phải chịu lụy họ mới có, nên nào dám đắc tội! Nhưng thường qua lại với họ, sẽ chẳng có đạo nghiệp, đúng như lời đức Phật dạy ở đây: đắm chấp nghiệp thế gian hèn kém. Sự tình này rất phiền, bởi thế lẽ được mất, lợi hại chúng ta phải suy nghĩ thật kỹ để biết nên làm như thế nào.

Chánh kinh:

Thập ngũ giả, dẫn niệm y thực, nhi độ trú dạ.

(Mười lăm là chỉ nghĩ cơm áo cho qua ngày đêm)

Suốt ngày bôn ba vì cơm áo, tạo phiền não, đủ thấy là việc tu đạo bị sự tình này đoạt mất, chỉ làm qua quít, chứ chẳng tích cực thực hiện.

Chánh kinh:

Thập lục giả, sở vấn thế gian sở tác sự nghiệp.

(Mười sáu là thường hỏi những việc làm thế gian)

Mở miệng nói năng, những chuyện thường bàn luận đều là chuyện thế gian.

Chánh kinh:

Thập thất giả, thường nhạo phát khởi phi pháp ngữ ngôn.

(Mười bảy là thường thích thốt ra những lời phi pháp)

“Phi pháp” là những ngôn luận trái nghịch chánh pháp. Tiếp xúc, trò chuyện với họ, mười câu hết chín câu là ngôn luận thế gian.

Chánh kinh:

Thập bát giả, thị doanh chúng vụ, nhi khởi kiêu mạn.

(Mười tám là cậy lo các việc, bèn khởi kiêu mạn)

“Thị” là cậy vào. Cậy mình lo liệu rất nhiều việc, mình sự nghiệp thành công hơn người khác bèn sanh tâm ngạo mạn, tỏ thái độ kiêu mạn, coi thường người khác.

Chánh kinh:

Thập cửu giả, dẫn cầu nhân quá, bất tự quán sát.

(Mười chín là chỉ tìm lỗi người, chẳng tự xét mình)

Tìm bói lỗi người, chuyên môn thấy lỗi người khác, chẳng biết đến lỗi mình.

Chánh kinh:

Nhị thập giả, ư thuyết pháp giả, tâm hoài khinh tiện.

(Hai mươi là đối với người thuyết pháp, ôm lòng khinh rẻ)

Đối với người chân chánh thuyết pháp tu hành, họ xem thường, cho là chẳng có thành tựu gì lớn lao, cậy mình kinh doanh sự nghiệp đúng cách.

Đức Phật vì chúng ta nói ra hai mươi lỗi, chứ thật ra, ta phải hiểu đó chỉ là hai mươi loại lỗi lớn, trong mỗi một lỗi chẳng biết là bao nhiêu lầm lỗi.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vi Bồ Tát nhạo doanh chúng vụ nhị thập chủng quá.

(Di Lặc! Đây là hai mươi lỗi của Bồ Tát thích kinh doanh các việc)

8.7.b. Trùng tụng

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói kệ rằng)

Đoạn kinh văn này là lời khai thị rất trọng yếu, đối với người học Phật chúng ta hiện thời, bất luận tại gia hay xuất gia, đều là thuốc đặc hiệu cứu mạng đây nhé! Bởi thế, sau mỗi phần trường hàng Phật đều có phần kệ tụng, ngoài việc lặp lại ý nghĩa của phần trường hàng, kệ tụng còn có phần bổ sung ý nghĩa. Chúng ta chẳng thể đọc thuộc kinh thì kệ tụng rất tiện để đọc thuộc, thời thời khắc khắc đề khởi công phu quán chiếu sẽ biết mình khởi tâm động niệm, việc làm, hành vi có đúng pháp hay không.

Như trong kinh Pháp Tượng, đức Phật dạy chúng ta nên làm điều gì, chẳng nên làm điều gì. Phật dạy chúng ta nên làm điều gì, ta nên tích cực nỗ lực thực hiện; Phật dạy chúng ta không nên làm điều gì, ta chẳng làm, đó là như pháp. Phật dạy chúng ta đừng làm điều gì, ta cứ khăng khăng làm, dạy ta nên làm điều gì, ta cứ lười nhác, biếng trễ chẳng chịu làm, thế là chẳng như pháp. Xin hãy xem đoạn kinh văn dưới đây:

Chánh kinh:

An trụ hạ liệt nghiệp.

(An trụ nghiệp kém hèn)

Tâm quý vị an trụ trong thế pháp, chẳng những là sự nghiệp thế gian mà còn là sự nghiệp thế gian hèn kém. Đó là những sự nghiệp tăng trưởng tham, sân, si, mạn, ghen ghét.

Chánh kinh:

Viễn ly thù thắng hạnh.

(Xa lìa hạnh thù thắng)

“*Hạnh thù thắng*”: có thể nói hết thầy Phật pháp Đại Thừa đều là hạnh thù thắng, nhưng bản kinh này tối hậu quy kết Tịnh Độ, bởi bản kinh này hiển nhiên quy kết Tịnh Độ nên ta có thể hiểu hạnh thù thắng là tu Tịnh Độ, cũng có thể hiểu là nhất tâm cầu sanh Tịnh Độ. Kẻ kia xem thường, xa lìa việc này, thật đáng tiếc thay!

Chánh kinh:

Thoái thất đại lợi ích.

(Lui mất lợi ích lớn)

“*Đại lợi ích*” là vãng sanh bất thoái thành Phật đấy! Đây là đại lợi ích chân thật, hết thầy lợi ích thế gian hay xuất thế gian đều chẳng sánh bằng được, đủ thấy “*đảm trước các việc*” tạo lầm lỗi nghiêm trọng đến thế.

Chánh kinh:

Nhạo độc tụng tỳ-kheo,

Cập tu thiên định giả,

Nhất thiết giai ha trách,

Thị danh chúng vụ quá.

(Tỳ-kheo thích đọc tụng,

Và người tu thiên định,

Hết thầy đều quả trách,

Đó gọi lỗi các việc)

Câu đầu chỉ những người đã hiểu trọn lời răn dạy, chữ “*tu thiên định*” chỉ những người y giáo thật sự tu hành. Chữ “*thiên định*” ở đây không nhất định chỉ là người tu Thiên, mà hàm chỉ những người chân chánh tu hành, hiểu theo nghĩa rộng, chẳng phải nghĩa hẹp. Tu trì Phật pháp có tám vạn bốn ngàn pháp môn, trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên ta nói là “*vô lượng pháp môn*”. Vô lượng cũng tốt, tám vạn bốn ngàn cũng được, chỉ là phương pháp, thủ đoạn chẳng giống nhau.

Tu là tu gì? Tất cả đều là tu Giới, Định, Huệ; nhưng trong Tam Học Giới - Định - Huệ, Định là máu chốt, Giới là thủ đoạn, mục đích nhằm đắc Định, đắc Định tự nhiên khai trí huệ. Bởi thế, tám vạn bốn ngàn pháp môn là các thủ đoạn, phương pháp bất đồng ngõ hầu tu cho đắc Định.

“*Thiên Định*” ở đây là nghĩa rộng, chẳng phải là nghĩa hẹp. Chúng ta niệm Phật cũng là tu Thiên Định. Trong kinh Đại Tập, đức Phật nói rất rõ ràng: “*Niệm Phật là vô thượng thâm diệu thiên*”. Chúng ta dùng phương pháp Niệm Phật này niệm đến nhất tâm bất loạn, nhất tâm bất loạn là Thiên Định. Bởi thế câu này nghĩa là: Người chân chánh y giáo tu hành, bọn họ đối với quý vị kính nhi viễn chi!

Chánh kinh:

Thường hành sanh tử nghiệp,

Xả ly giải thoát nhân,

Hư thọ u tín thí,

Thị danh chúng vụ quá.

(Thường hành nghiệp sanh tử,

Bỏ lìa nhân giải thoát,

Luống nhận của tín thí,

Đó gọi lỗi các việc)

“Thường hành”: quý vị thường làm những điều gì? “Nghiệp sanh tử” tức là sự nghiệp luân hồi lục đạo. Thế nào là sự nghiệp sanh tử, luân hồi? Tham, sân, si, mạn, nghi, ác kiến. Trong Duy Thúc học, chúng là sáu căn bản phiền não, hết thấy sự nghiệp nào tương ứng với sáu căn bản phiền não ấy đều là sự nghiệp luân hồi sanh tử. Quý vị làm những sự nghiệp ấy, đương nhiên đánh mất cái nhân giải thoát, “bỏ lìa nhân giải thoát”. Nhân giải thoát là Giới, Định, Huệ. “Luống nhận của tín thí”, quý vị tiếp nhận những đồ cúng dường, tương lai phải trả nợ bởi quý vị chẳng phải là phước điền chân chánh mà!

Chánh kinh:

Nhạo thọ chư tài bảo,

Bất đắc sanh ưu não,

Trụ u hạ liệt hạnh,

Thị danh chúng vụ quá.

(Thích nhận các của cải,

Chẳng được sanh buồn khổ,

Trụ trong hạnh kém hèn,

Đó gọi lỗi các việc)

Tham ái của cái thế gian, lúc được bèn hoan hỷ, kiêu ngạo; lúc không được bèn nổi nóng, ưu não. Cái tâm lý, tư tưởng, hành vi ấy đều là hạnh kém hèn. Hạnh kém hèn ấy là nghiệp sanh tử, là hạnh tam đồ lục đạo đấy!

Chánh kinh:

Thị nhân đa ái nhiễm,

Vãng lai dâm nữ gia,

Như điểu nhập phiền lung,

Thị danh chúng vụ quá.

(Người ấy nhiều ái nhiễm,

Lai vãng nhà dâm nữ,

Như chim vào lồng rọ,

Đó gọi lỗi các việc)

Bài kệ này nêu tỷ dụ. Câu thứ nhất ý nói người ấy nhiều ái nhiễm, người ấy bị tham ái ô nhiễm tâm tánh, tức là trong có phiền não: tham, sân, si, mạn, những phiền não bên trong rất nặng. Câu “*lai vãng nhà dâm nữ*” ý nói: bên ngoài những sự quyến rũ, mê hoặc. Trong có phiền não, ngoài có dụ hoặc, sao chẳng đọa lạc cho được? Khác nào chim bị nhốt trong lồng. “*Như chim vào lồng rọ*” là tỷ dụ đọa ác đạo, là bị lôi vào trong ba ác đạo.

Chánh kinh:

Thường ưu than gia nghiệp,

Hằng hoại nhiệt não tâm,

Xuất ngôn nhân bất tín,

Thị danh chúng vụ quá.

(Thường buồn than gia nghiệp,

Luôn ôm lòng nhiệt não,

Nói ra người chẳng tin,

Đó gọi lỗi các việc)

Chuyện họ thường âu lo là gia nghiệp. Thế pháp, xuất thế pháp đều là gia nghiệp, nhất là các đạo tràng hiện tại. Thời cổ đạo tràng không ít nơi gọi là “*thập phương đạo tràng*”, chẳng thuộc về một ai hết; chỉ cần là người xuất gia đúng quy củ, đều có thể quai đon (2) đều có thể cùng ở tu chung. Những đạo tràng hiện tại, người xuất gia đều có bằng khoán chủ quyền, đều biến thành gia nghiệp hết. Đã là người xuất gia rồi, trong tay chẳng sở hữu bằng khoán chủ quyền nào, vì xuất gia rồi, không còn nhà nữa! Có một tờ bằng khoán là thành “nhập gia”, chẳng thể không nhận biết điều này!

Thật ra, quý vị không đọc kinh sẽ chẳng hiểu ra vấn đề nghiêm trọng, chẳng biết họa hại tương lai thảm khốc đâu! Trong kinh, Phật chẳng lừa dối ta đâu! Tôi đã bảy mươi tuổi, sẽ chết rất lẹ, bởi thế tôi toàn nói lời thật cùng quý vị, tôi thời thời khắc khắc đều chuẩn bị ra đi. Bởi thế, tôi chẳng phải là người thuộc thế gian này nữa; so ra, tôi thấy thế gian này rất rõ ràng, vì là người ngoài cuộc mà! Thế gian này đối với tôi chẳng có lợi hay hại gì, đúng như câu: “*Bàng quán giả thanh, đương cục giả mê*” (người ngoài thì sáng, người trong thì quáng). Học Phật phải siêu xuất, vượt thoát thế giới này, thế giới này chẳng liên quan gì đến tôi, chẳng còn việc gì nữa, cách tôi thấy khác với cách quý vị nhìn và rất rõ ràng. Ở đây, người trong tâm thường có phiền não thì nói ra điều gì chẳng ai tin cả!

Chánh kinh:

Bất thọ tôn giả giáo,

Vi cử nhi khinh tiện,

Hủy phạm thanh tịnh giới,

Thị danh chúng vụ quá.

(Chẳng nghe tôn trưởng răn,

Trái phép tắc, khinh rẻ,

Hủy phạm giới thanh tịnh,

Đó gọi lỗi các việc)

Thiện tri thức, Bồ Tát dạy răn chẳng thể tiếp nhận, chẳng thể y giáo phụng hành. “*Vi cử*” là phạm quy củ, “*hủy phạm*” là phạm giới. Đối với pháp thế gian hay pháp xuất thế đều nghĩ cách luồn lách chiếm lợi, tránh né chẳng tuân thủ, đều là làm lạc cả, đều là các làm lỗi do các việc phát sanh.

Chánh kinh:

Kỳ tâm đa ức tưởng,

Cần doanh u thế nghiệp,

Bất năng tu trí đoạn,

Thị danh chúng vụ quá.

(Tâm họ lắm nhớ tưởng,

Siêng lo việc thế gian,

Chẳng thể tu trí đoạn,

Đó gọi lỗi các việc)

Tâm kẻ ấy vọng tưởng quá nhiều, luôn nghĩ đến những lợi hại được mất trong sự nghiệp kinh doanh, bởi thế, kẻ ấy “*chẳng thể tu trí đoạn*”. Trí là trí huệ, phá được vô minh; Đoạn là tu định, đoạn được phiền não. Tức là nói bất luận tu học một pháp môn nào, công phu cũng chẳng đắc lực, chẳng thể thành tựu.

Chánh kinh:

Tham tâm hằng xí thịnh.

(Tâm tham luôn hưng hực)

“*Hằng*” là thường hằng. Tâm tham ngày càng tăng trưởng.

Chánh kinh:

Nhạo trước w chư vị.

(Ưu chấp nơi các vị)

Hưởng thọ ngũ dục, lục trần thế gian, kẻ ấy thường tham đắm những vị ấy.

Chánh kinh:

Tằng vô tri túc tâm.

(Tâm chưa hề biết đủ)

Vĩnh viễn chẳng chán đủ, quý vị mới thấy con người như vậy khổ sở quá đời! Nhọc nhằn, bươn bả đến lúc hết mạng, chẳng đem theo được gì, đúng là “*muôn thứ đều bỏ sạch, chỉ có nghiệp tùy thân*”!

Chánh kinh:

Đắc lợi sanh hoan hỷ,

Vô lợi tiện ưu não,

Tham lận vô nhân tâm,

Thị danh chúng vụ quá.

(Được lợi lòng vui mừng,

Chẳng lợi bèn sầu khổ,

Tham keo, thiếu từ tâm,

Đó gọi lỗi các việc)

“*Nhân*” là nhân từ, tức là tâm từ bi. Chẳng có tâm từ bi đâu!

Chánh kinh:

Nã hại vô từ mẫn.

(Nã hại chẳng xót thương)

Đôi với hết thấy chúng sanh, kẻ ấy chỉ tham keo, đoạt lấy lợi ích của hết thấy mọi người để tự mình hưởng thọ, nào có từ bi, thương xót chúng sanh chi đâu!

Chánh kinh:

Tăng trưởng chư ác nghiệp,

Ái mạn tương triền phược,

Thị danh chúng vụ quá.

(Tăng trưởng các nghiệp ác,

Bị dây ái buộc ràng,

Đó gọi lối các việc)

“Ái” là tham ái, tức là phiền não. Tham, sân, si, mạn buộc ràng kẻ ấy.

Chánh kinh:

Viễn ly w sư trưởng,

Thân cận ác tri thức,

Tần xích trì giới nhân,

Thị danh chúng vụ quá.

(Xa lia bậc sư trưởng,

Thân cận ác tri thức,

Đuôi, chê người trì giới,

Đó gọi lối các việc)

Kẻ ấy xa lia thiện tri thức, thầy tốt, là vì sao? Chí thú chẳng phù hợp. Họ thích thân cận “ác tri thức” vì lẽ gì? Ác tri thức dạy họ làm sao đạt được danh văn, lợi dưỡng, làm sao tạo tham, sân, si, những bợn đó chí đồng đạo hợp với họ. Người trì giới chẳng xứng hợp với chuyện họ tu, họ học; lẽ đương nhiên bị họ bài xích.

Chánh kinh:

Trú dạ vô dư tưởng,

Duy niệm câu y thực,

Bất nhạo chư công đức,

Thị danh chúng vụ quá.

(Ngày đêm chẳng nghĩ khác,

Chỉ mong được cơm áo,

Chẳng ưa các công đức,

Đó gọi lỗi các việc)

Bài kệ này ý nghĩa dễ hiểu.

Chánh kinh:

Thường vấn thế gian trí,

Bất nhạo xuất thế ngôn,

Đam ái u tà thuyết,

Thị danh chúng vụ quá.

(Thường hỏi trí thế gian,

Chẳng ưa lời xuất thế,

Yêu đắm các tà thuyết,

Đó gọi lỗi các việc)

Những ngôn luận thường ngày đều là chuyện thế gian, chẳng mấy may dính dáng gì đến liễu sanh tử, xuất tam giới cả, họ ưa thích những tà thuyết.

Chánh kinh:

Tự thị tri chúng vụ,

Khinh mạn chư tỳ-kheo,

Do như cuồng túy nhân,

Thị danh chúng vụ quá.

(Tự ý biết các việc,

Khinh mạn các tỳ-kheo,

Khác nào kẻ say cuồng,

Đó gọi lỗi các việc)

Cậy vào kỹ năng, năng lực làm việc của chính mình, nói như bây giờ là năng lực làm việc rất cao! Trên phương diện sự nghiệp, người ấy đích thực có thành tựu hơn người, cậy vào đó, nẩy lòng kiêu mạn, khinh thị những người tu hành. Câu tiếp đó là tỷ dụ “*giống như người say cuồng*”.

Chánh kinh:

Thường ty cầu tha đoãn,

Bất tự kiến kỳ quá,

Khinh hủy hữu đức nhân,

Thị danh chúng vụ quá.

(Thường bói tìm lỗi người,

Chẳng tự thấy lỗi mình,

Khinh hủy người có đức,

Đó gọi lỗi các việc)

“*Chẳng tự thấy*”: Chẳng tự thấy lỗi mình, chuyên môn vạch tìm lỗi người khác.

Chánh kinh:

Như thị ngu si giả,

Vô hữu thiện phương tiện,

Khinh mạn thuyết pháp giả,

Thị danh chúng vụ quá.

(Kẻ ngu si như thế,

Chẳng có phương tiện khéo,

Khinh mạn người thuyết pháp,

Đó gọi lỗi các việc)

Khinh thị người tu hành, coi rẻ người thuyết pháp. Ngay trong phần mở đầu kinh này, đức Phật đã nói: hạng Bồ Tát ngu si, khinh mạn, phỉ báng hai vị tỷ-kheo thuyết pháp, kết quả vướng tội nghiệp đọa A-Tỳ địa ngục, địa ngục Đẳng Hoạt, địa ngục Thiêu Nhiệt, thời gian trong cõi người là một ngàn tám trăm vạn năm. Bởi thế, tạo tác tội nghiệp rất dễ dàng, phỉ báng chỉ mấy ngày mấy giờ, tương lai chịu khổ trong địa ngục thời gian dài thế đó.

Quý vị phải hiểu: trong kinh đức Phật nói một ngàn tám trăm vạn năm là thời gian trong cõi người chúng ta, nhưng người thọ tội trong địa ngục cảm thấy như là vô lượng kiếp vậy! Trong ngàn năm cũng thường nói: “Ngày dài như cả năm”. Xem ra, thời gian tựa hồ chẳng dài lắm, một ngàn tám trăm vạn năm, nhưng kẻ ấy cảm nhận như thể vô lượng kiếp. Bởi thế, đừng có tạo tội nghiệp! Cũng đừng có nghĩ là chẳng qua đức Phật dọa dẫm chúng ta, mong chúng ta đừng làm. Chẳng có chuyện như vậy đâu! Làm rồi đấy! Tương lai quý vị đọa lạc, đúng là tự mình làm, tự mình chịu. Đức Phật thật sự từ bi, nói chân tướng sự thật cho chúng ta biết, quý vị vẫn chẳng tin, vẫn muốn tạo tác, trách ai nữa đây? A Tỳ địa ngục Phật cũng chẳng cứu nổi đâu nghe!

Chánh kinh:

Như thị hạ liệt nghiệp,

Cụ túc chur quá thất,

Hà hữu trí huệ nhân,

Ái nhạo nhi tu tập?

(Nghiệp kém hèn như thế,

Đầy đủ các lầm lỗi,

Có người trí huệ nào,

Lại ưa thích tu tập?)

Hai câu đầu tổng kết những điều đã nói, nói chung đều là nghiệp hèn kém, đều là vô lượng vô biên tội lỗi. Có người trí huệ nào lại ưa thích những việc ấy, chịu làm những việc ấy chẳng?

Chánh kinh:

Thanh tịnh thù thắng nghiệp,

Cụ túc chur công đức,

(Nghiệp thanh tịnh thù thắng,

Đầy đủ các công đức,

“*Thanh tịnh thù thắng*”: nếu quý vị chẳng chú tâm thể hội, quý vị chẳng đạt được. Nếu như quý vị như pháp tu hành, quý vị sẽ đạt được. Hai ngày trước có một vị đồng tu ở Hương Cảng – trong những năm đầu, tôi giảng kinh ở Hương Cảng, bà là một trong số thính chúng – hôm trước đến gặp quán trưởng, chúng tôi thoát nhìn biết bà tu chẳng lầm, tướng mạo bà biến chuyển, biến đổi rất tốt, tu hành thật sự có chút thành tích. Thành tích là gì? Thành tích nơi dáng vẻ; thể chất khỏe mạnh, tướng mạo chuyển biến, dung mạo tươi sáng, đó là biểu hiện tu hạnh bên ngoài của quý vị, người ta thoát trông biết liền, người như thế rất khó có.

Lúc đó, tôi giảng kinh, đề xướng người thật sự tu hành phải tu tâm thanh tịnh. Muốn thật sự tu tâm thanh tịnh, tốt nhất là báo chí, tạp chí, truyền hình, radio đều tránh xa. Bà ta thật sự nghe theo, gần mười một, mười hai năm chưa từng xem qua báo chí, truyền hình, bà rất là vui sướng. Bà nói: “Cái gì tôi cũng không biết, mỗi một ngày thiên hạ thái bình, vui vẻ, sung sướng, cái gì cũng chẳng biết”. Bà nói: “Hương Cảng xảy ra chuyện gì đến hỏi tôi, tôi chẳng biết gì”. Bà chỉ biết mỗi việc niệm A Di Đà Phật, mỗi một ngày sống rất sung sướng, chuyện gì cũng chẳng có, do đó tâm bà được thanh tịnh.

Bởi vậy, báo chí, tạp chí, truyền hình hại chết người đó nghe! Mỗi ngày quý vị xem chuyện này chuyện nọ, tâm quý vị thanh tịnh sao nổi? Tránh sao khỏi suy nghĩ lung tung? Bởi thế, nếu thật sự nghĩ muốn cầu “*thanh tịnh thù thắng*” – “*thù thắng*” là niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật – quý vị phải hạ tâm quyết định: trong một đời này ta nhất định phải thành tựu. Quý vị phải y giáo phụng hành đó nghe!

Thời cổ tự viện, am đường, đạo tràng đều dựng trong núi sâu, ở những nơi giao thông rất bất tiện, để hòng tránh khỏi những chướng ngại. Hiện tại, không thể được, hiện thời dù ở trên núi cao, máy truyền hình vẫn có thể nhận sóng. Thật phiền toái quá! Con người ngày càng khổ, càng ngày càng đáng thương!

Hiện tại hạnh phúc tuổi thơ đã mất rồi, trẻ nhỏ hằng ngày xem tivi, mới sanh ra đã xem tivi, bởi thế, mới bảy, tám tháng tuổi đã biết quan sát vẻ mặt, biết lấy lòng người lớn, tâm hài đồng mất tiêu, thiên chân mất tiêu, thật là đáng tiếc! Bởi thế, con người làm sao tái lai cho được! Chẳng thể tái lai, khổ quá đi! Trong xã hội nông nghiệp trước kia, thời kỳ đồng niên thiên chân đại khái giữ được đến mười lăm, mười sáu tuổi, giữ được đến mười hai, mười ba tuổi rất thường. Mười hai, mười ba tuổi chẳng hiểu gì nhân tình thế sự. Đúng là một tấm lòng thành son sắt, một phiến thiên chân vậy! Trong xã hội hiện thời, chúng ta chẳng thể thấy được nữa.

Xưa kia, đọc sách rất vui sướng. Hiện thời đọc sách rất khổ sở. Bởi thế, tôi thấy học sinh đi học đeo một cái cặp táp to, nghĩ chẳng muốn làm người nữa! Làm người, ôi chao! Phải đi học đọc sách khổ quá, quyết định chẳng muốn tái lai. Trở lại thế gian này, nhất định phải thành Phật, thành Bồ Tát thừa nguyện tái lai, nhờ nghiệp lực tái lai chẳng được, đời người khổ quá chừng!

Chánh kinh:

Thị cố hữu trí nhân,

Ái nhạo thường tu tập.

(Vì thế, người có trí,

Yêu thích thường tu tập)

Người thật sự có trí huệ, nhất định chọn niệm Phật vãng sanh bất thoái thành Phật, quyết định chọn tu tâm thanh tịnh. Điều trọng yếu là khán phá, phóng hạ, chân chánh khán phá, phóng hạ, quý vị sẽ được đại tự tại, quý vị mới đạt hạnh phúc chân chánh. Bởi thế, chẳng buông xuống được là ngu si.

Chánh kinh:

Nhược nhạo hạ liệt nghiệp,

Trí giả đương ha trách,

Như nhân xả đa tài,

Tham cầu u thiếu phần,

Thị cố minh trí nhân,

Đương xả hạ liệt nghiệp,

Ứng cầu thắng thượng pháp,

Chư Phật thường xưng thán.

(Nếu thích nghiệp kém hèn,

Bậc trí sẽ quở trách,

Như người bỏ nhiều của,

Tham cầu lấy chút phần,

Vì thế, người trí sáng,

Nên bỏ nghiệp hèn kém,

Nên cầu pháp thắng thượng,

Chư Phật thường khen ngợi)

Hai bài kệ này, nửa trước bài kệ dễ hiểu, nửa sau bài kệ là tỷ dụ. Đồ hết tâm cơ kinh doanh sự nghiệp thế gian, được chẳng bù mất. Trong hiện tại ngay cả Phật pháp cũng bị đem vào sự nghiệp kinh doanh thế gian, đây là hiện tượng rất phổ biến hiện thời. Dùng Phật pháp để kinh doanh sự nghiệp thế gian, hại chẳng bù nổi lợi. Bởi lẽ, được lợi một tí ti, tổn thất nói bất tận - tổn thất là tương lai gánh lấy quả báo; sao được cơ chứ? Bởi vậy người minh bạch, người trí huệ quyết định buông bỏ, “*ung xả hạ liệt*”: Xả là buông xuống, quyết định chẳng làm những chuyện ấy.

Bách Trọng và Mã Tổ là những vị khai sáng tông lâm Trung Quốc: “*Mã Tổ dựng tông lâm, Bách Trọng lập thanh quy*”. Điều trọng yếu bậc nhất trong Thanh Quy là “*tông lâm coi vô sự là hưng thịnh*”, câu nói này

của Ngài hợp với đạo. Xuất gia tu hành là tu cái gì? Tu tâm thanh tịnh. Thân tâm thanh tịnh, hoàn cảnh thanh tịnh, đó mới là hưng thịnh. Cũng như đạo tràng này tương lai có bao nhiêu người khai ngộ, bao nhiêu người vãng sanh, bao nhiêu người chứng quả, đó là hưng thịnh, chẳng phải do tín đồ đông đảo, hương đèn rộn rịp!

Tín đồ càng đông, nhang đèn càng nhiều, nhưng chẳng có ai vãng sanh hết, ai nấy đều vào tam đồ, có kể là hưng thịnh được chăng? Quý vị phải hiểu điều này. Bởi thế đạo tràng trọng chất, không trọng lượng, khẩn yếu là thật sự có người thành tựu. Hiện tại đạo tràng nào có một, hai người thành tựu, thì đạo tràng ấy thật sự có công đức, thật sự là phước điền chân thật cho tín đồ. Nếu đạo tràng tương lai không có ai vãng sanh cả là không được rồi, quả báo tương lai sẽ như đức Phật đã nói trong kinh này. Lại coi tiếp kinh văn.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát nhi bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Bỉ chư Bồ Tát xả ly thù thắng tinh tấn chi nghiệp, nhi nãi phát khởi hạ liệt chi sự, đương tri thị nhân, thậm vi thiếu trí, giác huệ vi thiên.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bèn bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn hy hữu! Các Bồ Tát ấy bỏ lìa nghiệp tinh tấn thù thắng, bèn phát khởi những sự hèn kém, phải biết là người ấy rất là ít trí, giác huệ ít cạn)

Đây là Di Lạc Bồ Tát nghe đức Phật khai thị xong, lão nhân gia bèn nêu cảm tưởng. Ngài nói: Những Bồ Tát sơ nghiệp ngu si ấy, bỏ lìa pháp môn tối thù thắng bậc nhất do chư Phật Như Lai truyền chẳng chịu tu học, lại đi làm những việc hèn kém, người như vậy thật là thiếu trí huệ, đúng là “giác huệ ít cạn”, kẻ ấy chưa từng giác ngộ. Đến đây là hết đoạn tám.

9. Chẳng tu các hạnh, chẳng đoạn phiền não, chẳng tập thiền tụng, chẳng cầu đa văn, chẳng phải là người xuất gia

Đoạn tiếp theo đây nói rõ: Chẳng tu các hạnh, chẳng đoạn phiền não, chẳng tập thiền tụng, chẳng cầu đa văn, đức Phật nói chẳng phải là người xuất gia, chúng ta đọc kinh văn một lượt:

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Ngã kim thật ngôn cáo nhữ.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- *Này Di Lặc! Ta nay bảo thật cùng ông*)

Trong câu này, quan yếu nhất là hai chữ “*thật ngôn*”, đức Phật nói lời chân thật.

Chánh kinh:

Nhược hữu Bồ Tát.

(Nếu có Bồ Tát).

Đây đều là sơ nghiệp Bồ Tát, tức là người sơ phát tâm hiện tại chúng ta. Điều thứ nhất là:

Chánh kinh:

Bất tu chư hạnh.

(Chẳng tu các hạnh)

“*Hạnh*” là hành vi, ngôn ngữ là khẩu nghiệp hành vi, động tác nơi thân thể là thân nghiệp hành vi, ý niệm trong tâm là ý nghiệp hành vi. Ba nghiệp thân, khẩu, ý đều có sai trái thì phải theo lời Phật răn dạy trong kinh để sửa đổi cho đúng, những lời dạy trong kinh điển là tiêu chuẩn để chúng ta tu hành. Điều thứ hai là:

Chánh kinh:

Bất đoạn phiền não.

(Chẳng đoạn phiền não)

Người chân chánh tu hành, nhất định phải đoạn phiền não. Phiền não phải mỗi năm một ít, mỗi tháng một giảm. Nếu như quý vị thật sự đạt được mỗi tháng phiền não ít đi, cảm chắc quý vị được vãng sanh. Trong tâm rất thanh tịnh, tâm sanh trí huệ, cùng Phật cảm ứng đạo giao. Điều thứ ba là:

Chánh kinh:

Bất tập thiên tụng.

(Chẳng tu tập thiền tụng)

“Thiền tụng” là tu hành, đúng theo lời dạy tu hành. Hai chữ “*thiền tụng*” bao gồm các nghĩa này.

Chánh kinh:

Bất cầu đa văn.

(Chẳng cầu đa văn)

Trong giai đoạn hiện tại, chúng ta chỉ cần làm được ba điều kiện trên là được rồi, làm sao thực hiện được điều thứ tư này? Điều thứ tư là “*trùng phúc đa văn*”, hiện tại chúng ta thâm nhập một môn. Một bộ kinh Vô Lượng Thọ, mỗi ngày ta đọc mấy lượt, ngày ngày chẳng gián đoạn, hằng năm chẳng gián đoạn chính là đa văn, đa văn ở đây chẳng phải là “*quảng học đa văn*”. Quảng học đa văn là chuyện của ai? Là chuyện của Pháp Thân đại sĩ. Khi nào quý vị phá được một phẩm vô minh, chứng được Pháp Thân xong, lúc ấy sẽ quảng học đa văn. Đa văn của sơ nghiệp Bồ Tát là “*trùng phúc đa văn*”, chẳng được hiểu lầm ý nghĩa. Nếu như cả bốn điều này đều chẳng làm được thì...

Chánh kinh:

Ngã thuyết thị nhân, phi xuất gia giả.

(Ta nói người ấy chẳng phải là xuất gia)

Phật nói người ấy chẳng thật sự xuất gia, thân xuất gia tâm chẳng xuất gia, chẳng tính là người xuất gia được! Tại gia Bồ Tát làm được bốn điều trên, Phật cũng thừa nhận là người xuất gia, thân chẳng xuất gia, nhưng tâm xuất gia. Khẩn yếu là tâm xuất gia, chứ chẳng nệ thân xuất gia.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược hữu cần tu trí đoạn hạnh giả, trí xuất sanh giả, trí thành tựu giả, bất tác thế nghiệp, doanh chúng vụ giả, ngã thuyết thị nhân trụ Như Lai giáo.

(Này Di Lạc! Nếu có ai tu siêng tu trí đoạn hạnh, trí xuất sanh, trí thành tựu, chẳng làm việc đời, chăm lo các việc, ta nói người ấy trụ trong giáo pháp của đức Như Lai)

Mở đầu kinh này, đức Phật nói tứ chúng đệ tử trong thời kỳ Mạt Pháp, chẳng riêng gì chúng tại gia, đều có mười hai căn bệnh, mười hai căn bệnh ấy vốn là nội dung kinh này. Gốc những căn bệnh ấy đều phát sanh từ nghiệp chướng sâu nặng. Nghiệp là tạo tác. Phạm vi tạo tác rộng rãi phi thường, ngôn ngữ là tạo tác, thân thể nhất cử nhất động cũng là tạo tác, tất cả ý niệm trong tâm cũng là tạo tác. Bởi thế, đức Phật nói ba thứ tạo tác nơi thân, khẩu, ý bao gồm tất cả hết thảy tạo tác, nên gọi là ba nghiệp. Hết thảy tạo tác có thể phân chia đại lược thành thiện nghiệp, ác nghiệp và tịnh nghiệp.

Thiện nghiệp, ác nghiệp đều là chướng cả! Chướng điều gì? Chướng ngại chúng ta minh tâm kiến tánh, chướng ngại chúng ta liễu sanh tử, xuất tam giới, cho nên gọi là “chướng”! Chúng ta hãy chú tâm suy nghĩ: Chúng ta khởi tâm động niệm, nói năng, tạo tác chẳng phải là ngày ngày gây nghiệp chướng ư? Từ vô thi đến nay nghiệp chướng rất nặng. Ngay trong một đời này, có thể nói là từ lúc sanh ra đến nay, vẫn ngày ngày tạo nghiệp như cũ. Học Phật rồi, Phật dạy chúng ta lìa bỏ hết thảy thiện nghiệp, ác nghiệp, tu tịnh nghiệp.

Chúng ta có thật sự tu tịnh nghiệp hay không? Ngàn vạn phần chẳng được nghĩ mình đang tu tịnh nghiệp: tôi mỗi ngày niệm mấy bộ kinh Vô Lượng Thọ, niệm mấy biến kinh Di Đà, niệm mấy câu Phật hiệu là tu tịnh nghiệp. “*Tịnh nghiệp*” là tâm thanh tịnh, tâm quý vị chẳng thanh tịnh thì niệm Phật cũng là tạo nghiệp, đọc kinh vẫn là tạo nghiệp, cổ nhân nói là “*rách hầu long hống cũng uống công*”. Nghiệp quý vị tạo là thiện hay ác nghiệp vậy? Rất khó nói. Mở kinh đối chiếu kỹ càng, sẽ tự biết nguyên nhân căn bản là nghiệp chướng sâu nặng.

Tiêu trừ nghiệp chướng phải khởi đầu từ đâu? Không ít người chẳng tìm thấy lỗi ra. Trong kinh này, đức Phật dạy chúng ta: Thứ nhất là chẳng cầu lỗi người, hai là chẳng cứ tội người. Tiêu nghiệp bắt đầu từ đây, học Phật thật sự bắt đầu từ đây. Câu thứ nhất có nghĩa là: chẳng cần phải tìm lỗi người khác, chẳng thấy lỗi người khác. Câu thứ hai nghĩa là: Chẳng cần phải kể tội người khác. Chúng ta nghĩ coi có đúng chẳng? Xác thực vô cùng! Nghiệp chướng chẳng tiêu được là vì khẩu nghiệp. Ngày ngày trong tâm chuyên thấy lỗi người, miệng ngày ngày kể tội người là quý vị tu cái hạnh gì vậy? Bởi thế, niệm Phật, tụng kinh đều chẳng phải là tịnh nghiệp.

Kinh Vô Lượng Thọ dạy chúng ta ba đại cương lãnh tu hành, kinh đặt khẩu nghiệp lên đầu “*khéo giữ khẩu nghiệp, chẳng gièm lỗi người*”, chẳng khác gì kinh này vậy. Chúng ta muốn thật sự tu hành, thật sự muốn trong một đời này vãng sanh bất thoái thành Phật thì phải bắt đầu từ đây, phải nhớ kỹ lời Phật giáo huấn trong kinh này, câu nào cũng trọng yếu phi thường. Thế Tôn đem hai câu ấy đặt lên đầu, cho thấy chúng rất trọng yếu vậy! Còn thấy lỗi người khác, còn kể tội người khác, thì đức Thế Tôn nói là quý vị tội nghiệp rất nặng, nghiệp chướng rất nặng đây nhé! Lỗi chẳng sửa, bệnh cũ cứ phạm luôn, còn biết sao được nữa!

Chúng ta coi trong toàn bản kinh, lỗi lầm của các việc đức Phật nói đến rất nhiều. Trong đoạn kinh này, đức Phật lại nhắc lại, mới thấy điều này rất khẩn yếu, chẳng thể chẳng biết được! Phật bảo Di Lặc Bồ Tát: “*Nếu có ai siêng tu trí đoạn hạnh, trí xuất sanh, trí thành tựu...*” ba câu này luận về thành tích tu hành, về ba thứ thành tựu. Thứ nhất là Trí Đoạn, đoạn là đoạn phiền não, đây là công phu cạn, tính chung là có thành tựu. Chư vị phải hiểu trí xuất phát từ đâu? Trí sanh từ tâm thanh tịnh; tâm quý vị chẳng thanh tịnh, sao có trí huệ được?

Tâm chẳng thanh tịnh lại bảo có trí huệ thì kinh gọi trí đó là thế trí biện thông, chẳng phải là chân trí huệ đâu nhé! Bởi trí huệ, biện tài từ phiền não mà có, phiền não ấy do phân biệt, chấp trước sanh khởi. Trí huệ chân chánh là lìa vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, trí huệ sanh khởi từ đây mới là chân trí huệ. Chân trí huệ đoạn được phiền não: “*Trí đoạn hạnh*”. Trong nhà Thiền, công phu như thế gọi là công phu “*quán chiếu*” đặc lược. Trong pháp môn Niệm Phật, công phu này gọi là “*công phu thành phiền*”, công phu Niệm Phật của chúng ta bắt đầu đặc lược. Trong những pháp môn khác, đạt đến giai đoạn này chưa tính là thành tựu. Vì sao? Chưa ra khỏi tam giới. Trong các công phu khác, phải thật sự đoạn phiền não, còn công phu này là “*phục đoạn*” (đẹp yên), chứ chưa phải là “*đoạn diệt*” (dứt sạch).

Công phu phục đoạn phiền não nông cạn, ví như những cõi trời Sắc Giới, Vô Sắc Giới thuộc lục đạo đức Phật nhắc đến trong kinh đều thuộc giai đoạn này, họ khuất phục được phiền não, nhưng chưa ra khỏi tam giới

nổi. Còn trong pháp môn Niệm Phật, có được công phu như thế sẽ quyết định vãng sanh, Tịnh tông gọi là “đi hành đạo” bởi dễ dàng đạt được điều này. Trong các pháp môn khác, với công phu đó, chẳng thể thoát khỏi tam giới; còn pháp môn Niệm Phật với công phu ấy có thể đối nghiệp vãng sanh, quyết định được sanh vào Phạm Thánh Đồng Cư Độ.

Công phu cao hơn một tầng nữa là “*trí xuất sanh*”. Trí là trí huệ Bát Nhã, trí huệ đã xuất sanh, đã tỏ lộ ra, đó là “*chiếu trụ*”. Phần trên là “*quán chiếu*”, phần này là “*chiếu trụ*”; trong Tịnh tông gọi là Sự Nhất Tâm Bất Loạn, đó là tam-muội hiện tiền. Pháp môn Niệm Phật được gọi là Niệm Phật tam muội! “*Trí thành trụ*” là “*chiếu kiến*”, tức là công phu ở giai đoạn cao hơn nữa, còn gọi là Lý Nhất Tâm Bất Loạn. “*Trí xuất sanh*” đoạn được Kiến Tư phiền não, chứ chẳng phải là chế phục.

Do đó biết rằng, theo hết thầy các kinh dạy, địa vị của người chứng trí này là A La Hán. “*Trí thành trụ*” thuộc vào địa vị Sơ Trụ Bồ Tát trong Viên Giáo và Sơ Địa Bồ Tát trong Biệt Giáo. Đó là ba thứ thành tựu trong tu học sâu cạn khác nhau, nói chung là đều có công phu. Những người tu hành như thế tất nhiên “*chẳng làm việc đời, chẳng lo liệu các việc*”, bọn họ chẳng làm những chuyện ấy, dù có làm cũng chỉ là thị hiện nhằm lợi ích chúng sanh, chứ chẳng phải tự họ ưa thích làm; phàm phu thích làm những chuyện đó! Kinh doanh những sự nghiệp thế gian. Những “*sự nghiệp thế gian*” vừa nói đó tức là những gì chẳng thể liễu sanh tử, xuất tam giới đều gọi là làm sự nghiệp thế gian. “*Ta nói người đó trụ trong giáo pháp của đức Như Lai*”: Trụ trong giáo pháp của đức Như Lai là an trụ nơi lời đức Như Lai dạy răn, tức là như phàm Phổ Hiền Hạnh Nguyên gọi là “*như giáo tu hành*”. Phật dạy như thế nào, chúng ta cứ làm như thế đó. Bồ Tát như giáo tu hành được chư Phật hộ niệm, khen ngợi.

Chánh kinh:

Nhược hữu Bồ Tát nhạo tác thế nghiệp, doanh w chúng vụ.

(Nếu có Bồ Tát ưa làm việc đời, kinh doanh các việc)

“*Nhạo*” là ưa thích, ưa thích làm sự nghiệp thế gian, kinh doanh rất nhiều sự vụ. “*Chúng*” là đông nhiều, “*vụ*” là sự vụ. Họ thích thú làm những chuyện ấy, tuy những điều ấy đều là chuyện Như Lai ngăn cấm.

Chánh kinh:

Vi sở bất ưng.

(Làm điều chẳng nên làm)

Phật dạy những gì là điều chẳng nên làm? Trong phần trường hàng ở trên có nói hai mươi lăm lỗi, tiếp đó, đức Phật lại nói hai mươi bài kệ tụng để trùng tụng những việc ấy. Những gì chẳng nên làm họ vẫn cứ thích thú làm.

Chánh kinh:

Ngã thuyết thị nhân trụ w sanh tử.

(Ta nói người ấy trụ trong sanh tử)

“Trụ trong sanh tử” là vẫn luân hồi trong lục đạo y như cũ, chẳng thể vượt khỏi tam giới.

Chánh kinh:

Thị cố Bồ Tát bất ưng thân cận.

(Vì thế Bồ Tát chẳng nên thân cận)

Bồ Tát ở đây là sơ nghiệp Bồ Tát. Sơ phát tâm Bồ Tát chẳng nên thân cận những kẻ ấy, bắt chước những kẻ ấy. Nói cách khác, đừng học theo họ! Đoạn tiếp theo, đức Phật lại nói càng minh bạch, càng rõ ràng hơn, chúng ta nghe nhưng vẫn chẳng hiểu thì chẳng còn cách gì nữa!

Chánh kinh:

Di Lặc! Nhược hữu Bồ Tát đa doanh chúng vụ.

(Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát lo làm nhiều việc)

Đó đều là sơ nghiệp Bồ Tát, ưa thích làm nhiều sự vụ thế tục. Những gì là sự vụ thế tục? Ở đây đức Phật nêu ra một thí dụ, quý vị hãy suy nghĩ kỹ thí dụ ấy.

Chánh kinh:

Tạo thất bảo tháp.

(Dựng tháp bảy báu)

Phật nói Phật sự “*tạo tháp bảy báu*” vẫn là sự thế gian ư? Tạo bao nhiêu tháp bảy báu vậy?

Chánh kinh:

Biển mãn tam thiên đại thiên thế giới.

(Trọn khắp tam thiên đại thiên thế giới)

Tạo rất nhiều đó nghe! Ngạn ngữ thường nói: “*Cứu nhất nhân mạng, thắng tạo thất cấp phù-đồ*”: Cứu được một mạng người, công đức còn thù thắng hơn dựng một tòa tháp báu [bảy tầng]. Những nơi được dựng tháp bảy báu là khắp cả tam thiên đại thiên thế giới, họ tạo rất nhiều, vậy mà Phật nói:

Chánh kinh:

Như thị Bồ Tát bất năng linh ngã nhi sanh hoan hỷ, diệc phi cúng dường, cung kính w ngã.

(Bồ Tát như thế chẳng thể làm cho ta sanh hoan hỷ, cũng chẳng cúng dường, cung kính ta)

Chính miệng đức Phật nói, làm những việc như thế đức Phật chẳng hoan hỷ, Phật cũng chẳng thừa nhận đó là cung kính, cúng dường Ngài đâu à! Do đây, chúng tôi liên tưởng đến chuyện Đạt Ma tổ sư sang Trung Quốc, tiếp kiến Lương Võ Đế. Lương Võ Đế khoe khoang công đức, bảo Đạt Ma tổ sư: “*Trẫm làm rất nhiều việc cho Phật giáo, cất bốn trăm tám mươi tự viện, độ tăng mấy mươi vạn người, công đức trẫm lớn hay không?*” Câu nói này nói như bây giờ là “*đáng nên kiêu ngạo*”. Giờ đây ta mới hiểu câu đáp của Đạt Ma tổ sư chẳng khác gì lời đức Phật nói: Trọn không công đức gì! Vì sao không có công đức? Chúng ta đọc qua kinh văn bèn hiểu ngay, đó là những sự vụ thế gian; chẳng thể liễu sanh tử, xuất tam giới; xét ra chỉ là một chút phước báo hữu lậu.

Chúng ta lại suy nghĩ, trong kinh Vô Lượng Thọ, vua Thế Nhiều Vương thật là cao minh. Thế Nhiều Vương là tiền thân của Phật A Di Đà, Ngài cao minh hơn Lương Võ Đế rất nhiều. Ngài nghe Phật giảng kinh, thuyết pháp, giác ngộ minh bạch xong, bèn bỏ ngôi vua, xuất gia tu đạo liền! Tâm nguyện của Ngài chẳng thể nghĩ bàn, từ bi chẳng thể nghĩ bàn, sau khi tu thành chứng quả, kiến tạo Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Tây Phương Cực Lạc thế giới là một hoàn cảnh tu học tối hảo, đem hoàn cảnh ấy cấp cho hết thầy chúng sanh có ý nguyện thành Phật trong khắp các pháp giới tận hư không, đều hoan nghênh họ đến nơi ấy để tu học. Bốn trăm tám mươi ngôi chùa của Lương Võ Đế làm sao sánh bằng được? Độ tăng mấy mươi vạn người chẳng thể sánh bằng A Di Đà Phật, quý vị bảo A Di Đà Phật độ bao nhiêu chúng sanh vậy? Chư Phật cùng tính cũng chẳng biết rõ số! Một đấng là ưa thích sự vụ thế gian, khoe khoang công đức của chính mình, kỳ thật chẳng có công đức gì. Điều này rất đáng cho chúng ta phản tỉnh sâu xa, đó là chẳng cung kính, cúng dường Như Lai đâu à! Đó lại là tạo nghiệp, tạo nghiệp sanh tử.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược hữu Bồ Tát w ba-la-mật tương ưng chi pháp, nãi chí thọ trì nhất tứ cú kệ, độc tụng, tu hành, vị nhân diễn thuyết, thị nhân nãi vi cúng dường w ngã.

(Này Di Lặc! Nếu có Bồ Tát đối với pháp tương ứng ba-la-mật, cho đến thọ trì một bài kệ bốn câu, đọc tụng, tu hành, vì người khác diễn nói, người ấy chính là cúng dường ta)

Lời thuyết pháp này chúng ta đọc thấy rất nhiều trong kinh điển Đại Thừa. Kinh được người Trung Quốc thích đọc tụng nhất không gì hơn kinh Kim Cang, chẳng những người học Phật nhất định phải đọc, người không học Phật, người đọc sách trong thế gian cũng thích đọc kinh Kim Cang. Câu nói trên được lập lại trong kinh Kim Cang mấy mươi lần, nhắc đi nhắc lại nhiều lần như thế, cho thấy câu nói ấy khẩn yếu vô cùng. Phật sợ một hai lần quý vị không nhớ, bèn nhắc đi nhắc lại để tạo ấn tượng khắc sâu cho quý vị: Điều này rất khẩn yếu đây nhé! Tiền đề là “*pháp tương ứng với ba-la-mật*”.

Đức Thế Tôn giảng kinh Bát Nhã hai mươi hai năm, giảng những gì vậy? Có thể tóm gọn trong một câu hay chẳng? Chẳng cần chúng ta phải nói, đức Phật tự nói rồi, trong Bát Nhã Tâm Kinh, câu cuối cùng là “*vô trí diệt vô đắc*”. Hai mươi hai năm Bát Nhã là “*vô trí diệt vô đắc*”. “*Vô trí*” là nói Năng Không, Vô Đắc là Sở Không, Năng lẫn Sở đều không. Kinh Kim Cang giảng rất thấu triệt: “*Quá khứ tâm bất khả đắc, hiện tại tâm bất khả đắc, vị lai tâm bất khả đắc*”, đó là Vô Trí. Tác dụng của tâm là Trí, vạn pháp đều không, do nhân duyên sanh, thể của chúng đều là không, trọn chẳng thể được là “*vô sở đắc*” – Năng lẫn Sở đều không, tâm quý vị sạch không, mới thật sự đạt đến mây trần chẳng nhiễm đây! Thế mới thật sự là chẳng có sự gì cả!

Kinh Kim Cang dạy phá bốn tướng, phá bốn kiến, nếu khế nhập Năng Sở đều không thì mới là cảnh giới viên mãn rốt ráo. Khởi tâm động niệm vẫn có ta - người là quý vị chưa Không; chưa Không thì chẳng tương ứng pháp ba-la-mật. Bởi thế mọi người hay hoài nghi: thọ trì một bài kệ bốn câu sao công đức lại vượt hẳn người bỏ thí bảy báu khắp tam thiên đại thiên thế giới?

Đừng nghĩ là Phật nói chỉ thọ trì một bài kệ bốn câu, ngay trước đó có một đại tiền đề: ắt phải thấy rõ ràng chân tướng sự thật, thông đạt rõ ràng, khế nhập cảnh giới “*Năng Sở đều không*”, khi đó thọ trì một bài kệ bốn câu công đức sẽ vô lượng vô biên bởi người ấy xứng tánh. “*Đọc tụng, tu hành, vì người khác diễn nói*”: Đọc tụng, tu hành là tự lợi, “*vì người khác diễn nói*” là lợi tha, chính là Bồ Tát đạo, tự hành hóa tha đây. Người làm như thế chính là chân chánh cúng dường Phật, chân chánh lễ tán Phật, Phật tiếp nhận.

Dưới đây, đức Phật giảng cho chúng ta nguyên nhân vì sao?

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Chư Phật Bồ Đề từng đa văn sanh, bất từng chúng vụ nhi đắc sanh dã.

(Vì sao vậy? Bồ Đề của chư Phật từ đa văn sanh, chẳng sanh từ các việc vậy).

Câu nói này rất minh bạch, rất rõ ràng. “*Đa văn*”: chư vị phải nhớ kỹ là thọ trì một bài kệ bốn câu. Do đây biết rằng: đa văn đây chẳng phải là “quảng học đa văn”, một bài kệ bốn câu [thọ trì] chẳng dứt là “trùng phúc đa văn”. Chúng ta phải hiểu rõ điều này, Ngài nói là thọ trì một bài kệ bốn câu, chúng ta suốt ngày niệm một câu “*nam mô A Di Đà Phật*”, một ngày niệm mấy ngàn lần, mấy vạn lần, đều gọi là “*đa văn*” cả! Vì sao phải niệm nhiều lượt như thế? Nói trắng ra là vì chưa hiểu gì cả, một ngày niệm mấy ngàn biến, mấy vạn biến, nhưng một câu A Di Đà Phật vẫn chưa hiểu nổi!

“*Đọc tụng*”: đọc xong, có tu hành hay không? Không tu hành chi cả, vì thế đó là tu nơi cửa miệng. Trừ cái miệng ra, tâm chẳng tương ứng, trong tâm vẫn là thị phi nhân ngã, thân cũng chẳng tương ứng. Làm thế nào niệm một câu Phật hiệu cho tương ứng? Tâm có giống với tâm Phật A Di Đà hay không? Nguyên có giống với nguyên của Phật A Di Đà hay không? Hết thấy tạo tác của quý vị có giống với tạo tác của đức Phật A Di Đà hay không? Thân, ngữ, ý nếu tương ứng với Phật A Di Đà, quý vị thành công rồi, quý vị là hóa thân của Phật A Di Đà rồi đấy!

A Di Đà Phật giữ lấy tấm lòng gì? Phát những nguyên gì? Quý vị cứ đọc trong kinh Vô Lượng Thọ, đọc rồi nếu hiểu rõ, nếu hiểu nghĩa, nếu hiểu rồi bèn làm theo, làm theo một trăm phần trăm, quý vị chính là A Di Đà Phật. A Di Đà Phật chẳng là một người đâu nhé! Vô lượng vô biên cơ đấy! Những ai vãng sanh đến Tây Phương Cực Lạc thế giới đều là A Di Đà Phật cả. Không phải là A Di Đà Phật làm sao sanh về Tây Phương Cực Lạc thế giới được? Thân, ngữ, ý ba nghiệp giống với A Di Đà Phật mới đúng, mới nên. Bởi thế, phải từ đa văn, chứ không từ các việc! Các việc đó, chẳng hạn như dựng tháp bảy báu khắp tam thiên đại thiên thế giới, vẫn là luân hồi lục đạo, vẫn y như cũ chẳng thể liễu sanh tử. Ở đây, đức Phật nói rất rõ ràng, rất minh bạch vậy.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược hữu Bồ Tát cần doanh chúng vụ.

(Này Di Lạc! Nếu có Bồ Tát siêng làm các việc)

“*Cần*” là rất mạnh mẽ siêng năng, “*doanh*” là kinh doanh, rất siêng năng kinh doanh những sự vụ thế gian; dựng đạo tràng, tạo tháp bảy báu đều là những việc đời.

Chánh kinh:

Linh bỉ độc tụng, tu hành, diễn thuyết chư Bồ Tát đẳng doanh w chúng vụ.

(Khiến cho các hàng Bồ Tát đọc tụng, tu hành, diễn thuyết kia lo liệu các việc)

Có một hạng Bồ Tát ưa thích làm những việc như thế, họ có phước báo, có oai đức, lại có những Bồ Tát trở thành học trò, đồ tử, đồ tôn của họ hoặc là y chỉ nơi họ. Những tiểu Bồ Tát độc tụng, tu hành, diễn thuyết đó cũng bị họ dạy kinh doanh các việc.

Chánh kinh:

Đương tri thị nhân, tăng trưởng nghiệp chương, vô chư phước lợi.

(Nên biết kẻ ấy tăng trưởng nghiệp chương, không có các phước lợi)

Hạng Bồ Tát ấy có oai đức, thích thú kinh doanh các sự vụ thế gian, thậm chí những ai đọc tụng, diễn thuyết, y chỉ họ đều đồng loạt theo họ kinh doanh sự vụ hết, những người ấy chỉ toàn là tăng trưởng nghiệp chương. “*Vô chú phước lợi*”: ý nghĩa trọng yếu của lời Phật nói là đây, phước lợi đức Phật nói đó là phước lợi xuất thế pháp, bọn họ chẳng có. Nếu là phước lợi thế gian, họ có được một chút. Đại phước báo, đại lợi ích xuất thế gian họ chẳng có được chút nào.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Như thị sở thuyết tam chủng phước nghiệp.

(Vì sao vậy? Ba thứ phước nghiệp đã nói như thế)

“*Ba thứ phước nghiệp*” là đọc tụng, tu hành, diễn thuyết.

Chánh kinh:

Nhất thiết giai tùng trí huệ nhi sanh.

(Hết thảy đều sanh từ trí huệ)

Nói cách khác, chẳng sanh từ các việc đâu nghe! Việc này lý rất sâu, cảnh giới rất vi tế, phải rất chú tâm, rất ngưng lặng để quán sát thì quý vị mới hiểu được lòng từ bi của Phật, hiểu được lời Phật dạy răn. Người thô tâm hời hợt chẳng nhận ra nổi, dù có thấy cũng chẳng chấp nhận. Trong xã hội hiện thời, trong mắt người đời coi trọng những gì? Từ thiện, cứu tế, sự nghiệp phước lợi cao hơn hết thấy, là điều cả nhân gian khen ngợi, cung kính, còn nếu quý vị đọc tụng, tu hành, diễn nói, không ai quan tâm đến, ai thèm coi trọng, cho rằng quý vị là kẻ chỉ lo tự giải thoát cho mình. Vì đâu lại hiểu sai như thế? Lý này rất sâu, sự này rất vi tế, chẳng phải là phạm phu mất thịt thấy được nổi đâu; người thật sự có trí huệ thấy rất rõ, rất minh bạch. Người không trí huệ chẳng nhìn ra nổi!

Chánh kinh:

Thị cố Di Lặc!

(Bởi thế này Di Lặc)

Tiếp đó, Phật gọi đức Di Lặc để đánh thức chúng ta.

Chánh kinh:

Doanh sự Bồ Tát

(Bồ Tát lo liệu sự việc)

Những Bồ Tát kinh doanh các sự vụ đó.

Chánh kinh:

Ư bỉ độc tụng, tu hành, diễn thuyết chư Bồ Tát sở, bất ưng chướng ngại, vi tác lưu nạn.

(Đối với các Bồ Tát độc tụng, tu hành, diễn nói, chẳng nên chướng ngại, gây khó khăn)

Sự vụ nhiều đến mấy, bận đến mấy cũng chẳng được kéo người khác vào giúp tay, cũng chẳng được làm lỡ làng chuyện tu hành của người ta, đây mới là đúng, chẳng được gây chướng ngại, làm khó dễ người ta. So lường công đức thì chuyện người ta làm mới là điều đáng nên làm, mới là tu đạo vậy!

Chánh kinh:

Độc tụng, tu hành, diễn thuyết Bồ Tát tu thiền định chư Bồ Tát sở, bất ưng chướng ngại, vi tác lưu nạn.

(Ở nơi Bồ Tát độc tụng, tu hành, diễn thuyết chẳng nên gây chướng ngại, làm khó các Bồ Tát tu thiền định)

Đến đây quý vị thấy rõ: So ra, Bồ Tát tu thiền định cao hơn Bồ Tát độc tụng, tu hành, diễn thuyết nói ở phần trước một bậc. Độc tụng, tu hành, diễn thuyết là nói về sơ học Bồ Tát, ở đây nói đến những Bồ Tát y giáo tu hành – Bồ Tát tu thiền định. Những Bồ Tát tu thiền định là những Bồ Tát công phu đã thành tựu, quý vị tham thiền chưa đắc định, còn họ đã đắc định; so với người tham thiền tất nhiên cao hơn! Cùng một đạo lý ấy, quý vị đắc định nhưng chưa khai trí huệ thì người đã khai trí huệ nhất định phải cao hơn.

Nếu dùng lời Thiên Thai đại sư để diễn tả thì cảnh giới của hai hạng người này sẽ tách bạch, rõ rệt vô cùng. Thiên Thai đại sư nói “*nói được nhưng chưa làm được*”. Bồ Tát độc tụng, tu hành, diễn thuyết thuộc về giai đoạn “*nói được nhưng chưa làm được*”, họ tu hành, nhưng tu hành chưa có thành tích, niệm Phật chưa được nhất tâm, tu Thiền chưa đắc định. Họ thật sự tu tập, chẳng phải là không tu, hằng ngày tu tập, nhưng chưa có thành tích; họ thật sự tu tập, chẳng sai lầm, nhưng công phu còn chưa đạt; còn người tu Thiền Định công phu đã thành tựu. Vậy thì kẻ sơ học đối với người tu già dặn, tu Thiền Định là tu già dặn, chẳng nên gây chướng ngại, gây khó dễ. Chẳng những chẳng được gây chướng ngại, làm khó, mà còn phải hộ trì họ nữa. Thành tựu của họ chính là phước đức của mình đây! Nếu chính mình dững mẫn, tinh tấn, phước đức ấy sẽ chuyển thành công đức, đó là điều chúng ta phải hiểu. Nếu quý vị gây chướng ngại, gây khó dễ, quý vị đã tạo tội nghiệp giống như trong phần mở đầu kinh này đã nói, sẽ phải bị đọa vào địa ngục A Tỳ đó nghe!

Chúng ta xem trong phần sau, đức Phật càng nói càng rõ ràng, càng nói càng minh bạch.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược nhất Diêm Phù Đề doanh sự Bồ Tát.

(Này Di Lạc! Nếu một Diêm Phù Đề Bồ Tát lo liệu các việc)

Chúng tôi không nói nhiều, cứ coi như Diêm Phù Đề là một quả địa cầu của chúng ta vậy. Những Bồ Tát kinh doanh sự vụ trên toàn bộ quả địa cầu này...

Chánh kinh:

Ư nhất độc tụng, tu hành, diễn thuyết Bồ Tát chi sở, ưng đương thân cận, cúng dường, thừa sự.

(Ở nơi một Bồ Tát độc tụng, tu hành diễn thuyết nên thân cận, cúng dường, thừa sự)

Đây là điều đức Phật dạy chúng ta. Chúng ta có làm như thế không? Có khởi ý niệm như thế không? Có phát được tâm ấy không? Vì sao ta chẳng sanh khởi được ý niệm ấy? Vì sao chẳng phát tâm? Hãy suy nghĩ kỹ đi, rồi coi tiếp đoạn thứ hai.

Chánh kinh:

Nược nhất Diêm Phù Đề độc tụng, tu hành, diễn thuyết chư Bồ Tát đẳng, ư nhất cần tu thiên định Bồ Tát, diệc đương thân cận, cúng dường, thừa sự.

(Như cả một Diêm Phù Đề các Bồ Tát độc tụng, tu hành, diễn thuyết, với một Bồ Tát tu thiên định, cũng phải nên thân cận, cúng dường, thừa sự)

Hạng này còn cao hơn. Bồ Tát tu thiên định nói ở đây nên hiểu theo nghĩa rộng, đừng hiểu theo nghĩa hẹp. Nghĩa hẹp là quý vị hiểu tu Thiên Định là tham thiền, cách nhìn như thế có phạm vi quá hẹp. Ở đây là nghĩa rộng, trong Phật pháp bất luận tu học theo tông phái, theo pháp môn nào, thường nói là tám vạn bốn ngàn pháp môn, vô lượng pháp môn, phương pháp, thủ đoạn chẳng tương đồng, nhưng nguyên lý, nguyên tắc tu hành luôn giống nhau. Tu những gì? Đều là tu Giới, Định, Huệ.

Thế nào là Giới? Tám vạn bốn ngàn pháp môn là Giới, Giới là phương pháp, thủ đoạn. Bởi thế, nghe nói đến Giới, đừng có hiểu đại khái là Ngũ Giới, Thập Giới, 250 giới tỳ-kheo, hiểu vậy là hồng rồi, quý vị chẳng hiểu nghĩa lời đức Như Lai nói. Tam Học Giới - Định - Huệ là phương pháp, thủ đoạn; mấu chốt là Định. Nhân Giới đắc Định, nhân Định khai Huệ. Bởi thế chữ Định trong đoạn kinh này là Định trong Giới - Định - Huệ.

Vì sao biết vậy? Do trong đoạn tiếp theo đây nhắc đến Huệ. Do đây biết rằng: phần trên nói các Bồ Tát đọc tụng, tu hành, diễn thuyết là nói đến trì Giới; quý vị dùng Tam Học Giới - Định - Huệ để luận thì đây là Giới. Siêng tu Thiền Định là Định, phần tiếp theo nói “*nếu với các Bồ Tát siêng tu trí huệ*” đó là Huệ. Tam Học Giới - Định - Huệ rõ rệt vô cùng. Thế nhưng Định cũng có thể hiểu là công phu tu hành đặc lực, đó là Thiền Định đấy!

Người niệm Phật chúng ta tâm được thanh tịnh, được nhất tâm bất loạn chính là Bồ Tát tu Thiền Định. Nghiêm túc tu hành vẫn chưa đắc Định thì trong Tam Học Giới - Định - Huệ, quý vị vẫn còn thuộc vào chữ thứ nhất. Quý vị nghiêm túc tu học chưa đắc Định, thấy Bồ Tát thật sự đắc Định, tâm được thanh tịnh. Ví dụ cả một Diêm Phù Đề người y giáo tu hành, gặp được một người chân chánh tu hành, thành tựu tâm thanh tịnh thì phải nên thân cận, cúng dường, thừa sự.

Chánh kinh:

Như thị thiện nghiệp, Như Lai tùy hỷ, Như Lai duyệt khả.

(Thiện nghiệp như thế, Như Lai tùy hỷ, Như Lai vui mừng chấp thuận)

Đó là thiện nghiệp đấy! Thiện gì? Đấy mới là chân thiện nghiệp, Phật vui thích. Tiếp theo là:

Chánh kinh:

Nhược w cần tu trí huệ Bồ Tát.

(Nếu với Bồ Tát siêng tu trí huệ)

Câu này nêu rõ Tam Học Giới - Định - Huệ vậy! Đây là đạt đến mức cao nhất, nhân Định khai Huệ! Trí huệ khai rồi, nhà Thiền gọi là “*đại triệt đại ngộ, minh tâm kiến tánh*”, trong Tịnh tông chúng ta gọi là “*Lý nhất tâm bất loạn*”, cũng là minh tâm kiến tánh, phá một phần vô minh, chứng một phần Pháp Thân. Nếu đối với hạng Bồ Tát như thế mà...

Chánh kinh:

Thừa sự, cúng dường, đương hoạch vô lượng phước đức chi tụ.

(Thừa sự, cúng dường, sẽ đạt vô lượng khối phước đức)

Sở dĩ trong Phật pháp, chẳng cần biết là học theo tông phái nào, pháp môn nào, cương lĩnh chung là Giới - Định - Huệ, nguyên tắc chung là Giác - Chánh - Tịnh. Quý vị thấy đó, nhập Phật môn thọ Tam Quy. Tam Quy

là gì? Tam Quy là vị thầy đem phương hướng tu hành, cương lĩnh tu hành truyền thọ cho quý vị, gọi đó là Tam Bảo! Tam Bảo ấy là tự tánh Tam Bảo, mới là chỗ chúng ta thật sự quy hướng. Tự tánh Phật chính là giác chẳng mê, tự tánh Pháp chính là chánh không tà, tự tánh Tăng là tịnh nhưng không nhiễm! Tam Bảo là Giác - Chánh - Tịnh.

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Trí huệ chi nghiệp vô thượng thù thắng, siêu quá nhất thiết tam giới sở hạnh.

(Vì sao vậy? Nghiệp trí huệ thù thắng vô thượng, vượt trội hết thảy các hạnh trong tam giới)

Có như thế mới có thể xuất tam giới. Trí huệ chẳng thành tựu thoát khỏi tam giới sao được? Giờ đây chúng ta mong trong một đời này trí huệ thành tựu, nói thật ra, chẳng thể được đâu! Những điều tâm quý vị nghĩ toàn là vọng tưởng cả! Hôm qua tôi đã nói đến rồi: Chúng tôi rất khâm phục Lục Tổ Huệ Năng đại sư của Thiên Tông, Ngài gặp Ngũ Tổ để mong làm Phật. Các đồng tu chúng ta có dám nói là tôi muốn được thành Phật hay chẳng?

Nếu quý vị muốn học theo Ngài: tôi muốn thành Phật, thì quý vị có giống như ngài Huệ Năng chẳng? Huệ Năng làm Phật là vì có điều kiện làm Phật. Người ta niệm kinh Kim Cang ở bên cạnh, Ngài không biết chữ, nghe được mấy câu bèn đại triệt đại ngộ. Chúng ta có được năng lực ấy chẳng? Chúng ta niệm kinh Kim Cang đến mấy ngàn lượt vẫn chẳng khai ngộ, vẫn là suy nghĩ nhảm nhí, bởi thế Ngài nói làm Phật được, ta không làm Phật được! Học đòi theo Ngài thì chúng ta thành một ông Phật hồ đồ, chẳng phải là Phật thật! Như thế học theo sao được? Học theo là mắc lỗi ngay.

Nhưng trong thời kỳ Mạt Pháp, chân chánh phát tâm mong thành Phật có một con đường đức Thế Tôn đã dạy: chắc thật niệm Phật. Niệm Phật là nhân, thành Phật là quả mà! Chúng ta niệm Phật chỉ cầu vãng sanh, vãng sanh bất thoát thành Phật, đó là đường nhanh tắt để thành Phật đấy! Cách này chúng ta có phần. Nếu chúng ta chẳng nương theo pháp môn này thì ắt là vọng tưởng, phân biệt, chấp trước, chẳng phải là chân thật, chính mình nhất định phải hiểu rõ ràng, hiểu minh bạch.

Nếu quý vị hỏi: Chúng con thật sự muốn tu hành, đoạn ác tu thiện, phải bắt đầu từ đâu? Tôi tuyên bố cùng mọi người: Lý luận kinh Kim Cang dạy quý vị thấy rộng toang, buông xuống, còn kinh này toàn giảng về sự tướng, dạy quý vị phương pháp làm thế nào để thực hiện trong xã hội hiện tại: Xử thế, đãi nhân, tiếp vật ra sao, kinh nói thật chi ly, tường tận! Thế nào là ứng với Bát Nhã? Thế nào là ứng với phiền não? Tương ứng với phiền não là nghiệp sanh tử luân hồi; ứng với Bát Nhã là sự nghiệp của Phật, Bồ Tát. Bởi thế, phải nghiêm túc tu tập kinh này, phải thâm nhập để tìm tòi.

Chúng tôi giảng trong thời gian ngắn, chẳng thể giảng sâu, giảng tường tận, vì thế chỉ điểm tới rồi thôi, cốt ý nhằm cảnh tỉnh các vị đồng tu, quý vị về nhà nghiêm túc nỗ lực tu tập, phải thật sự hành, chịu thực hành, ắt quý vị sẽ nhận ra mỗi chữ, mỗi câu chứa đựng vô lượng nghĩa.

Chánh kinh:

Thị cố Di Lạc! Nhược hữu Bồ Tát phát khởi tinh tấn, u trí huệ trung, đương cần tu tập.

(Vì thế này Di Lạc! Nếu có Bồ Tát phát khởi tinh tấn, hãy nên siêng tu tập nơi trí huệ)

Ai thật sự phát tâm tu Bồ Tát đạo, nhất định phải tích cực lấy trí huệ làm mục tiêu tu học cho chính mình, bởi lẽ nhân Giới đức Định, nhân Định khai Huệ, quý vị phải hiểu rõ ý nghĩa này.

10. Lược nói hý luận có hai mươi loại lỗi lớn

Tiếp theo đây là một đoạn nữa, lược nói hý luận có hai mươi loại lầm lỗi.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Lai thiện thuyết sơ nghiệp Bồ Tát nhạo u hội náo, thế thoại, thù miên, chúng vụ quá thất.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Đức Như Lai khéo nói lầm lỗi của sơ nghiệp Bồ Tát ưa thích nhiệt náo, ngôn luận thế gian, ngữ nghệ, các việc)

Mấy câu này tổng kết những điều đức Thế Tôn đã giảng. Trong thời kỳ Mật Pháp, Bồ Tát sơ phát tâm ưa thích những điều ấy, những điều ấy đều là sai trái, vô lượng lầm lỗi, nhưng còn lỗi hại của hý luận đức Phật chưa nói, bởi thế, ở đây Ngài phải hỏi:

Chánh kinh:

Vân hà danh vi hý luận trung quá? Nhược quán sát thời, linh chư Bồ Tát đương đắc trụ u tịch tĩnh, vô chư tránh luận.

(Thế nào gọi là lỗi của hý luận? Nếu lúc quán sát sẽ khiến cho các Bồ Tát trụ trong tịch tĩnh, không có các tranh cãi).

Nếu như đối với lỗi lầm của hý luận mà họ minh bạch, nhất định sẽ bỏ được hý luận, an trụ nơi tịch tĩnh, không tranh cãi, điều đó tương ứng với đạo tâm, thanh tịnh tâm. Dưới đây là đức Thế Tôn khai thị:

Chánh kinh:

Phật ngôn:

- Di Lặc! Sơ nghiệp Bồ Tát hý luận quá thất vô lượng vô biên, ngã kim lược thuyết hữu nhị thập chủng. Vân hà danh vì nhị thập chủng quá?

(Phật nói:

- Nay Di Lặc! Lỗi lầm hý luận của sơ nghiệp Bồ Tát vô lượng vô biên, ta nay nói đại lược có hai mươi thứ. Thế nào gọi là hai mươi thứ lỗi?)

Hai chữ “hý luận” bao hàm ý nghĩa rất sâu, rất rộng, nói đơn giản là chẳng có ý nghĩa chân thật; thậm chí đối với pháp thế gian hoàn toàn chẳng có lợi ích chân thật, những ngôn luận, luận thuyết như thế đều gọi là “hý luận”. Phật quy nạp chúng thành hai mươi loại.

Chánh kinh:

Nhất giả, v hiện tại sanh đa chư khổ não.

(Một là ngay trong đời này lắm các khổ não)

Vì sao hý luận có lắm phiền não? Thánh nhân Trung Quốc cũng hiểu được việc này. Trong nền giáo dục của đức Khổng Phu Tử, điều thứ nhất trong bốn khoa là đức hạnh, điều thứ hai là ngôn ngữ, quý vị mới thấy đó là trọng yếu. Nói năng chẳng cẩn thận sẽ biến thành hý luận, hý luận mang đến vô biên khổ não cho quý vị!

Chánh kinh:

Nhị giả, tăng trưởng sân nhuế, thoái thất nhẫn nhục.

(Hai là tăng trưởng nóng giận, lui sụt nhẫn nhục)

Đây đều là những lỗi hại của hý luận.

Chánh kinh:

Tam giả, vị chư oán đối chi sở não hại.

(Ba là bị các oán đối nào hại)

“*Não*” là những người quý vị trót đắc tội, những quý vị trót xúc phạm, họ đến hãm hại quý vị, khiến quý vị sanh phiền não.

Chánh kinh:

Tứ giả, ma cập ma dân giai sanh hoan hỷ.

(Bốn là ma và dân ma đều sanh hoan hỷ)

Phật, Bồ Tát trông thấy chẳng hoan hỷ, yêu ma, quỷ quái trông thấy rất hoan hỷ, vì sao thế? Yêu ma, quỷ quái ưa thích hý luận, quý vị là đồng loại của chúng.

Chánh kinh:

Ngũ giả, vị sanh thiện căn giai tất bất sanh.

(Năm là thiện căn chưa sanh thảy đều chẳng sanh)

Điều này dễ hiểu.

Chánh kinh:

Lục giả, dĩ sanh thiện căn năng linh thoái thất.

(Sáu là thiện căn đã sanh có thể bị thoái thất)

Hết thảy thiện pháp đều sanh từ đó nên gọi là “*thiện căn*”. Trong kinh, Phật dạy chúng ta thế pháp thiện căn có ba loại: vô tham, vô sân, vô si. Đó gọi là ba thiện căn, các thiện pháp thế gian đều sanh từ đó. Thiện pháp xuất thế gian là tinh tấn. Quý vị phải nhớ kỹ: Tinh là thuần nhất không tạp, Tấn là tấn bộ; đây là thiện căn sanh ra thiện pháp xuất thế. Hiện giờ chúng ta thấy có người cũng siêng năng, dững mãnh, nhưng chẳng tinh tấn mà là tạp tấn, họ rồi tung tít mù, bạ cái gì cũng học, loạn tấn, tạp tấn, chẳng phải như kinh Phật nói.

Tinh tấn nói trong kinh Phật là thâm nhập một môn. Dù trí huệ đã mở, chứng đắc quả vị Bồ Tát sâu xa, biểu hiện bên ngoài của các Ngài vẫn là tinh tấn; các vị đọc kinh Hoa Nghiêm thấy ngay. Quý vị xem năm mươi ba lần tham học của Thiện Tài đồng tử trong kinh Hoa Nghiêm, năm mươi ba vị đều là Pháp Thân đại sĩ, trong đó có rất nhiều vị Đẳng Giác Bồ Tát, biểu hiện của các Ngài đều là “*một môn tinh tấn*”. Thiện Tài đồng tử đến tham phỏng, các Ngài tự nói trong vô lượng pháp môn, mình chỉ chọn lấy một pháp môn để tu học, còn các

pháp môn khác thì họ nói: Ta còn chưa biết, người nên đi hỏi người khác. Tự mình khiêm hư, khen ngợi người khác vậy! Họ biểu hiện tinh tấn, chẳng phải là tạp tấn, loạn tấn. Bồ Tát ở địa vị sâu còn như thế, huống hồ là bọn sơ học chúng ta.

Tứ Hoàng Thệ Nguyên nói chẳng làm đâu, chỉ sợ mọi người hiểu lầm. “*Pháp môn vô lượng thế nguyện học*” xem đến đây bèn vội học hết thấy pháp môn cùng một lúc, quý vị cứ tưởng mình y giáo phụng hành, kỳ thật lắm to. Vì sao vậy? Trước đó có hai điều kiện, quý vị đã làm được hay chưa? “*Chúng sanh vô biên thế nguyện độ*”, phát được tâm nguyện ấy chưa?

Ngày ngày niệm bốn câu kệ, chỉ là miệng có tâm không, “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” mỗi ngày đều niệm, ở trước Phật, Bồ Tát phát nguyện ấy, nhưng thấy chúng sanh này thì chán ngán, thấy chúng sanh kia bèn ghét bỏ! Vậy thì phía sau lời nguyện “*chúng sanh vô biên thế nguyện độ*” phải chua thêm: tôi chẳng độ kẻ này, tôi chẳng độ kẻ nọ. Quý vị có làm như vậy hay là không? “*Phiền não vô tận thế nguyện đoạn*”, đoạn được một điều phiền não nào chưa? Bởi thế, quý vị phải có nguyện tâm chân thật, đoạn hết phiền não rồi mới có thể học vô lượng pháp môn, đó là giai đoạn thứ ba vậy.

Phiền não chưa đoạn, học chỉ lăm pháp môn! Trong Hoa Nghiêm Kinh Sớ Sao, ngài Thanh Lương đại sư viết câu rất hay: “*Hữu giải vô hành*” (có hiểu biết nhưng không thực hành): quý vị học cho nhiều, nhưng chẳng tu hành, chẳng đoạn phiền não. Trong Tứ Hoàng Thệ Nguyên, quý vị có “*pháp môn vô lượng thế nguyện học*” nhưng không đoạn phiền não, kết quả sẽ là gì? Tăng trưởng tà kiến, càng học cho nhiều, tà kiến càng nhiều. Đủ thấy Ngài giảng rất minh bạch vậy! Phật pháp chẳng quý ở chỗ nói cho nhiều, phải chân chánh phụng hành quý vị mới thật sự thọ dụng được.

Chánh kinh:

Thất giả, tăng chur đầu tránh, oán cạnh chi tâm.

(Bây là tăng thêm các tâm tranh giành, đua chen, oán ghét)

Người ưa thích hý luận tâm hiếu thắng rất mạnh, có tâm hiếu thắng ắt sẽ sanh khởi tranh chấp, háo cường, đấu đá, bây giờ gọi là “cạnh tranh”.

Chánh kinh:

Bát giả, tạo tác địa ngục, ác thú chi nghiệp.

(Tâm là tạo tác nghiệp địa ngục, đường ác)

Khởi tâm động niệm, hết thầy tạo tác đều là ác nghiệp, vì sao vậy? Tương ứng với tham, sân, si. Tham, sân, si, mạn, nghi, ghen ghét là nghiệp nhân của ba đường ác.

Chánh kinh:

Cửu giả, đương đắc xú lậu, bất thiện chi quả.

(Chín là sẽ lãnh quả xấu xa, chẳng lành)

Nhân chẳng lành, đương nhiên quả chẳng lành.

Chánh kinh:

Thập giả, thiệt bất nhu nhuyển, ngôn từ kiến sát.

(Mười là lưỡi chẳng mềm mại, lời lẽ ngọng nghịu)

Nghĩa là nói năng khó khăn, đó là quả báo đày! Là quả báo hiện tiền.

Chánh kinh:

Thập nhất giả, sở thọ giáo pháp bất năng ức trì.

(Mười một là chẳng thể nhớ giữ giáo pháp đã nhận lãnh)

Nói như bây giờ là hay quên! Trong Phật pháp gọi là thất niệm, thường quên mất chánh niệm.

Chánh kinh:

Thập nhị giả, u vị văn kinh, văn chi bất ngộ.

(Mười hai là đối với kinh chưa nghe, nghe cũng chẳng ngộ)

Đọc tụng, nghe giảng chẳng dễ khai ngộ.

Chánh kinh:

Thập tam giả, chư thiện tri thức giai tất xử ly.

(Mười ba là các thiện tri thức thấy đều là bỏ)

Thiện tri thức vốn rất khó gặp, dù gặp đi nữa, vì chí thú chẳng tương đồng, quý vị cũng chẳng thể tiếp nhận lời thiện tri thức răn dạy, thiện tri thức cũng chẳng muốn dạy quý vị.

Chánh kinh:

Thập tứ giả, chư ác tri thức tặc đương trị ngộ.

(Mười bốn là sẽ chóng gặp gỡ các ác tri thức)

Là vì chí hướng phù hợp nhau, rất dễ kết thành bầy.

Chánh kinh:

Thập ngũ giả, tu hành u đạo nan đắc xuất ly.

(Mười lăm là tu hành nơi đạo khó được xuất ly)

Chữ “đạo” chỉ Đại Thừa Phật pháp, bất luận tu một pháp môn nào, chẳng có biện pháp để xuất tam giới.

Chánh kinh:

Thập lục giả, bất duyệt ý ngữ, sở sở thường văn.

(Mười sáu là thường nghe những lời chẳng vừa ý)

Thường phải nghe những ngôn từ chẳng đẹp ý, cũng như là nghe người khác nói những lời khiến tâm mình rất khó chịu.

Chánh kinh:

Thập thất giả, tại tại sở sanh, đa chư nghi hoặc.

(Mười bảy là sanh ở đâu cũng lắm nỗi ngờ vực)

“*Tại tại*” là đời đời kiếp kiếp, phiền não lấp tâm, nghiệp chướng tập khí khiến cho quý vị hay đâm ra ngờ vực chánh pháp.

Chánh kinh:

Thập bát giả, thường sanh nạn xứ, bất văn chánh pháp.

(Mười tám là thường sanh chỗ nạn, chẳng nghe chánh pháp)

“*Nạn*” là tam đồ bát nạn, chẳng nghe đến Phật pháp.

Chánh kinh:

Thập cửu giả, tu hành bạch pháp, đa hữu chướng ngại.

(Mười chín là tu hành bạch pháp có nhiều chướng ngại)

“*Bạch pháp*” là thiện pháp. Dẫn cho thiện căn hiện tiền làm chút việc tốt cũng gặp chướng ngại.

Chánh kinh:

Nhi thập giả, ư sở thọ dụng, đa chư oán tật.

(Hai mươi là với những thứ được thọ dụng, hay bị oán ghét)

Trong sanh hoạt tự thân, bất luận về mặt hưởng thọ vật chất hay tinh thần đều bị người khác ghen ghét, oán hờn, chước lấy những quả báo chẳng như ý.

Chánh kinh:

Di Lặc! Thị vị Bồ Tát đàm trước hý luận nhị thập chủng quá.

(Này Di Lặc! Đó là hai mươi lỗi của Bồ Tát đằm chấp hý luận)

9.2. Trùng tụng

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Thế Tôn trùng thuyết kệ ngôn:

(Lúc bấy giờ, đức Thế Tôn lại nói kệ rằng)

Tiếp theo là kệ tụng.

Chánh kinh:

Hiện sanh thường khổ não,

Ly nhãn, đa sân nhuế,

Oán thù sanh hại tâm,

Thị danh hý luận quá.

(Đời này thường khổ não,

Lìa nhãn, hay nóng giận,

Tâm oán thù sanh hại,

Đó gọi lỗi hý luận)

“*Nhãn*” là nhãn nhục, chẳng có tâm nhãn nại, hay nóng giận.

Chánh kinh:

Ma cập ma quyến thuộc,

Giai sanh hoan hỷ tâm,

Táng thất chư thiện pháp,

Thị danh hý luận quá.

Vị sanh thiện bất sanh,

*Thường trụ w đầu tránh,
Tạo w ác thú nghiệp,
Thị danh hý luận quá.
(Ma và quyến thuộc ma,
Đều sanh lòng hoan hỷ,
Chôn mắt các pháp lành.
Đó gọi lỗi hý luận,
Thiện chưa sanh chẳng sanh,
Thường trụ nơi tranh giành,
Tạo các nghiệp ác đạo,
Đó gọi lỗi hý luận)*

Những lời đức Phật giảng đây thực sự đều là chuyện thấy ngay nhãn tiền. Mỗi ngày chúng ta thường thấy, nghe thấy, đều là những chuyện kinh đã nói rồi; bởi thế phải thời thời khắc khắc khởi tâm cảnh giác.

Chánh kinh:

*Thân hình đa xú lậu,
Sanh w hạ liệt gia,
Phát ngôn thường kiến sáp,
Thị danh hý luận quá,
Văn pháp bất năng trì,
Hoặc văn bất nhập nhĩ,
Thường ly chư thiện hữu,
Thị danh hý luận quá,
Trị ngộ ác tri thức,
Ư đạo nan xuất ly.
(Thân hình nhiều xấu xí,*

*Sanh trong nhà hèn hạ,
Nói năng thường ngọng líu,
Đó gọi lỗi hý luận,
Nghe pháp chẳng thể trì,
Hoặc nghe chẳng lọt tai,
Thường lìa các bạn lành,
Đó gọi lỗi hý luận,
Gặp gỡ ác tri thức,
Vớ đạo khó xuất ly)*

Chữ “đạo” chỉ lục đạo, nếu nói nghiêm trọng hơn, là tam ác đạo! Đạo lạc tam ác đạo dễ dàng, thoát ra rất khó.

Chánh kinh:

***Thường văn bất thuận ngữ,
Thị danh hý luận quá,
Tùy bỉ sở sanh xứ,
Thường hoài nghi hoặc tâm,
U pháp bất năng liễu,
Thị danh hý luận quá.
Thường sanh bát nạn trung.***
*(Thường nghe lời trái tai,
Đó gọi lỗi hý luận,
Kẻ ấy sanh ở đâu,
Thường ôm lòng ngờ vực,
Vớ pháp chẳng thể liễu,*

Đó gọi lỗi hý luận,

Thường sanh trong tám nạn)

Phân trên đã nói “*nạn*” là tam đồ bát nạn.

Chánh kinh:

Viễn ly vô nạn xứ.

(Xa lìa chốn không nạn)

Chỗ không có nạn tức là chỗ có Phật pháp, họ chẳng dễ gì sanh vào được những chỗ ấy.

Chánh kinh:

Cụ túc vô lợi ích,

Thị danh hý luận quá,

U' thiện đa chướng ngại,

Thoái thất chánh tư duy,

Sở thọ đa oán tật,

Thị danh hý luận quá.

Như thị chư quá thất,

Giai nhân hý luận sanh.

(Đây đủ không lợi ích,

Đó gọi lỗi hý luận,

Làm lành lắm chướng ngại,

Lui sụt chánh tư duy,

Hưởng thọ lắm oán ghét,

Đó gọi lỗi hý luận,

Những lỗi lầm như thế,

Đều do hý luận sanh)

Câu này tổng kết hai mươi bài kệ tụng ở trên, các duyên ấy đều là do hý luận sanh ra.

Chánh kinh:

Thị cố hữu trí nhân,

Tốc tạt đương viễn ly,

Như thị hý luận giả,

Nan chứng đại Bồ Đề

(Vi thế, người có trí,

Nên nhanh chóng xa lìa.

Kẻ hý luận như thế,

Khó chứng đại Bồ Đề)

Đây là chương đạo.

Chánh kinh:

Thị cố hữu trí nhân,

Diệc bất ưng thân cận,

Hý luận, tránh luận xứ,

Đa khởi chư phiền não,

Trí giả ưng viễn ly,

Đương khứ bách do-tuần

(Vi thế người có trí,

Cũng chẳng nên thân cận,

Chỗ hý luận, tranh luận,

Khởi nhiều các phiền não,

Người trí nên xa lìa

Cả một trăm do-tuần)

“*Một trăm do-tuần*” ở đây là tỷ dụ, không nhất định phải cách xa chừng đó. Ở đây, đức Phật dạy chúng ta: Những nơi hý luận, tranh cãi là nơi khởi nhiều phiền não, người học Phật gặp những chốn ấy nên mau tránh xa, đừng đến xem nhiệt náo, nhiệt náo sẽ gây phiền phức, nên khởi phiền não vậy.

Chánh kinh:

Diệc bất cận u bỉ,

Tạo lập chư xá trạch

(Cũng đừng dựng nhà cửa,

Ở gần những nơi đó)

Câu này ý nói những địa phương tranh luận, hý luận ấy tốt nhất ta nên sống xa ra, đừng cất nhà ở gần đó.

Chánh kinh:

Thị cố xuất gia nhân,

Bất ưng trụ tránh luận.

(Bởi thế người xuất gia,

Chẳng nên trụ tranh cãi)

Ở đây, đức Phật nói rất rõ vậy! Ngài nói:

Chánh kinh:

Nhữ đẳng vô điền trạch,

(Các ông không ruộng nhà)

Đây là nói về người xuất gia. “*Điền trạch*” tức là hăng sản, người xuất gia không có hăng sản, nhưng người xuất gia hiện thời chẳng như vậy. Đó là điều chúng ta phải thời thời khắc khắc nẩy lòng hổ thẹn, đương nhiên là do nhiều nguyên nhân, người xuất gia hiện tại nói thật ra rất khổ, bất đắc dĩ mà thôi! Quý vị chẳng có một chỗ nhỏ nhoi nào, không ai cho quý vị quả đơn cả, đường cùng bí lối, không có chỗ nào để tu hành hết. Tình thế bức bách phải tự mình tậu một ngôi miếu nhỏ, nhưng phải sanh lòng hổ thẹn, biết là chẳng đúng pháp.

Chánh kinh:

Thê tử cập đồng bộc,

Nãi chí vinh vị đẳng,

Hà duyên hưng tránh luận?

(Vợ con và tôi tớ,

Cho đến địa vị sang,

Có gì gây tranh cãi?)

“*Duyên*” là lý do. Quý vị có lý do gì để tranh cãi cùng người? Quý vị đã buông xuống hết thầy danh văn, lợi dưỡng, ngũ dục, lục trần thế gian rồi, đều bỏ sạch rồi, còn gì để tranh giành với người ta?

Chánh kinh:

Xuất gia trụ tịch tĩnh,

Thân bị u pháp phục,

Chư tiên hàm kính sự,

(Xuất gia trụ tịch tĩnh,

Thân khoác lấy pháp phục,

Chư tiên đều kính thờ)

Chữ “*Tiên*” chỉ tiên nhân. Tiên nhân có trí huệ, thần thông, thấy quý vị là người chân chánh tu hành, họ tôn kính quý vị.

Chánh kinh:

Đương tu nhẫn nhục tâm,

Như thị hý luận giả,

Tăng trưởng độc hại tâm,

Đương đọa u ác thú,

Thị cố ưng tu nhẫn.

(Nên tu tâm nhẫn nhục,

Kẻ hý luận như thế,

Tăng trưởng tâm độc hại,

Sẽ đọa trong đường ác,

Vì thế nên tu nhẫn)

Làm thế nào để rời bỏ hý luận? Phải có tâm nhẫn nại. Quý vị có tâm nhẫn nại, quý vị sẽ xa lìa được. Nói theo bây giờ, hý luận, tranh cãi đã mò vào tận nhà quý vị, quý vị chẳng tin ư? Mỗi ngày bật tivi lên, trong tivi toàn là hý luận, vẫn có đấu đá, tranh cãi, lúc quý vị xem, tâm bị động theo, sanh ra phiền não. Nếu trong nhà có máy tivi, gấp sớm bỏ đi. Đó mới là viễn ly! Thật đó, báo chí, tạp chí đều chẳng cần xem, trong đó toàn là hý luận, tranh cãi, chúng là một loại ác duyên, dẫn khởi phiền não đấy, chẳng phải là thứ tốt. Bởi thế phải có tâm nhẫn nại, phải tu Nhẫn Nhục Ba La Mật.

Chánh kinh:

Tù cấm cập hệ phược,

Hình hại nhi chúy sở,

Như thị đẳng chư khổ,

Giai do tránh luận sanh.

(Tù giam cùng trói buộc,

Trùng phạt cùng đánh đập,

Các nỗi khổ thế đó,

Đều do tranh cãi sanh)

Câu này nói đến chuyện hiện tiền. Quý vị tranh cãi đắc tội với hạng oan gia có oai đức, họ muốn sát hại quý vị, bèn có thể giả mạo tội danh để vu hãm quý vị, trong lịch sử ta từng thấy rất nhiều. Đối với xã hội hiện tại, quý vị lắng lòng quán sát cũng thấy thường có những chuyện ấy. Hiện tại, quý vị bị giam cầm trong ngục chịu hình phạt, chịu các nỗi khổ; tương lai trong tam đồ: địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh, chịu các nỗi khổ đều là do tranh cãi mà ra cả!

Chánh kinh:

Như thị hý luận giả,

Thường ngộ ác tri thức,

Danh xưng bất tăng trưởng,

Tăng vô hoan hỷ tâm.

(Kẻ hý luận như thế,

Thường gặp ác tri thức,

Tiếng tăm chẳng tăng thêm,

Lòng chưa từng hoan hỷ)

“*Danh xưng*” nói theo bây giờ là “*danh dự*”, đại chúng trong xã hội chẳng khen ngợi quý vị.

Chánh kinh:

Nhược xả u tránh luận,

Vô năng ty kỳ tiện,

Quyển thuộc bất quai ly,

Thường ngộ u thiện hữu.

(Nếu bỏ được tranh cãi,

Không ai kiếm cơ hại,

Quyển thuộc chẳng trái lìa,

Thường gặp được bạn lành)

Nếu quý vị bỏ được tranh cãi, thân tâm sẽ thanh tịnh, oan gia đối đầu chẳng nắm được đằng chuôi, cũng chẳng có cách nào hãm hại quý vị. Đó gọi là lợi ích đạt được về mặt thế gian, cả một đời này sống yên ổn, bình an.

Chánh kinh:

U' thừa đắc thanh tịnh,

Nghiệp chướng tận vô dư,

Tôi phục u ma quân,

Cần tu nhẫn nhục hạnh.

(Được thanh tịnh nơi Thừa,

Nghiệp chướng hết chẳng sót,

Đẹp yên các quân ma,

Siêng tu hạnh nhẫn nhục)

Đây là nói về mặt học Phật. “Thừa” là Đại Thừa, Tiểu Thừa, Tam Thừa, Ngũ Thừa, tức là Phật pháp. Bất luận quý vị tu theo một pháp môn nào đều được thanh tịnh, thanh tịnh là thành tựu đây! Trong đề mục kinh Vô Lượng Thọ nêu bật cương lĩnh tu học: Thanh Tịnh, Bình Đẳng, Giác. Bởi thế, người tu Tịnh Độ phải biết tu cái gì? Tu thanh tịnh, bình đẳng, giác. Quý vị đạt thanh tịnh, bình đẳng, giác rồi, nhất định quý vị vãng sanh! Tâm tịnh quốc độ tịnh, có vậy mới cảm ứng đạo giao. “*Nghiệp chướng hết không sót*”: thật sự tiêu nghiệp chướng, tâm thanh tịnh hiện tiền. “*Ma quân*”: Quân là tỷ dụ, ma nhiều loạn bên ngoài, tâm quý vị thanh tịnh, chẳng bị hoàn cảnh bên ngoài nhiễu loạn, bởi thế quý vị có định lực, có thể nhẫn nhục.

Chánh kinh:

Tránh luận đa chur quá,

Vô tránh cù công đức.

(Tranh cãi: các lỗi lắm,

Không tranh: công đức vẹn)

Hai câu này nhằm so sánh rõ.

Chánh kinh:

Nhược hữu tu hành giả,

Đương trụ w nhân nhục.

(Nếu có kẻ tu hành,

Nên trụ trong nhân nhục)

Người chân chánh phát tâm tu hành, nhất định phải tu Nhân Nhục Ba-la-mật. Trong kinh Kim Cang, Phật dạy chúng ta: Bồ Tát phải tu học sáu cương lãnh, tức là sáu ba-la-mật, đặc biệt là bố thí, nhân nhục, Ngài giảng rất tường tận. Vì sao vậy? Trong Lục Độ, hai môn này trọng yếu vô cùng. Bồ Thí là buông xuống, Nhân Nhục là thành tựu. Quý vị có buông xuống được, nhưng không nhân được thì khó giữ được công đức, vẫn chẳng thể thành tựu. Bởi thế, nhân nhục trọng yếu vô cùng. Có nhân được mới có thể tinh tấn, mới có thiền định, mới có trí huệ. Do đây biết rằng: Quý vị đắc định, đắc huệ thì Nhân là then chốt; chẳng thể nhân, quyết định chẳng thể thành tựu được Định và Huệ.

Trong đoạn tiếp theo đây, Di Lặc Bồ Tát hỏi các Bồ Tát trong thời kỳ Mạt Pháp như bọn chúng ta đây, nghe đức Phật dạy răn có hiểu nổi hay không? Di Lặc Bồ Tát rất quan tâm đến chúng ta. Phật nói rất rõ: Có! Có một số ít, chẳng phải là đa số giác ngộ. Số ít là như trong kinh Di Đà nói: “*Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để sanh về nước kia*”. Một số ít người thiện căn, phước đức nhân duyên sâu dày, nghe răn dạy bèn giác ngộ, chân chánh phản tỉnh, kiểm điểm, hồi đầu, đoạn ác tu thiện. Đa số là nghiệp chướng sâu nặng, vẫn mê hoặc điên đảo như cũ, vẫn tạo nghiệp y như thế, tương lai vẫn phải đọa ác đạo. Phật tận hết trách nhiệm, đau lòng rát miệng dạy răn, vậy thì chúng ta hãy suy nghĩ, mình có phải thuộc vào thiểu số Bồ Tát đức Phật nói đó không, có phải là một người trong số các thiểu số Bồ Tát hay không? Hay vẫn là một trong đa số Bồ Tát chẳng giác ngộ? Phải tự mình phản tỉnh!

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát phục bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Nãi năng thiện thuyết như thị quá thất, linh chư Bồ Tát sanh giác ngộ tâm. Thế Tôn! U hựu mạt thế, ngũ bách tuế trung, phả hữu Bồ Tát văn thuyết như thị tránh luận quá thất, năng sanh ưu hối, ly phiền não phủ?

(Lúc bấy giờ, Di Lặc Bồ Tát lại bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn hy hữu có thể khéo nói những làm lỗi như thế, khiến cho các Bồ Tát sanh lòng giác ngộ. Bạch Thế Tôn! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm, há có Bồ Tát nào nghe nói lỗi làm của tranh cãi như thế, bèn có thể sanh lo hối, là phiền não chẳng?)

Đoạn này là Di Lạc Bồ Tát sau khi nghe đức Phật dùng đủ mọi lẽ răn dạy, đến đây bèn tổng kết. Ngài tán thán đức Thế Tôn: Hy hữu! Những ý nghĩa ấy rất sâu rộng, Thế Tôn khai thị với mục đích nhằm khiến chúng ta nghe xong sẽ chân chánh giác ngộ. Sau khi thỉnh pháp, Di Lạc Bồ Tát bèn nói, thực ra là nói với chúng ta, “*trong đời mạt, vào năm trăm năm sau*”, tức là trong thời đại hiện tại của chúng ta, “*há có Bồ Tát*” - chữ Bồ Tát đây chỉ các vị đồng tu hiện diện đây, nghe những lời Phật khai thị như thế xong, quý vị có ưu lự hay là không? Có sám hối hay không? Có từ nay trở đi cải ác tùng thiện, sửa lỗi đổi mới, mãi lìa phiền não hay không? Có lìa nổi các thứ lầm lỗi, phiền não như đức Phật đã giảng trong kinh này chăng? Chúng ta hãy xem đức Phật đáp lời Di Lạc Bồ Tát.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Ư hậu mạt thế, ngũ bách tuế trung.

(Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- Nay Di Lạc! Vào đời mạt sau, trong năm trăm năm)

Ngay từ đầu kinh này, Di Lạc Bồ Tát khai thỉnh chủ yếu là vì “*vào đời mạt sau, trong năm trăm năm*”, toàn là vì thời đại hiện tại của chúng ta.

Chánh kinh:

Thiếu hữu Bồ Tát năng sanh ưu hối, xả ly phiền não.

(Ít có Bồ Tát có thể sanh lo hối, bỏ lìa phiền não)

Có hay không? Có, nhưng chẳng qua chỉ là thiếu số mà thôi, tức là “*ít có Bồ Tát*”, minh thị đúng ngay lời thường nói trong cửa Phật: “*Nhà Phật chẳng bỏ một ai*”. Đời Mạt chỉ có một cá nhân chịu y giáo phụng hành, chịu giác ngộ, Thế Tôn cũng chẳng lìa bỏ, cũng sẽ vì người đó thuyết pháp, hướng hồ nào phải chỉ có một người! Câu “*ít có Bồ Tát*” là nói đến những hạng người như kinh Di Đà đã dạy: “*Chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức nhân duyên để được sanh về cõi kia*”. Trong thời đại này, những người đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên chỉ là thiếu số!

Nếu quý vị hỏi: Thế nào là thiện căn, phước đức? Thiện căn là hiểu rõ lời Phật dạy răn, đối với lời Phật giảng dạy đều hiểu cả, người như vậy là có thiện căn. Lại còn có thể y giáo phụng hành, người ấy chính là có phước. Thế nào là phước báo? Trong một đời này vĩnh viễn thoát luân hồi. Phước báo ấy, bất cứ phước báo thế gian nào đều chẳng sánh nổi, như các kinh Đại Thừa đã nói, phước báo do bố thí bảy báu khắp cả tam thiên đại thiên thế giới cũng chẳng thể sánh bằng, một đời này vãng sanh thành Phật, làm Phật, thành Phật. Đó là thiếu số Bồ Tát đầy đủ thiện căn, phước đức, nhân duyên.

Chánh kinh:

Đa hữu Bồ Tát kỳ tâm cương, bất tương tôn kính, hoài tăng thượng mạn, hồ tương thị phi, văn thuyết như thị thậm thâm nghĩa thú, thù thắng công đức, tuy phục thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết, do thị Bồ Tát nghiệp chướng thâm trọng, bất năng đắc sanh thù thắng công đức.

(Có nhiều Bồ Tát tâm họ ương bướng, chẳng thể tôn kính, ôm lòng tăng thượng mạn, cùng nhau thị phi, nghe nói nghĩa thú rất sâu, công đức thù thắng như thế, dù vẫn thọ trì, đọc tụng, diễn nói, nhưng do những Bồ Tát ấy nghiệp chướng sâu nặng nên chẳng thể sanh công đức thù thắng)

Còn có nhiều Bồ Tát, số này chiếm đa số. Đa số là những kẻ thiện căn, phước đức rất mỏng, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước rất nặng, “*ương ngạnh khó hóa độ, chẳng thể tôn kính*”, đó là vẻ biểu hiện bên ngoài. Chúng ta học Phật muốn một đời thành tựu thì tối khẩn yếu là tâm chân thành, đối với bất kỳ ai đều chân thành, cung kính. Người ta chẳng coi trọng mình, chẳng tôn trọng mình là chuyện của người ta, nhất định chẳng cần trách móc, thắc mắc. Là vì sao? Họ là phàm phu, nghiệp chướng sâu nặng. Nếu chúng ta trách móc, thắc mắc, ta cũng là phàm phu, khác gì họ đâu!

Bồ Tát chẳng giống với phàm phu, phàm phu chửi rủa Bồ Tát, Bồ Tát thương xót phàm phu, chẳng giống nhau! Bởi thế, học Phật phải học từ đâu? Phải học từ đây nhé! “*Ôm lòng tăng thượng mạn, cùng nhau thị phi*”, thật là dễ hiểu. “*Nghe nói nghĩa thú rất sâu, công đức thù thắng như thế*”, tức là những điều được giảng trong kinh này xác thực là những nghĩa lý rộng sâu vô lượng vô biên, công đức chẳng thể xưng dương.

Những Bồ Tát ương ngạnh khó hóa độ kia cũng thọ trì, đọc tụng, thậm chí diễn thuyết, “*do những Bồ Tát ấy nghiệp chướng sâu nặng, nên chẳng thể sanh công đức thù thắng*”. Nói cách khác, họ thọ trì, đọc tụng, diễn thuyết, nhưng chẳng thể y giáo phụng hành, họ làm không được! Muốn làm thì bao thứ tập khí phiền não hiện tiền, đúng như trong kinh nói: “*Tu tập hết thấy nghiệp lành đều có chướng ngại*”. Đó là nghiệp chướng đấy!

Chánh kinh:

Tiện u thị kinh, nghi hoặc bất tín, bất phục thọ trì, vị nhân diễn thuyết.

(Bèn ngờ vực chẳng tin kinh này, chẳng còn thọ trì, vì người khác diễn nói)

Phiền não hiện tiền, Phật nói thế nào họ cũng chẳng tin, sanh khởi nghi hoặc, từ đó trở đi chẳng nói nữa. Sự việc như vậy, hạng người như vậy chúng ta lắng tâm quán sát thấy có rất nhiều. Chúng ta thường nói “*thoái tâm, thoái chuyển*”, tức là chỉ những người vừa được nhắc đến ở đây.

Chánh kinh:

Thời Ma Ba Tuần kiến thị sự dĩ, vị cuồng hoặc cố, tác tỳ-kheo tướng, lai đáo kỳ sở.

(Khi ấy Ma Ba Tuần thấy việc như vậy rồi, nhằm lừa gạt nên hiện tướng tỳ-kheo, đến chỗ kẻ ấy)

Nếu ai hoài nghi, ắt sẽ hoài nghi kinh giáo, rất tệ vậy! Yêu ma, quỷ quái ở bên cạnh trông thấy rất rõ ràng, quý vị tín tâm vừa dao động, chúng nó đến liền. Ma hóa thành tỳ-kheo, đó là một loại; còn có loại ma cũng đầu thai trong thế gian này, ứng hóa trong thế gian này xuất gia làm pháp sư. Kinh Lăng Nghiêm từng nói: “*Tà sư thuyết pháp như hằng hà sa*”, cũng là nói về thời đại này vậy! Vậy những tà sư đó là ai? Là con cháu của Ba Tuần, con cháu Ma Vương.

Lúc đức Thế Tôn còn tại thế, Ba Tuần (Ma Vương) cũng rất hộ trì đức Thế Tôn, nhưng chẳng vui lòng cho các chúng sanh đều thoát khỏi tam giới. Người ta thoát khỏi tam giới hết thì những kẻ bị Ma thống trị giảm thiểu, đều thoát đi hết, Ma chẳng thích thú gì. Khi ấy, có lần Ma thưa cùng Phật: “*Tôi phải phá hoại Phật pháp*”. Phật bảo Ma: “*Phật pháp là chánh pháp, chẳng có năng lực nào có thể phá hoại Phật pháp cả*”. Ma cười cợt nói: “*Tôi đợi đến thời kỳ Mạt Pháp, tôi sai con cháu đi xuất gia, mặc lấy ca-sa phá hoại Phật pháp*”. Thế Tôn nghe nói thế, không đáp lấy một câu, ứa nước mắt. Bởi thế mới nói thí dụ: Ví như trùng trong thân sư tử, ăn thịt sư tử. Những kẻ ấy chẳng phải là đệ tử Phật, là con cháu Ma Vương đến tiêu diệt Phật pháp. Chúng ta thấy đó, những kẻ ấy mang hình tướng tỳ-kheo, xuất gia vậy.

Chánh kinh:

Lai đáo kỳ sở, thuyết như thị ngôn:

- Thử chư kinh điển giai thị thế tục thiện văn từ giả chi sở chế tạo, phi thị Như Lai chi sở tuyên thuyết.

(Đến chỗ kẻ ấy, nói như thế này:

- Các kinh điển này đều là do kẻ giỏi văn chương trong thế tục chế tạo ra, chẳng phải do đức Như Lai tuyên nói)

Trong xã hội hiện tại, khắp nơi nghe thấy nói pháp này chẳng phải do đức Phật nói, kinh kia chẳng do đức Phật nói, thậm chí toàn bộ kinh Đại Thừa đều chẳng phải do đức Phật giảng. Chẳng những nói như thế không thôi, còn có rất nhiều trước tác nữa kia! Khiến cho con người đối với chánh pháp khởi lòng nghi hoặc, chẳng những tín tâm lui sụt, mà chướng ngại hết thầy chúng sanh tu học chánh pháp, tin hiểu chánh pháp. Cái tội ấy rất nặng!

Chánh kinh:

Hà dĩ cố? Thử kinh sở thuyết công đức lợi ích, nhữ giai bất đắc.

(Vì sao thế? Những công đức, lợi ích nói trong kinh này, các ông đều chẳng đạt được)

Bọn họ nói rất có lý, quý vị cứ nghĩ kỹ đi: Bọn họ nói cả trăm câu, chín mươi chín câu đều rất hợp đạo lý, chỉ có một câu độc hại, một câu độc hại ấy hại chết quý vị đó nghe! Bởi thế, trong thời kỳ Mạt Pháp, quý vị gặp được chánh pháp, chân thiện tri thứ là do thiện căn, phước đức, nhân duyên trong quá khứ đấy!

Chánh kinh:

Do Ma Ba Tuần, như thị cuồng hoặc.

(Do Ma Ba Tuần dối gạt, mê hoặc như thế)

“Cuồng” là lừa dối, “hoặc” là mê hoặc,

Chánh kinh:

Ư thử Không tánh, nghĩa lợi tương ưng, thậm thâm khế kinh, tâm sanh nghi hoặc, khởi chư tránh luận, bất phục thọ trì, độc tụng, diễn thuyết.

(Đối với khế kinh rất sâu, tương ưng với tánh Không và nghĩa lợi này, lòng sanh ngờ vực, khởi các tranh cãi, chẳng còn thọ trì, độc tụng, diễn nói)

Câu này hàm chỉ các kinh luận Đại Thừa, đối với kinh luận Đại Thừa sanh lòng ngờ vực, đây kia tranh luận. Hiện tại kinh bị tranh cãi nhiều nhất là kinh Lăng Nghiêm, luận Đại Thừa Khởi Tín và kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Chúng tôi đọc đến đoạn kinh này liền hiểu nguyên nhân, trong thời kỳ Mật Pháp chúng ta thấy có hiện tượng ấy thì biết cũng là chuyện bình thường. Vì sao? Phật đã nói rồi mà! Nếu không có hiện tượng, há chẳng phải là trong kinh này đức Phật nói dối ư? Bởi vậy trong lúc này phá hoại Phật pháp, tranh cãi Phật pháp chính là hiện tượng bình thường, đức Phật đều nói đến cả rồi! Điều khẩn yếu nhất là tự chúng ta phải nên tu học như thế nào, đó mới là điều rất trọng yếu.

Đức Phật giảng hết thầy các kinh trong bốn mươi chín năm, mục đích là để độ các chúng sanh căn tánh bất đồng, điều này nhất định phải hiểu cho rõ! Hết thầy kinh đều là tài liệu giảng dạy, đều là sách giáo khoa. Giáo học nhà Phật giống như một đại học hoàn chỉnh, trong ấy các khoa hệ đều có đủ. Ta thuộc trình độ nào, học theo học hệ ấy, phải hiểu rõ điều này! Ta thuộc học hệ nào, sách giáo khoa của học hệ ấy là môn chánh để tu tập, nhất định ta phải học cho giỏi, những gì chẳng thuộc vào học hệ của mình, chẳng cần phải học, vì chẳng dính dáng gì đến ta hết cả!

Ta học về Văn Học, các tài liệu Văn Học chẳng đọc, lại đi đọc các sách thuộc bộ môn Y Học, có tốt nghiệp nổi không? Có học thành công được không? Vậy thì, Đại Thừa Phật pháp đến thời đại Tùy - Đường, những cao tăng đại đức phân biệt theo căn tánh bất đồng của chúng sanh mà kiến lập tông phái; tông phái là phân khoa, phân hệ. Quý vị học theo tông phái nào, tông phái ấy có một hệ thống kinh luận riêng. Tịnh Độ Tông của chúng ta kinh luận ít nhất! Nguyên lai chỉ có ba kinh một luận, đến hiện tại, do các tổ sư đại đức thêm vào hai bộ nữa nên mới có năm kinh một luận. Trong khoa hệ của chúng ta, chỉ có năm kinh một luận, tiêu chuẩn tu học phải dựa vào năm kinh một luận.

Trưa hôm nay, có một vị đồng tu hỏi tôi: Có người nói chúng ta niệm Phật nếu không ăn chay chẳng thể vãng sanh, người ấy đến hỏi tôi ông ta có nhất định phải ăn chay hay không? Tôi chưa từng nghe nói vậy. Đức Phật dạy chúng ta “*y giáo bất y nhân*”, trong khoa hệ của chúng ta, năm kinh một luận chẳng thấy có lời thuyết pháp như thế. Có người nói trong kinh Lăng Già nói như thế. Chúng ta chẳng học kinh Lăng Già, kinh Lăng Già

thuộc về khoa hệ khác, nên ta chẳng học kinh Lăng Già. Quý vị phải hiểu rõ đạo lý này! Kinh luận trong tông mình chẳng thuyết pháp như thế, đương nhiên là ăn chay bồi dưỡng tâm từ bi của mình, bởi lẽ chẳng nhẫn tâm ăn thịt hết thấy chúng sanh. Mục đích là đây!

Người niệm Phật thế nào mới gọi là người niệm Phật chắc thật? Thế nào là chắc thật? Tuân theo đúng năm kinh một luận là chắc thật. Ngoài năm kinh một luận còn đềo thêm kinh khác là chẳng chắc thật. Ngoài những thứ thuộc khoa mình, quý vị đem những thứ của khoa khác bỏ thêm vô là quý vị chẳng chắc thật! Điều này có khác gì với việc đọc sách trong nhà trường đâu! Hiện thời chúng ta chọn lựa Tịnh Độ tông, chứ đâu có chọn tông nào khác. Lẽ đương nhiên là có thể tham khảo các tông khác, nhưng tham khảo theo nguyên tắc nào? Tương ứng với kinh điển của tông mình thì mình dùng để tham khảo, chẳng tương ứng với tông mình, ta chẳng dùng, chẳng nhắc tới, đó mới gọi là “chắc thật”! Chẳng phải là đọc hết tất cả các kinh luận; cũng như tất cả sách vở thuộc các phân khoa trong trường đều phải đọc hết thì có hợp lý hay chẳng?

Minh bạch nguyên tắc này rồi, tối thiểu là có thể giúp cho quý vị trừ được nghi hoặc, thâm nhập một môn vậy! Chúng ta đạt được thành tích, thành tích là của chung. Bất luận tu học pháp môn nào, thành tích nhất định phải là phiền não nhẹ, vọng tưởng, phân biệt, chấp trước mỗi năm một ít đi, trí huệ mỗi năm một nhiều hơn, đó là sanh trí huệ. Biểu hiện ra ngoài là thân thể nhất định mỗi năm một khỏe hơn. Vì sao? Cảnh tùy tâm chuyển, tâm quý vị chân thành, thanh tịnh, từ bi thì tướng mạo, thể chất sẽ chuyển biến theo tâm. Điều này chẳng lừa người khác được. Người ta trông thấy quý vị, lại thấy ngôn ngữ, cử chỉ, quý vị đạt đến cảnh giới nào, tu hành có công phu hay chẳng đều biểu hiện ra ngoài, quyết định chẳng bịp người được. Có bịp là bịp kẻ ngu si, chẳng bịp nổi người trí huệ, người có học vấn, người có đức hạnh vừa thấy là biết rõ ngay.

Chánh kinh:

Di Lạc! Bỏ chớ ngu nhân bất năng liễu tri.

(Này Di Lạc! Những kẻ ngu kia chẳng thể hiểu rõ)

Người ngu si chẳng biết đâu!

Chánh kinh:

Do tự nghiệp cố, bất năng hoạch bĩ thù thắng công đức.

(Do nghiệp chính mình, chẳng thể đạt được công đức thù thắng kia)

Nghĩa lý rất sâu, công đức thù thắng giảng trong kinh vì sao kẻ ấy chẳng đạt được? Chẳng đạt được là do nghiệp chướng sâu nặng chướng ngại.

Chánh kinh:

Tự nghiệp tiêu dĩ, quyết định đương đắc như thị công đức.

(Tự nghiệp tiêu rồi, nhất định sẽ đạt công đức như thế)

Nghiệp chướng quý vị tiêu rồi, liền đạt được. Lúc ban đầu tôi mới học Phật, Chương Gia đại sư dạy tôi, Ngài bảo: Trong nhà Phật hữu cầu tất ứng. Lời Ngài nói là thật, chẳng phải giả, nhưng có lúc quý vị cầu chẳng được, chẳng có ứng. Là do nguyên nhân nào? Quý vị có nghiệp chướng đấy! Quý vị tiêu trừ được nghiệp chướng ấy, cảm ứng sẽ hiện tiền; lấy ngay kinh này để ấn chứng. Vậy thì phải làm sao để tiêu trừ nghiệp chướng? Nhất định phải tu pháp sám hối, đó là điều Chương Gia đại sư dạy tôi.

Sám hối như thế nào? Có phải là lạy Lương Hoàng Sám hay Thủy Sám chẳng? Chẳng phải vậy. Đại Sư dạy tôi: phát hiện lầm lỗi của chính mình, từ nay trở đi chẳng được tạo những lỗi lầm giống như thế nữa, đó mới là sám hối. Ngài dạy tôi sám hối, tiêu nghiệp chướng như thế. Đó là chân sám hối đấy! Pháp hội chỉ là gây hình thức náo nhiệt, nếu quý vị chẳng hiểu rõ ý nghĩa, sẽ chẳng thể đoạn ác tu thiện, sửa lỗi đổi mới, chẳng may may liên can gì đến sám hối cả. Nhất định phải biết điều này!

Trong truyện ký của pháp sư Đàm Hư, tôi cũng thấy có một câu chuyện rất hay. Ảnh Trần Hồi Úc Lục là cuốn truyện ký của cụ Đàm, chính miệng cụ Đàm kể, pháp sư Đại Quang ghi lại. Trong đó có đoạn kể chuyện tám năm đóng cửa đọc kinh Lăng Nghiêm. Quý vị hãy xem đó: Có một vị cư sĩ chưa xuất gia, mỗi ngày đọc kinh Lăng Nghiêm, nghiên cứu nghĩa lý kinh Lăng Nghiêm, tám năm ông ta có chút điểm tâm đắc, lúc chợ mắt giữa trưa, có mấy hồn quỷ đến cầu ông ta siêu độ, ông ta nhận ra họ đều là những người mình biết trong quá khứ. Ông ta bèn hỏi họ:

- Quý vị cầu tôi siêu độ thì cũng được, nhưng siêu độ bằng cách nào?
- Chỉ cần ông đáp ứng cho là được.
- Được, tôi đáp ứng.

Ông ta thấy họ bám lấy đầu gối, bám lấy bả vai mình để lên trời, mỗi lượt bốn người, chẳng có hình thức nào khác. Chẳng có hình thức gì khác, là do dựa vào đâu? Dựa vào công phu tu trì của ông ta. Bởi thế, ở đây nói nghiệp chướng tiêu trừ thì những công đức, lợi ích được nói trong kinh này nhất định có thể đạt được vậy!

11. Phát mười thứ tâm có thể sanh về thế giới Cực Lạc

Chúng ta lại xem tiếp đoạn kinh sau cùng; đoạn thứ mười lăm là tổng kết toàn kinh.

Chánh kinh:

Nhĩ thời, Di Lặc Bồ Tát bạch Phật ngôn:

- Thế Tôn! Như Phật sở thuyết A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới công đức lợi ích, nhược hữu chúng sanh phát thập chủng tâm, tùy nhất nhất tâm, chuyên niệm hương u A Di Đà Phật, thị nhân mạng chung đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới.

(Lúc bấy giờ, Di Lạc Bồ Tát bạch Phật rằng:

- Bạch Thế Tôn! Như đức Phật nói công đức lợi ích của thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, nếu có chúng sanh phát mười thứ tâm, với mỗi một tâm, chuyên niệm hương về A Di Đà Phật, người ấy mạng chung, sẽ được vãng sanh thế giới Phật ấy)

Di Lạc Bồ Tát nói mấy câu này là vì chúng ta xin đức Thế Tôn giới thiệu thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà, đây là chuyện Phật thường giảng. Ba kinh là chuyên nói; trừ ba kinh ra, mọi lúc giảng kinh đều nhắc đến Tây Phương Cực Lạc thế giới. Người Trung Quốc chúng ta không có tâm nhẫn nại, chẳng bằng người Nhật Bản. Người Nhật Bản đã soạn Tịnh Độ Toàn Thư (có khả năng là hiện ở Đài Loan cũng có xuất bản). Họ đã thật sự kiểm trong Đại Tạng Kinh, tìm thấy trong Đại Tạng có tổng cộng hơn hai trăm bản kinh luận giới thiệu Tây Phương Cực Lạc thế giới, có những phần văn tự rất rõ rệt, giảng thật rõ ràng, chẳng hạn như kinh này giảng rất rõ ràng. Bởi thế, cổ đức nói: “*Thiên kinh vạn luận xú xú chỉ quy*” (Ngàn kinh vạn luận đâu đâu cũng chỉ quy [Tịnh Độ]).

Bốn mươi chín năm đức Thế Tôn giảng rất nhiều kinh luận, chúng ta có thể nói là tối hậu đều quy hết về Tịnh Độ - thù đồ đồng quy (đường khác nhau nhưng dẫn về cùng một nơi). “*Như đức Phật nói công đức lợi ích của thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà*” là điều đức Phật thường giảng, vậy thì mười tâm này, nhất định đức Phật đã từng nói đến, nếu không sao Di Lạc lại hỏi?

“*Phát mười thứ tâm, với mỗi một tâm, chuyên niệm hương về A Di Đà Phật*” là như kinh Vô Lượng Thọ nói: “*Phát Bồ Đề tâm, một bề chuyên niệm*”. Dưới đây là mười thứ tâm, là tâm gì vậy? Thừa cùng quý vị, là Bồ Đề tâm. Nói “*phát Bồ Đề tâm*” là nói tổng quát đây.

Làm sao phát được Bồ Đề tâm? Tâm như thế nào mới gọi là Bồ Đề tâm? Mười thứ tâm nói ra đây đều là sự tướng cụ thể của Bồ Đề tâm; chúng ta tu pháp môn Niệm Phật có hay không có mười tâm này. Nếu thật sự có, sẽ là chân chánh phát Bồ Đề tâm. Nếu không có những tâm ấy, phải gấp phát khởi đi!

Chánh kinh:

Thế Tôn! Vân hà danh vi phát thập chủng tâm? Do thị tâm cố, đương đắc vãng sanh bỉ Phật thế giới.

(Bạch Thế Tôn! Thế nào gọi là phát mười thứ tâm? Do những tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới Phật ấy)

Di Lạc Bồ Tát từ bi thay chúng ta khái thỉnh.

Chánh kinh:

Phật cáo Di Lạc Bồ Tát ngôn:

- Di Lạc! Như thị thập tâm phi chư phạm ngu, bất thiện trọng phu, cụ túc phiền não giả chi sở năng phát.

(Đức Phật bảo Di Lạc Bồ Tát rằng:

- Nay Di Lạc! Mười tâm như thế chẳng phải là những kẻ phạm ngu, trọng phu bất thiện, kẻ trọn đủ phiền não mà hòng phát khởi nổi)

Đức Phật nói câu này chẳng phải là cùng một ý nghĩa với câu “*chẳng thể dùng chút thiện căn, phước đức, nhân duyên để được sanh về cõi kia*” trong kinh Di Đà sao? Tuy Tịnh Độ là đạo dễ hành, nhưng chẳng phải là ai cũng có thể vãng sanh đâu! Những ai thiện căn, phước đức, nhân duyên chẳng đủ, sẽ chẳng thể vãng sanh. Ở đây nói là “*chẳng phải là những kẻ phạm phu*”, nói cách khác, là nếu quý vị thiện căn, phước đức, nhân duyên đầy đủ, quý vị nào phải là phạm ngu đâu nhé! Có thật không? Quý vị tụng kinh Vô Lượng Thọ cho thật kỹ, kinh Vô Lượng Thọ chẳng nói rất rõ chẳng phải là phạm ngu đó sao? Quý vị là hạng người nào vậy? Là con bậc nhất của đức Như Lai đó nghe. Đó chính là lời đức Phật Thích Ca Mâu Ni nói, hết thầy chư Phật Như Lai đều thừa nhận.

Nếu phát những tâm này, sẽ được hết thầy chư Phật hộ niệm, hết thầy thiên, long, thiện thần bảo hộ quý vị liền! Bởi thế, “*kẻ trọng phu bất thiện*”, kẻ ngu si, kẻ phiền não nặng nề quyết định chẳng thể phát khởi những tâm này. Lời nói này rất rõ ràng, rất minh bạch; vậy thì mười tâm này là trọng yếu. Chúng ta phát chẳng nổi thì phải biết là phiền não rất nặng, tập khí rất sâu, phải nỗ lực khắc phục chướng ngại của chính mình, nhất định phải nghiêm cẩn học tập, khiến mình được Phật gia trì, những lời kinh dạy là gia trì, chúng ta thật sự giác ngộ, thật sự chịu làm, chịu học; nếu chịu họ sẽ chịu phát những tâm này.

Chánh kinh:

Hà đẳng vi thập? Nhất giả, u chư chúng sanh, khởi u đại từ, vô tổn hại tâm.

(Những gì là mười? Một là đối với các chúng sanh, khởi tâm đại từ, không tổn hại)

Trong mười tâm này, từ bi được nêu đầu tiên. Phật pháp lấy từ bi làm gốc, phương tiện làm cửa. Hết thầy chư Phật, Bồ Tát tâm đều đại từ, đại bi, chẳng có tâm từ bi sẽ chẳng tương ứng; bởi thế nhất định phải bồi dưỡng tâm từ bi của chính mình. Trong từ bi, tối trọng yếu là đối với hết thầy chúng sanh, nhất định chẳng có tâm tổn hại, chẳng được có ý niệm ấy. Nếu muốn làm tổn thương một chúng sanh thì lợi ích chân thật đối với chúng sanh ấy bị tổn hủy, chẳng còn tâm từ bi nữa.

Chánh kinh:

Nhị giả, u chư chúng sanh, khởi u đại bi, vô bức não tâm.

(Hai là đối với các chúng sanh, khởi lòng đại bi, không có tâm bức bách, làm khổ)

Chẳng được áp bức chúng sanh, chẳng thể vì phân biệt ta người mà khởi lên phiền não, nếu không, tâm từ bi của quý vị chẳng còn nữa. “Từ” là ban vui, “bi” là dẹp khổ. Phải giống như chư Phật Như Lai, thương xót hết thảy chúng sanh, thời thời khắc khắc, ở bất cứ nơi đâu, luôn mang lòng giúp đỡ chúng sanh phá mê khai ngộ, lìa khổ được vui! Những khổ gì? Khổ tam giới, khổ luân hồi. Thật sự giúp đỡ họ đoạn phiền não, mở mang trí huệ, niệm Phật vãng sanh, đó là cách thật sự thoát lìa luân hồi.

Tu học các pháp môn khác, nói trên phương diện lý luận thì chẳng làm bởi pháp môn bình đẳng chẳng có cao thấp; nhưng vì chúng sanh căn tánh bất đồng, phiền não tập khí sai khác, học những pháp môn khác, chưa chắc đoạn được phiền não. Pháp môn Niệm Phật này chẳng cần phải đoạn phiền não, thật rất thuận tiện, chỉ cần một câu Phật hiệu niệm cho đạt công phu, chế phục được phiền não, như vậy sẽ có thể vãng sanh. Có một số đồng tu đến hỏi tôi: Một mặt niệm Phật, một mặt vẫn khởi vọng tưởng, một mặt đọc tụng, một mặt vẫn là vọng tưởng, hỏi tôi làm cách nào đây? Tôi nói:

- Quý vị học lâu chưa?

- Hai ba năm rồi, là do nguyên nhân nào?

- Công phu chưa đặc lực. Cũng có thể là do quý vị chẳng dụng công nên công phu chẳng khởi tác dụng.

Người dụng công thì niệm Phật hiệu theo cách nào? Quý vị chẳng nhất định mỗi ngày phải niệm mấy vạn tiếng. Ý niệm vừa khởi lên bèn A Di Đà Phật. Cổ đức nói: “*Chẳng sợ niệm khởi, chỉ sợ biết chậm*”. Có phiền não tập khí, đương nhiên quý vị phải khởi niệm. Quý vị chẳng khởi niệm đâu còn là phàm phu nữa, mà là Bồ Tát rồi! Lục đạo phàm phu nhất định phải khởi ý niệm, bởi thế chẳng sợ ý niệm khởi, chỉ sợ quý vị nhận biết quá chậm.

Trong pháp môn chúng ta, thế nào là giác? A Di Đà Phật là giác. Một niệm khởi lên, chẳng cần biết đó là thiện niệm hay ác niệm; ác niệm là vọng niệm, mà thiện niệm cũng là vọng niệm, vô niệm cũng chẳng đúng. Có niệm là vọng tưởng, vô niệm là vô minh, đều chẳng đúng cả! Bởi thế một niệm khởi lên, A Di Đà Phật! Chuyển biến ngay trên từng ý niệm gọi là niệm Phật. Quý vị chú ý điều này, dụng công ngay tại đó, ắt hai, ba năm vọng niệm tự nhiên giảm thiểu, có lúc công phu đặc lực.

Đương nhiên trong đây có một nguyên tắc rất trọng yếu, tức là như phần trên đã nói: phải phá mê, khai ngộ! Ngộ điều gì? Ngộ các thứ trong nhân gian đều là giả, chẳng phải thật. Nếu quý vị thật sự giác ngộ minh bạch, ắt sẽ buông xuống, những buồn lo, vướng víu trong tâm buông xuống hết, điều này giúp cho công phu đặc lực rất nhiều. Bởi thế, nhất định phải hiểu thân tâm, thế giới đều là chẳng thể được. Kinh Kim Cang dạy như “*mộng, huyễn, bọt nước, ảnh*” chính là dạy quý vị thấy rỗng toang, đó là chân tướng của sự thật: chẳng có gì là thật hết! “*Vạn pháp đều bỏ hết, chỉ mỗi nghiệp tùy thân*”. Lẽ nào đành vì vọng niệm, phiền não nào tạo tác ác nghiệp ư? Như thế là thật ngu si, thật chẳng đáng vậy.

Bởi thế, nhất định phải thấy rỗng toang, phải buông xuống, sẽ dùng được Phật hiệu đặc lực. Có được công phu như thế là tốt, hai ba năm bèn vãng sanh là chuyện cầm chắc, thật sự muốn đi lúc nào sẽ đi lúc ấy là chuyện cầm chắc. Vì thế, tâm từ bi là trọng yếu. Chẳng có tâm từ bi sẽ chẳng tương ứng, dù niệm Phật giỏi đến đâu, thậm chí công phu giỏi đến đâu, cũng chẳng thể vãng sanh; vì sao vậy? Bởi lẽ, tâm lý quý vị có chướng ngại đối với chư Phật, Bồ Tát, hải hội đại chúng nơi Tây Phương Cực Lạc thế giới. Quý vị đến đó, quý vị chẳng quen thấy họ, họ cũng chẳng quen thấy quý vị, chẳng thể ở cùng một chỗ được! Bởi vậy, quý vị chẳng đến đó được.

Mỗi một người vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới đều trọn đủ mười tâm. Trong mười tâm có được một điều, chín điều kia đều có cả. Nếu quý vị bảo tôi có chín tâm, còn một tâm có chút vấn đề, thì cả mười tâm quý vị đều chẳng có! Một chính là hết thảy, hết thảy chính là một. Bởi thế, chẳng thể coi chúng như mười điều riêng rẽ, mà phải là một chính thể, một thể có mười khía cạnh, mười khía cạnh của Bồ Đề tâm, chẳng thể khiếm khuyết bất cứ một điều nào.

Chánh kinh:

Tam giả, w Phật chánh pháp, bất tích thân mạng, nhạo thủ hộ tâm.

(Ba là đối với chánh pháp của Phật, chẳng tiếc thân mạng, tâm thích gìn giữ)

Đối với chánh pháp của đức Phật, hiện tại chúng ta tu học pháp môn Tịnh Độ, thì chánh pháp là năm kinh một luận, nhất định phải y giáo tu hành. Dầu gặp bất cứ tai nạn nào, thậm chí tổn thất sanh mạng cũng chẳng hề tiếc, ta vẫn quyết định chẳng quay đầu, chẳng canh cải, vẫn giữ lòng tin kiên định như thế, cứ giữ chặt pháp môn này. Đối với người khác, đem pháp môn này khuyên lơn, khích lệ, tự hành dạy người sống trong chánh pháp.

Chánh kinh:

Tứ giả, w nhất thiết pháp, phát sanh thắng nhân, vô chấp trước tâm.

(Bốn là đối với hết thảy pháp, phát sanh tâm nhân thù thắng, không lòng chấp trước)

Tâm thứ ba trong phần trên là đối với sự tuyền tu của chính mình, giống như chúng ta đi học đọc sách, chúng ta theo khoa hệ nào, tin tưởng vào khoa ấy, quyết định chẳng thay đổi, học xong bốn năm là tốt nghiệp. Nhưng đối với những bạn đồng học chẳng cùng một khoa hệ, chẳng theo cùng một pháp môn, chẳng cùng tông phái, chúng ta phải tôn kính, chẳng được phi báng đó nghe!

Bởi thế phải “*phát sanh thắng nhân*”. Thắng là thù thắng, Nhân là thừa nhận, chấp nhận, đồng ý. Pháp môn của họ cũng là pháp môn vô thượng, cũng có thể dùng để đạt học vị tiến sĩ, chẳng được ôm lòng chấp trước: Chấp khoa mình là số một, khoa người ta là số hai; mình thù thắng, người ta chẳng bằng mình, như vậy là quý vị khen mình chê người. Pháp môn kia do đức Phật nói, quý vị báng Phật. Quý vị báng Pháp, đối với những người tu học theo pháp môn ấy được thành tựu là quý vị báng Tăng! Tuy quý vị tu rất giỏi một môn, chẳng sai lầm, nhưng do quý vị báng Tam Bảo, sẽ chẳng thể thành tựu. “*Phi báng Tam Bảo*”, quý vị cứ coi trong Giới kinh kết tội: A Tỳ địa ngục đấy nhé!

Chúng ta phải dùng những tâm tư, thái độ như thế nào đối với những pháp môn khác? Phần năm mươi ba lần tham học trong kinh Hoa Nghiêm là một thí dụ tốt để áp dụng vào đây: năm mươi ba vị Bồ Tát, mỗi một vị tự mình đều tu một pháp môn, bàn đến pháp môn của người khác, mỗi ngài đều bảo Thiện Tài: Ta chẳng được như người này người nọ, ta chỉ hiểu được mỗi một pháp môn này, chẳng như những Bồ Tát kia, ta chẳng hiểu những pháp môn đó, người hãy qua chỗ họ thỉnh giáo. Tự mình khiêm hư, tán thán người khác vậy!

Có một số người nghe quý vị thuyết pháp như thế sẽ bảo: “Kỳ quái! Ông đã khen ngợi pháp môn ấy, vì sao chẳng tu pháp môn đó?” Năm trước tôi giảng kinh tại Hương Cảng, lão pháp sư Thánh Nhất ở Đại Dự Sơn mời tôi đến đạo tràng của Ngài giảng khai thị, đạo tràng của Ngài là đạo tràng Thiên Tông tham thiền. Tôi là người niệm Phật, tôi đến đó cực lực khen ngợi Thiền, khen ngợi đạo tràng, khen ngợi pháp môn, khen ngợi pháp sư, khen ngợi đại chúng đồng tu. Khen ngợi xong, người ta hỏi tôi:

- Thừa pháp sư! Thiên hay như vậy, vì sao Ngài chẳng tu?

- Tôi chẳng phải là hạng căn khí – tôi thật thà đáp lời.

Tham Thiên phải là người thượng căn mới có thể khai ngộ. Tôi là hạng hạ hạ căn, tôi làm sao sánh cùng người khác được. Tôi nói thật, tôi chắc thật niệm Phật, đối nghiệp vãng sanh là may lắm rồi. Hãy nhớ kỹ, tự mình phải khiêm hạ, phải biết khen ngợi người khác, phải tôn trọng pháp môn chẳng tương đồng, đối xử hòa mục, Phật pháp sẽ hưng vượng! Chẳng cần phải nghĩ mình tu chẳng lầm, kéo cảm thấy đáng nên kiêu ngạo, ngạo mạn, coi thường người khác, coi thường pháp môn người khác; chẳng hề biết tội hậu là tự mình hóa độ mình. Ở đây, đức Phật nói những đạo lý, những sự tình ấy rất nhiều, nên “*đối với hết thầy pháp, phát sanh thảng nhãn, không tâm chấp trước*”.

Chánh kinh:

Ngũ giả, bất tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tịnh ý lạc tâm.

(Năm là chẳng tham lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, tâm giữ ý lạc thanh tịnh)

Đây cũng chính là một khuôn phép lớn lao đức Phật dạy răn chúng ta trong kinh này. “*Lợi dưỡng*” chẳng được đâu nghe! Vừa nhiễm lợi dưỡng, tiền đồ bị hủy hoại ngay. Lợi dưỡng có vô lượng vô biên lỗi hại, chẳng được nhiễm. Bởi thế, người tu hành đời sống càng thanh bần càng tốt, sống thanh bần đối với thế giới này sẽ chẳng lưu luyến gì, tâm xuất ly thường sanh khởi, điều ấy rất tốt, đạo tâm tăng trưởng. Nếu tham chấp lợi dưỡng, A Di Đà Phật đến đón quý vị, quý vị bỏ chẳng được đâu! Ở đây, kinh dạy quý vị phải buông bỏ lợi dưỡng, phiền lắm! Cung kính, tôn trọng cũng đừng có tham chấp, quyết định chẳng được mong cầu, dù người khác rất cung kính, rất tôn trọng.

Chẳng hạn như ở nhiều nơi, người ta thỉnh tôi đến giảng kinh, tôi bảo họ trước là đừng tuyên truyền, họ vẫn cứ quảng cáo, vẫn cứ đăng báo, điều này quyết định chẳng nên. Nhiều lắm là báo cho tín đồ trong nhà quý vị, gọi điện thoại, phát thông tri đơn giản cho họ biết là đủ rồi, chẳng cần phải quảng cáo chiêu tập người đến cho thật đông, chẳng phải là điều hay đâu! Hôm đầu, đông người đến lắm, người ta nghe tôi giảng một bữa sẽ chẳng được như vậy nữa, bữa thứ hai người đến ít hơn một nửa. Quý vị nói có phải là đạo tràng khó coi lắm hay không? Người ta do hiếu kỳ mà đến, tôi chưa từng thấy kết quả không lúc nào không phải như vậy! Đạo tràng thính chúng mỗi ngày một ít là tướng suy. Cần phải hiểu điều này!

Tôi chẳng tuyên truyền, ngày đầu ba người đến nghe, ngày thứ hai năm người đến, đó là tướng đạo tràng hưng vượng đấy! Tôi làm vậy, người đến mỗi ngày một đông! Phải hiểu điều này, đó là đạo thành công. Bởi thế, chớ có quảng cáo, đừng giống như hát xướng, diễn tuồng cứ phải quyến dụ, chẳng nên đâu! Nếu quý vị có thể lia bỏ lợi dưỡng, cung kính, tôn trọng, thủy chung gìn giữ tâm thanh tịnh, pháp hỷ, cái “*ý lạc*” (sự vui thích nơi ý) ấy ta thường gọi là “*pháp hỷ sung mãn*”.

Chánh kinh:

Lục giả, cầu Phật chủng trí, u nhất thiết thời, vô vong thất tâm.

(Sáu là cầu Phật chủng trí, trong hết thầy thời, tâm chẳng quên mất)

Đây đúng thực là mục tiêu, phương hướng học Phật của chúng ta, mỗi thời, mỗi khắc đều chẳng sai lệch. Mục tiêu gì? “*Câu Phật chúng trí*”. “*Chúng trí*” là A-nậu-đa-la Tam-miệu Tam-bồ-đề (Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác). Chúng ta học Phật vì lẽ gì? Chính là vì điều này, chứ chẳng vì cái gì khác. Chúng ta đạt đến Chánh Giác, tức là ngang với A La Hán; đạt đến Chánh Đẳng Chánh Giác chính là Bồ Tát, đặc Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác là viên mãn thành Phật. Đây là mục tiêu, phương hướng học Phật chánh xác, chẳng được sai lệch mảy may. Vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng vì lẽ này. Bởi lẽ, trong thế giới này chướng ngại quá nhiều, hoàn cảnh tu học chẳng tốt, chẳng dễ gì thành tựu, đến Tây Phương Cực Lạc thế giới để thay đổi hoàn cảnh, vẫn chỉ vì việc này.

Chánh kinh:

Thất giả, w chư chúng sanh, tôn trọng, cung kính, vô hạ liệt tâm.

(Bày là đối với các chúng sanh tôn trọng, cung kính, không tâm hèn kém)

Chúng ta dùng tâm tư, thái độ nào để đối xử người khác, để đối đãi hết thảy chúng sanh? Chẳng phân biệt, phải dùng tâm thanh tịnh, bình đẳng để tu. “*Tôn trọng*”: đối với hết thảy chúng sanh đều tôn trọng, cung kính, đều chẳng được có “tâm hèn kém”. “*Hèn kém*” là khinh mạn, coi rẻ. Tu kính, kính là gì? Kính là tánh đức, quý vị thấy trong mười đại nguyện vương của Phổ Hiền Bồ Tát, nguyện thứ nhất là “*lễ kính chư Phật*”, đó là tu lễ kính chư Phật, tức là [lễ kính] chúng sanh hiểu theo nghĩa rộng.

Hết thảy pháp đều do các duyên hòa hợp mà sanh. Thân thể động vật, thân thể này của chúng ta đều do các duyên hòa hợp mà sanh, thực vật cũng do các duyên hòa hợp mà sanh. Bàn ghế, ghế dài vẫn là các duyên hòa hợp mà sanh. Cho thấy: đối người, đối vật, đối sự đều phải tôn trọng, cung kính, đây là học Phật! Tâm ấy là tâm Bồ Đề, tâm giác ngộ. Tâm giác ngộ nhất định phải làm như thế, chẳng làm được như thế chính là mê hoặc, điên đảo, chưa giác ngộ. Người giác ngộ nhất định phải tôn trọng, cung kính người khác.

Chánh kinh:

Bát giả, bất trước thế luận, w Bồ Đề phần, sanh quyết định tâm.

(Tâm là chẳng dính mắc thế luận, sanh tâm quyết định nơi Bồ Đề phần)

“*Thế luận*” là học thuật, ngôn luận thế gian. Ở đây dạy “*chẳng dính mắc*”, chẳng có nghĩa là chẳng được tiếp xúc, chẳng được xem đọc những thứ ấy đâu; chỉ là chớ có tham chấp. Nếu tham chấp sẽ sanh lòng yêu thích những thứ ấy, rất phiền! Chẳng nên yêu thích, chỉ nên tùy duyên. Nếu tâm yêu thích, tham chấp thì gọi là “phan duyên”, phan duyên là hồng rồi. Tùy duyên là tốt vì là tùy hỷ công đức vậy. “*Với Bồ Đề phần*”, Bồ Đề là giác, chẳng mê! “*Trước*” là mê, tham trước là mê. Chẳng được mê đó nghe! Giác chẳng mê, đó là “*sanh tâm quyết định*”.

Chánh kinh:

Cửu giả, chủng chư thiện căn, vô hữu tạp nhiễm, thanh tịnh chi tâm.

(Chín là trong các căn lành, tâm thanh tịnh chẳng có tạp nhiễm)

Thiền căn theo pháp thế gian gồm có ba điều: vô tham, vô sân, vô si, đó gọi là ba thiền căn. Hết thủy thiền pháp thế gian xuất sanh từ đây, bởi thế gọi là “ba thiền căn”. Đại pháp xuất thế gian, ta thường gọi là thiền căn của Bồ Tát. Thiền căn của Bồ Tát chỉ gồm một điều: tinh tấn. Các vị nhất định phải nhớ kỹ chữ “*tinh tấn*”: Tinh là thuần nhất không tạp. Chúng ta học Phật, tu Tịnh Độ, đối với năm kinh một luận, đọc tụng, thọ trì, vì người diễn nói là tinh tấn.

Nếu chúng ta xen tạp những thứ thuộc tông phái khác vào để siêng tu, đó gọi là loạn tấn, tạp tấn, chứ chẳng phải là tinh tấn. Bởi lẽ tinh tấn là thiền căn của Bồ Tát, nên nhất định có thành tựu. Điều này cho thấy thâm nhập một môn rất trọng yếu, thâm nhập một môn gọi là tinh tấn. Căn tánh con người chúng ta hiện thời, phần lớn chẳng bằng cổ nhân, đây là sự thực. Tâm người hiện thời chẳng thanh tịnh như cổ nhân. Có thể nói: Đại đa số tâm cổ nhân là định. Người hiện tại tâm phù động, tháo động; cổ nhân có tâm nhẫn nại, người hiện tại không có tâm nhẫn nại. Nói là cầu cái mới, cầu thay đổi, cầu nhanh chóng, đều là biểu hiện tâm không nhẫn nại.

Bởi thế, người thật sự muốn học, thật sự dụng công đều phải cầu lấy cách tu học đơn thuần, giản tiện, dễ dàng. Bởi thế chẳng mong mỗi những chuyện phức tạp, khó khăn đều là do muốn tránh những thứ đó; do vậy, tuy nói là Tịnh tông chỉ có năm kinh một luận, nhưng nếu chúng ta không có năng lực, thời gian, hiện tại sanh hoạt gian nan, công việc bận rộn, áp lực rất nặng, kiếm không ra thời gian để đọc hết những kinh luận ấy, thọ trì một bộ là được rồi.

Năm kinh một luận là sáu loại, quý vị chọn lấy một loại, một đời chẳng thay đổi, quyết định sẽ thành tựu. Trong sáu thứ ấy đơn giản nhất là Đại Thế Chí Bồ Tát Niệm Phật Viên Thông Chương, hai trăm bốn mươi bốn chữ thôi, có thể bảo đảm quý vị vãng sanh. Kinh ấy là ngắn nhất vậy. Nếu quý vị hỏi kinh ngắn như thế có đáng nhờ cậy không? Vậy là quý vị lại khởi nghi hoặc, lại khởi tranh luận, tự mình mắc hại đó thôi. Quý vị không thấy là khi chúng tôi ấn tống cuốn Niệm Phật Luận của ngài Đàm Hư pháp sư, chúng tôi đã sao lại những lời khai thị của lão nhân gia từ băng thân âm trong kỳ đả Phật thất tại Hương Cảng, in kèm vào sau cuốn Niệm Phật Luận, quý vị hãy xem kỹ:

Ngài kể một người đồ đệ của Đệ Nhị Nhân lão pháp sư là thợ đóng đai thùng, chỉ dùng một câu A Di Đà Phật bèn có thể thành công. Chỉ sáu chữ còn thành công, huống hồ là hai trăm bốn mươi bốn chữ ư? Quý vị còn muốn nghi ngờ nữa chẳng? Đồ đệ ngài Đệ Nhị Nhân niệm một câu A Di Đà Phật suốt ba năm, lão hòa thượng dạy ông ta phương pháp cực diệu: niệm mệt thì nghỉ, nghỉ xong lại niệm tiếp. Quý vị thấy đó: thật là tự tại, chẳng có ước thúc gì. Ông ta thật là chất phác, thành công do chất phác vậy. Ông nghe dạy, y giáo phụng hành, niệm trọn ba năm ông ta thành công, biết trước lúc mất, chẳng sanh bệnh, đứng thẳng vãng sanh. Chết rồi còn đứng đợi thêm ba ngày nữa, đợi sư phụ lo liệu hậu sự cho. Hy hữu quá! Đứng vãng sanh chúng ta từng nghe qua, nhưng đứng suốt ba ngày chưa từng nghe vậy. Ông ta có tài cán đứng được ba ngày, sáu chữ bèn thành công.

Bởi thế, có rất nhiều người đến hỏi tôi: “Thưa sư phụ! Có rất nhiều người nói một bộ kinh quá ít chẳng thể thành công được!” Trong kinh này, đức Phật thuyết minh: Tâm quý vị sanh ngờ vực, khởi các tranh cãi, đây mới là nguyên nhân thật sự khiến chẳng thể thành công. Quý vị phải có lòng tin chân thành, chẳng mảy may nghi ngờ gì, sẽ quyết định thành công. Nếu quý vị nghi sẽ chẳng thành công, nhất định chẳng thành công. Bởi thế, khẩn yếu là “*chẳng có tạp nhiễm*”, nhất định phải gìn giữ tâm thanh tịnh.

Chánh kinh:

Thập giả, ư chư Như Lai xả ly chư tướng, khởi tùy niệm tâm.

(Mười là đối với các Như Lai bỏ lìa các tướng, khởi tâm tùy niệm)

Câu cuối cùng này là đạt đến cứu cánh viên mãn. Chẳng những phải xa lìa các tướng, mà ngay cả Phật tướng cũng phải lìa thì tâm mới rộng sạch. Lúc quý vị làm được như thế, quý vị mới có thể niệm đến Lý Nhất Tâm Bất Loạn; chẳng làm được điều này, chỉ có chín điều trước thì quý vị có thể niệm đến Sự Nhất Tâm Bất Loạn.

Điều này chính là như kinh Kim Cang nói: “*Phàm sở hữu tướng giai thị hư vọng*” (Phàm cái gì có tướng đều là hư vọng). Tướng của Tây Phương Cực Lạc thế giới cũng là hư vọng, cũng chẳng được chấp trước.

Đó là nhập Lý Nhất Tâm, nhập Nhất Chân pháp giới, chính là như đức Phật giảng trong kinh: “*Pháp còn nên bỏ, hướng hồ là phi pháp*”. Chữ “*pháp*” ấy chỉ Phật pháp, Phật pháp còn phải bỏ. Quý vị phải hiểu nghĩa chữ “*bỏ*” đó, chẳng phải là pháp gì ta cũng chẳng cần hết, chẳng cần đến Pháp là quý vị sắp đọa A Tỳ địa ngục rồi! Đừng có chấp trước! Có cần pháp hay là không? Cần chứ! Y giáo phụng hành, trọn chẳng chấp trước.

Chữ “*xả*” có nghĩa là bỏ ý niệm chấp trước, bỏ cái tâm chấp trước. Nói cách khác: Chúng ta phải y pháp, Đấng Giác Bồ Tát vẫn còn y pháp cơ mà! Chẳng hề có đạo lý không y pháp, họ y pháp nhưng chẳng chấp trước pháp, tâm họ thanh tịnh, chẳng có nghi hoặc, chẳng có tranh cãi. Chúng ta y pháp, chấp trước pháp, do vậy khởi nghi hoặc, khởi tranh cãi; thấy trong kinh này Phật nói có, kinh kia Phật nói không, mâu thuẫn quá, rốt cuộc là có hay là không đây? Nổi lòng ngờ vực liền! Chúng ta chẳng có thể đại khai viên giải, trí huệ chưa mở mà!

Phật giảng kinh giống như thầy thuốc, tùy bệnh cho thuốc. Kẻ này chấp trước Hữu, Phật bèn giảng Không cho kẻ ấy; giảng Không với dụng ý phá chấp trước Hữu của kẻ ấy. Còn kẻ kia lại chấp trước Không, thế nên đức Phật giảng Hữu cho kẻ ấy, giảng Hữu để phá Không chấp. Quý vị phải hiểu dụng ý của lời Phật, Ngài giảng cho ai nghe điều gì là nhằm trị bệnh nấy. Quý vị chẳng xét đến, cứ đơn giản nghe đức Phật lúc thì nói không, lúc lại nói có, bèn hoài nghi nào đức Phật Thích Ca Mâu Ni có vấn đề, chẳng được tinh tảo, nên có lúc mới nói năng chẳng có chủ ý nhất định như thế, bởi thế mới nói lung tung. Quý vị phải hiểu nghĩa thú của lời Phật nói!

Bởi thế, với kinh luận, quý vị mới thấy các tổ sư đại đức, thiện tri thức chân chánh răn đe người mới học chẳng được tùy tiện xem kinh, là do ý nghĩa này. Hiện tại, các thiện tri thức như vậy chẳng còn nữa; dù cho là có, người học cũng chẳng nghe theo. Vị giáo sư chân chánh dạy học, chẳng cho quý vị xem kinh là vì lẽ gì? Sợ quý vị xem đến chỗ ấy, quý vị khởi nghi hoặc, khởi tranh cãi, tự mình chuốc lấy nhiều phiền não, rốt cuộc tâm chẳng còn, chỉ có hại không có lợi. Bởi thế, với kinh điển nhà Phật mà được người chỉ dạy, chúng ta tốn ít thời gian mà được lợi ích thật sự.

Chánh kinh:

Di Lạc! Thị danh Bồ Tát phát thập chủng tâm, do thị tâm cố, đương đắc vãng sanh A Di Đà Phật Cực Lạc thế giới.

(Này Di Lạc! Đó gọi là Bồ Tát phát mười thứ tâm. Do những tâm ấy sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà)

Đến đây, Phật nói xong mười thứ tâm, nói với Di Lạc Bồ Tát một câu, một câu nói vô cùng khẳng định, chẳng còn mảy may nghi ngờ chi nữa, sẽ được vãng sanh thế giới Cực Lạc của Phật A Di Đà.

Chánh kinh:

Di Lạc! Nhược nhân u thử thập chủng tâm trung, tùy thành nhất tâm, nhạo dục vãng sanh bỉ Phật thế giới, nhược bất đắc sanh, vô hữu thị xứ.

(Này Di Lạc! Trong mười thứ tâm này, nếu ai thành được một tâm, muốn vãng sanh thế giới đức Phật ấy, mà chẳng được sanh thì chẳng có lẽ ấy!)

“*Tùy thành nhất tâm*” là như ở phần trên chúng tôi đã nói: “*Một chính là hết thấy*”, kinh Di Đà gọi là “*nhất tâm bất loạn*”, thế nào là nhất tâm? Viên mãn đầy đủ là nhất tâm. Đầy đủ bất cứ một tâm nào sẽ trọn đủ chín tâm kia, đó chính là một tức là nhiều, nhiều tức là một, đây gọi là “*nhất tâm*”.

Đã có từ tâm, sao chẳng có bi tâm cho được? Chân chánh từ bi tự nhiên hộ trì chánh pháp, tự nhiên đắc thắng hẳn đối với hết thảy pháp, đó là đạo lý nhất định. Cái tâm ấy viên mãn, cho nên “*tùy thành một tâm*” chính là như kinh Đại Thừa thường nói “*nhập bất nhị pháp môn*”, chẳng hai là một. Người như vậy ắt phải có một nguyện vọng: mong mọi vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Như chẳng được vãng sanh, quyết chẳng có lẽ ấy! Đến đây là xong phần kinh văn Chánh Tông. Tiếp theo đây là phần Lưu Thông của kinh này.

---o0o---

IV. LƯỢC GIẢI KINH VĂN

C. Lưu Thông Phần

* Kinh này tên là Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo, còn gọi là Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn

Chánh kinh:

Nhĩ thời, tôn giả A Nan bạch Phật ngôn:

- Hy hữu Thế Tôn! Nãi năng khai thị, diễn thuyết Như Lai chân thật công đức, phát khởi Bồ Tát thù thắng chí nhạo.

(Lúc bấy giờ, tôn giả A Nan bạch Phật rằng:

- Đức Thế Tôn hy hữu, bèn có thể khai thị, diễn thuyết công đức chân thật của Như Lai như thế, phát khởi chí hướng, lòng ưa thích thù thắng cho Bồ Tát)

Điều được kinh này khai thị từ đầu cho đến cuối là “*công đức chân thật của Như Lai*”. Ngài chẳng nói là công đức chân thật của chư Phật; nếu nói là công đức chân thật của Phật, chưa chắc chúng ta đã có đầu nghe! Nói “*chư Phật*” là nói trên mặt Sự; nói Như Lai là luận trên mặt Lý, từ mặt Tánh mà nói. Đây là những công đức chân thật của tự tánh chúng ta, chẳng khác biệt gì. Quý vị nói: Tôi có cần phải tu hay chẳng? Người ta thì khác, tôi có sẵn lòng tu hay không? Nơi chính mình, không tu cũng vậy, có tu cũng vậy, công đức nơi tự tánh mà! Vậy thì quý vị đã minh tâm kiến tánh hay chưa?

Kiến tánh thì công đức tự tánh sẽ hiện tiền viên mãn. Trong kinh đức Phật giảng, từng chữ, từng câu đều là tự tánh công đức, chứ chẳng phải là gì khác! Nếu Bồ Tát giác ngộ nhất định sẽ phát khởi “*chí hướng, lòng ưa thích thù thắng*”. “*Chí*” là thệ nguyện, “*Nhạo*” là yêu thích, hoan hỷ vậy! Quý vị nhất định vui vẻ làm, nhất định vui vẻ cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới là chí nhạo thù thắng của Bồ Tát.

Một lần nữa, vì sao chúng tôi muốn chọn giảng kinh này? Thật ra là vì thấy trong mấy năm, quý vị rất dụng công nơi Tịnh tông, rất nghiêm cẩn đọc tụng, niệm Phật, tu trì, nhưng chưa có thành tích. Giống như học sinh đọc sách, đọc rất nhọc nhằn, rất gắng sức, nhưng thi rớt mãi. Vấn đề rất nghiêm trọng vậy! Căn bệnh là do đâu? Chúng ta phải tìm cho ra, bởi thế mới dùng hai bộ kinh để đối trị căn bệnh ấy.

Chúng tôi chọn giảng kinh Kim Cang với mục đích khiến quý vị hiểu rõ chân tướng sự thật, chân tướng của nhân sanh vũ trụ, dạy quý vị thấy rỗng toang, buông xuống thì về mặt công phu có thể đột phá được những chướng ngại đối với việc niệm Phật. Bộ kinh này giảng về cách đoạn phiền não, tập khí, trong sanh hoạt thường

nhật, trong lúc làm việc, xử thế, đãi người, tiếp vật, bất tri bất giác phạm rất nhiều bệnh, nếu với những bệnh ấy mà chẳng giác ngộ, sửa lỗi đổi mới, thì vẫn tạo thành chướng ngại y như cũ. Bởi vậy, kinh Kim Cang là phá chướng ngại trên mặt Lý, kinh này phá chướng ngại trong những sinh hoạt vận vật thường ngày. Hy vọng công phu niệm Phật của quý vị thuận buồm xuôi gió! Mục đích giảng kinh của chúng tôi là vậy. Bởi lẽ kinh văn chỉ quý Cục Lạc rất rõ rệt vậy, đừng cho là thừa thãi, chẳng phải là kinh thích hợp cho tông mình.

Tông mình chỉ có năm kinh một luận, sao lại dính thêm những thứ khác, tôi vừa mới nói rồi, những sách giáo khoa thuộc tông khác, nếu giúp ích cho chúng ta, chúng ta có thể tuyền tu cơ mà! Tuy chẳng phải là chủ tu (tu chính yếu) chúng ta nhất định phải nghiêm túc tuyền tu, cái gì chẳng tương ứng tông mình, chúng ta chẳng tu thứ ấy. Kinh này tương ứng với tông chúng ta.

Chánh kinh:

Thế Tôn! Đương hà danh thử kinh, ngã đẳng vân hà thọ trì?

(Bạch Thế Tôn! Nên đặt tên kinh này như thế nào, chúng con thọ trì như thế nào?)

Đây là điều chẳng thể thiếu trong phần Lưu Thông, nhất định phải hỏi – xin Phật dạy tên kinh. Kinh này tương lai kết tập, lưu truyền nên dùng danh xưng nào? Danh xưng ấy do đức Phật đặt.

Chánh kinh:

Phật cáo A Nan ngôn:

- Thử kinh danh vi Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo.

(Phật bảo A Nan rằng:

- Kinh này tên là Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo).

Tên kinh do đức Phật nói.

Chánh kinh:

Diệc danh: Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn.

(Cũng có tên là Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn)

Bởi vậy, nếu đề là Di Lạc Bồ Tát Sở Vấn (những câu hỏi của Bồ Tát Di Lạc) cũng là cùng một bộ kinh. Bộ kinh này có hai tên.

Chánh kinh:

Dĩ thị danh tự, như đương thọ trì.

(Dùng danh tự ấy, ông nên thọ trì)

Tên của kinh là tổng cương lĩnh của toàn kinh. Bởi lẽ, từ tên kinh, quý vị có thể nhận hiểu kinh này giảng về nghĩa lý nào, tông chỉ là đâu, chúng ta phải nên thọ trì như thế nào.

Chánh kinh:

Phật thuyết thử kinh dĩ, Di Lạc Bồ Tát cập chư Thanh Văn, nhất thiết thế gian: thiên, nhân, a-tu-la, càn-thát-bà đẳng.

(Phật nói kinh này xong, Di Lạc Bồ Tát và các Thanh Văn, hết thảy thế gian: trời, người, a-tu-la, càn-thát-bà v.v...)

Thính chúng tham gia pháp hội trong lúc ấy.

Chánh kinh:

Văn Phật sở thuyết, giai đại hoan hỷ, tín thọ phụng hành.

(Nghe lời Phật dạy đều hoan hỷ lớn, tin nhận vâng làm)

Câu cuối cùng rất khẩn yếu. Nghe xong chẳng phải tan hội là rồi, chẳng phải vậy! Ra về phải tin nhận phụng hành. A! Nghe xong thật sự tin tưởng. “*Thọ*” là minh bạch, giác ngộ, tiếp nhận hoàn toàn, y giáo phụng hành. Từ nay trở đi, khởi tâm động niệm, nói năng, hành động đều lấy kinh này làm tiêu chuẩn, quyết định chẳng trái nghịch lời Phật dạy dỗ, mới là đệ tử Tam Quy chân chánh của đức Phật vậy!

Lược Giảng kinh Phát Khởi Bồ Tát Thù Thắng Chí Nhạo hết

(Bửu Quang tự đệ tử Như Hòa dịch xong ngày 15 tháng 07 năm 2004)

(1) Nơi dành riêng để bề quan gọi là quan phòng.

(2) Quải đơn: Đơn là một tấm gỗ dài, rộng vừa đủ cho một người nằm. Trong các tòng lâm, dùng đơn thay giường. Khi một vị tăng đến nhập chúng trong một tòng lâm để tham học, thì vị tri chúng kê thêm đơn cho người ấy trong tăng phòng, gọi là “quải đơn”, nay được dùng với nghĩa rộng là xin vào tu trong một ngôi tự viện nào. Khi vị tăng ấy đi tham học nơi khác thì gọi là “trừu đơn” (rút đơn).

---o0o---